Tích Truyện Pháp Cú - 2 [Buddhist Legends] (Eugène Watson Burlingame; Thiền viện Viên Chiếu dịch)

Kinh Pháp Cú — các bản dịch & giảng giải

VII. Phẩm A-La-Hán 1. Đấng Như Lai Không Đau Khổ

Đích đã đến không sầu ...

Do câu hỏi của Jìvaka, Thế Tôn đã dạy như trên ở rừng xoài Jìvaka.

Đề-bà-đạt-đa hợp lực với vua A-xà-thế âm mưu giết Phật. Ông lên ngọn Linhthứu lăn một tảng đá xuống, va vào vách núi, vỡ ra một mảnh bắn vào chân Thế Tôn làm chảy máu. Các Tỳ-kheo đưa Ngài đến Maddakucchi, và sau đó đến rừng xoài theo ý Ngài muốn. Jìvaka hay tin liền đến tức thì, đắp thuốc và băng vết thương. Vì có bệnh nhân đang chờ trong thành, ông xin đi ngay, hẹn sẽ trở về tháo băng. Nhưng khi trở về cổng thành đã đóng, ông lo lắng vì nếu không tháo băng

đúng giờ, Thế Tôn sẽ chịu đau nhức dữ dội. Ngay khi đó Phật biết được ý nghĩ của ông liền bảo A-nan tháo băng. Vết sẹo biến mất tức khắc như vỏ cây bị bóc ra. Sáng sớm Jìvaka về đến, nôn nóng hỏi thăm Phật có thấy đau đớn không, và được trả lời:

- Jìvaka, Như Lai đã dập tắt mọi phiền não ngay khi lên ngôi Chánh Giác.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(90) Đích đã đến, không sầu, Giải thoát ngoài tất cả, Đoạn trừ mọi buộc ràng, Vị ấy không nhiệt não.

2. Thoát Khỏi Trói Buộc

Tự sách tấn, chánh niệm ...

Thế Tôn đã dạy câu trên, liên quan đến Trưởng lão Đại Ca-diếp tại Trúc Lâm.

Mãn hạ tại Vương Xá, Thế Tôn loan tin cho các Tỳ-kheo biết sau nửa tháng sẽ khất thực, có nghĩa là các Tỳ-kheo sẽ đi tráng rửa bình bát, nhuộm y và sẽ thong dong lên đường khất thực.

Trong khi đó thì Trưởng lão Đại Ca-diếp lại đi giặt y. Các Tỳ-kheo thấy thế có vẻ dè bỉu, vì một trăm tám mươi dân trong thành này nếu không là bà con thì cũng là thí chủ của Trưởng lão, dễ gì Ngài từ chối sự cúng dường của họ, và dù Ngài có theo Thế Tôn lên đường cũng chẳng đi xa hơn hang Màpamàda. (Có tên như thế khi Phật du hành đến hang này, thường bảo các Tỳ-kheo "Các ông có thể

trở về, chớ có buông lung").

Quả vậy, đức Phật thấy không thể để tinh xá trống không, nhất là vào dịp lễ lạc hay rủi có tai ách, nên đã bảo Trưởng lão mang đệ tử quay trở về. Các Tỳ-kheo lại xầm xì:

- Này chư huynh đệ có thấy không? Chúng ta chẳng đoán là Ca-diếp giặt y, không theo Thế Tôn sao? Thật quả như rằng!

Việc đến tai Thế Tôn và Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo! Các ông nói Ca-diếp bị trói buộc vào thân quyến và tứ sự cúng dường, trong khi sự thật ông trở về là vì vâng lệnh ta. Trong tiền kiếp ông đã phát nguyện sẽ như mặt trăng thoát khỏi mọi sự trói buộc, và ông cũng nguyện đến

gần các thí chủ. Ca-diếp không hệ lụy vào đàn-na hoặc của tín thí. Nhân chuyện Ca-diếp, ta thuyết cho mọi người Đạo như đường đi của mặt trăng, Đạo của những bậc Tuyển Chọn cao quí.

Theo lời yêu cầu của các Tỳ-kheo, Phật kể lại chuyện quá khứ một trăm ngàn năm kiếp trước, thời Phật Padumuttara (trong Trưởng lão Tăng kệ). Và Phật xác nhận Ca-diếp, đệ tử của Phật, không dính mắc vào người cúng dường, của cúng dường, tinh xá cũng như tịnh thất; như con ngỗng chúa xuống hồ bơi lội tự tại trong đó.

Và Phật nói Pháp Cú:

(91) Tự sách tấn, chánh niệm, Không thích cư xá nào, Như ngỗng trời rời ao. Bỏ sau mọi

trú ẩn.

3. Một Tỳ Kheo Trữ Thức Ăn

Tài sản không chất chứa ...

Khi ngụ ở Kỳ Viên, Thế Tôn đã dạy như trên, liên quan đến Tôn giả Belatthisìsa.

Tôn giả Trưởng lão này thấy việc khất thực hằng ngày phiền toái. Sau khi đi một vòng khất thực trong làng, ông thọ thực, rồi lại đi khất thực tiếp qua con đường khác, nhận cơm không có nước xốt hay cà-ri, mang về tinh xá cất để dành. Các Tỳ-kheo biết được phàn nàn với Thế Tôn. Phật bèn công bố luật cấm chư tăng tích trữ thức ăn. Nhưng vì Trưởng lão đã phạm lỗi trước khi chế

luật nên vô tội. Nhân đó Phật đọc Pháp Cú:

(92) Tài sản không chất chứa, Ăn uống biết liễu tri, Tự tại trong hành xứ, "Không, vô tướng, giải thoát, Như chim giữa hư không, Hướng chúng đi khó tìm".

4. Tỳ Kheo Và Nữ Thần

Ai lậu hoặc đoạn sạch ...

Nhân chuyện Trưởng lão Anuruddha, Thế Tôn đã dạy câu trên tại Trúc Lâm.

Ba kiếp trước Trưởng lão có người vợ nay tái sanh vào cõi trời Ba mươi ba là

nữ thần Jàlinì. Khi thấy Trưởng lão bới đống rác tìm vải để thay chiếc y rách, nữ thần lấy ba tấm vải trời dài mười ba cubit, rộng bốn cubit, vùi vào đống rác, chỉ để lộ ra mép vải viền mà thôi. Trưởng lão thấy được, lôi ra và thầm nhủ đây là một đống rác đặc biệt.

Vào ngày may y, Thế Tôn đến tinh xá với năm trăm Tỳ-kheo. Ngài ngồi xuống và tám mươi đệ tử cùng ngồi tiến hành việc may y. Ca-diếp ngồi may phần chân, Xá-lợi-phất ở

giữa, A-nan phần đầu. Tăng chúng kéo chỉ, Thế Tôn xỏ kim và Mục-kiền-liên tới lui cung cấp mọi thứ cần dùng.

Nữ thần vào làng khuyến khích dân cư cúng dường cháo và các thức ăn khác. Trong bữa ăn Mục-kiền-liên dâng những miếng táo hồng thật to, nhưng năm trăm

Tỳ-kheo không ai ăn nổi. Đế Thích vẽ một vòng quanh chỗ may y, mặt đất như nhuộm sữa, các Tỳ-kheo dùng xong mà thức ăn vẫn còn hằng đống. Họ phàn nàn với nhau:

- Tăng chúng chẳng bao nhiêu mà sao thức ăn quá nhiều? Chắc là Anuruddha muốn phô trương thân thuộc và thí chủ của mình!

Thế Tôn hỏi, và được họ kể lại, bèn dạy:

- Các Tỳ-kheo! Anuruddha đệ tử Ta không làm vậy đâu. Người thoát khỏi tham dục không phí thì giờ bàn về lợi dưỡng, thực phẩm cúng dường này đều do thần lực của thiên nữ.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(93) Ai lậu hoặc đoạn sạch, Ăn uống không tham đắm, Tự tại trong hành xứ, Không, vô tướng, giải thoát, Như chim giữa hư không, Dấu chân thật khó tìm.

5. Đế Thích Lễ Kính Một Tỳ Kheo

Ai nhiếp phục các căn ...

Thế Tôn đã dạy câu trên tại Pubbàràma, liên quan đến Trưởng lão Đại-ca-chiên- diên (Kaccàyana).

Xưa, nhân dịp bế mạc lễ hội, Thế Tôn ngự tại tầng trệt tòa lâu đài của mẹ Migàra, hội chúng cư sĩ tiếng tăm vây quanh. Trưởng lão Đại-ca-chiên-diên

thuở đó ngụ tại Avanti. Dù đường sá xa xôi, Ngài vẫn thường đến nghe pháp, do đó các Đại Trưởng lão vẫn dành một chỗ cho Ngài.

Thiên chủ Đế Thích cũng đến dự cùng chư thiên từ hai cõi trời, lễ kính Thế Tôn với thiên hương và thiên hoa. Không thấy Đại-ca-chiên-diên, ông lo lắng tìm kiếm. Ngay lúc ấy Trưởng lão xuất hiện và ngồi vào chỗ dành sẵn. Đế Thích trông thấy, ôm chặt mắt cá chân của Trưởng lão, mừng rỡ:

- Ôi! Trưởng lão tôn quý đã đến! Con chỉ mong có bấy nhiêu đó thôi!

Rồi vua trời xoa chân Ngài với hai tay, lễ kính với hương hoa, cúi lạy và cung kính đứng một bên.

Các Tỳ-kheo bực mình vì thấy Đế Thích thiên vị, không tôn kính các Trưởng lão khác. Thế Tôn nghe họ nói, bèn dạy:

- Này các Tỳ-kheo! Các Tỳ-kheo như là đệ tử, Ta là Đại-ca-chiên-diên, hộ trì các căn nên được trời và người đều tôn kính.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(94) Ai nhiếp phục các căn, Như đánh xe điều ngự, Mạn trừ, lậu hoặc dứt, Người vậy, chư thiên mến.

6. Tưởng Mình Bị Khi Dễ

Như đất, không hiềm hận ...

Ở Kỳ Viên, Thế Tôn đã dạy câu trên từ chuyện Trưởng lão Xá-lợi-phất.

Vào cuối một mùa mưa, Trưởng lão Xálợi-phất lên đường khất thực với các đệ tử sau khi đảnh lễ Thế Tôn; nhiều Tỳkheo khác cũng chào từ giã Trưởng lão. Ngài gọi và họ các Tỳ-kheo quen biết, một vị Tỳ-kheo cũng mong được Trưởng lão gọi tên, nhưng tiếc thay Ngài không chú ý tới ông giữa số Tỳ-kheo đông đảo, ông sanh lòng căm ghét Trưởng lão. Thêm vào đó viền y của Trưởng lão chạm phải ông làm tăng thêm niềm căm hận. Trưởng lão vừa ra khỏi cổng tinh xá, ông đến ngày Thế Tôn bạch:

- Bạch Thế Tôn! Tôn giả Xá-lợi-phất vì nghĩ mình là Đại đệ tử của Phật đã đánh con một cú muốn sút lỗ tai, rồi chả thèm xin lỗi, lên đường khất thực.

Thế Tôn gọi Trưởng lão đến Mục-kiềnliên và A-nan nghĩ rằng Thế Tôn chưa hiểu sự tình và dĩ nhiên Xá-lợi-phất sẽ rống tiếng rống của sư tử.

Cả hai quyết định nhóm chúng. Sẵn chìa khóa, họ mở cửa liêu kêu gọi một số đông các Tỳ-kheo. Trưởng lão Xá-lợiphất đến, cùng với các Tỳ-kheo còn lại đảnh lễ Thế Tôn và cung kính ngồi một bên. Khi Thế Tôn hỏi, thay vì xác nhận tôi không đánh, Trưởng lão kể lại công hạnh của mình:

- Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo nào không quán thân, xin nghe những điều con nói và lấy đó làm bạn đồng hành, mang theo trên đường đi khất thực.

Rồi Ngài tiếp:

- Bạch Thế Tôn! Người ta liệng những vật sạch trên đất và cũng liệng những vật dơ trên đất.

Rồi Ngài so sánh tâm định tĩnh của Ngài như đất, như bò bị cưa sừng, như thanh niên Chiên-đà-la, như nước, lửa, gió, giẻ lau; thân chịu áp bức như bị rắn và thây chetp áp bức, xem thân như cục thịt mỡ.

Khi Trưởng lão mô tả công hạnh của Ngài qua chín lối so sánh, đại địa rúng động chín lần liên tiếp đến tận mé biển. Khi Ngài so mình với giẻ lau, hạng Chiên-đà-la, cục thịt mỡ, những Tỳ-kheo chưa chứng Sơ quả không cầm được nước mắt, những vị chứng A-la-hán thì tràn trề pháp vị.

Vị Tỳ-kheo vu cáo sai trái nghe kể công hạnh của Trưởng lão, ăn năn vô cùng.

Ông ta phục xuống chân Phật thú tội, nhận rằng mình đã cáo gian. Phật liền khuyên Trưởng lão hay tha thứ cho kẻ gian dối này để đầu ông ta khỏi bể làm bảy mảnh. Trưởng lão cúi mình trước ông ta rồi chấp tay cung kính bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, con sẵn lòng tha lỗi cho Tôn giả Tỳ-kheo này. Và xin Tôn giả cũng tha thứ cho con, nếu con có làm ông phiền lòng.

Các Tỳ-kheo tán thán lòng độ lượng quá tuyệt của Xá-lợi-phất. Thế Tôn nghe được liền bảo:

- Không thể có chuyện sân hận và thù ghét đối với Xá-lợi-phất và những người như ông ấy. Tâm của Xá-lợi-phất giống như đại địa, giống như ngưỡng cửa, như hồ nước lặng.

Nói xong Phật đọc Pháp Cú:

(95) Như đất, không hiềm hận, N trì, Như hồ, không bùn nhơ, Không luân hồi, vị ấy.

7. Mất Một Mắt

Người tâm ý an tịnh ...

Tại Kỳ Viên, Phật đã dạy câu trên liên quan đến một Sa-di của Trưởng lão Tissa.

Một thanh niên vọng tộc ở Kosambi xuất gia thành Sa-môn trong giáo đoàn của Phật. Làm xong bổn phận, ông được danh xưng Trưởng lão Kosambivàsi Tissa. Thí chủ của ông cúng dường ba y

với mật, đường, đặt dưới chân. Ông hỏi:

- Gì thế, cư sĩ?

Họ thưa:

- Bạch Tôn giả, Ngài đã ở đây với chúng con suốt mùa mưa, ai như thế đều được cúng dường. Xin hãy nhận, Tôn giả!

- Đừng quan tâm, cư sĩ. Tôi không cần dùng. Tôi không có Sa-di để làm những việc tạp dịch cho tôi, đạo hữu ạ.

- Bạch Tôn giả, nếu thế con trai con sẽ làm Sa-di cho Ngài.

Trưởng lão vui lòng nhận phẩm vật. Cư sĩ đem đứa con lên bảy tuổi giao phó cho Trưởng lão xin được nhận vào Tăng đoàn. Trưởng lão cạo tóc cho chú, dạy

thiền quán trên năm yếu tố đầu của thân, và nhận chú vào Tăng đoàn. Ngay khi lưỡi dao chạm vào tóc, chú chứng A-lahán cùng những thần thông.

Trưởng lão ở lại đó nửa tháng, rồi sai Sadi lấy những món cần dùng, lên đường thăm Thế Tôn. Trên đường đi ông ghé vào một tinh xá. Chú Sa-di lo kiếm chỗ cho Trưởng lão nghỉ, sửa soạn sắp xếp xong thì trời tối, chú không thể kiếm chỗ cho mình. Thấy đệ tử chưa có chỗ, Trưởng lão cho chú vào phòng ngủ tiện hơn là ngủ bên ngoài, nơi dùng cho khách. Bấy giờ Trưởng lão chưa chúng quả Dự lưu, nằm xuống ông ngủ ngay. Riêng chú Sa-di phải ngồi kiết già gần giường thầy suốt đêm, tính đến hôm nay là ngày thứ ba chú ở chung phòng với thầy nên không dám nằm xuống ngủ, vì sợ phạm lỗi ngủ chung.

Sáng ra Trưởng lão thức dậy cầm quạt để sẵn trên giường, đập đầu lá cọ trên chiếu của chú Sa-di rồi ném quạt bảo:

- Sa-di, dậy đi!

Cán quạt trúng vào mắt làm đui luôn mắt chú. Chú vẫn bình tĩnh thưa hỏi lại:

- Thưa Tôn giả, Ngài dạy gì?

- Dậy đi ra!

Chú vẫn im lặng, ôm mắt đi ra. Đến giờ làm bổn phận chú không hé môi nói con mắt của mình bị đui, cũng không ngồi lại, một tay che mắt, một tay cầm chổi, chú quét cầu tiêu, phòng tắm, rồi tiếp tục múc nước rửa mặt, quét phòng cho thầy. Nhưng khi đưa tăm cho thầy, chú đưa một tay. Trưởng lão quở:

- Chú tiểu này chưa được dạy đàng hoàng. Có Sa-di nào đưa tăm cho thầy mà đưa một tay không?

- Bạch Tôn giả, con biết rõ phải làm sao cho đúng, nhưng một tay con không được tự do.

- Có việc gì thế, Sa-di?

Chú kể lại sự việc, Trưởng lão nghe xong quá ư xúc động, thấy mình đã gây một việc rất tệ hại.

Ông bảo chú:

- Tha lỗi cho tôi, chú bé tuyệt vời! Tôi không được biết. Hãy cho tôi được nương tựa!

Và ông cung kính đảnh lễ Sa-di mới lên

bảy. Chú thưa:

- Không phải vì muốn được như thế mà con nói ra, thưa Tôn giả. Con nói ra để Ngài khỏi phải lo lắng. Ngài không có lỗi trong việc này, kể cả con nữa. Chỉ có luân hồi gây ra tội lỗi này. Vì con muốn Ngài khỏi phải ăn năn, nên con đã không nói sự thật với Ngài ngay từ đầu.

Chú cố gắng khuyên giải Trưởng lão nhưng không được. Quá ân hận, Trưởng lão lấy những món tùy thân của Sa-di rồi đến gặp Thế Tôn. Phật đang ngồi trên tòa thấy Trưởng lão tiến đến, hỏi:

- Tỳ-kheo, mọi việc tốt đẹp chứ? Chắc ông không có gì phiền phức?

Trưởng lão thưa:

- Bạch Thế Tôn, đối với con không có gì phiền hà, nhưng ở đây có chú tiểu đức hạnh tuyệt vời, con chưa từng thấy.

Và Trưởng lão thuật chuyện cho Phật nghe.

Phật bảo:

- Tỳ-kheo! Người thoát khỏi dục lậu không còn sân giận hận thù bất cứ ai, trái lại tâm ý đều an tịnh.

Và Ngài nói Pháp Cú:

(96) Người tâm ý an tịnh, Lời an, nghiệp cũng an, Chánh trí, chân giải thoát, Tịnh lạc là vị ấy.

8. Không Tin Vào Ai Khác

Không tin vào ai khác ...

Thế Tôn đã dạy câu này tại Kỳ Viên, về Trưởng lão Xá-lợi-phất.

Một hôm ba mươi tu sĩ ở rừng đến gặp Phật, đảnh lễ và ngồi xuống. Phật nhận thấy họ đủ duyên lành chứng A-la-hán, hỏi Xá-lợi-phất:

- Xá-lợi-phất! Ông có tin rằng tín lực khi được khai mở và phát triển, sẽ đưa đến bất tử không?

Trưởng lão đáp:

- Con không hành trì dựa theo niềm tin vào Thế Tôn, cho rằng tín lực khi được khai mở và phát triển sẽ đưa đến Bất tử

và thành tựu Bất tử. Nhưng dĩ nhiên, bạch Thế Tôn, ai chưa biết về Bất tử hoặc chưa thấy, chưa nhận ra được, chưa thấu hiểu, chưa nắm Bất tử bằng trí lực, những người như thế cần phải hành trì dựa theo niềm tin vào người khác, nghĩa là với tín lực, khi được khai mở và phát triển sẽ đưa đến Bất tử và thành tựu Bất tử.

Các Tỳ-kheo nghe thế bảo nhau:

- Trưởng lão Xá-lợi-phất chưa thực sự dứt sạch tà kiến. Đến bây giờ Ngài còn phủ nhận niềm tin vào đấng Toàn Giác.

Phật nghe vậy dạy rằng:

- Các Tỳ-kheo! Tại sao các ông nói thế? Khi Ta hỏi Xá-lợi-phất: "Ông có tin rằng không khai triển ngũ lực, không khai

triển định huệ, có thể chứng đạt đạo quả chăng?" Và ông ta đã trả lời: "Như thế không thể chứng được đạo quả". Rồi Ta hỏi: "Ông có tin phước báo do bố thí và thiện nghiệp chăng? Ông không tin vào công hạnh của chư Phật và những phước đức khác sao?" Nhưng thực tế Xá-lợiphất không hành trì dựa theo niềm tin vào người khác mà chính ông tự chứng đạt đạo quả bằng huệ lực có từ thiền định. Do đó ông ta không thể bị khiển trách.

Và Phật nói Pháp Cú:

(97) Không tin vào ai khác, Thấu triệt lý vô vi, Nhân tái sanh cắt đứt, Thiện ác đều không màng, Đã xả ly tham ái, Vị ấy thật tối thượng.

9. Trưởng Lão Revata Trong Rừng Heo

Làng mạc hay rừng núi ...

Câu này Thế Tôn dạy tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Khadiravaniya Revata.

9A. Revata Đi Tu

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất từ bỏ gia tài tám trăm bảy mươi triệu trở thành Tỳ-kheo, ba người chị của Ngài là Càlà, Upacàlà và Sìsùpacàlà cùng với hai em trai Canda và Upasena đều đi tu, chỉ còn em út là Revata, tức Ly-bà-đa ở nhà. Nghĩ rằng nếu chú út Ly-bà-đa cũng đi tu nốt thì tất cả gia tài này sẽ tiêu tan, gia

đình sụp đổ, nên bà mẹ định cưới vợ cho chú dù hãy còn nhỏ. Trưởng lão Xá-lợiphất có lẽ đoán biết trước nên có căn dặn các Tỳ-kheo khi Ly-bà-đa xin đi tu thì chấp nhận ngay, vì cha mẹ còn giữ tà kiến không thể xin phép họ, Trưởng lão là cha mẹ của Ly-bà-đa.

Ly-bà-đa lên bảy thì được mẹ sửa soạn cưới vợ là một cô gái nhà lành. Ngày cưới đã định, với trang phục đẹp đẽ và trang sức đắt tiền, chú dẫn đoàn tùy tùng đến nhà gái. Thân tộc hai họ đặt vào tay cô dâu chú rể một bình nước, chúc mừng và bảo cô dâu:

- Chúc cô được như bà nhé! chú cô sống lâu như bà nhé!

Ly-bà-đa thắc mắc không hiểu "bà" là ai, và giống bà là sao. Họ chỉ một bà lão

trên một trăm hai mươi tuổi rụng hết răng và tóc bạc, mặt mũi nhăn nhúm, nốt ruồi đầy mình, lưng cong như nóc nhà hình chóp uốn. Chú hỏi lại cho chắc:

- Nhưng vợ tôi có ngày cũng giống như thế à?

- Đúng vậy, nếu cô ta sống dai.

Revata nghĩ thầm: "Vợ ta kiều diễm như thế, già đi thì xấu xí như vậy, chắc là anh Upatissa cũng thấy sự biến đổi này, chắc là ta phải bỏ chạy đi tu thôi!".

Thế là Ly-bà-đa quyết định ngay. Cùng cô dâu lên kiệu đi một đoạn đường, chú bảo kiệu ngừng xuống cho chú đi vệ sinh. Chú chạy vội vào một bụi cây, ở đó một lúc, xong trở lại lên kiệu. Lần thứ

hai rồi lần thứ ba, họ hàng riết rồi chẳng ai thèm để ý nữa. Lần cuối, họ cứ đi trước không thèm chờ chú. Ly-bà-đa trốn thoát và đến chỗ ba mươi Tỳ-kheo đang sống gần đó, đảnh lễ họ thưa xin được nhận vào Tăng đoàn. Họ thấy chú trang sức quá đẹp, không biết là con vua hay con quan nên ngần ngừ. Chú khẩn khoản:

- Chư Tôn giả không nhận ra con sao? Con là em út của Upatissa.

Họ ngơ ngác hỏi:

- Upatissa là ai?

- Chư Tôn giả, phải rồi. Các Tỳ-kheo gọi anh con là Xá-lợi-phất nên không biết tên Upatissa.

- Chú là em út của Xá-lợi-phất à? Vậy thì đến đây! Anh chú đã giao phó cho chúng tôi việc này.

Rồi họ tháo bỏ châu báu trên người chú, nhận chú vào Tăng đoàn và nhắn tin đến Trưởng lão. Ngài đến gặp Phật và xin đi thăm em, lần thứ nhất và lần thứ hai đức Phật đều chưa cho phép mà hẹn sẽ cùng đi thăm các Tôn giả sau.

Sa-di Ly-bà-đa đang sợ rằng ở đây bà con sẽ kéo đến bắt về nhà, nên chú xin các Tỳ-kheo dạy đề mục thiền quán hướng đến quả vị A-la-hán, rồi giã từ các Tỳ-kheo, đắp y ôm bát lên đường khất thực.

Hành trình suốt ba mươi dặm, chú đến khu rừng keo, ở lại đó hết mùa mưa, và chứng A-la-hán cùng các thần thông

trước khi mãn hạ.

9B. Đức Phật Thăm Ly-Bà-Đa.

Sau lễ Tự Tứ, Trưởng lão Xá-lợi-phất lại đến xin Phật cho đi thăm em, lần này được chấp thuận. Phật cùng lên đường với năm trăm Tỳ-kheo. Được một đoạn ngắn, đến ngã ba, Trưởng lão A-nan bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có hai đường đi đến chỗ Ly-bà-đa. Một đường an toàn dài sáu mươi dặm, có người ở, và đường kia thẳng tắp, dài ba mươi dặm, có ác thần quấy nhiễu. Chúng ta sẽ đi lối nào?

Phật hỏi lại:

- Này, A-nan! Có Sìvali đi với chúng ta không?

- Dạ có, bạch Thế Tôn!

- Thế thì giá nào cũng phải đi đường thẳng.

Thay vì nói "Ta bảo đảm các ông sẽ được cung cấp súp và cơm, hãy đi đường ngắn", Phật lại bảo đi đường thẳng nếu có Sìvali, vì Ngài biết các Tỳ-kheo sẽ được cúng dường do phước báo từ một thiên nghiệp.

Ngay khi Thế Tôn đặt chân lên đường, thần rừng bảo nhau sẽ lễ kính Sìvali. Họ dựng nhà nghỉ ở mỗi dặm trên suốt con đường. Các Tỳ-kheo chưa đi xa hơn một dặm thì họ đã dậy sớm lấy súp, cơm và những thức ăn khác từ trời đến tìm Trưởng lão Sìvali. Trưởng lão dâng lên Phật cùng chúng Tăng những món họ cúng dường cho Ngài. Như thế Phật cùng

Tăng chúng hành trình suốt ba mươi dặm vừa xa vừa khó khăn, và hưởng đủ phước báo dành cho Trưởng lão Sìvali.

Biết Thế Tôn đến, Trưởng lão Ly-bà-đa đã dựng ngay một hương thất cho Phật bằng thần lực, năm trăm nhà ở có tháp, năm trăm lối đi có mái che và năm trăm chỗ ở đêm và ngày cho các Tỳ-kheo. Thế Tôn ở đây trọn một tháng như khách của Trưởng lão Ly-bà-đa, hưởng phước báo từ công đức của mỗi một mình Trưởng lão Sìvali.

Có hai Tỳ-kheo già cũng đến đó, thấy thế thắc mắc, làm sao Ly-bà-đa có thể hành thiền khi bận rộn với biết bao công trình xây dựng mới này. Họ cho rằng Thế Tôn đã tỏ ra thiên vị em út của Xá-lợi-phất.

Thế Tôn sáng sớm quan sát thế gian,

thấy hai Tỳ-kheo này cùng với ý nghĩ của họ. Vì thế ngày họ ra khỏi rừng, Phật khiến họ quên mang theo đồ đựng dầu, bình nước và giày. Họ vừa ra khỏi cổng tinh xá, Phật thi triển thần thông. Lập tức hai Tỳ-kheo đó kêu lên:

- Tôi để quên cái này, quên cái nọ.

- Chết! tôi cũng vậy.

Cả hai trở lại chỗ cũ tìm kiếm quanh quất. Gai keo đâm quẹt chân cẳng họ mà chẳng thấy đồ đạc để đâu, cuối cùng họ bắt gặp treo trên cành cây keo.

Thế Tôn và Tăng chúng ở đó thêm một tháng nữa, cũng hưởng phước báo từ công đức của Sìvali, rồi đến ngụ ở Pubbàràma. Hai Tỳ-kheo già kia sáng sớm rửa mặt xong đến nhà thí chủ Tỳ-xá-

khư khất thực. Họ được mời ngồi, ăn súp với thức ăn cứng. Tỳ-xá-khư hỏi thăm họ:

- Chư Tôn giả có theo Thế Tôn đến chỗ Trưởng lão Ly-bà-đa không?

- Có, cư sĩ!

- Chư Tôn giả, chỗ của Trưởng lão là một chỗ tuyệt đẹp.

- Tuyệt đẹp gì đâu! Là một rừng toàn là cây keo đầy gai trắng cư sĩ ạ. Chỉ thích hợp với ẩn sĩ.

Sau đó có hai Tỳ-kheo trẻ đến gõ cửa. Cư sĩ cũng dâng lên họ thức ăn cứng với súp rồi hỏi lại câu trên.

Họ đáp:

- Cư sĩ, thật không thể mô tả bằng lời. Chỗ ở của Trưởng lão giống như cung điện thiên đường Sudhammà được tạo bằng thần lực.

Kẻ trước người sau nói khác nhau. Tỳxá-khư suy ra chắc Thế Tôn thi triển thần thông đúng như sự việc đã xảy ra. Tuy thông minh đoán biết như thế, bà vẫn chờ để hỏi Thế Tôn.

Thế Tôn và Tăng đoàn đến nhà Tỳ-xákhư, ngồi xuống chỗ đã được dọn sẵn. Bà kính cẩn phục vụ. Cuối bữa ăn bà đảnh lễ Thế Tôn, thưa hỏi:

- Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo đi theo Ngài có người bảo rằng chỗ ở của Trưởng lão Lybà-đa là một khu rừng keo gai góc. Người khác lại nói đó là chỗ tuyệt đẹp, vậy là thế nào?

Phật đáp:

- Cư sĩ, dù đó là một ngôi làng hay một khu rừng, hay bất cứ nơi nào A-la-hán ngụ, chỗ ấy đều tuyệt diệu.

Và Ngài nói Pháp Cú:

(98) Làng mạc hay rừng núi, Thung lũng hay đồi cao, Lahán trú chỗ nào, Đất ấy thật khả ái.

Một lần khác, các Tỳ-kheo bàn tán với nhau không hiểu tại sao Trưởng lão Sàvali ở trong bụng mẹ bảy năm, bảy tháng, bảy ngày. Tại sao Ngài phải đọa địa ngục? Làm thế nào Ngài đạt đến tuyệt đỉnh danh lợi? Phật nghe thế liền thuật lại:

Chuyện quá khứ

9C. Cúng Mật Và Bao Vây Thành.

Này các Tỳ-kheo! Cách đây chín mươi mốt kiếp, đức Phật Vipassì ra đời. Nhân chuyến du hành khất thực trong xứ, Ngài trở về thành của vua cha. Dân chúng được loan tin đóng góp thêm với vua để cúng dường Phật cùng Tăng đoàn. Xong bổn phận rồi, họ muốn cúng dường riêng và nhiều hơn, nên mời Thế Tôn, luôn cả vua, vào ngày hôm sau. Thấy phẩm vật dồi dào, vua muốn cúng hơn nên vua mời Thế Tôn ngày kế tiếp. Hai bên thi nhau giành phần hơn, nhưng dân không hơn nổi vua, vua không hơn nổi dân. Đến lần thứ sáu dân chúng quyết định ngày mai sẽ cúng dường sao cho vua không thể nói là thiếu món này, món nọ được. Mật đã có rất nhiều để nấu ăn, nhưng

không có mật tươi. Họ phải sai người ra bốn cửa thành, mỗi người mang một ngàn đồng, kiếm mua.

Bấy giờ có một người dân quê, trên đường vào thành gặp thôn trưởng, thấy một tổ ong trên cây. Đuổi ong đi, anh cắt nhánh cây lấy mật, định sẽ biếu thôn trưởng. Người tìm mật thấy anh liền gạ hỏi mua. Anh không bán. Anh kia nằn nì trả giá mãi, từ một xu lên dần. Anh dân quê nghĩ bụng ông này chắc có tiền nên càng neo giá, cuối cùng lên đến một ngàn đồng thì anh chịu bán, nhưng cũng không quên nói thêm một câu:

- Này ông bạn, ông có điên hay không biết cách xài mật? Mật này không đáng giá một giác (bằng một phần tư xu) mà ông trả đến một ngàn đồng nghĩa là sao?

Anh kia giải thích:

- Đúng vậy. Nhưng vì tôi cần mật này để cúng dường đức Phật Vipassì với sáu mươi tám ngàn Tỳ-kheo.

- Nếu vậy tôi sẽ không bán với giá nào cả. Nếu tôi nhận được công đức cúng dường tôi sẽ trao không cho ông.

Anh kia mang mật trở về và thuật chuyện, dân chúng tin sâu vào sự bố thí cúng dường nên đều đồng ý dành một phần công đức cho anh nhà quê. Đến ngày trai tăng, Phật và Tăng chúng được dâng chỗ ngồi, súp và thức ăn cứng. Một bình bát đựng đầy mật được mang đến. Anh dân quê cũng mang một chai sữa dâng, rót vào bình, trộn với mật và dâng lên Phật và Tăng chúng. Tất cả các Tỳkheo đều nhận đủ phần mình mà vẫn còn

dư mật (vì có thần lực trong đó).

Do làm một việc thiện nhỏ như thế, anh dân quê tái sanh vào cõi trời. Sau một thời gian dài anh sanh làm hoàng tử xứ Ba-la-nại, nối ngôi khi vua cha băng hà. Tân vương đăng quang xong, quyết định đánh chiếm thành của nước láng giềng.

Vua bao vây thành, bắn tin với dân chúng hoặc chiến đấu hoặc trao vương quốc. Họ không chiến đấu cũng không trao vương quốc, mà cố thủ. Họ ra vào bằng cổng nhỏ, kiếm củi, nước.v.v.. Vua gác ở bốn cổng chánh và bao vây thành suốt bảy năm, bảy tháng. Mẹ vua biết chuyện bảo vua ra lệnh đóng hết cổng nhỏ và phong tỏa kín mít. Vua vâng lệnh, dân chúng không thể ra khỏi thành được nữa, và vào ngày thứ bảy họ giết vua dâng thành và vương quốc. Vì phạm tội

này, mạng chung vua bị đọa vào địa ngục A-tỳ đau đớn cho đến khi mặt đất được nâng cao lên một dặm. Vì đóng hết cổng nhỏ nên hết kiếp đó ông đầu thai vào bụng mẹ, ở đó suốt bảy năm, bảy tháng, nằm ngang tử cung bảy ngày. Như thế, các Tỳ-kheo, qua việc bao vây thành, Sìvali phải chịu khổ ở địa ngục và nằm lâu trong thai mẹ; nhưng vì công đức cúng dường mật tươi ông được lợi dưỡng tột đỉnh.

Lại một ngày khác, các Tỳ-kheo bàn tán về lợi lộc to lớn cũng như công đức vượt bậc của Sa-di Revata do dựng năn trăm nhà có tháp nhọn cho năm trăm Tỳ-kheo. Thế Tôn nghe qua bèn dạy:

- Các Tỳ-kheo! Đệ tử Ta không còn bị dính mắc vào thiện và ác, ông đã từ bỏ cả hai.

Và Phật đọc Pháp Cú trong phẩm Bà-la- môn:

(412) Người sống ở đời này, Không nhiễm cả thiện ác, Không sầu, sạch không bụi, Ta gọi Bà-la-môn.

10. Một Kỹ Nữ Cám Dỗ Một Tỳ Kheo

Khả ái thay núi rừng ...

Câu này Thế Tôn dạy ở Kỳ Viên, liên quan đến một phụ nữ.

Một Tỳ-kheo nọ nhận đề mục thiền quán nơi Thế Tôn, ôm bình bát lên đường khất thực. Ngài đi vào một lạc viên đổ nát để hành thiền. Lúc bấy giờ có một kỹ nữ

hẹn hò với một người đàn ông. Chờ mãi không gặp, thất vọng nàng đi lang thang và cũng đến lạc viên. Ngó quanh quất không thấy ai ngoài một Tỳ-kheo đang ngồi kiết già, nàng quyến rũ ông bằng cách cởi bỏ xiêm y trước mặt ông rồi mặc vào nhiều lần, xõa tóc ra rồi lại cuốn lên, vỗ tay và cười. Trưởng lão bị kích động, toàn thân Ngài nhộn nhạo, lòng hoang mang, tự hỏi không biết thế này nghĩa là sao.

Thế Tôn quán sát thấy hết mọi việc. Vẫn ngồi trong hương thất, Ngài bảo:

- Các Tỳ-kheo! Chẳng thích thú gì chỗ sống của những người chạy theo dục lạc. Nhưng chỗ những người thoát khỏi dục lạc thì thật là thích thú.

Nói xong, Phật phóng quang hiện thân

trước vị Tỳ-kheo, dạy Pháp Cú:

(99) Khả ái thay núi rừng, Chỗ người phàm không ưa, Vị ly tham ưa thích, Vì không tìm dục lạc.

Cuối bài kệ, Tỳ-kheo chứng A-la-hán cùng các thần thông ngay khi đang ngồi.

VIII. Phẩm Ngàn 1. Tên Đao Phủ

Dù nói năng ngàn lời ...

Thế Tôn đã dạy câu trên tại Trúc Lâm, về chuyện tên đao phủ răng đồng.

Một bọn bốn trăm chín mươi chín tên cướp sống bằng nghề cướp bóc các thôn

làng và những nghề bạo động khác. Bấy giờ, có một gã răng màu đồng, da ngâm đen, mình đầy sẹo, đến xin nhập bọn với chúng. Chúa đảng nhìn gã thấy tánh tình tàn bạo quá đỗi, có thể ăn thịt mẹ và uống máu cha, nên từ chối. Dù thế gã vẫn tìm cách nịnh để mua chuộc cảm tình một lâu la hầu cận, kết quả gã được thâu nhận.

Đến một lúc nào đó hết thời, bọn cướp bị dân chúng hợp lực với lính nhà vua bắt được, đưa hết ra tòa. Quan tòa ra lệnh chặt đầu bọn chúng bằng rìu. Dân chúng bối rối không tìm ra người bằng lòng làm đao phủ. Cuối cùng họ bảo tên chúa đảng nếu chịu giết hết bọn sẽ được tha mạng và còn được thưởng nhiều. Nhưng đã từng chung sống với nhau, hắn cũng không nỡ. Họ hỏi đến tên răng đồng, da ngâm đen, mình sẹo nọ, gã đồng ý. Rồi

gã giết hết cả bọn, được tha mạng và lãnh thưởng.

Cũng thế họ đem năm trăm tên cướp trong xứ từ phía nam đến xét xử, và kết án tử hình. Không tìm được đao phủ, họ nhớ đến gã, tìm đến, gã bằng lòng. Họ cho gã là người xuất sắc và phong làm đao phủ thường trực. Sau đó họ đem năm trăm kẻ cướp từ phương tây, rồi từ phương bắc đến, và gã giết hết tổng cộng hai ngàn người từ bốn hướng. Từ đó mỗi ngày gã giết một hay hai người. Trong suốt năm mươi lăm năm, gã hành nghề đao phủ công cộng.

Về già, gã không thể chặt đầu người một nhát, mà phải hai đến ba nhát, gây thêm đau đớn vô ích cho nạn nhân; vì thế dân chúng muốn kiếm người khác và cho gã nghỉ việc, tức về sau gã sẽ mất bốn bổng

lộc là quần áo cũ, cháo sữa nấu từ bơ tươi, hoa nhài và dầu thơm để trang điểm. Do đó ngày bị bãi chức, gã ra lệnh nấu cháo sữa sẵn, rồi ra bờ sông tắm. Xong, gã mặc quần áo cũ, đeo vòng hoa nhài, xức dầu thơm vào tay chân, về nhà ngồi xuống thì cháo sữa đặt trước mặt với nước rửa tay.

Vào lúc đó Trưởng lão Xá-lợi-phất xả thiền, nhìn trước lối sẽ đi khất thực, thấy cháo sữa trong nhà tên đao phủ cũ, Ngài biết rằng người đặc biệt này sẽ đối xử tử tế, do đó ông sẽ được phước báo lớn. Thấy Trưởng lão khoát y ôm bát đứng trước cửa nhà, ông sanh tâm hoan hỷ, và nghĩ đến biết bao mạng người chết dưới lưỡi đao của mình, ông phát tâm cúng dường. Ông cất tô cháo đặt trước mặt mình, bước ra đảnh lễ và mời Trưởng lão vào nhà ngồi, trút cháo vào bình bát, rưới

mật tươi lên, và đứng quạt một bên. Đã lâu không nếm cháo sữa, ông thèm ghê gớm. Trưởng lão đọc được ý ông bèn bảo ông hãy ăn đi. Ông đưa quạt cho người khác quạt Trưởng lão, còn ông thì ăn cháo. Trưởng lão bảo người quạt hãy qua quạt cho ông đao phủ cũ. Thế là có người quạt hầu, ông ăn một bữa cháo no bụng rồi lấy quạt lại, quạt cho Trưởng lão. Ngài thọ thực xong, ông đỡ lấy bình bát, và Trưởng lão bắt đầu hồi hướng công đức. Nhưng ông chẳng thể để tâm nghe được, vì lâu nay làm việc tàn bạo giết hại nhiều người, giờ đây nhớ lại tâm trí quá rối loạn, ông không chú tâm được. Do đó Trưởng lão tìm lời khéo để giúp ông:

- Ông làm việc tự ý mình hay theo lệnh người khác?

- Vua sai con làm, bạch Tôn giả.

- Nếu thế, ông đâu có lỗi gì, cư sĩ.

Ông hoang mang, vì theo lời Trưởng lão ông không có lỗi gì. Ông xin Trưởng lão nói tiếp bài hồi hướng. Tâm ông trở nên tĩnh lặng, nhẫn lực được khai mở ông tiến đến quả Dự lưu.

Trưởng lão ra về, ông tiễn Ngài một đoạn đường. Trên đường về ông bị quỷ Dạxoa dưới lốt con bò cái húc chết. Ông tái sanh vào cõi trời Đâu Suất.

Các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường về tên đao phủ, và thắc mắc không biết ông ta sanh về đâu. Phật đến, nghe thấy liền dạy:

- Các Tỳ-kheo! Ông ta sanh lên cõi trời Đâu Suất. Ông ta đã được đại thiện tri thức thuyết pháp cho, nhờ đó ông mở

mang tri kiến, nên được sanh thiên.

Xong, Phật nói kệ:

Người đao phủ trong thành, Nghe những lời khéo nói, Được nhẫn và sau đó, Lên cõi trời hưởng vui.

Các Tỳ-kheo vẫn còn ngạc nhiên, hỏi tiếp:

- Bạch Thế Tôn, trong lời hồi hướng thật ra đâu có năng lực gì ghê gớm. Vả lại, người này đã lầm lỗi rất nhiều, làm sao ông ta chứng đạt với ít lời như thế?

Thế Tôn đáp:

- Các Tỳ-kheo, đừng đo lường giáo pháp của Ta nhiều hay ít lời. Một câu đầy đủ

đạo lý vẫn có công đức siêu việt.

Và Ngài nói Pháp Cú:

(100) Dầu nói năng ngàn lời, Nhưng không gì lợi ích Tốt hơn một câu nghĩa Nghe xong, được tịnh lạc.

2. Sự Chuyển Hóa Của Bàhiya Dàrucìriya

Dầu nói ngàn câu kệ ...

Câu này Thế Tôn đã dạy khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Bàhiya Dàrucìriya.

Một nhóm người ra biển, không may

thuyền bị thủng. Ai cũng làm mồi cho cá, trừ một người vớ được miếng ván, cố hết sức lội vào bờ, gần cảng Suppàraka. Mất hết y phục, ông quấn vỏ cây quanh mình, luôn cả nhánh non, và được một gia chủ cho một mảnh sành, ông đến cảng Suppàraka. Người ta cho ông súp, cháo và các món ăn khác. Họ tôn kính ông, cho đó là một vị A-la-hán. Nếu mặc vải tốt chắc không được danh lợi như thế, nên ông vẫn che thân với vỏ cây. Nhiều người thường chào mừng gọi ông là A-la-hán, nên ông nghĩ có lẽ mình thật là một trong những A-la-hán trên thế gian này, hay ít ra cũng đang thú hướng đến quả vị A-la-hán. Ông đã làm động tâm một vị trời thời xưa là thân tộc của ông.

2A. Ngoài Đề - Chuyện Quá Khứ

Thân tộc này, tức là người đã hành thiền với ông trong kiếp trước. Vào thời Phật Ca-diếp lúc đạo pháp suy vi, có bảy Tỳkheo buồn tiếc về đức hạnh lui sụt của các tân Tỳ-kheo, Sa-di và những người khác, bảo nhau:

- Trong lúc giáo pháp còn, chúng ta hãy tự độ mình thật chắc chắn.

Rồi sau khi lễ đền vàng, họ vào rừng, gặp ngọn núi, họ tuyên bố ai còn đắm trước đời sống thế gian hãy trở lại, ai hết ràng buộc hãy lên núi. Họ đặt thang và mọi người đều lên núi, xong họ đá cho thang ngã xuống, và dốc sức thiền định. Chỉ sau một đêm thôi, Trưởng lão dẫn đầu chứng A-la-hán.

Đại Trưởng lão này nhai một cuống trầu ở hồ A-nậu-đạt, súc miệng và đem thức

ăn lấy từ Bắc Câu Lô Châu đến nói với các Tỳ-kheo kia:

- Chư huynh đệ! Hãy nhai cuống trầu này, súc miệng và dùng thức ăn này.

Nhưng họ từ chối, viện lý do chỉ dùng thức ăn do chính mình mang về sau khi đã chứng A-la-hán như Đại Trưởng lão. Vào ngày thứ hai, Đệ nhị Trưởng lão chứng Tam quả, và cũng đem thức ăn đến mời, nhưng họ từ chối, vì không lẽ đã khước từ thức ăn của Đại Trưởng lão mà bây giờ nhận thức ăn của Đệ nhị Trưởng lão.

Sau đó, Đại Trưởng lão nhập Niết-bàn, Đệ nhị Trưởng lão sanh về cõi Phạm thiên, còn năm vị kia không khai mở được Minh-sát-tuệ, héo mòn dần, qua đời vào ngày thứ bảy và được sanh thiên.

Đến thời Phật hiện đời, họ sanh vào những gia đình khác nhau. Một người là vua Pukkusàtì, người là Kumàra Kassapa, người là Dàrucìriya, người khác là Dabba Malla, và một người là Tỳ-kheo Sabhiya. "Vị thân quyến trước đây" ám chỉ vị Tỳ-kheo đã sanh vào cõi Phạm thiên.

2B. Đoạn Kết Sự Chuyển Hóa Của Bàhiya Dàrucìraya

Vị Phạm thiên thấy bạn mình là Bàhiya đang theo tà kiến, có thể bị trầm luân rất nguy hiểm, nên tìm cách kích động ông ta:

- Này Bàhiya, anh không phải là A-lahán, cũng chưa thú hướng đến quả vị Ala-hán, và con đường anh đang theo cũng không đưa đến quả vị A-la-hán.

Bàhiya rất hoang mang không biết mình ra sao, liền hỏi:

- Thiên nhân! Có lẽ có A-la-hán hay những vị thú hướng A-la-hán trên thế gian hiện nay?

- Bàhiya, hướng bắc có một thành tên Xá-vệ, có đức Thế Tôn, bậc A-la-hán của những A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác đang thuyết pháp đưa đến quả vị A-lahán.

Lúc đó đang đêm, tâm tư Bàhiya xao động mãnh liệt, ông tức tốc rời Suppàraka lên đường đi Xá-vệ suốt đêm, nuốt hết một trăm hai mươi dặm, nhờ thần lực của vị phạm thiên (có chỗ bảo của Phật). Bàhiya đến nơi thì Phật đã vào thành khất thực. Thọ thực xong, ông thấy các Tỳ-kheo đi kinh thành ngoài trời

liền hỏi thăm Thế Tôn. Biết ông đến từ rất xa, các Tỳ-kheo khuyên ông ngồi xuống rửa chân, xức dầu và nghỉ ngơi, khi Thế Tôn trở về ông sẽ gặp Ngài. Ông không thể chờ đợi, toàn thân run lên, ông bảo các Tỳ-kheo:

- Bạch Tôn giả! Tôi không biết khi nào Thế Tôn có thể qua đời, hay tôi sẽ qua đời. Tôi vừa vượt qua một đoạn đường dài một trăm hai mươi dặm chỉ trong một đêm, không dừng lại cũng không dám ngồi xuống nghỉ bất kỳ ở đâu. Ngay khi gặp Thế Tôn tôi sẽ nghỉ ngơi.

Ông vào Xá-vệ gặp Thế Tôn đang khất thực, dáng dấp vô cùng trang nghiêm của một vị Phật. Bao lâu nay, bây giờ ông mới gặp được Ngài Cồ-đàm, đấng Toàn Giác. Và tại chỗ ông vừa mới thấy Phật, ông cung kính cúi mình tiến đến gần

Phật và đảnh lễ Ngài ở giữa đường, ôm mắt cá chân Ngài và thưa:

- Xin đức Thế Tôn thuyết pháp cho con, đấng An Lạc hãy thuyết pháp cho con, để con được lợi lạc lâu dài và được giải thoát an lạc.

Phật đuổi ông đi bảo:

- Ông đến phi thời, Bàhiya! Ta đang vào nhà người khất thực.

Bàhiya lòng vẫn nôn nóng thưa tiếp:

- Bạch Thế Tôn, trước đây con đã không chịu nhận thức ăn vật chất, và con đã mãi trôi lăn mãi trong vòng luân hồi. Con không biết khi nào Thế Tôn hay con sẽ qua đời, xin thuyết pháp cho con.

Lần thứ hai, Thế Tôn từ chối. (Thấy được Phật ông quá vui mừng, và tâm còn kích động, ngoài ra thân cũng còn mệt, do đó nếu có giảng pháp, Phật chắc ông sẽ khó lĩnh hội). Lần thứ ba, Thế Tôn vẫn đứng ở giữa đường, dạy:

- Vậy thì, Bàhiya, ông phải học thế này: "Trong cái thấy chỉ có cái bị thấy, trong cái nghe chỉ có cái bị nghe, trong cái nghĩ chỉ có cái bị nghĩ, trong cái hiểu chỉ có cái bị hiểu"; do đó, này Bàhiya, ông không ở đây. Này Bàhiya, vì ông không ở đây, do đó ông không ở

đời này, cũng chẳng ở đời sau, không ở cả hai đời. Chỉ có thế mới chấm dứt đau khổ.

Ngay khi Bàhiya nghe xong bài pháp, ông dứt trừ lậu hoặc, chứng A-la-hán cùng các thần thông. Liền đó ông xin Phật được nhận vào Tăng đoàn. Phật hỏi

ông có y bát chưa, ông đáp chưa có. Phật bảo hãy tự tìm lấy, rồi Ngài quay đi.

Trong hai mươi ngàn năm hành thiền, Bàhiya chưa hề cúng dường y bát cho một Tỳ-kheo nào, trái lại ông thường nói một Tỳ-kheo phải tự lo lấy vật dụng cho mình, kể cả thức ăn, không nên nhờ ai khác. Thế Tôn biết thế, và cũng biết vì thế ông sẽ không nhận được y bát từ thần lực, do đó Ngài không nhận ông vào Tăng đoàn với câu: "Hãy đến, Tỳ-kheo" như thường lệ.

Bàhiya đang đi tìm y bát thì quỷ Dạ-xoa dưới lốt con bò cái đến húc ông chết. Khất thực xong, Thế Tôn với chúng Tăng đến nơi thấy xác ông nằm sóng soài trên đống rác. Ngài liền bảo các Tỳ-

kheo lấy cáng đang dựng tại cửa nhà nọ, khiêng xác ra khỏi thành, thiêu và đắp đất chôn. Làm xong họ về tinh xá thưa lại với Phật và hỏi về đời sau của ông. Phật cho biết ông đã nhập Niết-bàn, và trong các đệ tử cư sĩ và xuất gia, Bàhiya là đệ nhất về học tập Phật pháp mau chóng. Các Tỳ-kheo hỏi tiếp:

- Bạch Thế Tôn, Bàhiya đã chứng A-la- hán khi nào?

- Các Tỳ-kheo, chính là vào lúc nghe Ta thuyết pháp.

- Nhưng bạch Thế Tôn, Ngài thuyết pháp cho ông ta lúc nào?

- Khi Ta đang đi khất thự, đứng ở giữa đường.

- Một bài pháp quá ngắn ở giữa đường như thế, Bạch Thế Tôn, ông ta khai mở được Minh sát tuệ với ít lời như thế sao?

- Các Tỳ-kheo! Chớ đo lường pháp của ta là ít là nhiều. Nói ngàn câu kệ không hiệu quả, cũng không bằng chỉ một câu đầy đủ đạo lý.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(101) Dầu nói ngàn câu kệ, Nhưng không gì lợi ích, Tốt hơn nói một câu, Nghe xong, được tịnh lạc.

3. Cô Gái Lấy Tên Cướp

Dầu nói trăm câu kệ ...

Phật dạy câu này tại Kỳ Viên, liên quan đến Kundalakesì

Một thương gia giàu có tại Vương Xá, có duy nhất một cô con gái mười sáu tuổi tuyệt đẹp và khả ái. Cha mẹ cho cô ở trên tầng chót tòa lâu đài bảy tầng, trong một phòng lộng lẫy, với một nàng hầu.

Một hôm, một chàng trai gia thế bị bắt vì tội trộm. Người ta trói ké tay anh ra sau lưng, dẫn ra pháp trường, và tại ngã tư họ hành hạ anh với biết bao lời mắng nhiếc. Con gái

thương gia nghe đám đông la hét, chạy ra ngoài nhìn xuống thấy tên trộm bỗng đem lòng yêu thương, tương tư đến nỗi bỏ ăn nằm liệt giường. Mẹ cô

hỏi thăm, biết chuyện nên khuyên con gái đừng dại dột như thế, bà sẽ tìm người môn đăng hộ đối gả chồng cho cô. Nhưng cô không chịu, thề chết nếu không lấy được tên trộm này. Bà bèn kể cho chồng nghe, nhưng ông cha cũng không dỗ dành con gái được, túng thế đem một ngàn đồng tới quan lo lót để chuộc mạng tên trộm. Quan nhận tiền thả hắn ra, giết người khác rồi tâu lên vua tên trộm đã bị xử tử.

Thương gia gả con gái cho tên trộm. Cô dâu mới muốn chiếm trọn vẹn tình cảm của đức lang quân nên chìu chuộng hết sức, trang điểm đẹp đẽ, nấu nướng ngon lành. Tuy thế tên trộm vẫn nuôi ý đồ bất lương: giết vợ lấy châu báu, vào quán nhậu. Anh cho đó là diệu kế duy nhất, nên lên giường bỏ ăn. Cô vợ hốt hoảng hỏi thăm chồng:

- Anh đau làm sao?

- Không sao, em ạ.

- Hay cha mẹ làm anh phiền?

- Không đâu, em ạ.

- Vậy thì chuyện gì?

- Em ạ! Ngày tôi bị trói dẫn đi tôi đã nguyện dâng một phẩm vật lên vị thần ở trên "Bờ Vực Của Kẻ Trộm" xin cứu mạng. Và nhờ thần lực của Ngài mà tôi được cưới em làm vợ. Tôi bối rối không biết làm sao giữ trọn lời thề này.

- Xin anh đừng lo. Em sẽ lo phẩm vật, anh cần gì?

- Cháo ngon, nêm với mật, và năm loại

hoa trong đó phải có hoa làja.

- Vâng, em sẽ lo đủ.

Rồi để thân quyến ở nhà, hai vợ chồng cùng đám gia nhân lên đường vui vẻ, tươi cười với cả gia tài quí báu trên mình cô vợ, đúng như ý ông chồng. Đến chân núi tên trộm cho đám tùy tùng ở lại, bảo vợ mang phẩm vật, rồi anh nắm tay trèo lên đỉnh núi "Vực Kẻ Trộm" (bên này có thể trèo lên nhưng bên kia là vách đá dốc ngược, bọn trộm từ đỉnh bị xô xuống vực nát thây trước khi đến đáy, nên có tên như thế).

Đứng trên đỉnh núi, cô bảo chồng dâng lễ vật. Tên trộm lặng thinh. Cô lại hỏi tại sao hắn không nói. Cuối cùng hắn phải thú thật là gạt cô lên đây để giết cô lấy châu báu. Khủng khiếp vì sợ chết, cô năn

nỉ hắn tha mạng:

- Cả châu báu và thân em đây đều không thuộc anh hay sao? Anh được lợi gì mà phải giết em? Hãy tha chết cho em. Kể từ đây xin coi em như mẹ của anh, hay cho em làm kẻ hầu hạ cũng được.

Rồi cô đọc bài kệ:

Hãy lấy vòng vàng này, Được gắn những ngọc quí. Lấy hết và tự nhiên, Xem tôi như tỳ nữ.

Tên trộm vẫn không chịu, vì sợ cô ta về sẽ kể lại hết với cha mẹ. Hắn cũng đáp bằng kệ:

Đừng than vãn quá nhiều, Gỏi của cải mau lên! Mi không còn sống thêm, Của cải mi ta lấy!

Cô thấy rõ hắn tàn bạo quá mức, nghĩ rằng trí tuệ không phải dùng để nấu lên ăn, mà để giúp người ta có thể tính toán trước hành động của mình. Vi vậy cô tìm cách đối phó với hắn. Cô bảo nhờ cô mà hắn được cứu mạng, nên xin hắn cho cô là ân nhân của hắn, được đảnh lễ hắn. Rồi cô đi nhiễu quanh hắn ba vòng, rồi để hắn đứng ở vị trí bên phải của cô, đảnh lễ hắn bốn phía, xong kể lể:

- Đây là lần cuối cùng em trông thấy anh, và từ đây anh cũng không còn thấy em nữa!

Cô ôm hôn hắn trước mặt rồi ôm từ sau lưng, và từ phía sau nhắm lúc hắn quên đề phòng đứng ngay miệng vực, một tay cô đẩy trên vai hắn, tay kia đẩy ngang thắt lưng, cô xô hắn xuống vực, tan xương nát thịt trước khi tới đáy. Vị thần

tại đó hoan hô cô với bài kệ:

Trí tuệ không phải luôn luôn, Chỉ dành cho bọn đàn ông. Đàn bà đôi khi cũng vậy, Tỏ ra khôn khéo vô cùng.

Nếu về nhà, cha mẹ hỏi, chẳng lẽ không khai thật, miệng lưỡi hai người chắc chắn không tha ta: "Đã tốn một ngàn đồng chuộc mạng tên vô lại, sao mi lại giết hắn?". Và nếu ta nói thật lý do vì hắn muốn giết ta trước, chưa chắc hai người đã tin. Gia đình ôi sao chán quá!" Nghĩ như thế cô ném hết châu báu, vào rừng đến chỗ ẩn dật của các nữ tu, chào cung kính xin được vào Ni chúng.

Thành ni cô, và sau khi được giải thích hai lối tu: thiền quán trên mười đề mục hoặc tụng niệm một ngàn tín pháp, cô

chọn cách thứ hai. Thấy cô thuần thục, chư ni bảo cô đi khắp vùng Diêm Phù Đề tìm thiện hữu tri thức có thể đối pháp được với cô. Đặt một nhánh đào trong tay cô, họ dặn dò:

- Đi đi, đạo hữu! Gặp cư sĩ đối đáp được chi hãy xin hầu hạ; gặp Tỳ-kheo đối đáp được, chị hãy xin gia nhập Tăng đoàn.

Mang tên ni cô Hồng Táo, cô du hành mọi nơi, đặt câu hỏi với bất cứ ai gặp được, không ai đối đáp lại. Cô nổi danh đến nỗi nghe tin cô đến, người ta bỏ chạy hết. Trước khi vào thành hay vào làng khất thực, cô gom một đống cát trước cổng chánh, trồng nhánh đào lên và thách thức ai đối đáp được hãy giẫm lên nhánh đào này. Không ai dám qua chỗ ấy, nhánh cây này héo, cô tìm nhánh khác tươi hơn, cứ du hành như thế, cô

đến Xá-vệ. Trẻ con xúm quanh nhánh cây cô đã trồng như thường lệ xem việc gì đã xảy ra, vừa đúng lúc Trưởng lão Xá-lợi-phất thọ thực xong bước ra khỏi thành. Ngài ngạc nhiên hỏi lũ trẻ, biết chuyện, Ngài bảo chúng hãy giẫm lên nhánh cây. Ban đầu chúng sợ không dám; nhưng được Trưởng lão bảo đảm sẽ trả lời câu hỏi, chúng nhào lên nhánh cây hò hét, đá sụp đống cát.

Đi khất thực xong trở về, thấy thế cô trách mắng lũ trẻ:

- Ta không định đối đáp với chúng mày, sao chúng mày phá phách như thế?

Chúng đáp là làm theo lời Trưởng lão. Được Ngài xác nhận, cô xin vấn đáp và cũng được Ngài nhận lời.

Chiều xuống, cô đến chỗ Trưởng lão đặt câu hỏi. Cả thành xôn xao muốn đi nghe. Họ cùng đi với cô, cúi chào Trưởng lão và cung kính ngồi một bên. Cô hỏi Ngài một ngàn đề mục về tín pháp, Ngài trả lời đúng hết. Và Ngài hỏi lại:

- Cô chỉ hỏi có bấy nhiêu thôi à? Còn câu nào khác không?

- Dạ đã hết, thưa Tôn giả!

- Cô đã hỏi tôi nhiều câu, bây giờ tôi hỏi lại cô một câu thôi!

- Xin tôn giả cứ hỏi.

- Cái gì là Một?

Cô rất muốn trả lời nhưng không trả lời được, bèn hỏi lại Tôn giả. Ngài đáp:

- Đó là câu hỏi của Phật.

- Vậy xin nói cho con biết, thưa Tôn giả.

- Nếu cô vào Tăng đoàn, ta sẽ cho biết câu trả lời.

Cô bằng lòng xin nhập vào Tăng đoàn, Trưởng lão nhắn ni chúng lo mọi việc. Sau khi làm đầy đủ bổn phận, cô được đặt tên là Kundalakesì, và chỉ vài ngày chứng A-la-hán cùng các thần thông.

Trong Pháp đường các Tỳ-kheo bàn tán về chuyện của cô, cho rằng cô chỉ nghe chút ít pháp rồi được nhận vào Tăng đoàn, hơn nữa cô đã đến đây sau khi chiến đấu dữ dội với một tên trộm và đánh bại hắn. Phật đi đến nghe được, bèn bảo:

- Các Tỳ-kheo, đừng đo lường giáo pháp ta nói là ít hay nhiều. Với một trăm câu vô nghĩa thì chẳng có công đức gì so với một câu có đạo lý. Chiến thắng nhiều tên trộm chẳng đáng gì so với chiến thắng tên trộm Dục lạc của chính mình. Đó mới thực sự là chiến thắng.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(102) Dầu nói trăm câu kệ, Nhưng không gì lợi ích. Tốt hơn một câu pháp, Nghe xong, được tịnh lạc.

(103) Dầu tại bãi chiến trường, Thắng ngàn ngàn quân dịch, Tự thắng mình tốt hơn, Thật chiến thắng tối thượng.

4. Được Và Mất

Tự thắng tốt đẹp hơn ...

Câu này Phật dạy khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến một Bà-la-môn đã hỏi về được và mất. Một Bà-la-môn, thắc mắc chắc là Thế Tôn chỉ biết có được chứ không biết mất. Và ông ta đi hỏi Phật, được Phật trả lời:

- Bà-la-môn! Ta biết cả hai được và mất.

- Vậy thì xin Ngài nói cho con về mất.

Phật nói kệ sau:

Những thứ không ích lợi Gồm: thứ nhất, ngủ muộn, Biếng lười

chiếm thứ hai, Thứ ba, ánh trăng soi, Thứ tư giàu sang mãi, Thứ năm, hay đi lại, Sáu, vụng trộm vợ người. Chạy theo những việc ấy, Hỡi này, Bà-lamôn, Ngươi sẽ được những thứ, Không ích lợi cho mình.

Bà-la-môn nghe xong ca ngợi Thế Tôn:

- Hay thay! hay thay! Đấng Đạo sư của mọi người! Bậc lãnh đạo của mọi người! Ngài thật biết cả hai được và mất.

- Thật thế Bà-la-môn! Không ai biết rành hơn ta về mất.

Rồi Thế Tôn xét xem làm cách nào chuyển hóa được ông Bà-la-môn, Ngài hỏi:

- Bà-la-môn, ông sống bằng nghề gì?

- Bằng nghề cờ bạc, ngài Cồ-đàm ạ.

- Thế ai được, ông hay người kia?

- Khi thì con, khi thì người kia.

- Bà-la-môn, chiến thắng kẻ khác là một việc tầm thường, chiến thắng như thế đâu có lợi lạc gì. Nhưng người nào thắng lướt Dục lạc và tự thắng mình, thì chiến thắng như thế lợi lạc hơn, không ai có thể đánh bại mình.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(104) Tự thắng, tốt đẹp hơn,
Hơn chiến thắng người khác.
Người khéo điều phục mình,
Thường sống tự chế ngự.
(105) Dầu thiên thần, Thát bà,
Dầu Ma vương, Phạm thiên,
Không ai chiến thắng nổi,

Người tự thắng như vậy.

5. Chú Của Xá Lợi Phất

Tháng tháng bỏ ngàn vàng ...

Thế Tôn dạy câu này khi ngụ tại Trúc Lâm, liên quan đến chú của Xá-lợi-phất.

Một hôm Trưởng lão Xá-lợi-phất đến thăm chú, Ngài hỏi:

- Bà-la-môn, ông có bao giờ làm việc thiện chưa?

Ông chú đáp:

- Dạ có, thưa Tôn giả! Mỗi tháng tôi cúng một ngàn đồng.

- Cho ai vậy?

- Các đạo sĩ lõa thể, thưa Tôn giả.

- Để mong được gì?

- Để lên cõi Phạm thiên.

- Ai bảo ông thế?

- Các đạo sĩ, các thầy tôi.

- Này Bà-la-môn, cả ông và thầy ông đều không biết con đường đưa đến cõi Phạm thiên. Chỉ có Phật mới biết con đường đó. Hãy đi với tôi, tôi sẽ thỉnh Phật chỉ cho ông.

Và Trưởng lão dẫn chú đến gặp Phật.

Thưa thỉnh xong được Phật dạy:

- Bà-la-môn, dù ông bố thí như thế này trong một trăm năm cũng không bằng phước báo của một người có lòng tin, dù trong giây lát biết tôn trọng đệ tử của Ta, hay cúng dường đệ tử Ta dù chỉ một muỗng cơm.

Và Phật nói Pháp Cú:

(106) Tháng tháng bỏ ngàn vàng, Tế tự cả trăm năm, Chẳng bằng trong giây lát, Cúng dường bậc tự tu. Cúng dường vậy tốt hơn, Cả trăm năm tế tự.

6. Cháu Của Xá Lợi Phất

Dầu trải một trăm năm ...

Khi ngụ tại Trúc Lâm, Phật đã dạy câu trên vì chuyện cháu của Trưởng lão Xá- lợi-phất.

Trưởng lão cũng đến người cháu hỏi thăm có từng làm việc thiện không. Hằng tháng anh ta giết một con thú để tế lửa, vì tin rằng sẽ được lên cõi Phạm thiên như thầy anh ta bảo. Trưởng lão cũng khuyên anh đến gặp và thỉnh Phật dạy cho. Phật thuyết như sau:

- Bà-la-môn, dù ông thờ lửa một trăm năm như thế, công đức cũng chưa bằng giá trị lễ kính đệ tử Ta trong một khoảnh khắc.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(107) Dầu trải một trăm năm, Thờ lửa tại rừng sâu, Chẳng bằng trong giây lát, Cúng dường bậc tự tu. Cúng dường vậy tốt hơn, Hơn trăm năm tế tự.

7. Bạn Của Xá Lợi Phất

Suốt năm, cúng tế vật ...

Đó là câu Phật dạy tại Trúc Lâm, liên quan đến bạn của Trưởng lão Xá-lợi- phất.

Trưởng lão cũng đến hỏi bạn mình như đối với chú và cháu của mình trước đây. Việc thiện của anh bạn từng làm là mổ vật tế lễ để được sanh thiên. Ngài cũng

khuyên và dẫn bạn đến gặp Phật, thưa thỉnh và được chỉ dạy như sau:

- Bà-la-môn, dù ông có dâng tế vật một năm, cũng không công đức bằng một phần tư công đức của một thiện tín bố thí cho dân chúng, hay người biết tôn kính đệ tử Ta.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(108) Suốt năm cúng tế vật, Để cầu phước ở đời, Không bằng một phần tư, Kính lễ bậc chánh trực.

8. Chàng Trai Tăng Tuổi Thọ

Thường tôn trọng, kính lễ...

Phật dạy câu này khi ngụ tại Arannakutikà gần Dìghalambika, liên quan đến chàng trai Dighàyu.

Có hai Bà-la-môn sống ở thành Dìghalambika, tu theo ngoại đạo và khổ hạnh suốt bốn mươi tám năm. Một người sợ giòng giống bị diệt vong nên hoàn tục. Ông bán công đức của mình cho người khác, và với một trăm trâu bò, một trăm đồng, cưới vợ sống đời gia chủ. Chẳng bao lâu ông được mụn con trai. Tu sĩ kia, bạn cũ của ông, đi nơi khác, một hôm trở về thăm. Họ chào mừng lẫn nhau. Tu sĩ chúc cả hai vợ chồng sống lâu, nhưng khi đứa bé được trình diện thì tu sĩ lặng thinh. Ông cha thắc mắc và được tu sĩ giải thích có một tai họa đang chờ đứa bé, và nó sẽ chết trong bảy ngày. Cả hai ông bà hoảng hốt không biết tính sao. Tu sĩ khuyên nên

đến cầu cứu với Sa-môn Cồ-đàm. Họ ngần ngừ vì sợ mang tiếng bỏ những ẩn sĩ của mình, nhưng lòng thương con mãnh liệt khiến họ rồi cũng đến Thế Tôn. Họ đến chào Thế Tôn, được Phật chúc sống lâu, nhưng đến phiên đứa bé Phật cũng lặng thinh, cùng lý do như tu sĩ đã nói. Ông cha thỉnh cầu Phật ngăn đừng cho tai họa cướp mất đứa bé. Phật dạy:

- Nếu ông dựng trước cửa nhà một cái lều, đặt một ghế ở giữa, sắp tám hay mười sáu chỗ ngồi vòng quanh cho đệ tử của Ta; và nếu ông cho tụng những bài kinh cầu an và ngăn ngừa tai họa suốt bảy ngày liên tục, thì con ông sẽ tránh được hiểm họa.

Bà-la-môn làm đúng theo lời Phật, và các Tỳ-kheo đã đọc tụng đúng bảy ngày đêm liên tiếp. Đến ngày thứ bảy Thế Tôn đến,

chư thiên các cõi cũng tụ hội. Có một quỷ Dạ-xoa phụng sự cho Vessavana tên là Avarudhaka suốt mười hai năm, được ân huệ là bảy ngày nữa sẽ nhận được đứa bé, đi đến đứng đợi. Nhưng có mặt Thế Tôn và thiên thần đầy quyền lực, các vị khác yếu hơn đều phải thối lui mười hai dặm nhường chỗ, cả Avarudhaka cũng thế.

Phật đọc kinh cầu an suốt đêm, kết quả sau bảy ngày Dạ-xoa không bắt được đứa bé. Bình minh ngày thứ tám, đứa bé được đặt trước Thế Tôn và được chúc sống lâu, đến một trăm hai mươi tuổi theo lời Phật, do đó có tên là "Chàng trai tăng tuổi thọ" Ayuvaddhana. Lớn lên chú có năm trăm đệ tử cư sĩ đi theo.

Một hôm các Tỳ-kheo thảo luận trong Pháp đường về Ayuvaddhana, và không

hiểu tại sao mạng sống của chúng sanh được gia tăng ở thế gian này. Phật nghe được liền bảo:

- Các Tỳ-kheo! Không phải chỉ có tuổi thọ mà thôi. Ở thế gian này chúng sanh biết tôn kính và lễ trọng những vị đạo đức, sẽ được tăng trưởng bốn pháp, thoát khỏi nguy hiểm và sống an toàn suốt đời.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(109) Thường tôn trọng, kính lễ,
Bậc kỳ lão trưởng thượng,
Bốn pháp được tăng trưởng,
Thọ, sắc, lạc, sức mạnh.
9. Sa-Di Samkicca

Dầu sống một trăm năm....

Do chuyện Sa-di Samkicca, Thế Tôn đã dạy câu trên khi ngụ tại Kỳ Viên.

Có ba mươi vị vọng tộc sống ở Xá-vệ nghe Phật thuyết pháp, quy phục và đi tu. Sau năm năm làm tròn bổn phận, họ đến gặp Phật nghe dạy về pháp học và pháp thiền. Vì lớn tuổi mới xuất gia, họ không thể theo nổi pháp học, mà muốn tu tập thiền quán, và được Phật giao đề mục thiền quán hướng đến quả vị A-la-hán, họ xin vào rừng ẩn tu. Phật biết trước họ sẽ bị nguy hiểm vì một người ăn thịt vụng, nhưng nếu có Sa-di Samkicca đi theo thì sẽ được an ổn, và đạt đến cứu cánh của đời tu.

Samkicca là Sa-di của Trưởng lão Xá-lợi-phất chỉ mới bảy tuổi. Mẹ

chú thuộc gia đình giàu có ở Xávệ. Khi mang thai chú, bà lâm bệnh chết đột ngột. Từ giàn hỏa toàn thân bà cháy hết, còn đứa bé chưa sinh không cháy. Nhưng khi dùng cây khiêng đứa bé ra khỏi giàn hỏa, chú bé bị các cây đó đâm vào thịt hai ba chỗ, một mũi đâm trúng vào con ngươi chú, rồi chú lại bị ném vào đống than, thịt chú cháy hết. Nhưng trên đống than đó lại xuất hiện một chú bé như một tượng vàng đang ngồi trên đài sen. Đây là kiếp cuối của chú trước khi chứng Niết-bàn, và vì chưa thành tựu quả vị A-la-hán nên không gì có thể hoại diệt chú, ngay cả núi Tu Di rơi xuống.

Ngày kế, họ đến dập tắt lửa, ngạc nhiên thấy chú còn sống. Họ đem chú về làng thỉnh ý thầy bói; và biết được nếu chú sống đời gia chủ, thân quyến sẽ không nghèo suốt bảy đời, nếu đi tu sẽ có năm trăm người tùy tùng. Vì mắt bị gậy (Samku) đâm, họ đặt tên chú là Samkicca.

Lên bảy tuổi, chú nghe bè bạn nói về thân thế của mình, hỏi lại bà con quả đúng như thế, chú quyết định đi tu. Bà con cũng đã có ý đó khi nghe lời thầy bói, nên hoan hỷ dẫn chú đến giao cho Trưởng lão Xá-lợi-phất xin nhận chú vào Tăng đoàn. Trưởng lão ưng thuận và dạy chú thiền quán trên năm yếu tố đầu tiên của thân. Ngay lúc dao cạo vừa chạm tóc, chú chứng A-la-hán. Đó là chuyện Sa-di Samkicca.

Do đó khi ba mươi vị vọng tộc xin vào rừng, Phật bảo hãy đến gặp Trưởng lão Xá-lợi-phất. Suy xét sự việc. Ngài hiểu ý Phật nên bảo họ để Sa-di Samkicca đi theo. Ban đầu họ từ chối vì nghĩ rằng không cần đến đứa bé bảy tuổi, nhưng được Trưởng lão giải thích chính họ mới là chướng ngại của Sa-di và đó là ý của Phật, họ bằng lòng.

Ba mươi mốt người từ giã Trưởng lão rời tinh xá. Họ du hành từ nơi này đến nơi khác và sau một trăm hai mươi dặm đường họ đến một làng có ngàn gia đình cư trú. Dân cư thấy họ hoan hỷ, hết lòng phục vụ những thứ cần dùng. Được biết họ đi tìm nơi thích hợp để tu, dân chúng quỳ lạy dưới chân xin họ ở lại đây hết mùa mưa, họ sẽ giữ năm giới và làm tròn bổn phận ngày chay. Được nhận lời, dân chúng sửa soạn chỗ ở ban ngày và ban

đêm, lối đi có mái che và lều cỏ. Họ chia bổn phận hàng ngày cho nhiều nhóm. Ai cũng làm phần mình không quá sức, tận tình phục vụ những thứ cần dùng.

Đầu mùa mưa các Trưởng lão thỏa thuận như sau:

- Chư huynh đệ! Chúng ta đã nhận đề mục thiền quá từ Đức Phật và muốn nhận được ân huệ của chư Phật không làm gì khác hơn là tinh tấn tu tập. Cửa khổ não vẫn đang mở rộng trước mặt; do đó chỉ trừ sáng sớm đi khất thực, buổi tối hầu hạ Đại Trưởng lão, các giờ khác không được tụ họp từ hai người trở lên. Ai có đau ốm, hãy đánh chuông, chúng ta sẽ đến lo thuốc men. Từ bây giờ trở đi bất luận ngày đêm, chúng ta hãy chú tâm chuyên cần vào đề mục thiền quán.

Rồi mọi người trở về chỗ của mình.

Lúc đó có một người nghèo sống nhờ vào đứa cháu gái, nhưng nó hất hủi nên ông phải đi tìm đứa cháu khác nương náu. Ông đến chỗ các Tỳ-kheo đang ngồi trên bãi cát thọ thực sau khi khất thực trong làng về và kính cẩn đứng một bên. Các Tỳ-kheo hỏi thăm, thương hại ông và chia phần cơm trộn với xúp và cà ri trên một chiếc lá. (Đúng theo luật là khi có người đến vào giờ cơm, nếu không có món ngon nhất thì chia món đang ăn dù ít nhiều cũng được). Ăn xong ông hỏi thăm và khi biết các Tỳ-kheo không nhận lời mời ăn của ai cả mà đi khất thực hàng ngày trong khi ông phải làm quần quật cả ngày mà chưa bao giờ được ăn như thế, do đó ông có ý định đi theo các Tỳ-kheo hầu hạ.

Hai tháng trôi qua, vì tận tụy làm việc, ông được cảm tình của các Tỳ-kheo. Muốn thăm cháu, nhưng sợ các Tỳ-kheo không cho, ông bỏ trốn.

Ông đến một khu rừng có năm trăm tên cướp đã sống ở đó. Chúng cầu nguyện với thần sống ở đó, nếu có ai vào trong rừng sẽ giết để tế thần. Và chúng gặp ngay ông lão, vây bắt, trói lại thật chặt rồi chất củi, đốt lửa, vót cọc gỗ nhọn. Ông lão ngạc nhiên hỏi, hóa ra chúng chuẩn bị làm thịt ông để tế thần. Sợ chết khủng khiếp, ông quên hết lòng tốt của các Tỳ-kheo đối với ông mà chỉ làm mọi cách để cứu mạng mình. Do đó ông chỉ cho bọn cướp chỗ ở của ba mươi mốt Tỳkheo để chúng bắt làm vật tế thần, chắc chắn thần sẽ vui mừng hơn. Còn ông thì già cả, chỉ ăn đồ thừa. Bọn cướp nghe ông nói có lý, bèn bảo ông dẫn đường

đến tinh xá. Đến nơi chẳng thấy ai, ông lão bảo thủ lãnh đánh chuông, thế là các Tỳ-kheo tụ đến và ngồi xuống ghế đá thẳng hàng đặt sẵn ở đó. Đại Trưởng lão của hội chúng thấy bọn cướp liền hỏi ai đánh chuông và lý do gì. Chúng bảo cần một Tỳ-kheo để tế thần. Đại Trưởng lão lấy quyền huynh trưởng quyết định rằng ông sẽ đi nạp mạng, đừng để số phận của tất cả phải chết, hãy ở lại tu tập. Nhưng Đệ nhị Trưởng lão cũng lên tiếng. Bổn phận của huynh trưởng người thứ hai phải gánh lấy, tức là tôi sẽ ra đi, những người ở lại phải chuyên tâm chánh niệm.

Cứ thế cả ba mươi Tỳ-kheo xếp hàng đòi đi, dù không cùng cha cùng mẹ nhưng đã thoát khỏi mọi trói buộc nên ai cũng muốn hy sinh mình vì người khác.

Sa-di Samkicca nghe các Tỳ-kheo nói

như thế cũng quyết định xin đi, nhưng các Tỳ-kheo không cho vì sợ Trưởng lão Xá-lợi-phất trách cứ sao nỡ giao đệ tử của Ngài cho bọn cướp. Tuy thế Sa-di vẫn nhất quyết bảo rằng chính vì lý do này mà Trưởng lão thầy mình bảo đi theo các Tỳ-kheo, và chú còn xin được tha thứ nếu có lầm lỗi điều chi. Rồi chú Sa-di ra đi, các Tỳ-kheo mắt đẫm lệ, lòng xốn xang. Đại Trưởng lão bảo bọn cướp khi sửa soạn lửa, cọc nhọn, trải lá, đừng để cho chú thấy kẻo sợ. Bọn chúng mang chú Sa-di đi, đến chỗ hành lễ. Khi mọi việc đã xong chú ngồi xuống, nhập định. Tên thủ lãnh vung kiếm chém xuống vai chú. Nhưng lưỡi kiếm cong làm hai, lưỡi chạm lưỡi. Tên cướp uốn thẳng lưỡi kiếm chém nhát nữa. Lần này lưỡi kiếm bị mẻ nứt từ cán đến mũi như một lá cỏ.

Tên thủ lãnh giật mình thấy sự kỳ diệu.

"Thanh kiếm này trước đây chém trụ đá hay gốc keo như chém chồi non, nay bị cong và nứt. Một vật vô hình như thanh kiếm mà còn biết đức hạnh của thiếu niên này, huống hồ một người có lý trí là ta". Nghĩ thế nên hắn quăng kiếm, phủ phục xuống chân Sa-di thưa:

- Tôn giả! Chúng tôi đã ở trong rừng này, dù cả ngàn người mà thấy chúng tôi từ xa, ai cũng đều run rẩy, còn hai hay ba người thì chẳng dám thốt một lời. Nhưng Ngaì chẳng mảy may run sợ. Khuôn mặt Ngài rạng ngời như vàng ròng trong lò hay đóa hoa Kanikàra nở to, vì sao thế?

Và hắn lặp lại câu hỏi bằng bài kệ:

Ngài không run, không sợ. Hơn nữa, thật an tĩnh. Tại sao Ngài không khóc, Lúc khủng khiếp

như vậy?

Sa-di xuất định, thuyết pháp cho bọn cướp:

- Này thủ lãnh! Người nào thoát khỏi dục lậu thì xem cuộc đời như gánh nặng trên đầu, và nếu bị hoại diệt, chỉ có vui chứ không sợ.

Và chú nói kệ tiếp:

Này thủ lãnh! Người thoát khỏi tham dục Sẽ không còn khổ nữa. Này, người chứng kiến! Kẻ đã thoát buộc ràng, Sẽ chẳng còn sợ chi. Nhân luân hồi tử sanh, Nếu đời này diệt được, Chết không còn đáng sợ, Như gánh nặng quẳng đi.

Tên thủ lãnh lắng nghe Sa-di xong, nhìn năm trăm tên cướp hỏi chúng có ý định gì. Chúng hỏi lại hắn, hắn đáp:

- Ta quá ngạc nhiên về sự kỳ diệu này, và giờ đây không còn muốn sống đời gia đình nữa. Ta sẽ đi tu với Sa-di.

Cả bọn nhao nhao lên đòi đi tu theo, và chúng cúi mình trước Sa-di xin gia nhập Tăng đoàn. Dùng gươm, tên, chúng cạo đầu, cắt vạt áo, và nhuộm với đất nâu. Sa-di bảo chúng khoác y vàng và truyền mười giới cho. Rồi thầy trò ra đi đến các Trưởng lão để các Ngài yên tâm hành thiền. Quả thế, trông thấy chú, các Ngài nhẹ nhõm chào mừng. Chú xin phép dẫn các tân tu sĩ đến gặp Phật và thầy của chú. Trưởng lão Xá-lợi-phất và cả Phật đều hỏi thăm năm trăm đệ tử của Sa-di. Và Phật bảo họ:

- Này các Tỳ-kheo, dù chỉ sống một ngày an trụ trong đức hạnh như các ông đang sống, còn hơn sống trăm năm đắm sâu trong tội ác cướp bóc.

Xong, Ngài đọc Pháp Cú:

(110) Dầu sống một trăm năm, Ác giới, không thiền định, Tốt hơn sống một ngày, Trì giới, tu thiền định.

Sau thời gian làm tròn bổn phận, Sadi Samkicca thành Tỳ-kheo. Được mười năm, chú độ con của người chị làm Sa-di tên Atimuttaka. Đến đúng tuổi chú Sa-di được Trưởng lão Samkicca gởi về nhà hỏi lại cha mẹ tuổi chính xác. Trên đường đi chú bị năm trăm tên cướp bắt định tế thần. Chú thuyết pháp cải hóa chúng, và được chúng thả ra với điều

kiện không được nói với ai về sự có mặt của chúng. Sa-di giữ lời hứa, nên khi thấy cha mẹ đi ngược chiều về phía bọn cướp chú vẫn nín thinh. Cha mẹ chú bị ngược đãi trong tay bọn cướp, khóc lóc trách móc chú đã thông đồng với bọn cướp, nên không thông tin cho biết trước. Bọn cướp nghe được lời trách móc, biết chú bé đã giữ lời hứa, nên phát lòng tin, xin được gia nhập Tăng đoàn. Giống như thầy của chú trước kia, chú thu nhận hết và dẫn đến Trưởng lão Samkicca rồi đến gặp Thế Tôn. Phật nghe chuyện bèn dạy câu Pháp Cú như trên (110).

10. Tỳ Kheo Và Kẻ Cướp

Ai sống một trăm năm ...

Phật đã dạy câu trên tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Khànu Kondanna.

Trưởng lão này nhận đề mục thiền quán từ Thế Tôn, vào rừng ẩn tu và chứng Ala-hán. Muốn trình với Phật sở chứng của mình, Ngài rời rừng trở về. Đường dài mệt mỏi, Ngài ngồi trên một tảng đá nhập định. Bấy giờ một bọn cướp năm trăm tên đang đánh phá một ngôi làng. Chiến lợi phẩm được gói trong nhiều bao tùy theo sức mỗi người. Và chúng đội lên đầu đi xa. Mệt quá chúng đến nghỉ tại một mỏm đá. Lầm tưởng Trưởng lão là cội cây, chúng đặt các bao quanh Ngài, có một bao kê ngay đỉnh đầu, rồi lăn xuống ngủ.

Hừng đông chúng thức dậy ôm bao bị lên, thấy Trưởng lão tưởng là ác thần nên vụt bỏ chạy. Trưởng lão vội kêu họ lại:

- Cư sĩ, đừng sợ. Tôi là Sa-môn.

Họ đồng thanh thưa:

- Xin tha lỗi cho chúng con, Tôn giả. Chúng con lầm Ngài với một gốc cây.

Riêng tên chúa đảng lên tiếng đi tu theo Trưởng lão. Và cả bọn đều đồng lòng, y như chuyện Sa-di Samkicca. Trưởng lão chấp thuận, và từ đó người ta gọi Ngài là kondanna Gốc Cây, Khànu Kondanna.

Ngài dẫn họ đến Thế Tôn, và được Phật dạy:

- Các Tỳ-kheo, dù chỉ sống một ngày có tu tập trí quán còn hơn sống trăm năm tạo nghiệp điên cuồng như thế.

Xong Phật đọc Pháp Cú:

(111) Ai sống một trăm năm, Ác tuệ, không thiền định, Tốt hơn sống một ngày, Có tuệ, tu thiền định.

11. Lưỡi Dao Cạo

Ai sống một trăm năm ...

Tại Kỳ Viên, Phật đã dạy như thế, liên quan đến Trưởng lão Sappadàsa.

Tại Xá-vệ, một chàng trai gia thế nghe Phật thuyết pháp, đi tu và được nhận vào Tăng đoàn. Sau một thời gian bất mãn, chàng tìm cách tự sát vì nghĩ rằng thà chết hơn làm một tu sĩ.

Một hôm, sáng sớm, các Tỳ-kheo đến

tinh xá sau khi thọ thực, thấy một con rắn trong Pháp đường, nằm ở lò sưởi, liền bỏ vào bình, đậy lại mang ra ngoài tinh xá. Tỳ-kheo bất mãn thấy thế liền giành mang ném bình đựng rắn, cốt cho rắn cắn để chết. Ông đến một chỗ vắng ngồi xuống, thọc tay vào bình quậy tới quậy lui nhưng nó không cắn. Thậm chí ông mở miệng rắn, chọt ngón tay vào nó cũng không cắn, ông ném nó đi cho đó là rắn hiền, không phải là rắn độc. Và ông kể lại cho các Tỳ-kheo ở nhà y như thế. Họ không chịu là rắn hiền vì nó phùng mang, rít lên, bắt nó phát mệt. Nhưng khi ông ta bảo là nó không chịu cắn dù làm mọi

cách, họ im luôn.

Tỳ-kheo bất mãn vốn là người hớt tóc cho cả tinh xá. Một hôm ông đến tinh xá cầm theo hai, ba dao cạo. Một để trên sàn, một cạo tóc. Lần đó ông nghĩ sẽ lấy

dao cắt đứt họng tự tử. Rồi ông tựa cổ lên một cành cây, dí lưỡi dao vào khí quản. Trong tư thế đó, ông phản quán về thái độ cư xử của mình trong thời gian làm bổn phận của một Sa-di, và nhận rằng hạnh kiểm của mình tốt đẹp như mặt trăng sáng trong hay châu ngọc chiếu sáng. Ông vui mừng khắp toàn thân. Nén vui, ông khai triển Minh-sáttuệ và chứng A-la-hán cùng các thần thông. Ông buông dao cạo và trở vào tinh xá. Gặp các Tỳ-kheo khác hỏi chuyện, ông thưa thật, và kết luận thay vì cứa cổ với dao cạo, ông đã cứa bỏ tham dục với dao trí tuệ. Các Tỳ-kheo không tin, thưa chuyện với Thế Tôn. Phật nghe kể, bảo:

- Các Tỳ-kheo! Người đã thoát khỏi tham dục thì không thể dứt mạng sống của chính mình.

Họ hỏi Phật tiếp:

- Bạch Thế Tôn! Ngài bảo người này đã trừ hết tham dục, tại sao đã có khả năng chứng A-la-hán mà còn bất mãn? Sao ông có đủ khả năng chứng quả? Sao ông không bị rắn cắn?

- Các Tỳ-kheo! Chuyện đơn giản là con rắn đó là nô lệ của ông ta ở kiếp trước, nên không dám cắn chủ.

Và Ngài kể lại vắn tắt nguyên nhân. Do đó Tỳ-kheo này có tên là Sappadàsa (Người có rắn làm nô lệ).

Chuyện quá khứ

11A. Bất Mãn Và Tham Đắm

Vào thời Phật Ca-diếp, một chàng trai

thế phiệt nghe Phật thuyết pháp đi tu. Hết thời gian làm tròn bổn phận, ông bất mãn. Tỳ-kheo bạn khuyên bảo và kể đời sống gia đình bất lợi như thế nào. Ông nghe theo và tiếp tục tu.

Một hôm, ngồi trên bờ hồ rửa pháp cụ bụi bám suốt thời gian ông bất mãn, ông nói với Tỳ-kheo bạn định sẽ cho pháp cụ khi có ý định hoàn tục. Ông kia nghe thế nổi lòng tham nên giở giọng ta thán đời sống xuất gia: "Sống làm chi mà cầm bình bát ăn mày từ nhà này sang nhà khác, còn bị cấm chuyện trò với vợ con! Vả lại nếu anh bạn có ở lại hay ra khỏi Tăng đoàn thì cũng chẳng hề hấn ai!" Thế rồi ông này ca tụng thêm đời sống gia đình. Tỳ-kheo trước đây bất mãn bây giờ trở lại bất mãn. Nhưng chợt nghĩ tại sao ông bạn mình trước đây ta thán đời sống gia đình, bây giờ lại ca tụng. Và

ông cũng chợt hiểu là ông bạn thèm muốn pháp cụ của mình.

(Hết Chuyện Quá Khứ)

- Như thế, này các Tỳ-kheo! Một Tỳkheo vì đã bất mãn thời Phật Ca-diếp nên bất mãn thời hiện tại, và vì thiền định suốt hai mươi ngàn năm nên bây giờ đủ duyên lành chứng A-la-hán.

Các Tỳ-kheo nghe xong, hỏi Phật tiếp một câu nữa:

- Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo này bảo đã chứng A-la-hán ngay khi lưỡi dao chạm cổ họng. Có thể nào chứng quả thời gian ngắn như thế không?

Phật bảo:

- Đúng vậy, các Tỳ-kheo. Một Tỳ-kheo phấn đấu hết sức mình có thể chứng quả khi nhấc chân lên, khi đặt chân xuống đất, hoặc cả ngay khi bàn chân chạm đất. Vì một người phấn đấu hết sức mình dù chỉ một khắc còn hơn là sống lười biếng cả trăm năm.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(112) Ai sống một trăm năm, Lười nhác, không tinh tấn, Tốt hơn sống một ngày, Tinh tấn tận sức mình.

12. Patàcàrà Bị Mất Cả Gia Đình

Ai sống một trăm năm ...

Phật dạy như thế tại Kỳ Viên, do chuyện Tỳ-kheo-ni Patàcàrà.

Bà là con gái một gia đình giàu có ở Xávệ, gia sản lên đến bốn trăm triệu. Nhan sắc bà tuyệt đẹp, mười sáu tuổi được cha mẹ cho ở tầng chót tòa nhà bảy tầng, canh gác cẩn thận. Tuy vậy bà vẫn thông gian với gia đồng của mình. Cha mẹ đã hứa gả cho một chàng trai đồng giai cấp và ngày cưới gần kề, bà bảo tên gia đồng rằng hắn sẽ không bao giờ có được quà cáp để đến thăm bà ở bên chồng, do đó hắn hãy tìm cách mang bà đi khỏi nơi này, nếu thật sự thương yêu bà. Và họ đồng ý trốn đi. Đến ngày hẹn, bà dậy sớm, ăn mặc dơ bẩn, tóc tai rối bù, còn bết thêm bụi đỏ vào mình, cầm bình đựng nước, giả bộ ra ngoài kiếm nước để đến chỗ hẹn. Rồi cả hai đi thật xa đến một làng nọ sinh sống. Chồng trồng trọt

gom củi và lá trong rừng. Vợ xách nước, giã gạo, nấu ăn, làm việc nội trợ. Bà lãnh quả báo của tội lỗi mình.

Khi có mang, bà muốn về nhà cha mẹ sinh nở để được giúp đỡ nhưng anh chồng không chịu, sợ họ bắt tội và hành hạ mình. Bà đòi nhiều lần vẫn không được, nên khi chồng vào rừng bà gởi nhà cho hàng xóm rồi về nhà cha mẹ. Anh chồng trở về hay được, rượt theo bắt bà trở lại. Nhưng đến một nơi bà chuyển bụng sinh được một bé trai. Cả hai lại trở về nhà. Lần sau có mang, bà cũng bỏ về nhà cha mẹ như trước. Anh chồng tìm theo cũng bắt bà trở lại. Và trên đường về bất ngờ một cơn bão lớn thổi tới. Mưa như trút, sấm sét không ngừng. Đúng lúc đó bà chuyển bụng. Anh chồng cầm rìu tìm cách che chòi cho bà lâm bồn. Thấy bụi cây trên ụ mối, anh ta vừa chặt xuống

thì rắn độc trườn ra cắn chết, thân nóng như lửa, thịt tím ngắt.

Patàcàrà đau bụng dữ dội, chờ hoài không thấy chồng trở lại. Rồi bà sanh đứa thứ hai. Cả hai đứa không chịu nổi gió mưa, khóc thét lên. Bà chỉ có cách áp chúng vào ngực, úp mình xuống chịu trận như thế suốt đêm. Toàn thân như không còn chút máu, thịt như chiếc lá vàng úa.

Hừng đông hôm sau, bà lên đường, tay ôm đứa mới sinh đỏ hỏn trong lòng, tay kia đưa cho đứa lớn nắm. Ba mẹ con thất thểu đi theo đường anh chồng đã đi, và thấy anh nằm chết gần ụ mối. Bà than khóc ai oán rồi đi tiếp. Đến bờ sông Aciravatì nước dâng cao, nhiều chỗ

đến thắt lưng. Bà quá yếu không thể lội qua với hai đứa con. Để đứa lớn bên này, bà đem đứa nhỏ qua sông, bẻ một nhánh cây trải đặt nó lên, rồi quay trở lại. Vừa bơi vừa nhìn ngoái lại, đến giữa dòng thấy một con diều hâu sà xuống quắp đứa bé. Bà hốt hoảng xua tay hét lên: "Bay đi, bay đi!". Nhưng nó không nghe vì quá xa, và chộp đứa bé bay mất. Bên này đứa con lớn thấy mẹ quơ tay tưởng gọi mình, cũng bò xuống sông, bị nước cuốn mất. Chồng bị chết, con đứa thì bị chim tha, đứa thì nước cuốn, bà rên rỉ như thế và đi tiếp đến Xá-vệ. Gặp một người từ trong thành đi ra, bà hỏi thăm về gia đình mình. Ông kia biết nhưng hình như không muốn nói đến. Bà cứ hỏi riết buộc ông phải nói sự thật là gia đình đó cả nhà bị sập đè chết hết. Hàng xóm và thân nhân vừa thiêu họ xong, khói còn bốc lên trên giàn hỏa từ xa vẫn trông

thấy. Bà nghe xong nổi điên ngay, y phục tuột hết mà không hay biết. Bà trần truồng như thuở mới sinh, lang thang khóc lóc thở than:

Hai con ta đã chết, Chồng ta chết giữa đường. Cha mẹ và anh cũng, Được thiêu trên lửa hừng.

Ai thấy bà cũng đều la lên: "Đồ điên, đồ điên!" Kẻ ném rác, kẻ tung bụi vào bà.

Lúc ấy Thế Tôn ngụ ở tinh xá Kỳ Viên, đang thuyết pháp giữa hàng môn đệ. Ngài trông thấy bà từ xa và biết bà đã viên mãn một trăm ngàn kiếp, tròn lời nguyện và đạt đến cứu cánh.

(Thời Phật Padumuttara, bà đã thấy một Tỳ-kheo-ni được tuyên bố là đệ nhất

thông hiểu giáo pháp, được Phật mở cửa trời Đế Thích cho vào Lạc Viên. Vì thế bà phát nguyện xin được một vị Phật công nhận là Tỳ-kheo Ni đệ nhất thông hiểu giáo pháp. Phật Padumuttara nhìn tương lai biết bà sẽ được như nguyện, nên thọ ký vào thời Phật Cồ-đàm bà tên là Patàcàrà sẽ được đúng như lời nguyện).

Do đó Thế Tôn khiến bà đến tinh xá. Các Tỳ-kheo la lên bảo nhau đừng để bà điên vào. Nhưng Phật bảo cứ để bà đến, rồi nói với bà:

- Này chị, hãy tỉnh trí!

Nhờ thần lực của Phật, bà lập tức khôi phục tâm trí. Ngay đó bà nhận ra y phục mất hết, cảm thấy xấu hổ và sợ tội, bà vội úp mình xuống đất. Một người ném

cho bà y khoác. Mặc xong, bà phủ phục dưới chân Phật thưa:

- Bạch Thế Tôn, con xin quy y Ngài, nương tựa Ngài. Con có một đứa con bị diều tha, một đứa bị nước cuốn. Chồng con chết, cha mẹ anh em cũng chết.

Phật bảo:

- Patàcàrà, đừng phiền muộn. Ngươi đã đến với người có thể là nơi ẩn trú, nơi che chở, nơi nương tựa cho ngươi. Những điều ngươi kể đều đúng cả. Cho đến ngày nay, qua biết bao nhiêu vòng luân hồi, ngươi đã khóc vì mất con, mất người thân, nước mắt rơi nhiều hơn nước bốn biển.

Và Ngài nói kệ sau:

Nước bốn biển ít hơn So với lệ nước đổ Vì sợ và quẩn trí, Tại sao còn phóng dật?

Thế Tôn giảng về luân hồi từ vô thủy. Ngài nói tới đâu đau buồn của bà giảm tới đó. Ngài nói tiếp:

- Patàcàrà, đối với một người trên đường qua bên kia thế giới thì không có con cái, bạn bè hay thân quyến nào làm nơi trú ẩn hay nương tựa. Ngươi có thể trông đợi họ được bao lâu trong cuộc đời này? Người trí phải biết thanh lọc đạo hạnh của mình, và như thế sẽ thanh lọc con đường dẫn đến Niết-bàn.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(288) Một khi tử thần đến, Không có con che chở, Không

cha, không bà con, Không thân thích che chở.

(289) Biết rõ ý nghĩa này, Bậc trí lo trì giới, Mau lẹ làm thanh tịnh, Con đường đến Niết-bàn.

Cuối bài kệ Patàcàrà chứng quả Dự lưu, và tham dục trong tâm nhiều như bụi đại địa, cháy tiêu hết. Nhiều người khác cũng chứng quả Tư-đà-hàm và A-nahàm. Bà xin Phật gia nhập Tăng đoàn, được nhận và gởi tới Ni chúng. Bà đã làm tròn bổn phận, và vì tánh tình vui vẻ nên được tên là Patàcàrà.

Một hôm, bà múc nước đầy bình và xối rửa chân. Nước chảy ra đất thấm xuống hết. Lần thứ hai nước chảy xa hơn rồi cũng thấm hết. Lần thứ ba xa hơn nữa rồi cũng thấm hết. Bà lấy đó làm đề mục

thiền quán. Tức là nước đổ lần đầu giống như chúng sanh qua đời lúc tuổi nhỏ. Lần thứ hai khi tuổi thanh xuân, và lần thứ ba lúc đã già.

Thế Tôn ngồi trong hương thất, phóng quang ảnh đến trước mặt bà bảo:

- Patàcàrà, sống một ngày hay trong chốc lát mà thấy được sự sanh diệt của ngũ uẩn còn hơn là sống trăm năm chẳng thấy gì hết.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(113) Ai sống một trăm năm, Không thấy pháp sanh diệt, Tốt hơn sống một ngày, Thấy được pháp sanh diệt.

Cuối bài kệ, bà chứng A-la-hán cùng các

thần thông.

13. Kisà Gotamì - Hạt Cải Trị Bệnh Cho Đứa Con Đã Chết.

Ai sống một trăm năm ...

Thế Tôn đã dạy câu trên tại Kỳ Viên, liên quan đến bà Kisà Gotamì.

13A. Kisà Gotamì Kết Hôn Với Con Một Thương Gia Giàu Có

Có một thương gia tài sản lên đến bốn trăm triệu sống ở Xá-vệ. Thình lình của cải biến hết thành than. Ông quá đau khổ, bỏ ăn, nằm liệt giường. Một người bạn đến thăm hỏi chuyện khuyên ông đừng buồn, mà hãy trải chiếu trong cửa

hàng, chất than lên và ngồi đó bán. Ông bạn nói tiếp:

- Sẽ có người đến nói: "Hầu hết nhà buôn thì bán quần áo, vải vóc, dầu, mật mía; còn ông ngồi đây bán than". Ông sẽ đáp: "Nếu tôi không bán thứ gì thuộc về tôi, thì tôi làm gì chứ?". Nhưng rồi lại có người nói: "Hầu hết nhà buôn thì bán quần áo, vải vóc, dầu, mật, mật mía, còn ông thì ngồi đây bán vàng". Ông sẽ hỏi: "Vàng đâu?". Người đó đáp: "Kìa!". Ông bảo: "Lấy tôi xem!". Người đó sẽ đưa cho ông một nắm than, ông nên cầm lấy, bụm kín trong hai tay, rồi úm ba la! Nó sẽ biến thành vàng. Nếu đó là một cô gái thì cưới cho con trai ông, nếu là chàng trai thì gả con gái cho hắn. Rồi ông giao bốn trăm triệu cho cô dâu hay chàng rể đó, họ sẽ nuôi sống ông.

Thương gia thấy ý kiến hay nên nghe theo. Mọi việc xảy ra đúng như lời ông bạn đã nói. Và đó là một cô gái con nhà nghèo tên là Gotamì, nhưng vì quá ốm nên thường gọi là KisàGotamì. Cô làm dâu nhà thương gia, mười tháng sau sanh một bé trai, nhưng đứa bé qua đời khi mới biết đi.

13B. Kisà Gotamì Tìm Hạt Cải Trị Bệnh Cho Đứa Con Đã Chết.

Kisà Gotamì chưa bao giờ thấy cái chết. Do đó khi người ta mang đứa bé đi thiêu, bà ngăn cản không cho, và bế con trên hông đi từ nhà này đến nhà khác kiếm thuốc cứu con. Người ta bảo là bà điên rồ vì không ai đi tìm thuốc cứu chữa cho đứa bé đã

chết. Nhưng bà vẫn đi vì nghĩ rằng thế nào cũng tìm được thuốc chữa cho con bà.

Một bậc trí giả thấy bà và hiểu hoàn cảnh, bảo bà đến gặp Phật. Bà đảnh lễ Thế Tôn, đứng một bên và thưa hỏi:

- Bạch Thế Tôn, có thật như người ta đã nói, Ngài biết thuốc chữa cho con của con không?

Phật đáp:

- Phải, ta biết.

- Con phải kiếm những gì?

- Một nhóm hạt cải trắng.

- Con sẽ đi tìm, nhưng biết nhà ai có?

- Nhà nào không có con trai, con gái hay bất cứ ai chết.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Bà bế con vào làng, đến từng nhà hỏi xin hạt cải. Họ đưa cho bà, nhưng khi hỏi nhà có ai chết không, thì được biết người sống thì ít, người chết thì nhiều, bà đành trả hạt cải. Đi đến chiều cũng không nhà nào có hạt cải đúng theo ý Phật. Bà chợt hiểu không phải chỉ mình bà mất con, mà trong làng này người chết nhiều hơn người sống. Lòng bà trước đây yếu mềm vì tình mẹ, nay cứng cỏi hẳn lên. Bà mang đứa bé vào rừng, đặt xuống đất rồi đi gặp Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và đứng một bên.

Thế Tôn hỏi:

- Ngươi có được hạt cải không?

Bà đáp:

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Làng nào người chết cũng nhiều hơn người sống.

- Thật hão huyền nếu ngươi nghĩ rằng chỉ mình ngươi mất con. Ai cũng chịu định luật bất hiếu, đó là: "Thần chết, như một dòng nước lũ, quét sạch mọi chúng sanh ra biển hoại diệt, trong khi lòng tham đắm của họ chưa thỏa".

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(287) Người tâm ý đắm say, Con cái và súc vật, Tử thần bắt người ấy, Như lụt trôi làng ngủ.

Cuối bài kệ, Kisà Gotamì chứng quả Dự lưu. Nhiều người khác cũng chứng quả Dư Lưu, Nhị và Tam quả. Bà xin gia nhập Tăng đoàn, được Thế Tôn thuận và giao cho Ni chúng. Sau thời gian làm tròn bổn phận, bà được tên là ni cô Kisà Gotamì.

Một hôm thắp đèn trong giảng đường bốtát, bà chăm chú nhìn ngọn lửa. Vài ngọn lóe sáng, vài ngọn chập chờn tắt. Bà lấy đó làm đề mục thiền quán: Chúng sanh trên thế gian cũng như ngọn đèn, chợt sáng chợt tắt, chỉ khi đạt Niết-bàn mới chấm dứt.

Thế Tôn ngồi trong hương phất phóng quang ảnh đến trước mặt bà dạy:

- Chúng sanh như ngọn lửa, chợt sáng chợt tắt. Người nào đến Niết-bàn mới

chấm dứt. Do đó dù chỉ sống trong khoảnh khắc mà chứng Niết-bàn, còn hơn sống trăm năm không thấy biết Niếtbàn.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(114) Ai sống một trăm năm, Không thấy câu bất tử, Tốt hơn sống một ngày, Thấy được câu bất tử.

Cuối bài kệ, Kisà Gotamì chứng A-la- hán cùng các thần thông.

14. Góa Phụ Bahuputtikà Và Những Đứa Con Bất Hiếu.

Ai sống một trăm năm...

Tại Kỳ Viên, do Bahuputtikà, Thế Tôn đã dạy câu trên.

Một gia chủ Xá-vệ có bảy con trai và bảy con gái, tất cả đều lập gia đình và được hạnh phúc. Về sau người cha chết, bà mẹ là một cư sĩ nổi tiếng tiếp tục trông nom tài sản chồng. Các con trai bà muốn thừa hưởng gia tài, nên bảo với mẹ là không lẽ họ không nuôi bà nổi sao mà cần phải ôm giữ của cải? Họ nói nhiều lần, bà nghe cũng có lý nên chia gia tài ra làm hai và cho hết các con.

Vài ngày sau, cô dâu trưởng nói với mẹ chồng:

- Rõ ràng là chỉ có nhà này là mẹ tuyệt vời của chúng con thăm viếng. Làm như con trưởng được thừa hưởng đến hai phần gia tài không bằng!

Mấy cô dâu khác cũng hùa nhau nói xỉa nói xói như thế. Rồi đến con gái, từ đứa lớn đến đứa út cũng y khuôn. Bị đối xử tàn tệ như thế, bà không muốn sống với các con nữa, mà định xuất gia. Bà đến ni viện xin được gia nhập Tăng đoàn. Sau thời gian làm tròn bổn phận, bà được đặt tên là ni cô Bahuputtikà.

Trong lúc làm việc lớn nhỏ do các Tỳkheo giao phó, bà thường tự nhắc mình là đi tu khi đã lớn tuổi, do đó, phải tinh tấn, chánh niệm, ngồi thiền suốt đêm. Dưới nền đất thấp, bà vịn tay vào cột lần bước và thiền quán. Khi đi kinh hành sợ đêm tối đụng đầu vào gốc cây hay các vật khác, bà vịn cây bước đi và thiền quán, quyết tâm tuân theo pháp Phật dạy, tư và tu.

Phật ngồi trong hương thất, phóng quang

ảnh đến trước mặt bà, nói:

- Bahuputtikà, dù sống trăm năm không nghe pháp Ta dạy và thiền quán, cũng không bằng sống một ngày thấy được pháp tối thượng.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(115) Ai sống một trăm năm, Không thấy pháp tối thượng, Tốt hơn sống một ngày, Thấy được pháp tối thượng.

IX. Phẩm Ác 1. Bà La Môn Tiểu Nhất Y

Hãy gấp làm điều lành ...

Thế Tôn dạy câu trên khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến Bà-la-môn Tiểu Nhất Y (Culla Ekasàtaka).

Bà-la-môn Đại Nhất Y (Mahà Ekasàtaka) thời Phật Tỳ-bà-thi (Vipassi) kiếp hiện tại tái sanh ở Xá-vệ tên Tiểu Nhất Y. Ông chỉ có độc một nội y, vợ ông cũng vậy, và cả hai xài chung một ngoại y. Như vậy khi Bà-la-môn hoặc vợ ra khỏi cửa thì người kia phải ở nhà. Một hôm người ta loan báo có thuyết pháp tại tinh xá. Cả hai thỏa thuận đi nghe pháp: bà ban ngày còn ông ban đêm. Ngồi trước mặt Thế Tôn, toàn thân ông hoan hỷ uống từng giọt pháp, vì thế ông phát tâm cúng dường. Nhưng nếu dâng y này đến Thế

Tôn thì không còn ngoại y nào cho cả hai người.

Một ngàn niệm ích kỷ không dâng y nổi

lên bên trong, thì có một niệm sùng tín lại muốn dâng y. Hai bên tranh chấp lẫn nhau mãi cho đến khi canh một trôi qua và canh hai lại đến. Và rồi ông vẫn chưa dâng y lên Thế Tôn. Đến canh cuối, Bàla-môn nghĩ rằng hai canh đã trôi qua, nếu cứ giằng co mãi và nếu niệm vị kỷ gia tăng mạnh mẽ thì sẽ không nhấc đầu ra khỏi bốn đường khổ. Do đó ông quyết cúng dường. Lấy y đặt dưới chân Thế Tôn, ông kêu to ba lần: "Ta đã chiến thắng".

Vua Ba-tư-nặc xứ Kosala tình cờ cũng dự thính, nghe thế ngạc nhiên, bảo quân lính hỏi chuyện, rồi thưởng cho ông một cặp y, Bà-la-môn lại cũng dâng y này cho Thế Tôn. Vua lại tặng ông gấp đôi, tức là lần thứ nhất hai bộ y, rồi bốn bộ, tám bộ, cuối cùng mười sáu bộ. Bà-la-môn dâng hết cho Như Lai. Nhà vua lại tặng ba

mươi hai bộ còn lại. Dù Bà-la-môn có dâng hết những gì ông có đến một trăm lần, vua cũng vẫn đáp ứng tương xứng (Trong một tiền kiếp Đại Nhất Y giữ hai bộ trong sáu mươi bốn bộ nhận được)

Vua thấy Bà-la-môn làm một việc rất khó làm, nên ra lệnh tìm hai cái mền trong phòng thiết triều mang tặng ông, mền đó trị giá đến một ngàn đồng. Bà-la-môn tự thấy mình không xứng đáng đắp, nhưng mền đó thích hợp với giáo đoàn của Phật, nên ông lấy làm màn, một tấm treo trong hương thất để che giường của Thế Tôn, và một tấm treo trong nhà mình để che nơi các Tỳ-kheo thường đến thọ thực.

Buổi tối, vua đến thăm Thế Tôn, nhận ra mền, hỏi Phật, thì ra là Tiểu Nhất Y cúng dường. Như vậy khi vua có niềm tin và

hạnh phúc với niềm tin đó, thì người Bàla-môn này cũng thế, sau đó vua tặng cho ông bốn voi, bốn ngựa, bốn ngàn đồng, bốn phụ nữ, bốn tỳ nữ và bốn ngôi làng tốt nhất.

Các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường:

- Ồ! Việc làm của Tiểu Nhất Y thật lạ lùng! Ông đã nhận được thật nhanh quà tặng mỗi thứ bốn cái! Ngay khi ông làm việc thiện, phước báo đến liền.

Thế Tôn đến hỏi, và nghe kể xong, Ngài bảo:

- Các Tỳ-kheo! Nếu Tiểu Nhất Y cúng dường cho Ta vào canh đầu, ông đã nhận quà tặng mỗi thứ mười sáu cái. Nếu vào canh giữa, ông đã nhận mỗi thứ tám cái. Nhưng vì để trễ đến canh cuối, nên ông

chỉ nhận mỗi thứ bốn cái. Ai làm việc thiện đừng chần chờ, mà phải làm tức khắc. Một việc công đức làm chậm trễ đem lại phước báo cũng chậm trễ.

Do đó ta phải làm việc thiện ngay khi có sự thôi thúc trong lòng.

Nói xong, Ngài đọc Pháp Cú:

(116) Hãy gấp làm điều lành, Ngăn tâm làm điều ác. Ai chậm làm việc lành, Ý ưa thích việc ác.

2. Một Tỳ Kheo Bất Mãn

Nếu người làm điều ác...

Khi ngụ tại Kỳ Viên. Thế Tôn đã dạy câu trên do chuyện Trưởng lão Seyyasaka.

Trưởng lão Seyyasaka là Tỳ-kheo bạn của Trưởng lão Làludàyi. Ông bất mãn với giới luật đời tu, và kể cho bạn ông, người đã xúi giục ông vi phạm giới luật đầu tiên của Tăng già. Sau đó ông thường bất mãn và cứ phạm giới như thế. Phật nghe được gọi ông đến hỏi, ông nhìn nhận, và Ngài đã răn dạy:

- Người tham dục! Tại sao ông phạm lỗi trầm trọng như thế? Tư cách của ông đâu được phép như thế!

Sau đó Ngài bắt ông phải tuân hành giới luật, và nhắc ông rằng:

- Hành động như thế chắc chắn dẫn đến đau khổ, cả đời này và đời sau.

Xong, Phật đọc Pháp Cú:

(117) Nếu người làm điều ác, Chớ tiếp tục làm thêm. Chớ ước muốn điều ác, Chứa ác tất chịu khổ.

3. Thiên Nữ Với Tỳ Kheo

Nếu người làm điều thiện...

Thế Tôn đã dạy câu trên tại Kỳ Viên, liên quan đến tiên nữ Làjà. Câu chuyện bắt đầu ở Vương Xá.

Khi Tôn giả Đại Ca-diếp ngụ ở hang Tiêu, Ngài nhập định bảy ngày, rồi xuất định. Quan sát bằng thiên nhãn những nơi sắp đi khất thực, Ngài trông thấy một

phụ nữ canh giữ cánh đồng đang rang những bông lúa vừa gom được, và biết người này có niềm tin, khôn ngoan và tháo vát, sẽ giúp đỡ Ngài và sẽ được phước báo nhiều.

Rồi Ngài đắp y, ôm bát đến đứng gần ruộng lúa. Bà thấy Ngài, phát tín tâm, toàn thân hoan hỷ, và nhanh nhẹn đi lấy gạo rang, trút vào bình bát, xong đảnh lễ Ngài và ước nguyện:

- Bạch Tôn giả! Xin cho con được tham dự vào giáo pháp mà Ngài đã thấy.

Trưởng lão hứa khả. Tín nữ chào Ngài và trở về, lòng cứ nghĩ đến sự cúng dường cho Ngài. Nhưng khi tín nữ bước trên đường dọc theo ruộng lúa, đến chỗ có con rắn độc trước đây không cắn được Trưởng lão vì y vàng phủ kín chân, nó bò

ra và cắn bà té sấp xuống đất, và bà đã chết trong tín tâm. Bà tái sinh lên cõi trời Ba mươi ba như người ngủ thức dậy, trong một thiên cung bằng vàng rộng ba mươi ba dặm, vóc dáng cao bằng ba phần tư dặm, mặc một thiên y dài mười hai dặm làm nội y và một thiên y bằng như thế làm ngoại y, với một ngàn thiên nữ tùy tùng. Cổng chính

thiên cung trang hoàng, có treo một bình vàng đầy hạt lúa bằng vàng do công đức kiếp trước dâng gạo rang cho Trưởng lão Đại Ca-diếp, và cũng thấy mình không chuyên cần. Do đó bà muốn phục dịch việc lớn nhỏ đối với Trưởng lão để được cứu độ chắc chắn.

Sáng sớm, bà đến phòng Trưởng lão quét dọn sạch sẽ với chổi vàng và đồ hốt rác bằng vàng, rồi đi lấy nước uống. Trưởng lão thấy thế cứ tưởng mấy người cận sự

hay Sa-di làm. Vào ngày thứ hai, rồi ngày thứ ba thiên nữ cũng làm thế. Trưởng lão nhìn qua lỗ khóa khi nghe tiếng quét, thấy thân sáng chói của bà, ngạc nhiên hỏi:

- Ai đang quét đó?

Bà đáp:

- Chính con đây, Tôn giả! Nữ cư sĩ của Ngài, thiên nữ Làjà.

- Tôi không có nữ cư sĩ tên đó.

Bà kể lại mọi sự. Tôn giả không bằng lòng, bảo bà đi đi. Bà năn nỉ:

- Tôn giả, đừng xua đuổi con. Xin cho phép con hầu hạ Ngài để chắc chắn được cứu độ.

Trưởng lão vẫn cương quyết:

- Thiên nữ, hãy đi ngay! E rằng về sau các Pháp sư được cầm quạt ngũ sắc và ngồi xuống, sẽ có lý do để nói có một thiên nữ đến hầu hạ và lấy nước cho Trưởng lão Đại Ca-diếp. Đừng đến đây nữa hãy đi nơi khác!

Thiên nữ vẫn một mực nài nỉ. Thấy bà không chịu nghe lời mình, Ngài bảo:

- Cô chẳng biết chỗ của mình.

Và Ngài búng ngón tay tỏ vẻ khinh bỉ. Thiên nữ không dám ở lại, bay lên không, vòng tay cất tiếng:

- Tôn giả! Đừng hủy bỏ thành quả của con, hãy để con được cứu độ.

Rồi đứng yên giữa trời than khóc.

Thế Tôn ngồi ở hương thất tại Kỳ Viên nghe được, liền phóng quang ảnh đến trước mặt thiên nữ bảo:

- Thiên nữ! Đại Ca-diếp, đệ tử Ta, quả có bổn phận phải tự chế. Nhưng ai muốn tạo công đức phải quyết tâm xem đó là việc cần thiết, và thừa nhận tạo công đức là bổn phận duy nhất của mình. Thật vậy, đời này và đời sau chỉ có việc thiện đem đến hạnh phúc.

Rồi Ngài đọc Pháp Cú:

(118) Nếu người làm điều thiện, Nên tiếp tục làm thêm. Hãy ước muốn điều thiện, Chứa thiện, được an lạc.

4. Cấp Cô Độc Và Nữ Thần

Người ác thấy là hiền...

Câu này Thế Tôn dạy ở Kỳ Viên, liên quan đến Cấp Cô Độc.

Trưởng giả Cấp Cô Độc đã chi hết năm trăm bốn mươi triệu của cải cho Tăng đoàn của Phật tại tinh xá Kỳ Viên, một ngày ba lần đến hầu hạ Thế Tôn. Nghĩ rằng những người tập sự và Sa-di hay để ý ông sẽ mang gì cúng dường, nên không bao giờ ông đến tinh xá tay không. Sáng sớm, ông thường đem cháo. Sau giờ thọ thực, ông mang bơ tươi và thuốc men. Buổi chiều mang hương, hoa, cao (mỡ bôi) và y phục.

Dần dần ông nghèo đi, vì ngoài phần cúng dường ông đã cho các nhà buôn mượn một trăm tám mươi triệu, chưa kể một trăm tám mươi triệu dành cho gia đình chôn giấu tại bờ sông đã trôi ra biển lúc đất lở. Tuy thế ông vẫn cúng dường chúng Tăng như trước, dù thức ăn không được ngon lành nữa.

Một hôm Thế Tôn hỏi ông:

- Gia chủ vẫn mang vật thực từ nhà đến cúng dường Tăng chúng chứ?

Ông thưa:

- Vâng, bạch Thế Tôn. Nhưng thức ăn chỉ có cháo chua, vừa ít vừa dở.

- Gia chủ đừng nên buồn phiền khi nghĩ rằng đã dâng lên Thế Tôn thức ăn tồi.

Nếu ý định thanh tịnh thì món gì dâng lên chư Phật và những vị khác không thể gọi là xấu tệ được. Ông đã dâng cúng lên tám bậc Thánh. Trước đây trong thời Velàma. Ta đã quấy động toàn nước Ấn Độ với rất nhiều phẩm vật, nhưng không khuyên được ai thọ Tam quy. Khó mà tìm được người xứng đáng để dâng cúng. Do đó đừng phiền muộn khi nghĩ rằng món dâng của ông dở tệ.

Nói xong, Thế Tôn đọc kinh Velàma.

Khi Thế Tôn và các Thánh đệ tử bước vào nhà ông Cấp Cô Độc, nữ thần ngụ trên cổng không thể ở lại đó, vì sức mạnh thiện đức của các Ngài. Cô định sẽ xúi giục gia chủ đừng trung thành với các Ngài, để các Ngài không vào nhà nữa. Lúc tài sản của ông đang cực thịnh, nữ thần dù có nói ông cũng không nghe, bây

giờ nghèo ông sẽ sẵn sàng để ý đến lời cô. Do đó ban đêm cô đến phòng Trưởng giả tự giới thiệu và khuyên ông phải nghĩ đến tương lai; ông đã phung phí biết bao vào Giáo đoàn của Phật, bây giờ nghèo rồi ông vẫn cúng dường, nếu ông vẫn tiếp tục như thế mãi thì chẳng bao lâu ông sẽ không còn một hột cơm lót lòng, hay một mảnh vải che thân. Cô còn lên giọng kẻ cả dạy thêm:

- Sa-môn Gotama có ích lợi gì cho ông? Đừng dại dột phung phí nữa, hãy để tâm vào chuyện làm ăn và tạo cơ may.

Trưởng giả ngồi im lắng nghe hết, rồi mới bảo:

- Đây là điều mà cô đến khuyên tôi có phải không? Thế thì, hãy cút đi! Dù cố thuyết trăm, ngàn lần như thế cô cũng

chẳng lay chuyển được tôi. Cô đã nói với tôi những điều không đáng nói. Việc gì cô phải ở trong nhà tôi chứ? Hãy ra khỏi nhà tôi tức khắc!

Nữ thần không thể không tuân theo lời nói của một cư sĩ đã chứng quả Dự-lưu, nên lập tức đem con ra khỏi nhà ông.

Nhưng sau đó cô không thể tìm ra chỗ nào khác để ở. Cô đến vị trời cai quản thành kể tội lỗi của mình, xin ông đến nhà Trưởng giả thuyết phục ông tha thứ và cho cô ở lại. Nhưng vị trời từ chối, vì cô đã nói điều không đáng nói. Cô đến Tứ thiên vương, nhưng họ cũng từ chối với cùng một lý do. Rồi cô cầu cứu với thiên chủ Đế Thích. Ngài bày cho cô khoác y phục của quản gia Trưởng giả, ghi danh sách tài sản của ông đã phân tán, tức là một trăm tám mươi triệu cho

nhà buôn mượn, một trăm tám mươi triệu bị cuốn ra biển và một trăm tám mươi triệu không ai giữ ở nơi này nơi nọ, và dùng thần lực đòi và gom lại, xong chất vào kho trống của ông. Làm như vậy để chuộc lỗi, và sau đó xin ông tha thứ cho cô. Nữ thần vâng theo. Công việc hoàn thành, cô đứng trên không chiếu hào quang xuống phòng Trưởng giả trình bày các việc đã làm, và xin ông cho cô chỗ ở, vì hiện nay cô không tìm được nơi nào, nên rất là vất vả mệt nhọc.

Cấp Cô Độc dẫn cô đến bậc Toàn Giác, bảo kể lại mọi sự. Nữ thần úp mặt trước Thế Tôn thưa:

- Bạch Thế Tôn! Vì điên rồ con không nhận ra công đức to lớn của Ngài, và đã nói lời xấu ác, xin tha thứ cho con.

Như thế nữ thần đã xin lỗi Thế Tôn lẫn Trưởng giả, và được Thế Tôn khuyên nhủ:

- Ngay trong đời này, Đại Trưởng giả! Một kẻ làm ác vẫn cảm thấy tốt lành chừng nào hành động ác của họ chưa chín muồi. Nhưng ngay khi hành động ác chín muồi, họ sẽ chỉ thấy xấu. Cũng thế, một người lành thấy việc xấu dữ bao lâu việc thiện của mình chưa chín muồi, nhưng ngay khi hành động thiện chín muồi, họ chỉ thấy tốt lành.

Nói xong Ngài đọc Pháp Cú:

(119) Người ác thấy là hiền, Khi ác chưa chín muồi. Khi ác nghiệp chín muồi, Người ác mới thấy ác.

(120) Người hiền thấy là ác, Khi thiện chưa chín muồi. Khi thiện nghiệp chín muồi, Người hiền thấy là thiện.

5. Tỳ Kheo Không Giữ Gìn Tốt Đồ Dùng

Chớ chê khinh điều ác...

Thế Tôn đã dạy câu tên khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến một Tỳ-kheo không giữ gìn tốt đồ dùng.

Tỳ-kheo này hay vất đồ dùng ra ngoài trời như là giường, ghế, ... bị nắng mưa hay mối mọt ăn mòn, chẳng bao lâu rã ra từng mảnh. Các huynh đệ nhắc nhở ông sao không cất giữ bảo quản, ông thản

nhiên bảo đó là lỗi nhẹ, không đáng mất công suy nghĩ và giận dữ. Rồi ông cứ thế làm hoài. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Ông được Phật kêu lên hỏi, và trả lời như cũ, tức là coi thường việc mình làm.

Thế Tôn bèn dạy:

- Các Tỳ-kheo, đừng bao giờ hành động như thế. Đừng bao giờ xem một việc làm xấu là việc nhỏ. Mà nói rằng đó chỉ là việc nhỏ. Vì khi bình nước mở miệng và mưa rơi xuống, chắc chắn một giọt nước không thể làm đầy được, nhưng khi mưa mãi mưa hoài nước sẽ đầy tới miệng. Như thế, từng chút một, người phạm lỗi tích lũy một đống tội lớn.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(121) Chớ chê khinh điều ác,

Cho rằng "chưa đến mình" Như nước nhỏ từng giọt, Rồi bình cũng đầy tràn. Người ngu đầy tội ác, Do chất chứa dần dần.

Cuối bài pháp, nhiều người chứng quả Dự-lưu, Nhị quả và Tam quả. Rồi Phật tuyên giới:

- Ai không đem giường ngoài trời vào mà nói rằng đó chỉ là việc nhỏ sẽ phạm tội.

6. Chưởng Khố Chân Mèo

Chớ chê khinh điều thiện...

Do chuyện chưởng khố Chân

Mèo Bilalapàdaka, Thế Tôn dạy câu trên khi ngụ tại Kỳ Viên.

Ngày xưa, dân chúng ở Xá-vệ họp từng nhóm cúng dường Tăng đoàn của Phật. Khi hồi hướng công đức, Thế Tôn bảo:

- Các cư sĩ, trên thế gian này ai bố thí nhưng không khuyến khích người khác bố thí, ở kiếp sau sẽ có phước báo về tài sản, nhưng không có phước báo được nhiều người theo. Nếu không tự mình bố thí mà chỉ khuyên người khác bố thí, thì sẽ có phước báo được nhiều người theo, nhưng không có tài sản. Không tự mình bố thí và cũng không khuyên người bố thí, thì sẽ không có phước báo nào hết. Nhưng người vừa tự mình bố thí vừa khuyên người khác bố thí, sẽ nhận được cả hai phước báo về tài sản và tùy tùng.

Một người trí đứng nghe Phật thuyết như thế liền phát tâm cúng dường, và thỉnh Thế Tôn đến thọ thực tại nhà ngày mai với hết thảy Tỳ-kheo. Được hứa khả, cư sĩ vào làng, đi khắp nơi kêu gọi cúng dường cháo và thức ăn khác; mỗi người sẽ lo cho một số Tỳ-kheo tùy sức, nhưng sẽ nấu chung một chỗ và dâng cúng chung.

Một chưởng khố thấy cư sĩ đến tiệm mình, cho rằng thay vì anh ta mời số ít Tỳ-kheo theo sức mình, lại cố mời đông đủ rồi khuyên cả làng cúng dường, nên nổi giận, tuy vậy ông vẫn bảo mang bình tới. Rồi ông lấy một nhúm gạo trong ba ngón tay đưa cho cư sĩ, cũng thế mỗi thứ đậu ông cho một chút. Do đó sau này ông có tên là Chân Mèo.

Và khi cho bơ và đường ông đặt cái rổ trong bình của cư sĩ, chừa lại một góc trống để ông nhỏ

từng giọt một, và chỉ cho rất ít. Cư sĩ đặt phần của ông riêng với người khác. Chưởng khố sanh nghi nên sai tiểu đồng đi theo cư sĩ. Chú thấy cư sĩ vừa bỏ hai, ba hột gạo vào cháo và bánh, chia những hột đậu, vài giọt dầu và các viên đường vào tất cả bình, vừa nguyện cho chưởng khố được nhiều phước báo. Chú về kể lại y như thế, nhưng nghe xong chưởng khố vẫn còn hậm hực, định bụng nếu bị cư sĩ đó khiển trách giữa hội chúng, sẽ đánh và giết ông ta ngay khi nghe nêu tên mình trên môi.

Ngày kế chưởng khố giấu con dao trong nếp y và đến đứng ở trai đường chờ cư sĩ đưa Tăng đoàn của Phật và. Tiếng thưa thỉnh của cư sĩ vang lên:

- Bạch Thế Tôn! Do con gợi ý, tất cả những người này cúng dường lên Phật

gạo và các phẩm vật khác theo khả năng từng người. Nguyện cho tất cả mọi người đều được nhiều phước báo.

Chưởng khố nghe được, trong lòng cảm thấy hổ thẹn, nghĩ rằng nếu không xin lỗi một người tốt như thế, hình phạt của vua sẽ rơi xuống đất. Vì thế, ông phủ phục dưới chân cư sĩ kể lại tự sự, và xin được tha thứ, Thế Tôn thấy thế, hỏi người tổ chức cúng dường, biết chuyện và dạy lại như sau:

- Này đệ tử! Đừng bao giờ xem một việc thiện là việc nhỏ, và bảo rằng đó là việc mọn. Người trí tạo công đức, trong một thời gian sẽ được đầy đủ công đức, như một bình nước mở miệng đựng đầy nước.

Nói xong, Phật đọc Pháp Cú:

(122) Chớ khinh chê điều thiện, Cho rằng "chưa đến mình". Như nước nhỏ từng giọt, Rồi bình cũng đầy tràn. Người trí đầy thiện đức, Do chất chứa dần dần.

7. Thương Gia Đại Phú

Ít bạn đường, nhiều tiền ...

Phật đã dạy câu này ở Kỳ Viên, liên quan đến thương gia Đại Phú.

Chuẩn bị cho một chuyến buôn xa, thương gia Đại Phú chất hàng hóa đầy năm trăm cỗ xe, và trước khi đi, nhắc các Tỳ-kheo ai muốn đi cùng sẽ không phải lo thiếu thức ăn dọc đường. Năm trăm

Tỳ-kheo lên đường với ông.

Trước đây có năm trăm tên cướp toan đột nhập vào nhà Đại Phú, nhưng thất bại. Bây giờ chúng nghe tin ông đi buôn, nên vào ẩn trong rừng đón đường. Trước khi băng rừng, ông dừng chân ở một làng nọ, nghỉ lại ba ngày, sắp đặt bò, xe và mọi thứ. Trong thời gian đó ông vẫn cung ứng đủ cho các Tỳ-kheo như thường lệ. Bọn cướp muốn chắc ăn, cho bộ hạ đi vào làng thám thính. Tên này dò la tin tức nơi bạn của hắn về ngày thương gia lên đường, nhưng hắn cũng dại dột khai ra bọn cướp đang chờ trong rừng. Người bạn này có lòng từ nên khuyên thương gia chớ đi tiếp. Ông bèn quyết định đi

vòng và trở về nhà. Tên bộ hạ trở vào làng và điều tra tiếp, biết thế bèn báo bọn cướp kéo nhau ra khỏi rừng, đón ở một điểm theo hướng ngược lại. Thương gia

cũng biết thế, nên cuối cùng ở lại. Ông đến cho các Tỳ-kheo hay, và các Tỳ-kheo ở lại hay không tùy ý.

Các Tỳ-kheo quyết định trở về Xá-vệ. Họ đến đảnh lễ Thế Tôn, cung kính ngồi một bên thưa chuyện, Thế Tôn nghe qua bèn dạy:

- Các Tỳ-kheo! Thương gia Đại Phú tránh con đường vì bọn cướp nằm chờ ông. Cũng vậy, các Tỳ-kheo phải tránh điều ác, nhìn ba cõi như con đường bị cướp bao vây.

Và Phật nói Pháp Cú:

(123) Ít bạn đường, nhiều tiền, Người buôn tránh đường hiểm. Muốn sống tránh thuốc độc, Cũng vậy, hãy tránh ác.

8. Người Thợ Săn Bắn Mê Muội

Bàn tay không thương tích...

Khi ngụ tại Trúc Lâm, Thế Tôn dạy câu trên do chuyện thợ săn Kukkutamitta.

Một cô gái con nhà giàu ở Vương Xá đến tuổi cập kê, được cha mẹ cho ở một phòng trên tầng chót tòa nhà bảy tầng với một tỳ nữ hầu hạ. Buổi chiều đứng ngay cửa sổ nhìn xuống đường, thấy người thợ săn cô bị tiếng sét ái tình. Thợ săn sống bằng nghề giết nai với năm trăm bẫy và năm ngàn giáo. Anh vừa giết năm trăm nai chất lên xe, và ngồi trên đầu xe vào thành để bán thịt.

Cô gái, theo tiếng gọi con tim, đưa quà

sai tỳ nữ mang tặng thợ săn, và hỏi ngày anh trở lại đây. Biết được ngày và chỗ, sáng sớm hôm sau, cô gói quần áo và nữ trang, mặc y phục tồi tàn, rời khỏi nhà với một số gia nhân và bình nước trên tay, như thể định đi đến bờ sống, nhưng thật sự đến chỗ thợ săn sẽ đi qua và đứng chờ. Anh thợ săn cũng đánh xe ra rất sớm. Cô thụt lại sau và theo anh. Chợt thấy cô gái anh ngạc nhiên hỏi:

- Cô là người lạ, không phải con gái những người tôi quen biết, xin đừng theo tôi nữa!

- Anh không mời nhưng tôi tự ý đến, xin im lặng và đánh xe đi!

Anh bảo cô về đi nhưng cô vẫn không nghe, còn nói thêm khi dịp may đến đừng để vuột mất. Người thợ săn biết

chắc là cô gái cố tình theo đuổi mình nên đỡ cô lên xe và tiếp tục cuộc hành trình. Cha mẹ cô tìm khắp nơi nhưng không thấy, cho là cô đã chết, họ làm tang lễ long trọng.

Về sống với thợ săn, cô sanh bảy người con trai. Chúng khôn lớn, cô có thêm bảy nàng dâu.

Sáng sớm, Thế Tôn quan sát thế gian thấy thợ săn cùng con trai con dâu hiện ra và biết mười lăm người này đủ duyên lành chứng quả Nhập lưu nên Ngài ôm bát đến chỗ thợ

săn giăng lưới. Hôm đó không có một con thú nào sa lưới. Phật để lại dấu chân tại một cái bẫy rồi đi đến một gốc cây ngồi xuống. Thợ săn đến, kiểm soát tất cả lưới từ đầu đến cuối, không được con thú nào. Thấy dấu chân Phật, anh cho là có người thả thú trong

bẫy ra. Anh nổi giận, và khi thấy Phật ngồi dưới gốc cây, anh đinh ninh đó là người phá hoại anh, nên giương cung nhắm bắn. Phật cho phép anh giương cung nhưng không cho phép anh bắn tức là anh đứng yên trong tư thế đó, không hạ tay cung, và cũng không lấy tên ra khỏi dây cung, miệng chảy nước miếng, mệt mỏi đến kiệt sức, như thể xương bị gãy lìa.

Đám con trai anh về nhà, đợi lâu không thấy anh, và được mẹ nhắc thêm, nên mang cung tên đi tìm. Đến nơi thấy cha mình đứng bất động, cho rằng người đứng đối diện là kẻ thù của cha, lập tức chúng giương cung. Thần lực của Phật cũng làm chúng chôn chân tại chỗ, không nhúc nhích. Rồi đến phiên bà mẹ cùng các con dâu lên đường đi tìm. Thấy chồng con đều đứng bất động, đang

nhắm bắn ai đó, bà tìm hiểu, thì ra họ nhắm bắn Thế Tôn. Bà dang hai tay đưa lên trời, vội kêu lên:

- Đừng giết cha ta! Đừng giết cha ta!

Anh thợ săn nghe thấy thế hoảng hồn, nghĩ mình quá độc ác, lầm lỡ định bắn cha vợ. Mấy đứa con trai cũng ân hận vì tính bắn ông ngoại mình. Rồi cả cha con lòng bỗng dịu lại, trở nên thân thiện. Phật biết nên cho họ hạ cung tên, cùng lúc tiếng con gái phú gia bảo ném cung tên đi. Rồi tất cả cúi mình trước Thế Tôn xin thứ lỗi, xong cung kính ngồi xuống một bên.

Thế Tôn thuyết pháp tuần tự cho họ. Cuối bài pháp, anh thợ săn, cùng bảy con trai và bảy con dâu đều chứng quả Dựlưu.

Sau đó Thế Tôn đi khất thực, thọ thực xong Ngài trở về tinh xá. Trưởng lão Anan chào đón và hỏi thăm Phật. Ngài cho biết thợ săn cùng các con đều phát nguyện tin Tam Bảo, niềm tin bất thối chuyển và đã từ bỏ sát sanh, riêng bà vợ đã chứng quả Dự-lưu trước, khi còn ở nhà cha mẹ.

Các Tỳ-kheo bàn tán chuyện này và thắc mắc bà vợ đã chứng quả Dự-lưu rồi mới lấy thợ săn, rồi còn đưa cung, tên, dao, lưới... cho chồng đi sát sanh. Người đã chứng quả Dự-lưu rồi sao còn sát sanh? Phật đến, nghe thế bèn dạy:

- Các Tỳ-kheo! Dĩ nhiên người chứng quả Dự-lưu thì không sát sanh. Vợ của thợ săn khi làm thế chỉ nghĩ vâng lệnh chồng, chứ không hề nghĩ sẽ đưa những thứ đó cho chồng đi sát sanh. Nếu tay

một người không bị thương thì dù có cầm thuốc độc trong tay, thuốc độc cũng không hại họ. Đúng vậy, người không nuôi tư tưởng lầm lỗi và không làm ác, có thể lấy cung hay các thứ tương tự đưa cho người khác mà vẫn vô tội.

Và Phật nói Pháp Cú:

(124) Bàn tay không thương tích, Có thể cầm thuốc độc. Không thương tích, tránh độc, Không làm, không có ác.

Vào một dịp khác, các Tỳ-kheo thảo luận, không hiểu vì sao thợ săn cùng các con chứng quả Dự-lưu, và tại sao anh tái sinh làm thợ săn. Phật nghe được bèn kể:

Chuyện quá khứ

8A. Chưởng Khố Thành Và Chưởng Khố Làng

Này các Tỳ-kheo! Ngày xưa người ta xây tháp để thờ xá lợi Phật Ca-diếp. Họ lấy chất "Orpiment", vàng và "Arsenic" nghiền thành bột làm hồ, với dầu mè làm nước. Rồi họ chặt những viên gạch làm hai đặt xen kẽ với những tảng vàng cho tường phía trong. Tường ngoài gồm những tảng vàng rắn chắc, mỗi tảng trị giá một trăm ngàn đồng. Khi tháp được xây lên đến chiều cao đựng thánh tích, họ kêu gọi đóng góp một số tiền lớn. Một chưởng khố trong làng là người đầu tiên cúng mười triệu vàng cho hòm đựng thánh tích. Dân chúng xầm xì rằng chưởng khố thành phố quả đã cúng tiền để xây tháp lộng lẫy nguy nga như thế, nhưng không muốn đóng tiền nhiều để làm người đứng đầu, do đó chưởng khố ở

làng thành người đứng đầu với số tiền mười triệu này. Chưởng khố thành phố nghe thế liền cúng hai mươi triệu. Chưởng khố làng leo thang ba mươi triệu. Cứ thế hai bên thi đua nhau tăng tiền nộp cúng, cuối cùng chưởng khố thành dâng tám mươi triệu. Chưởng khố làng lúc đó có chín mươi triệu, trong khi tài sản của chưởng khố thành đến bốn trăm triệu nên không thể tranh lại. Do đó ông quyết định không những dâng hết tài sản mà cả chính ông, với vợ, bảy con trai và bảy con dâu làm nô lệ cho tháp này. Dân chúng đồng ý là tiền có thể kiếm được nhưng người này cùng vợ con tất cả là mười sáu người, đã tự hiến mình, rất là hãn hữu nên để ông đứng đầu.

Tuy danh nghĩa là nô lệ cho tháp nhưng dân chúng vẫn để họ tự do và chỉ có họ được coi sóc tháp. Mạng chung, họ tái

sanh cõi trời và ở đó suốt thời gian giữa hai đức Phật. Thời Phật hiện tại người vợ sanh làm con gái phú gia. Thợ săn chính là chồng cũ của cô. Do đó khi gặp lại tình cảm trước kia phát sinh:

Do liên hệ từ trước, Hay lợi thế hiện tiền, Tình yêu lại nảy sanh, Như đóa sen trong nước. Cả con trai và con dâu đều gặp lại kiếp này.

Do công đức coi sóc ngôi tháp kiếp trước mà hiện đời được chứng quả Dự lưu.

(Hết Chuyện Quá Khứ)

9. Thợ Săn Bị Bầy Chó Của Mình Nuốt Sống

Hại người không ác tâm...

Thế Tôn dạy câu này ở Kỳ Viên liên quan đến thợ săn Koka.

Sáng sớm, thợ săn Koka vào rừng với cung tên và bầy chó săn theo sau. Hắn trông thấy bên lề đường một Tỳ-kheo đang vào làng khất thực. Hắn bực bội vì cho rằng gặp một

kẻ xúi quẩy. Không biết có phải vì thế không, mà anh ta sục sạo trong rừng cả ngày chẳng được con thú nào. Còn Trưởng lão khất thực và thọ thực xong trở về tinh xá. Cả hai gặp nhau, và thợ săn vẫn còn tức tối, lùa chó đến cắn Trưởng lão dù Ngài van xin hắn. Ngài vội vã trèo lên cây, bầy chó vây quanh dưới gốc. Thợ săn cay cú nói với theo:

- Đừng tưởng thoát khỏi nanh vuốt của ta

nhé!

Rồi hắn lấy mũi tên đâm vào bàn chân Trưởng lão. Ngài van xin nhưng hắn mặc kệ, cứ đâm hết nhát này tới nhát kia, cho đến khi bàn chân Ngài nát bét. Ngài kéo chân đó lên và thò chân kia xuống. Hắn lại đâm tiếp. Ngài lại kéo chân kia lên. Ngài quá đau nhức, như thể ngồi trên ngọn đuốc, đến nỗi không còn chú ý đến chuyện gì hết, chiếc y ngoài rơi xuống mà Ngài chẳng hay, và chiếc y chụp xuống đầu thợ săn trùm đến chân.

Bầy chó tưởng đó là Trưởng lão rớt trên cây xuống, chúng luồn dưới chiếc y kéo ra nhai sống anh thợ săn đến trơ xương. Chui ra khỏi đống y, chúng đứng đợi. Trưởng lão bẻ một cành cây khô ném xuống. Thấy Trưởng lão chúng mới biết là đã ăn thịt chủ mình, liền cong lưng

chạy tót vào rừng.

Trưởng lão bất an khi thấy anh thợ săn mất mạng vì chiếc y của mình. Ngài trở về kể đầu đuôi câu chuyện cho Thế Tôn, và hỏi Phật không biết mình vô tội hay có còn là tu sĩ không. Thế Tôn trả lời:

- Tỳ-kheo! Sự vô tội của ông vẫn nguyên vẹn, ông vẫn là một tu sĩ. Người nào xúc phạm đến người vô tội sẽ bị diệt vong. Đây không phải là lần đầu, mà trong tiền kiếp tên thợ săn cũng đã từng phạm tội như thế.

Và Phật kể lại:

Chuyện quá khứ

9A. Y Sĩ Độc, Bầy Trẻ Và Con Rắn Độc

Xa xưa, một y sĩ đi quanh làng kiếm việc làm, tìm không ra việc mà quá đói, ông chợt có ý định cho rắn độc cắn đám trẻ con đang chơi quanh cổng, để có cơ hội chữa vết thương cho chúng mà kiếm cơm. Ông bỏ con rắn vào một lỗ cây, cho thò đầu ra ngoài, dụ mấy đứa nhỏ rằng đó là con chim Sàlikà hãy lại bắt mà chơi. Một đứa trẻ chạy tới nắm cổ rắn kéo ra khỏi lỗ. Ngay khi thấy con rắn trong tay, nó hét lên và ném lên đầu y sĩ đang đứng gần đấy. Rắn quấn quanh vai ông, và ông chết vì bị rắn cắn.

Thế Tôn kết luận:

- Như vậy trong một tiền kiếp, chính thợ săn Koka này đã xúc phạm người vô tội và bị diệt vong.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(125) Hại người không ác tâm, Người thanh tịnh, không uế. Tội ác đến kẻ ngu, Như ngược gió tung bụi.

10. Thợ Kim Hoàn, Tỳ Kheo Và Con Ngỗng

Một số sinh bào thai...

Phật đã dạy như thế khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Tissa, người thường đến thợ kim hoàn khất thực.

Trưởng lão này đã thọ thực tại nhà một người thợ kim hoàn hình như suốt mười hai năm. Ông bà chủ nhà phục vụ Ngài một cách tận tình, xem đó như bổn phận của bậc cha mẹ.

Một hôm đang ngồi chặt thịt, có Trưởng lão ngồi đối diện, thợ kim hoàn nhận một viên ngọc của vua Ba-tự-nặc gởi đến bảo chùi sạch, dùi lỗ xong trả vua. Tay dính máu ông vẫn cầm lấy viên ngọc bỏ vào hộp rồi vào phòng trong rửa tay. Ông có nuôi một con ngỗng trong nhà, rất cưng quí. Ngửi thấy mùi máu nó cho viên ngọc là miếng thịt nên nuốt chửng trước mắt Trưởng lão. Thợ kim hòa quay trở lại không thấy viên ngọc đâu hỏi vợ con, nhưng không ai biết. Ông nghi cho Trưởng lão đã lấy. Bà vợ không đồng ý vì đã bao năm lui tới, Trưởng lão chưa hề sai sót. Nhưng ông bối rối quá, không biết làm sao nên cũng phải hỏi Trưởng lão, và xin Ngài trả lại viên ngọc. Trưởng lão xác nhận mình không lấy, nhưng lúc đó chỉ có hai người, nên thợ kim hoàn cứ đinh ninh ngoài Trưởng lão không ai có thể lấy viên ngọc được. Vì trị giá viên

ngọc quá lớn, mọi người trong nhà dù có làm nô lệ cũng không trả nổi, nên ông quyết định tra tấn Trưởng lão. Ông lấy y quấn quanh đầu Ngài và lấy gậy đập vào đầu Ngài. Máu tuôn xối xả từ đầu, tai, mũi và mắt của Ngài. Đau quá Ngài ngã lăn xuống đất. Con ngỗng đánh hơi máu, đến sát Trưởng lão liếm máu. Thợ kim hoàn trong cơn tức giận, thấy thế đá con ngỗng lăn ra chết tốt. Trưởng lão thấy vậy bảo nới y quanh đầu Ngài ra, hỏi thăm con ngỗng ra sao, và khi biết chắc nó đã chết, Ngài mới cho biết chính con ngỗng đã nuốt viên ngọc. Nếu con ngỗng không chết, thà ông chết hơn là nói sự thật. Mổ bụng ngỗng ra, thấy viên ngọc, thợ kim hoàn bủn rủn chân tay, tim ông đập loạn lên, ông gieo mình xuống chân Trưởng lão van xin:

- Hãy tha thứ cho con, Tôn giả. Vì vô

minh con đã làm như thế.

Trưởng lão bình thản đáp:

- Cư sĩ, tất cả không phải tại ông, cũng không phải tại tôi, chỉ có luân hồi chịu trách nhiệm việc này. Tôi tha thứ cho ông.

- Bạch Tôn giả, nếu thật sự Ngài tha thứ cho con, một lần nữa con xin Ngài hãy thường xuyên đến nhà và nhận cúng dường từ chính tay con.

- Cư sĩ, từ nay trở đi tôi sẽ không bước chân vào nhà của bất cứ ai. Tôi nguyện như thế, vì vào nhà người đã gây hậu quả như đã thấy. Từ nay trở đi, khi nào tôi còn đi được trên đôi chân, tôi chỉ nhận thức ăn trước cửa nhà mà thôi.

Trưởng lão đã quyết giữ Phạm hạnh. Và Ngài nói kệ sau:

Thức ăn nấu cho người trí, Một chút ở đó, ở đây, Từ nhà nọ đến nhà kia, Ta đi nhận vật tín thí, Trên khắp mọi miền ta qua, Khi còn đôi chân bền bỉ.

Chẳng bao lâu Trưởng lão nhập Niết-bàn vì trận đòn của thợ kim hoàn. Con ngỗng tái sanh vào bụng vợ thợ kim hoàn. Ông bị đọa xuống địa ngục còn bà sanh lên cõi trời.

Các Tỳ-kheo hỏi Thế Tôn về kiếp sau của họ, và được Phật cho biết:

- Các Tỳ-kheo! Chúng sanh trên thế gian, một số nhập thai lại, người ác đọa địa ngục, người thiện lên cõi trời, còn người

hết lậu hoặc thì vào Niết-bàn.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(126) Một số sanh bào thai, Kẻ ác sanh địa ngục, Người thiện lên cõi trời, Vô lậu chứng Niếtbàn.

11. Ba Nhóm Tỳ Kheo

Không trên trời, giữa biển...

Phật đã dạy như thế tại Kỳ Viên, liên quan đến ba nhóm người.

Chuyện hiện tại

11A. Con Quạ Bị Cháy

Một số Tỳ-kheo đến thăm Thế Tôn xong, rời tinh xá, vào làng khất thực. Dân làng lấy bát, phân phối chỗ ngồi trong nhà nghỉ và trong khi chờ dâng cúng, họ nghe pháp. Bỗng một ngọn lửa phụt cháy dưới nồi cơm đang nêm xốt và cà-ri, bắt lên mái tranh. Một nắm tranh cháy đỏ bung ra khỏi mái, bay lơ lửng trên không. Một con quạ bay qua đâm cổ vào nắm tranh ấy bị đốt cháy đến dòn rụm và rớt xuống đất. Mọi việc xảy ra trước mặt các Tỳ-kheo, thật khủng khiếp. Họ đồng lòng đến hỏi Thế Tôn xem kiếp trước con quạ đã làm.

Chuyện hiện tại

11B. Người Đàn Bà Bị Ném Xuống Biển

Một nhóm Tỳ-kheo thứ hai đi thăm Thế

Tôn trên một chiếc thuyền. Ra giữa biển thuyền bỗng đứng lại không nhúc nhích. Hành khách nghi có một tên xúi quẩy nên rút thăm xem là ai. Thăm rơi trúng vợ thuyền trưởng là một thiếu phụ trẻ đẹp. Họ đồng ý rút thăm lại, lần thứ hai rồi lần thứ ba cũng là vợ thuyền trưởng. Hành khách nhìn thẳng mặt ông hỏi ông bây giờ tính sao? Ông ra lệnh ném cô vợ xuống biển. Cô thét lên kinh hãi vì quá sợ chết. Thuyền trưởng bèn bảo tháo hết nữ trang, rồi vì không đủ can đảm chứng kiến cô vùng vẫy trên mặt biển, ông bảo cột bình cát vào cổ xong hãy ném. Khi thân cô chạm mặt nước, cá và rùa bơi đến rỉa thịt cô. Ngoài Thế Tôn không ai biết được kiếp trước cô đã là gì, vì thế các Tỳ-kheo

trên thuyền định sẽ hỏi Thế Tôn khi lên bờ.

Chuyện hiện tại

11C. Các Tỳ Kheo Bị Giam Trong Hang

Có bảy Tỳ-kheo lên đường đi gặp Thế Tôn. Họ đến tinh xá nọ vào buổi chiều. Lúc đó có bảy chiếc giường trong một thạch thất, và họ ngủ trong đó. Đêm khuya, một hòn đá lớn bằng ngôi chùa lăn từ dốc bên kia xuống và bít lối vào hang. Các Tỳ-kheo tại đó cùng với dân trong bảy làng hợp lực hết mình cùng với Tỳ-kheo bên trong đẩy hòn đá đi, nhưng không nổi. Suốt bảy ngày người bị nhốt đói meo; đến ngày thứ bảy, thình lình hòn đá tự động lăn khỏi miệng hang. Các khách tăng được trả tự do, họ chờ gặp Phật để hỏi nguyên nhân.

Trên đường đi, họ gặp hai nhóm Tỳ-kheo trước và chung đường đến gặp Phật, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

Tuần tự mỗi nhóm xin Phật giải thích và được nghe Phật kể:

Chuyện quá khứ

11D. Đốt Cháy Một Con Bò

- Này các Tỳ-kheo! Thuở xưa con quạ là một nông dân ở Ba-la-nại. Anh cố hết sức điều khiển con bò nhưng nó đi một chút lại nằm xuống, dù bị đánh. Anh nổi giận mắng nó:

- Tốt lắm! Từ phút này, mày sẽ nằm lại đây cho vừa lòng mày.

Anh lấy rơm quấn hết thân con bò rồi mồi lửa. Bò bị cháy đến dòn và chết ngay. Do hành động ác đó, anh ta chịu đau đớn trong địa ngục rất lâu, sau đó vì nghiệp báo chưa hết phải bảy lần liên

tiếp làm thân quạ bị đốt cháy.

Chuyện quá khứ

11E. Dìm Chết Một Con Chó

Người đàn bà này đã chịu đau đớn giống hệt một lần bà đã gây cho kẻ khác. Xưa, bà là vợ một gia chủ ở Ba-la-nại. Bà tự tay làm mọi việc trong nhà, từ lấy nước, giã gạo, nấu nướng, với một con chó ngồi một bên. Ra ngoài đồng gom lúa hay vào rừng nhặt củi, con chó cũng đi theo. Đám thanh niên thấy thế chọc ghẹo bà:

- A! Đây là thợ săn đi với con chó. Hôm nay chúng ta sẽ có thịt ăn đấy!

Bực mình, bà đánh chó, ném đá đất và đuổi nó đi. Nhưng chạy đi một quãng, nó

quay trở lại theo bà. (Trong kiếp trước, con chó là chồng bà, do đó tình cảm của nó đối với bà vẫn còn).

Bà rất tức giận, nhưng vẫn tiếp tục làm việc. Gom lúa đủ dùng, lượm một sợi dây cột vào chéo áo, bà về nhà, con chó vẫn lẽo đẽo theo sau. Lo bữa ăn cho chồng xong, bà lấy cái bình không ra hồ nước. Đổ cát đầy bình, bà nhìn quanh và nghe tiếng chó sủa bên

cạnh. Chó chạy đến, ngoắc đuôi mừng rỡ vì tưởng bà sẽ vui vẻ với nó. Bà nắm chặt cổ nó buộc vào một đầu dây, còn đầu kia cột bình nước, quăng xuống hồ. Con chó bị bình kéo xuống nước chết ngay. Hành động ác chín muồi, bà ta bị đọa rất lâu ở địa ngục. Sau đó nghiệp báo chưa hết, nên trong một trăm kiếp liên tiếp bà bị cột cổ vào bình cát ném xuống biển chết chìm.

Chuyện quá khứ

11F. Giam Cầm Một Con Cắc Kè

Cũng thế, này các Tỳ-kheo! Các ông phải chịu đau đớn y như lần đã gây cho người khác. Xưa, bảy chú mục đồng ở Ba-la-nại chăn một bầy gia súc từng đợt bảy ngày. Gặp một con cắc kè khổng lồ, mấy chú đuổi theo, nhưng nó đã nhanh chân chui vào ụ mối có bảy lỗ.

Mấy chú đành chịu thua, nhưng họ sẽ trở lại. Ngày mai mấy chú trở lại ụ mối, mỗi người lấy cây chà nhét bít mỗi lỗ, xong lùa bò đi nơi khác. Bảy ngày sau, nhớ đến con cắc kè, bảy chú mục đồng trở lại ụ mối moi lấy cây chà ra, cắc kè bò ra ngoài chẳng kể sống chết, chỉ còn da bọc xương, run lẩy bẩy. Bảy chú thương tình bảo nhau đừng giết nó, và còn vuốt lưng

chúc nó đi bình an. Do đó tuy bảy chú không rơi vào địa ngục, nhưng mười bốn kiếp liên tiếp thiếu thức ăn trong bảy ngày liền. Các Tỳ-kheo, các ông là bảy mục đồng ấy, và đó chính là hành động xấu ác mà các ông đã làm.

(Hết Chuyện Quá Khứ)

Như thế Phật đã trả lời câu hỏi của ba nhóm Tỳ-kheo, giải thích cả ba chuyện đã xảy ra. Một Tỳ-kheo vẫn còn thắc mắc, hỏi:

- Bạch Thế Tôn, một người làm ác không thể nào tránh hậu quả bằng cách bay lên không, lao xuống nước, hay trốn vào hang núi sao?

Phật đáp:

- Này các Tỳ-kheo! Không thể tìm ra nơi nào để trốn tránh, dù trên không, dưới biển hay trong lòng đất. Không nơi nào trên thế gian này có thể thoát khỏi hậu quả của việc làm ác.

Và Ngài nói Pháp Cú:

(127) Không trên trời, giữa biển, Không lánh vào động núi, Không chỗ nào trên đời, Trốn được quả ác nghiệt.

12. Suppabbuddha Lăng Nhục Đạo Sư

Không trên trời, giữa biển...

Phật đã dạy câu trên khi ngụ tại tinh xá Nigrodha liên quan đến vua Thiện

Giác (Suppabbuddha) họ Thích.

Vua Thiện Giác họ Thích không bằng lòng Thế Tôn vì Ngài đã bỏ con gái ông đi tu. Rồi con trai ông được nhận vào Tăng đoàn khiến ông hận thù thêm. Ông rắp tâm ngăn cản Thế Tôn đi đến nơi mời Ngài thọ thực. Một hôm ông ngồi giữa đường, uống rượu mạnh, đón Phật để cản đường. Được loan tin Phật và Tăng chúng sắp đến, ông thản nhiên bảo:

- Hãy bảo ông cứ đi đường ông. Ông không lớn hơn ta, ta sẽ không tránh đường.

Thế Tôn bị từ chối nhường đường nên quay trở về. Thiện Giác sai bộ hạ do thám xem Thế Tôn có nói gì không. Khi quay về, Trưởng lão A-nan hỏi Phật tại sao Ngài mỉm cười và được Phật giải

thích là vì vua Thiện Giác đã phạm lỗi nặng khi không chịu tránh đường cho một vị Phật đi qua, bảy ngày nữa nơi tầng trệt cung điện, ngay chân cầu thang, vua sẽ bị đất nuốt. Tên bộ hạ nghe được liền về báo lên vua. Thiện Giác vẫn còn căm hận nên quyết chứng minh Thế Tôn là người nói dối.

Vua cho mang hết các thứ cần dùng lên tầng cao nhất trong cung điện bảy tầng, sai dẹp cầu thang qua một bên và đóng cửa lại cài thanh ngang thật chắc, và có hai lực sĩ gác ở mỗi cửa. Vua dặn họ:

- Nếu ta có quên đi xuống, hãy làm ta trở lui.

Rồi vua vào ở trong căn phòng lộng lẫy trên tầng lầu thứ bảy. Thế Tôn nghe ông làm thế, bảo:

- Các Tỳ-kheo! Vua Thiện Giác sẽ không được như ý trên tầng lầu chót của cung điện. Dù ông ta bay lên trời, ngồi trong thuyền ra biển, hay vào trong lòng núi, lời của chư Phật cũng không thể nào sai chạy. Chắc chắn ông ta sẽ bị đất nuốt như Ta đã nói.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(128) Không trên trời, giữa biển, Không lánh vào động núi, Không chỗ nào trên đời, Trốn khỏi tay thần chết.

Bảy ngày sau, kể từ khi Thế Tôn bị cản đường, con ngựa chiến của vua bị xổng chuồng ở tầng trệt chạy chung quanh và đá vào tường này rồi đá vào tường khác. Vua đang ở tầng cao nhất nghe náo động liền hỏi và được trả lời tức thì. Đến khi

ngựa thấy vua, nó dịu xuống ngay. Vua muốn bắt nó nên đứng dậy ra phía cửa. Đúng lúc ấy cửa tự động mở, thang trở về chỗ cũ, lực sĩ gác cửa túm cổ ông ta ném xuống. Cũng y như thế cánh cửa của bảy tầng lầu tự động mở, các cầu thang trở về chỗ cũ, và lực sĩ gác cửa nắm cổ ông ném xuống. Khi vua chạm đến tầng trệt, đại địa nứt ra nuốt sống ông ta và ông bị đọa vào địa ngục A-tỳ.

X. Phẩm Hình Phạt 1. Lục Quần Tỳ Kheo

Mọi người sợ hình phạt...

Thế Tôn đã dạy như thế tại Kỳ Viên, liên quan đến lục quần Tỳ-kheo.

Mười bảy vị Tỳ-kheo vừa sửa soạn xong chỗ ở thì nhóm Lục quần Tỳ-kheo tới bảo:

- Chúng ta lớn hơn, chỗ này thuộc về chúng ta.

Mười bảy vị kia không chịu vì sửa soạn trước nhất. Lục quần Tỳ-kheo liền đánh các Tỳ-kheo huynh đệ của mình. Khủng khiếp vì sợ chết, họ gào đến bể phổi. Thế Tôn nghe tiếng la thét hỏi chuyện, rồi Ngài ban hành giới luật về việc hành hung:

- Các Tỳ-kheo! Từ nay trở đi, một Tỳ- kheo không được hành hung. Ai làm điều này là phạm tội.

Và Ngài dạy tiếp:

- Này các Tỳ-kheo! Ta phải nhớ rằng cũng như ta, người khác run rẩy trước gậy gộc và sợ chết. Do đó chớ đánh hay giết người.

Phật đọc Pháp Cú:

(129) Mọi người sợ hình phạt, Mọi người sợ tử vong. Lấy mình làm ví dụ, Không giết, không bảo giết.

2. Lục Quần Tỳ Kheo

Mọi người sợ hình phạt...

Thế Tôn đã dạy như thế tại Kỳ Viên, vì nhóm Lục quần Tỳ-kheo.

Câu chuyện cũng tương tự như trên. Khi Lục quần Tỳ-kheo tấn công nhóm mười bảy Tỳ-kheo, nhóm sau có cử chỉ đe dọa. Thế Tôn cũng nghe tiếng gào thét, kêu đến hỏi, và ban hành giới luật:

- Các Tỳ-kheo! Từ nay trở đi, không Tỳ- kheo nào được làm như thế. Ai làm điều này là phạm tội.

Và Ngài dạy tiếp:

- Này các Tỳ-kheo! Một Tỳ-kheo phải biết, cũng như ta người khác cũng run sợ trước gậy gộc, và cũng như ta người khác cũng ham sống. Nhớ nghĩ điều này trong tâm, không được đánh hay giết người khác.

Phật đọc Pháp Cú:

(130) Mọi người sợ hình phạt, Mọi người ưa sống còn. Lấy mình làm ví dụ, Không giết, không bảo giết.

3. Một Bầy Trẻ

Chúng sanh cầu an lạc...

Do chuyện bầy trẻ con, Thế Tôn đã dạy câu trên tại Kỳ Viên.

Nhân đi vào Xá-vệ khất thực, Thế Tôn thấy một đám trẻ lấy gậy đánh rắn. Ngài hỏi vì sao, chúng bảo vì sợ rắn cắn. Phật liền dạy:

- Nếu các con đánh rắn này vì nghĩ rằng như thế sẽ bảo vệ được hạnh phúc của

mình, hậu quả là sau này tái sanh vào các nơi khác nhau các con sẽ không được hạnh phúc. Ai tìm hạnh phúc cho mình thì không đánh đáp kẻ khác.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(131) Chúng sanh cầu an lạc, Ai dùng trượng hại người, Để an lạc cho mình, Đời sau không an lạc.

(132) Chúng sanh cầu an lạc, Không dùng trượng hại người, Để an lạc cho mình, Đời sau được an lạc.

4. Tỳ Kheo Và Con Ma

Chớ nói lời độc ác...

Vì Trưởng lão Kundadhàna mà Thế Tôn dạy câu trên khi ngụ tại Kỳ Viên.

Từ khi Kundadhàna trở thành Tỳ-kheo, bất cứ Ngài đi đâu cũng có một phụ nữ đi theo. Trưởng lão không thấy, nhưng mọi người khác đều thấy. Vào làng khất thực, dân chúng cũng dâng Ngài một phần trước, và sau đó phần thứ hai cho cô kia.

Chuyện quá khứ

4A. Thiên Nữ Hiện Hình Phụ Nữ

Thời Phật Ca-diếp, có hai Tỳ-kheo bạn rất thân nhau như hai anh em ruột. Thời
Phật Dìghàyu, năm này qua tháng nọ, các
Tỳ-kheo đều gặp nhau vào ngày Bố-tát.
Hai Tỳ-kheo ấy đều đến giảng đường
Bố-tát một lượt.

Một thiên nữ ở cõi trời Ba mươi ba thấy vậy bỗng có ý định tách họ ra. Ý tưởng điên rồ vừa sinh trong lòng thì một vị tách ra đi vệ sinh. Thiên nữ liền hóa thành một phụ nữ đi vào bụi cây với vị đó, rồi cùng đi ra, một tay vuốt lại búi tóc, tay kia sửa y phục. Chính vị đó thì không thấy, nhưng vị đứng chờ thì thấy. Khi đã biết thế, cô liền biến mất. Vì thế Tỳ-kheo bạn vừa đứng vào chỗ mình thì vị đang đứng nghiêm sắc mặt bảo:

- Này huynh, huynh đã phạm giới dâm.

- Trời, tôi đâu có làm việc đó!

- Không à? Thế cô nào đi sau huynh đó, vừa đi vừa sửa quần áo.

Trưởng lão như bị sét đánh, Ngài lắp bắp:

- Này huynh, chớ hại tôi, tôi không hề làm như thế!

- Điều gì tôi thấy, tôi thấy bằng chính mắt tôi. Đừng mong tôi tin huynh!

Rồi ông bẻ đầu gậy đi chỗ khác.

Trong giảng đường Bố-tát, ông không chịu Bố-tát chung với bạn mình. Thiên nữ thấy thế, biết mình đã phạm lỗi lầm nghiêm trọng, cô liền thú thật:

- Tôn giả! Vị Trưởng lão thật sự không phạm giới. Tôi làm như thế chỉ cốt thử ông ta. Xin hãy bố-tát chung với ông ta như thường lệ.

Thấy thiên nữ đứng trên hư không nói như thế, Tỳ-kheo này tin theo, chịu bốtát chung, nhưng không còn thân thiện với bạn cũ nữa.

Mạng chung, hai Trưởng lão tái sanh theo thiện nghiệp của họ.Còn thiên nữ bị đọa vào địa ngục A-tỳ, chịu hình phạt suốt thời kỳ giữa hai đức Phật. Thời Phật hiện tại, cô sanh làm đàn ông, xuất gia thành Tỳ-kheo, và làm tròn bổn phận của mình. Từ ngày đi tu, luôn luôn có một nữ nhân đi theo, do đó có tên là Kundadhàna.

(Hết Chuyện Quá Khứ)

Các Tỳ-kheo thấy thế bảo Trưởng giả Cấp Cô Độc đuổi vị ấy ra khỏi tinh xá để khỏi mang tiếng. Nhưng Trưởng giả bảo để Phật giải quyết. Các Tỳ-kheo bảo bà

Tỳ-xá-khư y như thế, và bà cũng trả lời y như Trưởng giả. Họ không hài lòng hai cư sĩ này, nên kể cho vua nghe và yêu cầu vua đuổi vị ấy ra khỏi vương quốc. Vua bằng lòng, và đến tinh xá, đứng ngay lối vào phòng Trưởng lão. Trưởng lão nghe ồn, bước ra, vua thấy bóng một phụ nữ đứng sau. Khi Trưởng lão vào phòng ngồi xuống, vua không đảnh lễ vị ấy, nhưng cũng không thấy cô đó nữa. Vua nhìn phía trong cửa, dưới giường phòng, thì cô lại hiện ra phía sau. Vua kết luận đó là một bóng ma, và thưa với Trưởng lão:

- Tôn giả, có hình bóng bất tịnh theo sau, sẽ không có ai cúng cho Ngài. Xin thỉnh Ngài đến hoàng cung, tôi sẽ cung cấp tứ sự.

Các Tỳ-kheo bất mãn, bảo vua là tệ ác,

còn Trưởng lão là đồi bại, và bây giờ lại thành con hoang của vua. Trưởng lão, trước giờ không hề đối đáp, bây giờ trả đũa, bảo các Tỳ-kheo là đồi bại, là con hoang của vua, là giao thiệp với phụ nữ. Các Tỳ-kheo bèn đi thưa Thế Tôn. Phật gọi lại hỏi và dạy:

- Các Tỳ-kheo thấy một nữ nhân theo sau ông, và họ nói những gì mà họ thấy. Nhưng còn ông, tại sao ông nói những gì ông không thấy? Chắc chắn vì tà kiến trong một tiền kiếp mà sự kiện này xảy đến với ông, bây giờ tại sao ông lại có thái độ sai lầm nữa?

Các Tỳ-kheo lại hỏi Trưởng lão đó đã làm gì trong tiền kiếp, Phật thuật lại các nghiệp của ông và kết luận:

- Tỳ-kheo chính vì ác nghiệp mà ông

phải rơi vào cảnh ngộ đáng buồn này, ông không nên có thái độ sai lầm nữa. Đừng trả treo với các Tỳ-kheo. Đừng nói một lời nào, như chuông đồng bể miệng không phát ra tiếng. Như thế ông có thể đạt đến Niết-bàn.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(133) Chớ nói lời ác độc Nói ác, bị nói lại, Khổ thay lời phẫn nộ, Đao trượng phản chạm người.

(134) Nếu tự mình yên lặng, Như quả chuông bể miệng, Người đã chứng Niết-bàn. Sẽ không còn phẫn nộ.

5. Tỳ Xá Khư Và Quyến Thuộc Giữ Bát Quan Trai

Với gậy người chăn bò...

Thế Tôn dạy câu trên khi ngụ tại Pubbaaraama, liên quan đến Tỳ-xá-khư và các nữ cư sĩ của bà trong ngày thọ bát quan trai.

Tại Xá-vệ, ngày đại lễ trai giới, năm trăm phụ nữ tuân giữ giới luật trai giới và đến tinh xá. Tỳ-xá-khư hỏi trong họ vì mục đích gì mà giữ giới luật.

Người già nhất trả lời:

- Chúng tôi mong phước báo cõi trên.

Người trung niên:

- Để thoát khỏi quyền lực của chồng.

Người trẻ:

- Chúng tôi muốn có con.

Thiếu nữ mới lớn:

- Chúng tôi muốn có chồng.

Tỳ-xá-khư dẫn tất cả đến gặp Phật kể lại các câu trả lời, và được Phật dạy:

- Tỳ-xá-khư! Chúng sanh trong thế gian đều bị sanh, già, bệnh, chết, giống như mục đồng cầm gậy trong tay. Sanh đuổi họ đến già, già đuổi họ đến bệnh, và bệnh đuổi họ đến chết. Bốn khổ này như rìu cắt ngắn đời sống. Tuy thế, chẳng ai muốn đừng tái sanh. Tái sanh là mong ước của mọi người.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(135) Với gậy người chăn bò, Lùa bò ra bãi cỏ. Cũng vậy già và chết Lùa người đến mạng chung.

6. Ngạ Quỷ Hình Trăn

Người ngu làm điều ác...

Do chuyện ngạ quỷ có hình trăn, Thế Tôn dạy câu trên ở tinh xá Trúc Lâm.

Từ đỉnh Linh Thứu, Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên và Lakkhana xuống thành Vương Xá khất thực. Dọc đường, Mụckiền-liên dùng thiên nhãn thấy một ngạ quỷ trong tướng hình trăn dài hai mươi

lăm dặm, bị lửa thiêu đốt khắp mình mẩy. Ngài mỉm cười, vị kia hỏi lý do, Ngài bảo đợi đến gặp Phật sẽ nói. Và trước mặt Phật, Ngài giải thích vì từ trước đến giờ chưa hề trông thấy ngạ quỷ như thế, nên Ngài mỉm cười. Phật cũng xác nhận:

- Các Tỳ-kheo, đệ tử Ta có thiên nhãn và đã sử dụng. Chính Ta đã thấy ngạ quỷ này khi lên ngôi Chánh Giác, nhưng Ta không nói ra vì người không tin lời Ta sẽ có hại cho họ. Nay đã có Mục-kiền-liên chứng kiến, Ta mới nói.

Và theo lời yêu cầu của các Tỳ-kheo, Ngài kể:

Chuyện quá khứ

6A. Chưởng Khố Sumangala và Kẻ

Trộm

Thời Phật Ca-diếp, chưởng khố Sumangala đem vàng trải một khoảng đất rộng hai mươi Usabha, tức bằng số tiền xây một tinh xá, kể cả chi phí tổ chức lễ khánh thành tinh xá đó.

Một sáng sớm, trên đường đi đảnh lễ Thế Tôn, ông bắt gặp một tên trộm đang núp ở nhà nghỉ cổng thành, chân bê bết bùn, áo trùm khỏi đầu.

Ông biết hắn đã rình suốt đêm đâu đây. Tên trộm bị phát hiện, đem lòng căm thù ông. Hắn đốt ruộng ông bảy lần, đốt nhà bảy lần, chặt chân bò bảy lần. Chưa hả tức, hắn đánh bạn với gia nhân của ông để hỏi xem ông quý trọng cái gì nhất. Được biết đó là hương thất, hắn đợi Thế Tôn vào thành khất thực, liền đập bể

bình đựng nước với thức ăn rồi nổi lửa đốt.

Nghe tiếng kêu hương thất bị cháy, chưởng khố chạy tới nhưng đã muộn. Không mảy may buồn tiếc, ông còn hân hoan vỗ tay thật to. Người ta ngạc nhiên hỏi, thì ông giải thích vì sẽ có dịp cúng tiền để xây dựng lại hương thất. Tên trộm nghe thế, cho rằng không thể đánh bại ông, trừ khi giết ông chết. Trong bảy ngày đó ông cúng dường Tăng chúng, và ngày cuối, ông đảnh lễ Phật thưa:

- Bạch Thế Tôn, con biết rằng có một người nào đó bảy lần đốt ruộng, bảy lần đốt nhà, bảy lần chặt chân bò, và cũng chính người ấy đốt hương thất. Con xin nhường phước báo đầu tiên của lần cúng dường này đến người ấy.

Tên trộm núp đâu đó, nghe được, lòng cảm thấy hổ thẹn vì tội lỗi lớn lao của mình, và lo âu vua sẽ giáng hình phạt xuống đầu. Do đó hắn phủ phục dưới chân chưởng khố xin tha thứ. Chưởng khố hỏi chuyện hắn từ đầu tới đuôi, và cũng xin lỗi hắn vì lỡ thốt ra lời nghi kỵ trong đêm bắt gặp hắn núp. Và cả hai bên tha thứ lẫn nhau. Tên trộm còn xin cho hai vợ chồng hắn làm nô lệ cho chưởng khố, nhưng ông không nhận và bảo hắn đi đi.

(Hết Chuyện Quá Khứ)

Và Thế Tôn kết luận:

- Do tạo nghiệp ác như thế, khi mạng chung tên trộm bị đọa vào địa ngục A-tỳ, chịu hình phạt ở đó rất lâu, nhưng quả báo chưa hết, hắn phải chịu đau khổ trên

đỉnh Linh Thứu. Các Tỳ-kheo! Khi làm điều ác, kẻ ngu không biết việc ác của mình. Nhưng về sau, hắn sẽ bị thiêu đốt do nghiệp ác đã tạo, như rừng bị lửa cháy.

Và Ngài nói Pháp Cú:

(136) Người ngu làm điều ác, Không ý thức việc làm. Do tự nghiệp, người ngu Bị nung nấu như lửa.

7. Cái Chết Của Đại Mục-Kiền-Liên

Dùng trượng phạt không trượng...

Thế Tôn đã dạy câu trên tại Trúc Lâm, liên quan đến Đại Mục-kiền-liên.

Các ngoại đạo bàn tán với nhau không hiểu tại sao Sa-môn Cồ-đàm được nhiều phẩm vật cúng dường đến thế. Một người nói mình biết lý do. Được như thế là Mục-kiền-liên, vì Mục-kiền-liên lên cõi trời hỏi chư thiên đã tạo công đức gì, rồi trở về thế gian kể cho mọi người do làm điều này, điều nọ... rồi ông xuống địa ngục hỏi các tội nhân tại sao làm thế và cũng trở về thế gian kể lại do phạm tội như thế, như thế. Dân gian tin lời ông, nên đem nhiều phẩm vật đến cúng dường. Bây giờ nếu giết ông đi, thì số phẩm vật đó sẽ về tay các ngoại đạo.

Họ đồng thanh cho là ý kiến hay. Sau đó họ quyên góp các thí chủ được một ngàn đồng, kiếm được một vài tên du đãng cướp bóc, thuê chúng đến Hắc Thạch giết Trưởng lão. Chúng đến ngay nơi Ngài ở, bao vây. Ngài chui qua lỗ khóa

trốn thoát. Chúng trở lại và bao vây nữa, Ngài chọc thủng mái nhà bay lên hư không. Suốt hai tháng, bọn du đãng làm đủ cách, nhưng vẫn thất bại. Đến tháng thứ ba, thấy quả báo do nghiệp ác đã tạo trong tiền kiếp đã đến, Ngài không cố gắng thoát đi nữa. Cuối cùng bọn du đãng bắt được Ngài. Chúng xé tay chân Ngài giã xương nát ra như hạt gạo, quăng hết vào bụi rậm rồi bỏ đi.

Trưởng lão muốn đảnh lễ Thế Tôn trước khi nhập Niết-bàn, nên tự quấn mình bằng định lực làm thân cứng lại, và bay lên không, đến gặp Phật, đảnh lễ và thưa:

- Bạch Thế Tôn, con sắp nhập Niết-bàn.

Phật hỏi:

- Tại đâu?

- Tại Hắc Thạch, bạch Thế Tôn!

- Vậy thì hãy tụng pháp cho Ta nghe trước khi đi, vì từ nay Ta sẽ không còn thấy lại đệ tử của Ta nữa.

Mục-kiền-liên vâng lời. Trước tiên Ngài bay lên không, biến hóa thần thông như Trưởng lão Xá-lợi-phất đã làm trước khi nhập Niết-bàn.

Tin bọn du đãng giết Mục-kiền-liên bay khắp miền Diêm-phù-đề. Vua A-xà-thế tức tốc phái do thám tìm thủ phạm. Bọn chúng đang nhậu nhẹt trong một quán rượu. Đứa này nện lưng đứa kia khiến nó té xuống đất. Rồi hai đứa chửi lộn:

- Tại sao mày đánh lên lưng tao? Làm tao té?

- Mày là đồ ăn trộm, du thử du thực. Mày là kẻ đầu tiên đánh Đại Mục-kiền-liên.

- Sao mày biết tao đánh?

Rồi nhiều tiếng nói hỗn độn:

- Chính tao đánh nè!

- Chính tao đánh nè!

Do thám của vua bắt hết cả bọn. Về triều chúng khai các đạo sĩ lõa thể chủ mưu. Vua bắt năm trăm đạo sĩ chung với năm trăm tên trộm bỏ xuống hố sâu đến thắt lưng đã đào sẵn trước sân hoàng cung, cho phủ rơm khắp mình chúng, đốt đến cháy dòn, xong cho cày sắt cày ra từng mảnh.

Các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường

là Đại Trưởng lão không xứng để chịu chết như vậy. Phật giải thích đó là ác nghiệp trong tiền kiếp. Và Ngài kể:

Chuyện quá khứ

7A . Đứa Con Giết Cha Mẹ

Ngày xưa, có một chàng trai rất có hiếu. Mọi việc trong nhà như giã gạo, nấu ăn... một tay anh làm hết, chí đến săn sóc cha mẹ anh cũng hết sức chu đáo. Thấy con quá vất vả, hai ông bà định cưới dâu để đỡ đần phần nào. Anh lắc đầu nguầy nguậy, chỉ muốn chính tay mình hầu hạ cha mẹ mà thôi. Nhưng hai ông bà cương quyết cưới vợ cho con, cuối cùng một cô gái trẻ được rước về nhà. Cô ta hầu hạ cha mẹ chồng chỉ được vài ngày, sau đó bắt đầu nói nặng nhẹ. Cô cứ cằn nhằn với chồng là không thể ở nổi nhà này nữa.

Đợi anh đi vắng, cô lấy đất cục, váng cháo rải khắp nhà. Anh chồng về thấy nhà cửa tùm lum như thế, hoiû cô. Được dịp cô tru tréo

- Cha mẹ già mù lòa của anh làm đấy! Cứ vứt bừa, vứt bãi ra thế! Tôi dọn muốn đứt hơi! Khổ thân tôi, làm sao mà tôi sống cho nổi!

Cô cứ than van, rên rỉ mãi, khiến anh chồng bực mình. Trước đây là người đàng hoàng, có hiếu, nay hết thương cha mẹ, và còn tìm cách đối xử ác đối với họ.

Anh gạt cha mẹ lên xe đi thăm bà con. Vào đến rừng sâu, anh trao dây cương cho cha, bảo chỗ này bọn cướp hay rình rập, anh phải xuống xe, nhưng con bò đã rành đường, không lo. Anh đi xa một quãng thì la hét ầm ĩ, càng lúc càng to,

như thể bọn cướp sắp tấn công tới nơi. Hai ông bà nhìn quanh nhìn quất cũng chỉ thấy một màn đen tối, nhưng thương con, chỉ nghĩ đến hạnh phúc của nó, nên vội bảo:

- Con ơi! Cha mẹ già rồi, đừng lo nữa, mà hãy tự cứu lấy mình.

Nhưng anh vẫn mặc kệ, giả làm bọn cướp hét đánh và giết hai ông bà, vứt thi thể trong rừng. Xong trở về nhà.

(Hết Chuyện Quá Khứ)

Thế Tôn kết luận:

- Các Tỳ-kheo! Mục-kiền-liên đã phạm trọng tội như thế. Ông chịu đau khổ vô số trăm ngàn năm ở địa ngục. Sau đó, vì ác báo chưa hết, nên một trăm kiếp liên

tiếp bị đánh chết thân xác xé tan từng mảnh. Do đó Mục-kiền-liên phải chịu chết như thế tương ứng với ác nghiệp kiếp trước. Cũng vậy năm trăm đạo sĩ lõa thể và năm trăm tên cướp đã tấn công người không gây hấn với chúng, phải chịu chết tương ứng với tội lỗi đó.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(137) Dùng trượng phạt kẻ không trượng, Làm ác người không ác, Trong mười loại khổ đau, Chịu gấp một loại khổ.

(138) Hoặc khổ thọ khốc liệt, Thân thể bị thương vong, Hoặc thọ bệnh kịch liệt, Hay loạn ý tán tâm.

(139) Hoặc tai họa từ vua, Hay bị vu trọng tội, Bà con phải ly tán, Tài sản bị nát tan.

(140) Hoặc phòng ốc nhà cửa, Bị hỏa tai thiêu đốt, Khi thân hoại mạng chung, Kẻ ác sanh địa ngục.

8. Tỳ Kheo Lắm Của

Không phải sống lõa thể...

Thế Tôn đã dạy câu trên tại Kỳ Viên, liên quan đến một Tỳ-kheo nhiều của cải.

Nhân bà vợ qua đời, một gia chủ ở Xá-vệ từ bỏ thế gian, thành Tỳ-kheo. Ông xây một thất riêng, một nhà bếp và một nhà

kho, trong đó ông chứa đầy nào bơ, nào mật, đủ các thứ. Dù đã là Tỳ-kheo, ông vẫn có nô lệ riêng. Họ nấu cho ông ăn theo sở thích, và ông chỉ ăn những món đó mà thôi. Ông cũng còn nhiều nhu cầu, như một bộ y ban đêm và bộ khác qua ngày. Ông ở sát bên tinh xá. Một hôm đang phơi y và ngọa cụ, các Tỳ-kheo trông thấy ông có quá nhiều đồ đạc, bèn dẫn ông đến với Thế Tôn.

Thế Tôn hỏi lại ông cho rõ:

- Tỳ-kheo, họ báo cáo về ông có đúng không?

Ông đáp:

- Vâng, bạch Thế Tôn, đúng vậy!

- Tỳ-kheo, Ta đã dạy rất rõ là nên tri túc

thiểu dục, sao ông chất chứa nhiều của cải như vậy?

Giận dữ vì chút xíu đó, ông la lên:

- Rồi, tôi sẽ đi khắp nơi như thế này đây.

Vừa nói ông vừa quăng thượng y, chỉ mặc nội y đứng giữa hội chúng.

Thế Tôn vẫn kham nhẫn khuyên tiếp:

- Này Tỳ-kheo, trong tiền kiếp khi làm thủy tinh ông đã giữ được tính khiêm cung và biết sợ tội chết trong suốt mười hai năm. Tại sao bây giờ ông hư đốn thế? Đã từ bỏ thế gian thành một Tỳ-kheo theo một vị Phật tôn quý như thế, sao ông cởi y, quên tính khiêm cung và không biết sợ tội nữa?

Tỳ-kheo như chợt tỉnh, ông khiêm cung trở lại, biết sợ tội chết, quấn y, đảnh lễ Phật và cung kính ngồi xuống một bên.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳ-kheo, Phật kể lại:

Chuyện quá khứ

8A. Mahimsàsa Và Hai Hoàng Tử Mặt Trăng, Mặt Trời

Thật xa xưa, thuở Phật còn là Bồ-tát, Ngài làm hoàng tử của chánh hậu Ba-lanại, tên là Mahimsàsa. Về sau Ngài có thêm một người em nữa là hoàng tử Mặt Trăng (Canda). Chánh hậu qua đời, vua cưới vợ khác, và có thêm một hoàng tử Mặt Trời (Suriya). Vua sung sướng nên muốn ban một ân huệ. Hoàng hậu sau này đợi con lớn rồi mới nhắc lại ân huệ

đó là xin vương quốc cho con. Vua từ chối vì thấy hai hoàng tử anh đi khắp nơi, nơi nào cũng chói lọi như ngọn lửa. Nhưng sợ bà trả thù, vua bảo hai con vào rừng, khi vua chết mớ trở về lên ngôi. Họ từ giã phụ vương ra đi. Qua sân hoàng cung, hoàng tử Mặt Trời thấy và biết chuyện, bèn đi theo. Cả ba đến Hy-mãlạp-sơn. Bồ-tát rời đường mòn, ngồi dưới gốc cây bảo Mặt Trời đến hồ tắm, uống nước xong múc nước đựng trong lá sen mang về. Hồ này do một thủy quái Vessavana trông nom, và hắn được phép ăn thịt ai bước xuống hồ, trừ người nào nói được bậc thánh là gì.

Hoàng tử Mặt Trời bước xuống hồ, bị thủy quái hỏi, đáp rằng mặt trăng và mặt trời là bậc thánh. Không đúng, nên chàng bị hắn bắt nhốt trong động. Thấy lâu, Bồtát sai hoàng tử Mặt Trăng đi xuống hồ,

chàng trả lời, bốn phương là bậc thánh, cũng không đúng nên bị bắt giam trong động. Bồ-tát lần này đích thân đi. Biết hồ này có thủy quái, Ngài không xuống, mà cung kiếm trên tay đứng chờ. Thủy quái thấy thế hóa thành tiều phu đến dụ Ngài:

- Bạn ơi! Bạn đi đường chắc mệt mỏi. Sao không xuống hồ tắm, uống nước và ăn ngó sen, rồi kết vòng hoa?

Ngài biết ngay hắn là một Dạ-xoa, hỏi chuyện và hắn nhìn nhận là đã bắt hai hoàng tử em, vì cả hai không chỉ được ai là bậc thánh. Bồ-tát bảo là sẽ nói cho hắn biết nếu được hắn tắm rửa. Dạ-xoa khoái chí liền tắm cho Ngài, múc nước uống, trang điểm cho Ngài với đồ trang sức quý báu, và đỡ Ngài lên tòa ngồi giữa lều trang hoàng lộng lẫy. Hắn

ngồi xuống chân Ngài và lắng nghe.

Bồ-tát nói kệ sau:

Người khiêm nhường, sợ tội, Được phú tính công bằng, Chánh trực và hiền thiện, Được gọi là thánh nhân.

Dạ-xoa nghe xong, phát tín tâm nơi Bồtát, và xin trả một người em cho Ngài. Ngài chọn hoàng tử út tức Mặt Trời. Hắn không chịu, vì như thế Ngài bỏ em lớn lấy em nhỏ làm đảo ngược tôn ti trật tự, tức Ngài biết thánh nhân nhưng không hành hạnh thánh nhân. Bồ-tát phải giải thích đầu đuôi câu chuyện. Nếu để Mặt Trời bị ăn thịt, sau này trở về nhận vương quốc, không ai tin Ngài mà còn bị nguyền rủa. Dạ-xoa rất thán phục nên giao hết hai em cho Bồ Tát. Ngài truyền ngũ giới cho hắn, và tiếp tục sống trong rừng với phẩm vật do hắn cung cấp.

Vua cha băng hà, Ngài trở về Ba-la-nại lên ngôi, phong Mặt Trăng làm phó vương, Mặt Trời làm đại nguyên soái, và xây dựng một chỗ tiện nghi cho Dạ-xoa. Hắn được lo đầy đủ.

(Hết Chuyện Quá Khứ)

Thế Tôn thuyết xong, Ngài hợp nhất các nhân vật trong Bổn sanh như sau:

- Dạ-xoa là Tỳ-kheo nhiều của cải, hoàng tử Mặt Trăng là Xá-lợi-phất, Mặt Trời là A-nan, và Mahimsàsa chính là Ta. Và Ngài nói tiếp:

- Tỳ-kheo! Như thế trong một tiền kiếp ông đã tìm hiểu bậc thánh là sao, có tính khiêm tốn và biết sợ chết. Nhưng vừa rồi, ông hành động sai trái, khi đứng trước mặt Ta giữa tứ chúng, với thái độ

kỳ cục cho rằng mình thiểu dục, Một Tỳ- kheo là Tỳ-kheo không phải đã ném bỏ y quanh mình.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(141) Không phải sống lõa thể, Bện tóc, tro trét mình, Tuyệt thực, lăn trên đất, Sống nhớp, siêng ngồi xổm, Mà con người được sạch, Nếu không trừ nghi hoặc.

9. Santati , Quan Đại Thần Của Vua

Ai sống tự trang sức...

Thế Tôn đã dạy như thế tại Kỳ Viên, do chuyện quan đại thần tên Santati.

Đi dẹp giặc ở biên giới về, Santati được vua Ba-tự-nặc xứ Kosala giao vương quốc cho ông nhiếp chính trong bảy ngày và một cung nữ để múa hát. Suốt bảy ngày đó, ông miệt mài rượu chè, và ngày cuối ông trang điểm lộng lẫy leo lên bạch tượng để đi đến hồ tắm. Ngang qua cổng thành thấy Thế Tôn đang vào thành khất thực, ông vẫn ngồi trên lưng voi, cúi chào Ngài và đi tiếp.

Thấy Phật mỉm cười, A-nan hỏi và được Phật cho biết:

- A-nan, hãy nhìn quan đại thần của vua trang điểm lộng lẫy, sẽ đến chỗ Ta, và nghe xong cuối bài kệ sẽ chứng A-lahán. Rồi ông ta ngồi lơ lửng cách mặt đất tám cây thốt nốt và nhập Niết-bàn.

Đám người ở đó nghe được chia ra làm

hai phe. Phe tà kiến cho rằng Sa-môn Cồ-đàm ưa gì nói nấy, làm gì có chuyện tên say rượu bí tỉ, trang sức đầy mình, sẽ nghe pháp và nhập Niết-bàn. Quả là dối trá. Phe Phật tử thì tán thán thần lực của Phật thật kỳ diệu, và họ sẽ được đặc ân nhìn thấy sự vẻ vang của Phật và của Santati.

Xuống hồ, Santati bơi lội cả buổi, rồi vào lạc viên uống rượu, có cung nữ biểu diễn. Để có thân hình duyên dáng, cô ta đã nhịn đói bảy ngày và trong khi trổ hết tài khéo của mình, bao tử và trái tim bỗng đau quặn lên như bị dao cắt. Cô chết liền, mắt và miệng còn mở. Santati chỉ kịp lắp bắp:

- Cô nương, coi chừng!

Thì cô ta đã ngừng thở; Santati sầu não

quá đỗi. Trong khoảnh khắc, rượu chảy trong máu ông từ cả tuần nay như biến mất, giống như nước để trên than hồng. Ông biết không ai ngoài Thế Tôn có thể dập tắt nỗi buồn của mình, nên đến gặp Phật, đảnh lễ, kể lại và xin được nương tựa. Thế Tôn an ủi ông:

- Ông đã đến đúng người có thể làm tiêu tan sầu khổ cho ông. Biết bao nhiêu lần người đàn bà này đã chết như thế, và ông đã bao phen khóc nàng, nước mắt còn nhiều hơn bốn biển.

Và Ngài đọc kệ sau:

Việc gì đã trôi qua, Tốt nhất là buông bỏ. Và ở trước mặt ngươi, Không có gì ở đó. Nếu không nắm bắt gì, Giữa tương

lai, quá khứ, Sẽ bước trong an bình, Không còn gì khổ sở.

Vừa kết thúc bài kệ, Santati chứng quả A-la-hán cùng các thần thông. Quan sát thọ mạng mình, ông biết chẳng còn sống được bao nhiêu, nên xin Thế Tôn nhập Niết-bàn. Dù đã biết việc làm của ông trong tiền kiếp, Phật vẫn bảo ông kể lại cốt cho nhóm ngoại đạo, đang chờ sự thật sẽ xảy ra khác với tiên đoán của Thế Tôn, và nhóm Phật tử muốn thấy công đức quá khứ của ông, được nghe:

- Vậy thì, Santati, hãy thuật lại chuyện quá khứ, nhưng đừng đứng dưới đất, mà bay lên trời, cao bằng bảy cây thốt nốt.

Santati vâng lời. Ông chào Phật, bay lên trời, đáp xuống chào Phật một lần nữa, rồi bay lên

trên, ngồi kiết già kể:

Chuyện Quá Khứ

9A. Người Thuyết Pháp Và Nhà Vua

Cách đây chín mươi chín kiếp, thời Phật Tỳ-bà-thi tôi sanh ở Bandhumatì. Băn khoăn không biết làm thế nào để trừ được tham ái và phiền não cho người khác, bỗng gặp các nhà thuyết pháp, tôi quyết định sẽ làm việc đó mà thôi. Tôi khuyến khích mọi người làm việc công đức. Chính tôi cũng vậy, vào ngày Bát quan trai, tôi giữ giới, bố thí và nghe pháp. Tôi đi khắp nơi rao giảng: "Không có châu báu nào có thể sánh với Tam Bảo là Phật, Pháp và Tăng. Hãy cung kính Tam Bảo!". Vua Bandhumatì, cha của Phật, gọi tôi lại hỏi thăm, và khi biết việc tôi làm Ngài hỏi tôi thường dùng phương

tiện gì để đi lại. Nghe tôi thưa thường vẫn đi chân đất, Ngài choàng cho tôi một chuỗi hoa, y như chuỗi ngọc và cho tôi một con ngựa. Sau đó, vua gọi tôi lại lần thứ hai để hỏi thăm. Biết tôi vẫn đi thuyết pháp, vua cho một xe có bốn ngựa thuần chủng Sindh kéo. Hỏi thăm lần thứ ba, vua tặng nguyên tài sản lớn, một bộ châu báu lộng lẫy và cả một con voi. Đeo hết châu báu và ngồi trên lưng voi, suốt tám mươi ngàn năm thuyết pháp khắp nơi, tạo công đức, thân tỏa mùi thơm chiên đàn, miệng mùi lá sen.

(Hết Chuyện Quá Khứ)

Kể xong, Santati, vẫn ngồi kiết-già trên trời, nhập Hỏa quang tam-muội, và từ đó nhập Niết-bàn. Lửa thiêu hết thân, xá-lợi rơi từ từ xuống như hoa nhài, Thế Tôn cho trải một tấm thảm trắng để hứng và

sai cất tháp tại ngã tư đường để thờ. Dân chúng tôn kính xá lợi này sẽ có nhiều công đức.

Các Tỳ-kheo bàn tán về Santati, và không biết nên gọi ông là ẩn sĩ hay Bà- la-môn. Phật nghe được trả lời:

- Các Tỳ-kheo! Đệ tử Ta thật đáng gọi là ẩn sĩ, và cũng đáng gọi là Bà-la-môn.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(142) Ai sống tự trang sức,
Nhưng an tịnh, nhiếp phục,
Sống kiên trì phạm hạnh,
Không hại mọi sinh linh, Vị ấy là Phạm Chí, Hay Sa môn, khất sĩ.
10. Tỳ Kheo Và Bộ Đồ Rách

Thật khó tìm ở đời...

Khi ngụ tại Kỳ Viên. Thế Tôn đã dạy câu trên vì Trưởng lão Pilotika.

Ngày nọ, Trưởng lão A-nan gặp một chàng trai lang thang, áo quần rách bươm, tay cầm miểng sành. Ngài kêu lại hỏi sao không đi tu có phải khá hơn sống như thế. Chàng trai hỏi tới:

- Tôn giả, ai cho con đi tu?

Ngài đáp:

- Ta sẽ độ ngươi.

Rồi Ngài cho anh ta theo, tự tay tắm rửa cho anh, giao anh một đề mục thiền quán

và xuất gia cho anh. Tấm vải trước đây anh quấn làm nội y được phơi trên cành cây. Được nhận vào Tăng đoàn, anh làm tròn bổn phận và hưởng đầy đủ phẩm vật dành cho chư Phật, và đi khắp nơi với những y đáng giá.

Sau một thời gian, anh phát phì và bất mãn, nghĩ rằng chẳng lợi ích gì mà đi lang thang với bộ đồ của đàn na tín thí, tốt hơn là mặc bộ đồ cũ khi xưa. Rồi anh đến cành cây tìm lại tấm vải, tự mắng nhiếc mình là đồ vô liêm sỉ, ngu ngốc, trơ trẽn, bỏ đi ân huệ được mặc y phục tốt lành để đi đắp lên người tấm giẻ rách này với miểng sành, xin ăn đầu đường xó chợ. Giữ ý này làm đề mục thiền quán, anh tự khiển trách mình, và tâm trở nên an tịnh. Anh cất tấm vải, trở về tinh xá. Vài ngày sau anh lại bất mãn, và tự trách như lần trước. Đến lần thứ ba cũng vậy.

Các Tỳ-kheo thấy anh tới lui như thế, hỏi thăm, anh đáp là đến thầy anh. Và cứ thiền quán trên tấm vải cũ rách, anh tự điều phục. Chẳng bao lâu anh chứng Ala-hán. Các Tỳ-kheo lại hỏi anh sao không lui tới thầy nữa, anh cho biết:

- Chư huynh, khi còn dính mắc vào thế gian, tôi đến một vị thầy. Nhưng bây giờ tôi đã cắt đứt hết trói buộc với thế gian, tôi không cần đến ông ta nữa.

Các Tỳ-kheo báo với Phật, cho là Trưởng lão Pilotika nói dối. Phật liền dạy:

- Các Tỳ-kheo, con Ta nói thật đấy, ông ấy đã tự điều phục và chứng A-la-hán.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(143) Thật khó tìm ở đời,

Người biết thẹn, tự chế, Biết né tránh, chỉ trích, Như ngựa hiền tránh roi.

(144) Như ngựa hiền chạm roi, Hãy nhiệt tâm hăng hái, Với tín, giới, tinh tấn, Thiền định cùng trạch pháp, Minh hạnh đủ, chánh niệm, Đoạn dứt vô lượng khổ.

11. Sa-Di Sukha

Người trị thủy dẫn nước...

Thế Tôn đã dạy như thế tại Kỳ Viên, liên quan đến Sa-di Sukha.

Chuyện quá khứ

11A. Trưởng Khố Gandha, Người Lao Động Bhattabhatika Và Phật Độc Giác

Gandha là con của vị chánh chưởng khố thành Ba-la-nại. Cha chết, vua gọi anh đến an ủi, và cho kế vị cha làm chưởng khố. Từ đó người ta gọi anh là chưởng khố Gandha.

Viên quản gia, một hôm mở cửa kho, chỉ cho anh tất cả tài sản tiền từ cha, ông nội và những người trước. Anh thắc mắc sao họ không đem theo sau khi chết, và được giải thích mọi người chỉ đem theo mình việc làm dù thiện hay ác. Từ đó anh suy luận rằng sẽ ăn xài cho hết, trước khi ra đi. Anh bỏ ra một trăm ngàn đồng xây một nhà tắm bằng

pha lê, một trăm ngàn làm một ghế ngồi bằng pha lê để ngồi

sau khi tắm, một trăm ngàn làm một cái bát đựng thức ăn của anh, một trăm ngàn làm một mái che trên phòng ăn, một trăm ngàn làm một cái đĩa lót bát mạ đồng, một trăm ngàn xây một cửa sổ lộng lẫy trong nhà. Bữa ăn sáng một ngàn, bữa ăn chiều một ngàn, bữa ăn trưa ngày trăng tròn một trăm ngàn. Vào những ngày ăn tiệc như thế, anh chi một trăm ngàn cho việc trang hoàng trong thành, sai người đánh trống hô to:

- Mọi người hãy đi xem cách ăn của chưởng khố Gandha.

Dân chúng tụ tập đến, mang cả giường chõng. Và Gandha sử dụng hết mọi thứ mới tạo: tắm trong bồn với mười sáu bình nước hoa, mở chiếc cửa sổ lộng lẫy rồi ngồi trên sập trình diện cho mọi người ngắm. Người hầu dọn thức ăn

trong chiếc bát quý giá, để trên chiếc đĩa lót mạ đồng và đặt trước mặt anh. Rồi anh ăn, uống với nguyên một đoàn vũ công bao quanh.

Một anh nhà quê chở củi lên thành. Để tiết kiệm anh đến nhà người bạn ở nhờ, nhân dịp đó anh được bạn dẫn đi xem cách ăn của trưởng khố Gandha. Ngửi mùi thức ăn thơm phức, anh nhà quê thèm quá nhờ bạn mình xin giùm. Chưởng khố không cho, anh bạn xin nữa, và cho biết không ăn được thèm quá sẽ chết. Mặc, chưởng khố từ chối. Nhiều lần xin quá, chưởng khố bắt buộc phải lên tiếng:

- Này ông, mỗi miếng cơm đáng giá một trăm tới hai trăm đồng đó. Ai đòi cũng cho thì ta lấy gì ăn?

Anh bạn vẫn cù nhây:

- Ông chủ! Người nhà quê không được miếng cơm của ông sẽ chết, xin ông cứu mạng hắn.

- Không được! À, nhưng mà, để ta xem! Nếu thật thế, hãy bảo hắn làm cho ta ba năm ta sẽ cho hắn bát cơm.

Anh nhà quê đồng ý, và làm mọi công việc rất trung thành, dù ở nhà ở rừng, dù ngày dù đêm. Dân trong thành gọi anh là: "Người kiếm thức ăn, Bhattabhatika". Mãn hạn, viên quản gia đến báo cho ông chủ biết, không quên khen ngợi anh nhà quê. Chưởng khố ra lệnh cho anh hai ngàn đồng cho bữa ăn tối, một ngàn đồng cho bữa ăn sáng, tất cả là ba ngàn đồng, và bảo mọi người trong nhà, trừ cô vợ yêu là Cintàmanì, ngày hôm ấy hầu hạ

ông ta, xem như là ông chủ. Anh được tắm trong phòng tắm pha lê, ngồi ghế pha lê sau khi tắm, mặc y phục chưởng khố... rồi Gandha sai người đánh trống rao rằng Bhattabhatika làm thuê cho chưởng khố Gandha để nhận một bát cơm, hãy đến xem sự lộng lẫy huy hoàng trong bữa ăn bát cơm ấy của anh ta. Chỗ nào anh nhìn đến đều rúng động, xung quanh anh vũ nữ đứng phục vụ và gia nhân bưng cơm đặt trước mặt.

Khi anh rửa tay thì một vị Phật Độc Giác đắp y, ôm bát, bay trên không, và đặt chân xuống giữa hội chúng, đứng trước mặt anh. Trước đó trên núi Gandhamàdana, xuất định sau bảy ngày, Ngài đã thấy là anh có niềm tin, chịu ban ơn và sẽ được nhiều

phước báo. Bhattabhattika hiểu rằng vì trước kia không bố thí nên phải làm thuê suốt

ba năm để nhận bát cơm, bát cơm này đủ cho một ngày và một đêm, nhưng nếu dâng cho bậc tôn quý này anh sẽ được nuôi vô số kiếp. Và anh nén sự thèm khát không ăn một miếng cơm nào, mà cầm bát đến chỗ Phật, đảnh lễ Ngài và trút vào bình bát của Ngài. Được phân nửa, Ngài lấy tay che bát, nhưng anh khẩn khoản xin Ngài nhận hết để anh được phước, không những đời này mà còn đời sau, và được dự phần vào đạo pháp mà Ngài đã thấy.

Phật hứa khả:

- Mọi ước muốn của ông sẽ được toại nguyện như được ngọc như ý, lời cầu xin sẽ thành tựu như được trăng tròn.

Và Ngài hồi hướng công đức cho anh. Để cho dân chúng chiêm ngưỡng, Ngài

bay lên trời đến núi Gandhamàdana, và chia thức ăn cho năm trăm vị Phật Độc Giác, mỗi vị nhận đủ phần mình.

Chưởng khố Gandha nghe tin, lòng tràn ngập niềm tin, tán thán anh nhà quê đã làm một việc khó khăn biết bao là bố thí; trong khi Gandha hưởng thụ quá đỗi mà chẳng cho ai bất cứ món gì. Chưởng khố mời anh ta đến, cho một ngàn đồng và xin anh ta chia phần phước đức sau khi bố thí số tiền ấy. Anh nhà quê bằng lòng, và chưởng khố lại chia gia tài của mình ra làm hai, cho anh ta phân nửa.

(Có bốn loại sở đắc:

- Về của cải: Như một bậc A-la-hán hay vị chứng Tam quả sau khi xuất định đáng nhận được của cải.

- Về tứ vật dụng: Do sống liêm chánh và công bằng.

- Về trí tuệ: Trí tuệ có được từ tri thức kết hợp với hỷ thọ, do bố thí cúng dường trong ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai.

- Về thần thông: Sau thời gian thiền định, như vị Phật Độc Giác đã thi triển).

Nghe chuyện Bhattabhatika, vua vời anh đến, ban cho một ngàn đồng để đổi bình bát của anh, cho anh nhiều của cải và phong làm chưởng khố. Hai chưởng khố Bhattabhatika và Ganda kết bạn với nhau, ăn cùng mâm, ngủ cùng giường. Mạng chung, Bhattabhatika sanh thiên, hưởng phước suốt thời gian giữa hai đức Phật, thời Phật hiện tại tái sanh vào nhà một thí chủ của Trưởng lão Xá-lợi-phất ở Xá-vệ.

Chuyện hiện tại:

11B- Sa-Di Sukha

Bà mẹ được săn sóc kỹ lưỡng khi đứa bé còn ở trong bụng. Đúng theo ý nguyện, bà cúng dường thức ăn đầy gia vị cho Trưởng lão Xá-lợi-phất và năm trăm Tỳkheo của Ngài, được khoác y vàng, ôm bát vàng, và ngồi vòng ngoài hội chúng, và được chia phần thức ăn còn lại của chúng Tăng. Bà sinh một bé trai. Ngày đặt tên con bà thưa với

Trưởng lão chọn tên và truyền giới cho chú. Trong nhà không ai đau ốm từ khi chú còn trong bụng mẹ, nên bà mẹ yêu cầu Ngài đặt tên chú là Sukha Kumàra, tức hạnh phúc, và Ngài truyền giới cho chú. Vào ngày đãi tiệc nhân dịp xỏ lỗ tai cậu bé và những dịp lễ khác, bà thường dâng phẩm vật lên chư tăng. Lên bảy tuổi chú muốn đi tu,

bà bằng lòng. Bà thưa với Trưởng lão trước, và sau đó mặc y phục đẹp đẽ cho chú, và dẫn đến tinh xá giao phó cho Trưởng lão. Ngài cho biết đời tu sĩ lắm gian nan cực khổ, chú khứng chịu, lãnh một đề tài thiền quán và được gia nhập Tăng đoàn. Cha mẹ chú ở lại tinh xá, suốt bảy ngày cúng dường thức ăn trăm vị lên Tăng chúng, chiều tối thì trở về nhà. Ngày thứ tám Tăng chúng lên đường khất thực, Trưởng lão còn quá nhiều việc phải làm khắp tinh xá nên đi sau với chú.

Dọc đường, chú thấy những đường nước v.v... giống như Sa-di Pandita, và được Trưởng lão giải thích giống như Sadi Pandita. Rồi Sukha đưa y bát cho thầy xin trở về tinh xá. Được thầy giao cho chìa khóa, chú vào phòng thầy tọa thiền và thấu triệt bản tính của thân

Công hạnh của chú làm ngai Đế Thích nóng lên. Ông quan sát, thấy sự việc như thế nên muốn giúp chú. Ông mời Tứ thiên vương đến vườn tinh xá đuổi bầy chim ồn ào rồi gác lối vào bốn phía. Ông cũng ra lệnh cho mặt trời và mặt trăng đứng yên và chính ông đứng gác nơi cổng chính. Tinh xá hoàn toàn yên lặng. Sukha tập trung mãnh liệt, chú khai mở Minh-sát-tuệ và chứng Tam quả. Còn Trưởng lão khất thực xong rồi vội vã trở về tinh xá. Thế Tôn trong hương thất thấy biết hết, và cũng biết trước Sadi Sukha sẽ chứng A-la-hán, nên Ngài rời hương thất đến trước cổng đón Trưởng lão đặt bốn câu hỏi để kéo dài thời gian cho Sa-di kịp chứng quả. Trưởng lão trả lời xong câu cuối thì Sa-di cũng vừa chứng quả. Lúc đó Phật mới cho phép Trưởng lão mang thức ăn cho đệ tử. Và Tứ thiên vương cùng Đế Thích rời chỗ

gác, mặt trời mặt trăng di chuyển bình thường. Các Tỳ-kheo bảo nhau sao hôm nay buổi sáng quá lâu, buổi chiều giờ mới đến, và Sa-di mới thọ thực xong. Phật liền giải thích và kết luận:

- Sa-di Sukha thấy người đang dẫn thủy nhập điền, thợ làm tên đang uốn tên, thợ mộc đẽo bánh xe v.v... tự điều phục được thân tâm và đắc quả A-la-hán.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(145) Người trị thủy dẫn nước, Kẻ làm tên uốn tên, Người thợ mộc uốn ván, Bậc trí biết tự điều.

XI. Phẩm Già

1. Bạn Của Tỳ-Sá-Khư Say Rượu

Cười gì, hân hoan gì...

Vì chuyện những người bạn của bà Tỳ- xá-khư nên Thế Tôn đã dạy câu trên tại Kỳ Viên.

Năm trăm thanh niên vọng tộc cho năm trăm bà vợ theo đại cư sĩ nữ Tỳ-xá-khư, tin rằng với sự tốt lành như thế vợ của họ sẽ sống đời chánh niệm. từ đó dù đến lạc viên hay tinh xá, các bà vợ luôn luôn đi cùng với Tỳ-xá-khư. Nhân lễ hội uống rượu, các bà pha rượu cho chồng chè chén suốt bảy ngày. Đến ngày thứ tám trống báo hết lễ, các ông chồng trở về đi làm bình thường.

Thấy rượu còn thừa, các bà muốn uống nên giauá chồng lén đem rượu theo, rồi

rủ Tỳ-xá-khư đến lạc viên. Họ uống rượu vào, say ngất ngưởng, đi khắp khu vườn chơi. Trông dáng đi của các bà, Tỳ-xákhư biết họ đã uống rượu và say. Các ngoại đạo sẽ có dịp rêu rao nữ cư sĩ của Sa-môn Cồ-đàm uống rượu, bà gọi các bà vợ đến quở trách:

- Này các bạn, các bạn đã phạm lỗi lầm to tát, làm tôi cũng nhục lây. Chồng các bạn sẽ nổi giận. Các bạn phải tính sao đây?

Họ lo lắng thưa:

- Thưa đức bà, chúng tôi sẽ cáo bệnh.

Về nhà, các ông chồng biết ngay họ đã uống rượu thừa. Họ bị đánh đập nên rất buồn khổ.

Lễ hội năm sau, họ lại muốn uống rượu như lần trước, nên rủ Tỳ-xá-khư đến vườn giải trí, nhưng bị bà từ chối. Họ bèn bỏ ý định đó và rủ nhau đi đến tinh xá. Thế là họ sắp hương hoa vào thùng, tay ôm bình đựng rượu, mặc áo choàng ấm, đến gặp Tỳ-xá-khư và cùng bà đến tinh xá. Sau, các bà vợ ấy lẻn đi uống rượu, vứt bình rồi vào ngồi trong Pháp đường, trước mặt đức Thế Tôn. Bà Tỳxá-khư bạch:

- Bạch Thế Tôn, xin Ngài giảng pháp cho các bà này nghe.

Nhưng các bà kia say đến nỗi thân thể lắc lư đảo qua đảo lại và bỗng họ nảy ý muốn múa hát. Một quyến thuộc của Ma vương thấy thế liền bắt xác họ, làm cho họ có những cử chỉ lố lăng trước mặt Phật. Đức Phật quán sát thấy được

nguyên nhân, bèn nghĩ:

- Ta sẽ không cho phép quyến thuộc Ma vương tấn công. Bởi vì mục đích hoàn thành giác hạnh viên mãn của Ta chẳng phải là để Ma vương được dịp hoành hành.

Ngài phóng một đạo hào quang màu xanh đậm từ chặng mày. Lập tức trời đất tối đen. Mấy bà kia sợ chết đến nỗi rượu trong người khô hết. Phật rời chỗ ngồi, bay lên đỉnh núi Tu-di, phóng hào quang giữa chặng lông mày, lúc đó trời sáng như thể cả ngàn mặt trăng cùng mọc. Và Ngài bảo các bà:

- Các ngươi đã đến và vào đây trong sự tán tâm. Vì thế một quyến thuộc của Ma vương đã bắt xác các ngươi. Vào thời điểm mà các ngươi không nên cười đùa

hay có những cử chỉ không được nghiêm chỉnh, nó đã bắt các ngươi cười cợt lố lăng. Từ đây về sau các ngươi phải nỗ lực dập tắt lửa ái dục và tham ái.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(146) Cười gì, hân hoan gì, Khi đời mãi bị thiêu? Bị tối tăm bao trùm, Sao không tìm ngọn đèn?

Biết họ đã vững niềm tin, không còn bị lay chuyển nữa, Phật xuống núi Tu-di và ngồi vào tòa Như Lai. Lúc đó Tỳ-xá-khư thưa:

- Rượu chính là điều ác, đã khiến hạng người phẩm cách như các bà này, tuy ngồi trước mặt Thế Tôn, vẫn không đủ sức kiểm soát hành động của mình, mà

múa chân, vỗ tay, phát cười, phát ca hát, nhảy nhót.

Phật bảo:

- Quả vậy, Tỳ-xá-khư! Rượu là điều ác, vì lẽ đó vô số chúng sanh buồn khổ.

Nhưng bạch Thế Tôn, vào thời nào và nguyên nhân nào xảy ra chuyện trên?

Thế Tôn bèn kể lại chuyện quá khứ trong Bổn Sanh Kumbha.

2. Đức Phật Chữa Trị Một Tỳ Kheo Lụy Tình

Hãy xem hình bóng đẹp...

Câu này Thế Tôn dạy ở Veluvana, liên

quan đến Sirimà.

Sirimà vốn là gái giang hồ hạng sang ở Vương Xá. Vào mùa mưa, cô lỡ xúc phạm đến nữ cư sĩ Uttarà, vợ của Sumana, con một phú gia, và là chị của phú gia Punnaka. Muốn nối lại quan hệ tốt, cô đến nhà nữ cư sĩ khi Thế Tôn và Tăng đoàn ở đó. Khi đức Phật thọ thực xong, cô liền đến trước Ngài xin sám hối. Thế Tôn đấng Thập lực đọc kệ sau cho Sirimà nghe:

(223) Lấy không giận thắng giận, Lấy thiện thắng không thiện, Lấy thí thắng xan tham, Lấy chơn thắng hư ngụy.

Cuối bài kệ, Sirimà chứng quả Dự lưu. (Đây chỉ là tóm lược toàn bộ câu chuyện nằm trong phần kinh luận bài kệ thuộc phẩm Phẫn Nộ).

Sau đó cô thỉnh Thế Tôn đến thọ thực, và sau dâng nhiều lễ vật. Từ đó cô đều đặn cúng dường tại nhà tám phần ăn. Cô múc bơ lỏng và sữa đầy bát, phần cho một Tỳ-kheo đủ dùng ba cho đến bốn vị Tỳkheo, và cô còn bố thí cho mỗi vị mười sáu đồng.

Có một Tỳ-kheo đến khất thực tại nhà Sirimà, trở về ông dừng chân tại tinh xá cách đó ba dặm. Các Tỳ-kheo hỏi thăm ông thọ thực ở đâu và như thế nào? Ông thật thà kể đủ chi tiết, nào là món hảo hạng, một phần ăn ba bốn vị dùng cũng đủ, đã thế thí chủ xinh xắn càng nhìn càng đẹp. Một Tỳ-kheo khác nghe

thế đem lòng yêu cô ta, và muốn đến nhìn mặt.

Hỏi được địa chỉ, sáng sớm vừa rạng đông. Tỳ-kheo này lên đường đến phòng phát phiếu khất thực, tự nhận là trưởng lão của hội chúng và nhận được một phiếu trong tám phần ăn tại nhà Sirimà. Trước đó một ngày, tức ngày Tỳ-kheo kia nhận thức ăn

xong đi về, cô lâm bệnh, phải tháo hết nữ trang nằm nghỉ trong phòng. Các Tỳ-kheo đến khất thực, cô không dậy nổi để tự tay phục dịch, nên nhờ nô tỳ bưng dọn, không quên dặn họ phải chăm sóc chu đáo, và xong xuôi dẫn cô đến đảnh lễ các Tỳ-kheo.

Cô đến trước mặt các Tỳ-kheo đảnh lễ, toàn thân run rẩy. Tỳ-kheo này thấy cô hồn phi phách tán, đang bệnh mà còn đẹp như thế, nếu khỏe mạnh, trang điểm và

đeo đồ trang sức nữa thì còn đẹp đến đâu! Sau đó tham ái đã tích lũy từ hàng triệu năm nay nổi dậy trong lòng. Ông không còn biết gì mọi vật xung quanh và không thể thọ thực được. Ông bưng bát trở về tinh xá, đậy bát lại để qua một bên, nới y ra và nằm dài. Tỳ-kheo đi chung năn nỉ, nhưng ông không nuốt nổi một thứ gì.

Ngay tối ngày hôm đó Sirimà qua đời. Thế Tôn hay tin, bảo vua quàng xác để trong nhà thiêu, chớ có hỏa táng, và canh giữ đừng để quạ chó mổ ăn thịt. Ngày qua ngày, đến ngày thứ tư xác của Sirimà trương lên, giống như đống thịt lở loét, từ chín lỗ dòi bò ra chẳng khác gì nồi nấu cơm vỡ nứt. Vua cho đánh trống rao khắp thành bắt mọi người phải đến xem xác Sirimà, ai không đến xem phạt tám tiền. Thế Tôn cùng với Tăng đoàn đến

xem.

Bấy giờ Tỳ-kheo tương tư này đã bỏ ăn bốn ngày, không đếm xỉa gì đến lời khuyên của các bạn đồng tu. Cơm trong bát đã thối rữa, bình bát thì lên mốc, Nhưng khi nghe tin Thế Tôn sắp đi xem xác Sirimà, đang nằm liệt giường ông tức tốc nhỏm dậy. Và khi có người hỏi ông đi không, ông đáp không cần suy nghĩ: "Chắc chắn là tôi đi". Rồi ông hắt bỏ cơm thiu rữa và cất bát trong giỏ lưới xong ra đi.

Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo tăng đứng một bên thi thể. Chúng Tỳ Kheo Ni và đoàn tùy tùng của vua với nam nư cư sĩ đứng bên kia. Thế Tôn hỏi vua:

- Đại vương, người đàn bà này là ai?

- Bạch Thế Tôn, Sirimà, em của Jìvaka.

- Sirimà à?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Vậy thì hãy đánh trống loan hết phố thành ai bỏ ra một ngàn đồng sẽ được sở hữu cô ta.

Chẳng có ai "ừ hử" gì cả. Phật bảo vua hạ giá xuống thấp. Từ trăm xuống đến chục, rồi đến xu, một phần hai xu, một phần tư xu, một phần tám xu, cũng chẳng ai muốn lãnh nàng dù là cho không.

Phật liền dạy:

- Các Tỳ-kheo! Các ông thấy rõ giá trị của một người đàn bà dưới mắt dân chúng chứ. Trong thành này, trước đây

người ta dám bỏ cả ngàn đồng để hân hạnh qua một đêm với người đàn bà này. Nhưng bây giờ không ai chịu lãnh nàng dù được cho không, vì lẽ sắc đẹp đã tàn tạ, không còn nữa. Nhìn xem, các Tỳkheo, thi thể này tàn rụi và thối rữa.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(147) Hãy xem hình bóng đẹp, Chỗ chất chứa vết thương, Bệnh hoạn nhiều suy tư, Thật không gì trường cửu.

3. Bà Ni Già

Thân này bị suy già ...

Phật dạy câu trên tại Kỳ Viên, liên quan

đến ni cô Uttarà.

Ni cô vẫn tiếp tục hành hương khất thực cho đến một trăm hai mươi tuổi. Một hôm, gặp một Tỳ-kheo, bà dâng hết thức ăn trong bát, không chừa lại gì cho mình. Ngày thứ hai và tiếp ngày thứ ba, Uttarà cũng lại gặp và dâng cúng cho vị Tỳkheo đó tại chỗ cũ.

Đến ngày thứ tư, Uttarà đang đi khất thực như thường lệ thì gặp Phật ở nơi thật đông người. Bà bước lui, lá y bà bị tuột, bà giẫm chân lên, vướng víu nên té ngã. Thế Tôn đến gần bà và bảo:

- Sư muội, thân của ngươi suy yếu theo tuổi già, không còn bao lâu sẽ hoại diệt.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(148) Thân này bị suy già, Ổ tật bệnh mỏng manh, Nhóm bất tịnh đổ vỡ, Chết, chấm dứt mạng sống.

4. Nhóm Tỳ Kheo Cả Tin

Như trái bầu mùa thu...

Phật đã nói tại Kỳ Viên câu trên liên quan đến nhóm Tỳ-kheo cả tin.

Năm trăm Tỳ-kheo nhận đề mục thiền quán từ Thế Tôn, rút vào rừng nỗ lực phấn đấu thiền định. Nghĩ rằng mình không còn tham ái và đã hoàn thành tu tập, họ ra khỏi rừng đến báo với Thế Tôn đã chứng đắc. Họ vừa đến ngoài cổng tinh xá, Thế Tôn vội bảo Trưởng lão A-

nan rằng họ chưa có duyên gặp Phật, xin đến lò thiêu trước rồi trở lại sau.

Thay vì thắc mắc tại sao, các Tỳ-kheo bảo nhau "Đức Phật là bậc đại trí, chắc chắn Ngài có ý". Họ tuân hành đến lò thiêu và trông thấy các thi thể. Với các thi thể để lâu đến một hai ngày thì họ thấy ghê tởm, các thi thể mới chết còn tươi rói lại kích động lòng dục của họ. Lúc đó họ mới nhận ra tham ái vẫn còn trong lòng. Thế Tôn ngồi trong hương thất phóng quang ảnh đến đối diện với các Tỳ-kheo bảo:

- Này các Tỳ-kheo, thấy nguyên bộ xương mà các ông thích thú tham đắm xấu xa thì có hợp lẽ không?

Rồi Ngài đọc Pháp Cú:

(149) Như trái bầu mùa thu Bị vất bỏ quăng đi, Nhóm xương trắng bồ câu, Thấy chúng còn vui gì?

5. Ni Cô Và Bóng Sắc

Thành này làm bằng xương...

Phật đã dạy như thế tại Kỳ Viên, liên quan đến ni cô Janapada-Kalyànì Rùpanandà

Cô nghĩ rằng: "Anh cả của ta đã từ bỏ vinh quang của quyền uy, trở thành Tỳkheo, và giờ đây là người siêu việt ở thế gian, là Phật. Con Ngài là Ràhula Kumàra, cũng là tăng sĩ. Chồng ta là tăng và cả mẹ ta cũng là ni. Cả gia quyến

đều sống đời xuất gia, tại sao ta vẫn kéo dài đời tại gia?" Do đó cô muốn đi tu, gia nhập Ni chúng, không phải với lòng tin mà vì lòng thương gia quyến. Vì có vẻ đẹp tuyệt trần nên cô có tên Rùpa.

Một hôm nghe Thế Tôn giảng: "Cái đẹp của sắc là vô thường, hệ lụy với khổ đau, phi thực; thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như thế". Cô cho rằng Thế Tôn đã nhìn thấy cái xấu trên thân xác của mình, dù rất đẹp để nhìn rất xinh để ngắm. Do đó cô không thích diện kiến Thế Tôn nữa.

Dân cư ở Xá-vệ thường cúng dường sáng sớm, tiếp tục bổn phận của ngày Bát quan trai. Buổi chiều ăn mặc sạch sẽ tươm tất, tay cầm hương hoa, họ tụ tập tại tinh xá để nghe pháp, Ni chúng cũng thế. Nghe pháp xong, họ vào thành ca tụng công đức của Thế Tôn.

Có bốn tiêu chuẩn để người ta phán đoán về Như Lai và lấy làm mãn nguyện:

1. Trên điều họ thấy được là thân kim sắc của Phật, trang nghiêm với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp.

2. Trên điều họ nghe được về đức hạnh của Phật qua biết bao trăm kiếp, và nghe Phật âm gồm có Bát Diệu khi Ngài thuyết pháp.

3. Trên sự khổ hạnh của Phật.

4. Trên sự nhận xét về Ngài là chính trực, có thập lực, có trí, an tĩnh, Phật là bậc độc tôn không ai sánh bằng.

Rùpanandà nghe Ni chúng và nữ

cư sĩ kể lại lời ca tụng Như Lai, nhưng cô cho rằng họ xứng tán quá lố đối với anh mình. Nếu như Ngài định chỉ trích sắc đẹp của cô trong chỉ một ngày thôi, Ngài sẽ nói nhiều đến đâu trong khoảng thời gian ấy? Rồi cô có ý định đi nghe pháp, nhìn Thế Tôn rồi trở về mà không muốn cho ai thấy mình. Ni chúng vui sướng dẫn Rùpanandà cùng đi, vì từ lâu cô không muốn đến hầu Phật, có cô Ngài sẽ thuyết pháp với nhiều chi tiết phong phú hơn.

Thế Tôn biết trước hôm nay Rùpanandà đến đảnh lễ. Và để dạy dỗ người quá đắm trước thân mình, để làm tiêu tan lòng kiêu hãnh của nàng vì ỷ

có sắc đẹp, Ngài sẽ dùng chính sắc đẹp thân thể làm phương tiện, giống như phải dùng gai lễ gai. Thế Tôn liền hiển thần thông: một thiếu nữ mười sáu xuân xanh, đẹp chưa từng thấy mặc bộ y phục đỏ thẫm, trang điểm với tất cả món trang sức, đứng trước Thế Tôn, cầm quạt phe phẩy. Chỉ có Phật và Rùpanandà trông thấy cô gái.

Rùpanandà vào tinh xá với Ni chúng. Cô đứng phía sau, năm vóc gieo xuống đảnh lễ Phật và ngồi xuống chỗ Ni chúng. Rồi cô quan sát Thế Tôn từ đầu đến chân. Rực rỡ xán lạn với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, hào quang bao quanh tỏa rộng đến hai mét. Rồi cô thấy cô gái đứng cạnh Phật và

cô quan sát gương mặt sáng rực như trăng rằm của cô gái. Ngắm lại thân mình, cô thấy mình chẳng khác gì con quạ đang đứng trước con ngỗng chúa thân kim sắc. Cô trợn tròn mắt vì mái tóc thiếu nữ, ôi thật thanh tú. Cô say mê từng bộ phận trên người thiếu nữ, và nóng lòng muốn mình cũng được như thế. Thế Tôn biết được ý tưởng của cô nên bắt đầu thuyết cho cô bài pháp sau. Thế Tôn hóa hiện thiếu nữ từ mười sáu tuổi lên hai mươi tuổi. Rùpanandà nhận ra ngay bóng sắc này không bằng trước đây. Rồi thiếu nữ thành thiếu phụ một con, đến trung tuần và cuối cùng là một lão bà

già khụ. Rùpanandà theo dõi từng giai đoạn biến hóa, mỗi lúc vẻ đẹp chỗ này mất, sắc tươi chỗ kia hết. và khi đứng đó là bà lão răng rụng, tóc bạc, lưng còng, oằn xuống như chiếc rui nhà hình chữ nhân, phải tựa lên gậy, tay chân run rẩy. Rùpanandà không khỏi ghê tởm.

Phần cuối bài thuyết pháp của Phật là bà lão lâm bệnh. Ném gậy và quạt đi, bà kêu thét lên, té xuống đất, lăn qua lăn lại trên đống phân và nước tiểu của mình. Rùpanandà nhìn và muốn lợm giọng. Rồi đức Phật cho thấy cái chết của bà lão. Liền đó thi thể bà trương phồng, từ chín lỗ mủ chảy ra có dạng như bấc đèn và có cả giun sán. Quạ và chó nhào

lên người bà xé xác. Sự kiện này làm chấn động Rùpanandà khôn kể. Cô thấy rõ ngay chính chỗ này người đàn bà này già đi, lâm bệnh rồi chết; và thân của cô cũng sẽ như thế. Từ cái thấy thân mình nằm trong sự vô thường, cô thấy thân thể mình hệ lụy đến khổ đau, và do đó phi thực.

Liền đó, ba pháp (già, bệnh, chết) giống như nhà bị lửa thiêu đốt, hoặc như dây thừng quấn ngang cổ cô, hiển hiện trước mắt Rùpanandà khiến tâm cô đi vào thiền định. Tuy vậy, Phật biết cô chưa thể chứng quả, nên đọc thêm bài kệ để hỗ trợ cho cô như sau:

Hãy nhìn, Nandà! Sự liên kết những bộ phận gọi là thân, Nó là bệnh tật, bất tịnh, thối tha, rỉ chảy. Thật là ngu ngốc nếu ham

muốn nó. Thân này như thế nào, thân kia cũng thế, Thân kia ra sao, thân này cũng sẽ vậy. Hãy nhìn các yếu tố của thân đều là không. Đừng trở lại thế gian, Hãy dập tắt tham ái khiến tái sanh, Và ngươi sẽ đi trong an tĩnh.

Hướng tâm ý thuận theo giáo lý Phật, Rùpanandà chứng quả Tu-đà-hoàn. Vì muốn cho cô tiến lên Tam đạo và Tam quả trên nữa, đẩy cô thiền định thêm về lý không. Thế Tôn dạy thêm:

- Này Rùpanandà, đừng nghĩ rằng thân này có thực, không một chút gì là thực trong thân này. Thân này là thành trì làm bằng xương, do ba trăm khúc xương dựng lên.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(150) Thành này làm bằng xương, Quét tô bằng thịt máu, Ở đây già và chết, Mạn, lừa đảo chất chứa.

Cuối bài kệ, ni cô chứng quả A-la-hán, và nhiều người cũng thọ trì được bài kệ này.

6. Hoàng Hậu Mallikà Và Con Chó

Xe vua đẹp cũng già...

Tại Kỳ Viên Phật đã dạy câu trên liên quan đến hoàng hậu Mallikà.

Ngày kia hoàng hậu Mallikà vào phòng

tắm. Rửa mặt xong, bà cúi người xuống và rửa chân. Không dè con chó cưng của bà cũng vào theo. Nó thấy thế bèn làm hạnh bất tịnh với bà, và bà cứ để nó tiếp tục. Từ tầng trên cung điện nhà vua nhìn thấy hết, sau đó mắng nhiếc bà thậm tệ. Bà tìm cách chối quanh, nhưng nhà vua khẳng định:

- Chính mắt ta đã thấy. Chết tiệt đi, con tiện tỳ khốn kiếp!

Bà vẫn chống chế:

- Tâu đại vương, thật lạ kỳ! Ai bước vào phòng tắm ấy, người ở ngoài nhìn vào đều thấy thành hai.

- Mi nói dối.

- Nếu bệ hạ không tin , xin hãy vào

phòng tắm, thiếp sẽ ở ngoài nhìn vào.

Vua quả là thật thà, cả tin nên làm theo lời bà. Đột ngột bà ở ngoài la thất thanh:

- Nhà vua điên khùng kia! Sao làm điều ô uế với con dê cái?

- Ái khanh, ta có làm như thế đâu!

- Chính mắt thiếp thấy!

Vì thế nhà vua tin lời giải thích của hoàng hậu, là ai vào phòng tắm đều bị thấy thành hai.

Nhưng Mallikà cảm thấy bất an. Tuy đã dối gạt được nhà vua, vì ông đã là một tên ngu ngốc, nhưng bà đã phạm tội trọng, và còn sai quấy khi kết tội nhà vua. Thế Tôn sẽ biết tội của bà, cả hai

Đại đệ tử và tám mươi Trưởng lão cũng biết. Tội lỗi trầm trọng biết bao! (Trước đó bà và vua cúng dường rất nhiều của báu, số tiền lên đến một trăm bốn mươi triệu đồng. Riêng đức Như Lai được cúng dường bốn món vô giá: một chiếc lọng trắng, một chiếc giường, một ghế ngồi và một vật đỡ chân).

Mallikà lúc hấp hối lại quên hẳn sự cúng dường, chỉ nhớ đến hành động xấu ác mình đã phạm, do đó bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Vua Ba-tư-nặc rất yêu bà Mallikà nên buồn khổ vô cùng. Lễ tang xong, vua đến gặp Phật, ý muốn hỏi xem bà sanh ở đâu. Thế Tôn biết trước, nên khôn khéo không để vua nhớ lý do đi đến tinh xá. Phật cứ thuyết

pháp, vua nghe xong hoan hỷ hồi cung. Như thế suốt bảy ngày vua không thể nào nhớ để hỏi.

Còn Mallikà, sau bảy ngày rên siết trong địa ngục, được giải thoát và tái sanh vào cõi trời Đâu-suất.

(Sở dĩ Phật phải làm như thế vì Mallikà rất được sủng ái. Nếu biết bà, một người có niềm tin kiên cố, bố thí cúng dường rất nhiều mà rơi vào địa ngục, thì số phận của vua sau này sẽ ra sao? Nhà vua sẽ hiểu sai lạc sanh ra hoài nghi, không tiếp tục cúng dường năm trăm Tỳ-kheo nữa, và như thế vua sẽ đọa vào địa ngục).

Vào ngày thứ tám, Thế Tôn ra ngoài khất thực một mình. Đến cổng hoàng cung vua nghe tin, cầm bát của Phật định mang lên sân thượng cung điện. Nhưng

Phật muốn ngồi ngay nhà để xe, vua bèn dâng chỗ ngồi nơi đó và cúng dường thức ăn loại cứng loại mềm. Rồi nhà vua đảnh lễ Phật hỏi lại câu đã quên suốt bảy ngày qua. Phật đáp:

- Vào cung trời Đâu-suất, đại vương ạ.

Vua vẫn còn buồn khổ nên than:

- Bạch Thế Tôn, từ khi nàng đi về cõi khác, con người tôi không còn sống nữa.

Phật an ủi:

- Đại vương, chớ nên đau lòng. Đó là quy luật bất biến cho mọi chúng sanh.

Rồi Phật hỏi tiếp:

- Đại vương, xe này của ai?

- Bạch Thế Tôn, của ông tôi.

- Còn xe này?

- Của cha tôi, bạch Thế Tôn.

- Còn xe kia.

- Của tôi.

Đức Phật bèn dạy:

- Đại vương, xe của cha còn tốt hơn xe ông nội, cũng vậy xe của đại vương còn tốt hơn xe của cha. Sự suy tàn cũng sẽ làm hư hoại thân này. Đại vương, chỉ có đức hạnh chân chánh mới không hư hoại.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(151) Xe vua đẹp cũng già,

Thân này rồi sẽ già, Pháp bậc thiện không già. Như vậy bậc chí thiện, Nói lên cho bậc thiện.

7. Một Tỳ Kheo Thường Nói Không Đúng Chỗ

Người ít nghe kém học...

Phật dạy câu này tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Ca-lưu-đà-di.

Trưởng lão này ưa đến các nhà nơi dân chúng làm lễ và đọc kệ về tang tế như "Họ đứng bên ngoài cõi chết". Thay vì nói những lời thích hợp như thế, có nghĩa là còn sống mãi, khi tang lễ đang tiến hành ông lại nói những câu kệ không

dính dáng như "Bố thí và xót thương". hoặc một câu trong kinh Kim Cang "Bất cứ tài sản nào có được, đời này cũng như đời sau".

Thật ra, bất kể đi đến đâu, nếu ông dự định nói một điều gì đó thì khi mở miệng cũng khác hẳn, và chính ông không biết mình đã lỡ lời nói không đúng.

Các Tỳ-kheo nghe ông nói bèn trình lên Phật:

- Bạch Thế Tôn! Ca-lưu-đà-di đi đến chỗ lễ lạc hay tang ma có lợi ích gì? Điều đáng phải nói, Ca-lưu-đà-di nói trật lất.

Thế Tôn đáp:

- Các Tỳ-kheo! Đây không phải lần đầu Ca-lưu-đà-di nói như thế mà ở kiếp trước

ông ta luôn luôn không nói điều đúng rồi, lại nói trật lất.

Chuyện quá khứ

7A. Aggidatta, Somadatta Và Nhà Vua

Xưa, có một Bà-la-môn tên là Aggidatta ngụ tại Ba-la-nại có con là Somadatta theo hầu vua rất được sủng ái. Ông sống bằng nghề nông, chỉ có hai con bò đực, lại chết mất một con. Ông bảo con xin nhà vua con bò khác. E vua hiểu lầm mình lợi dụng quyền chức để xin xỏ, Somadatta bảo cha trực tiếp đến xin vua, và sợ ông không biết ăn nói, anh chịu khó chỉ dạy thật tỉ mỉ. Anh dẫn cha đến bãi thiêu xác tên là Bụi Cuscus, nhặt cỏ bó thành từng túm, bảo:

- Đây là nhà vua, đây là phó vương, đây

là tổng tư lệnh quân đội. Vào hoàng cung cha phải đi vào như thế này đây, lùi bước như thế này đây. Rồi cha tâu lên nhà vua trước, phó vương sau. Đến gần vua, cha phải tâu "Bệ hạ cao quý muôn năm!" Và đứng như vầy, rồi đọc bài kệ sau:

Tôi có hai con bò đực giúp tôi cày bừa. Nhưng một con đã chết, Xin cho tôi con khác, vương tử anh hùng!

Bà-la-môn mất hết một năm mới thuộc bài kệ trên. Ông cho con biết, rồi hai cha con cùng mang lễ vật lên đường. Đến nơi, Somadatta đến ngồi vào chỗ cận vua. Bà-la-môn một mình mang lễ vật đến sân rồng. Vua vui mừng thấy ông, hỏi thăm vồn vã:

- Chào ông bạn! Ông bạn đã đi đường xa,

hãy ngồi lên giường này và cho ta biết ông bạn cần chi?

Bà-la-môn lấy hết sức mình đọc bài kệ một lèo:

Tôi có hai con bò đực giúp tôi cày bừa, Nhưng một con đã chết, Xin lấy con còn lại, vương tử anh hùng!

Vua ngạc nhiên hỏi:

- Nói gì lạ vậy, ông bạn? Hãy lặp lại!

Nhưng ông vẫn nhắc lại y như trước. Vua biết ông lỡ lời nói ngược lại ý của mình, bèn cười bảo:

- Somadatta, chắc ngươi có nhiều bò đực ở nhà.

Somadatta thưa:

- Tâu bệ hạ, nhiều bằng số bệ hạ đã ban cho chúng tôi.

Vua hài lòng với câu trả lời của vị Phật tương lai, nên ban cho Bà-la-môn mười sáu con bò đực, thêm nữ trang và đồ gia dụng, và một ngôi làng để trú ngụ. Như thế vua đã ban cho Bà-la-môn quà tặng xứng đáng và vinh dự to lớn.

Phật kể chuyện xong, đồng hóa như sau:

- Thời đó nhà vua là A-nan. Bà-la-môn là Ca-lưu-đà-di và Somadatta chính là Ta.

Và Ngài nói thêm:

- Này các Tỳ-kheo! Đây không phải lần đầu tiên ông ta không thể nói đúng việc

đúng thời vì quá ngu si. Thực vậy, người ít nghe kém học không khác gì con trâu đực.

Phật đọc tiếp Pháp Cú:

(152) Người ít nghe kém học, Lớn già như trâu đực, Thịt nó tuy lớn lên, Nhưng tuệ không tăng trưởng.

8. Kệ Của Trưởng Lão A-Nan

Lang thang bao kiếp sống...

Câu này Phật thốt ra khi ngồi dưới cội bồ-đề, sau này nói lại cho Trưởng lão A- nan để đáp một câu hỏi.

Dưới cội bồ-đề, trước khi mặt trời lặn, Phật chiến thắng Ma vương; đầu đêm, Ngài vén màn vô minh đã bao phủ từ nhiều kiếp; giữa đêm, đắc thần thông; cuối đêm, vì lòng thương xót chúng sanh, Ngài tập trung tư tưởng vào lý nhân duyên, thiền quán theo chiều thuận và chiều nghịch, và hừng đông Thế Tôn giác ngộ viên mãn. Sau đó, như vô lượng chư Phật đã làm, Ngài long trọng phát biểu bài kệ sau:

(153) Lang thang bao kiếp sống, Ta tìm nhưng chẳng gặp, Người xây dựng nhà này, Khổ thay phải tái sanh!

(154) Ôi! Người làm nhà kia! Nay ta đã thấy ngươi! Ngươi không làm nhà nữa. Đòn tay

ngươi bị gãy, Kèo cột ngươi bị tạn. Tâm ta đạt tịch diệt, Tham ái thảy tiêu vong.

9. Đại Phú, Con Của Chưởng Khố

Lúc trẻ không phạm hạnh...

Thế Tôn đã dạy câu này tại Isipatana, liên quan đến Mahàdhana (Đại Phú) con của chưởng khố.

Đại Phú sanh tại Ba-la-nại, nhà giàu, gia sản trị giá tám trăm triệu của cải nhiều như thế, nên ông bà không cần phải cho con làm việc gì khác hơn ngoài vui chơi thỏa thích. Do đó Đại Phú chỉ học hát và chơi đàn. Một nhà giàu khác trong thành cũng có tài sản tám trăm triệu sanh bé

gái. Vì đồng ý nghĩ nên cô bé cũng được cha mẹ chỉ cho học ca hát và nhảy múa. Hai đứa trẻ lớn lên, họ cho thành hôn với nhau theo nghi lễ tập tục. Cha mẹ hai bên qua đời khiến gia sản hai trẻ tăng gấp đôi số tám trăm triệu.

Thường lệ, mỗi ngày ba lần, con của chưởng khố phải đến hầu vua. Một bọn bất lương trong thành khiếm cách rù quến Đại Phú để trục lợi. Chúng kiếm rượu và các thứ cần thiết, ngồi một chỗ rình rập con đường Đại Phú sắp đi qua. Thấy anh ta, chúng đến gần, lấy rượu ra uống, cho muối và đường vào miệng, nhét rễ và củ hành vào răng nhai ngấu nghiến rồi cất tiếng:

- Hãy sống đến trăm tuổi, công tử con của chưởng khố! Với sự đỡ đầu của công tử, chúng tôi sẽ được ăn uống thỏa thuê!

Đại Phú ngạc nhiên hỏi tiểu đồng theo sau:

- Mấy người này uống gì thế?

- Thưa công tử, một loại rượu.

- Ngon không?

- Thưa công tử, trên thế gian này không gì sánh bằng.

- Thế thì ta cũng uống.

Rồi Đại Phú bảo tiểu đồng mang thêm một chút rượu nữa... và uống hết. Chẳng bao lâu bọn bất lương biết rằng Đại Phú đã ghiền rượu. Chúng tụ tập quanh ông ta, càng lúc

càng đông. Mỗi lần đi uống anh phải tiêu một đến hai trăm đồng. Sau đó anh tập tành chất tiền từng đống để

gọi rượu và các thứ như:

- Lấy tiền mua hoa về cho ta!

- Cầm tiền, mang hương về cho ta.

- Người này khéo đổ súc sắc, người kia nhảy giỏi hát hay, người đó đàn tuyệt! Cho người này một ngàn, cho người kia hai ngàn!

Ném tiền qua cửa sổ như thế, chẳng bao lâu anh đã phung phí hết gia sản tám trăm triệu của mình. Rồi tám trăm triệu của nhà vợ cũng tan như mây khói. Đại Phú bán hết ruộng đất, vườn tược, xe cộ... luôn cả ly chén, khăn trải giường, áo khoác. Về già anh bán luôn căn nhà, dắt vợ ra đi và trọ ven tường nhà người khác, tay cầm mảnh sành ăn xin đầu đường xó chợ, kiếm chút cơm thừa canh cặn qua

ngaỳ.

Ngày kia, đứng trước cửa một ngôi nhà nghỉ, anh nhận thức ăn thừa của mấy chú Sa-di và tập sự. Thế Tôn trông thấy thế mỉm cười. Trưởng lão A-nan hỏi và được Ngài giải thích:

- A-nan! Nhìn xem Đại Phú, con của chưởng khố! Anh đã tiêu hết gia sản gấp hai lần tám trăm triệu để bây giờ dắt vợ đi ăn xin. Nếu hồi trẻ anh biết sử dụng đồng tiền để kinh doanh thì đã thành vị chưởng khố đệ nhất của thành này; và nếu anh lìa bỏ thế gian thành Tỳ-kheo sẽ đắc quả A-la-hán, còn vợ anh chứng Tam quả. Nếu ở tuổi trung tuần, anh không tiêu phí tài sản và biết làm ăn thì sẽ trở thành đệ nhị chưởng khố thành này; và nếu lìa bỏ thế gian thành Tỳ-kheo sẽ đắc Tam quả, còn vợ anh sẽ đắc Nhị quả.

Nếu cuối đời mình, anh mới biết chuyển hướng như đã kể, thì sẽ thành đệ tam chưởng khố, hoặc chứng Nhị quả còn vợ anh chứng Dự-lưu. Nhưng bây giờ anh đã đánh mất hết tài sản thuộc về cư sĩ, cũng như quả vị của đạo. Anh ta không khác gì con cò mắc cạn trong ao.

Rồi Phật đọc Pháp Cú:

(155) Lúc trẻ không phạm hạnh, Không tìm kiếm tiền bạc, Như cò già bên ao, Ủ rũ, không tôm cá.

(156) Lúc trẻ không phạm hạnh, Không tìm kiếm bạc tiền, Như cây cung bị gãy, Thở than những ngày qua.

XII. Phẩm Tự Ngã 1. Hoàng Tử Bồ Đề Và Con Chim Thần

Nếu biết yêu tự ngã ...

Khi ngụ tại Bhesakalàvana, Thế Tôn đã dạy câu trên liên quan đến hoàng tử Bồ- đề.

1A. Hoàng Tử, Người Xây Nhà Và Con Chim Thần

Hoàng tử Bồ-đề xây dựng một cung điện tên là Sen Đỏ (Kokanađa) không giống bất kỳ cung điện nào trên mặt đất này, giống như đang nổi lên trong hư không.

Xong việc ông hỏi người xây nhà:

- Anh đã từng xây dựng một cung điện nào giống như thế này ở nơi khác chưa, hay đây là công trình đầu tiên trong đời anh vừa thực hiện xong?

Anh thợ đáp đó là đầu tiên. Ý của hoàng tử là muốn cung điện của ông độc nhất vô nhị, do đó tốt nhất là giết chết anh thợ, hoặc cắt cụt tay chân, hoặc móc mắt... Ông gặp người bạn thân nhất là Sanjikàputta nói ý đó. Anh bạn này báo cho anh thợ biết, vì không nỡ để một nghệ nhân có khiếu như thế bị giết chết. Vì thế khi hoàng tử đến hỏi anh thợ đã hoàn tất chưa, anh bảo chưa, và cần thêm một ít gỗ, loại gỗ đã khô hết nhựa, anh sẽ giam mình trong phòng riêng để tập trung làm việc, không ai được phép lai vãng, trừ vợ anh sẽ mang cơm trưa mà thôi. Hoàng tử bằng lòng.

Anh thợ bắt đầu đẽo thớ gỗ thành hình chim Kim xí điểu, đủ rộng để chúa anh ta và vợ con. Anh dặn vợ bán hết đồ đạc, quy ra bằng vàng đưa anh cất. Và khi tác phẩm hoàn tất, anh cùng vợ con chui vào bụng chim, rồi chim cất cánh qua cửa sổ bay mất, mặc dù hoàng tử đã cho lính bao vây kín mít. Anh thợ đến vùng đất ở Hy-mã-lạp-sơn, tạo ra một đô thị bằng thần thông và cư ngụ ở đó. Người ta gọi anh là Vua Ngựa Gỗ.

1B. Hoàng Tử Chiêu Đãi Đức Phật

Hoàng tử quyết định mở hội ăn mừng ngày hoàn tất cung điện và thỉnh mời Thế Tôn. Ông cho bôi trát lên vách đất sét trộn với bốn loại hương thơm, trải đệm và thảm lên sàn nhà từ ngưỡng cửa. Hoàng tử không có con. Trong khi trải đệm và thảm, ông nghĩ thầm rằng nếu

ông sẽ được có con trai hay con gái, Thế Tôn sẽ giẫm chân lên thảm. Nhưng sau khi ông đảnh lễ và ba lần thỉnh Phật vào nhà, Ngài từ chối không vào, chỉ đưa mắt nhìn Tôn giả A-nan. Trưởng lão A-nan hiểu ý, bảo cuốn thảm lên. Rồi hoàng tử cung kính dâng Phật cháo và các thức ăn cứng, đảnh lễ Ngài xong ngồi một bên thưa:

- Bạch Thế Tôn, con là người hầu trung tín của Thế Tôn. Đã ba lần con tìm nương tựa nơi Thế Tôn. Lần đầu trong thai mẹ, lần thứ hai là đứa bé con, lần thứ ba khi đến tuổi có trí khôn. Vì sao Thế Tôn không chịu bước chân lên đệm và thảm?

- Hoàng tử, ngươi nghĩ gì khi trải sàn nhà với vải vóc kia?

- Bạch Thế Tôn, con nghĩ nếu số mạng con sẽ có con trai hay con gái, Thế Tôn sẽ đi lên đó.

- Vì lẽ đó Ta đã từ chối không bước lên.

- Nhưng bạch Thế Tôn, phải chăng số mạng của con là không bao giờ có con trai, con gái?

- Đúng vậy, hoàng tử.

- Vì lý do gì, bạch Thế Tôn?

- Ở kiếp trước ngươi đã phạm lỗi vô ý, không sáng suốt.

- Vào lúc nào, bạch Thế Tôn?

Để trả lời, Phật kể:

Chuyện quá khứ

1C. Người Ăn Trứng Chim

Hàng trăm người ra biển bị đắm tàu. Tất cả đều lần lượt chết hết, trừ hai vợ chồng bám được một mảnh ván, tấp vào một đảo gần đó. Cả chồng lẫn vợ quá đói và không tìm được cái gì để ăn trong khi chim chóc trên đảo nhiều vô số, nên họ ăn trứng chim luộc trên lò than. Không đủ no, họ ăn luôn những con chim nhỏ. Họ đã ăn như thế từ lúc trẻ, khi đứng tuổi, đến tuổi già. Cả cuộc đời, không một lúc nào họ được sáng suốt.

(Hết Chuyện Quá Khứ)

Thế Tôn chỉ cho hoàng tử thấy lỗi lầm trong tiền kiếp rồi dạy tiếp:

- Hoàng tử, nếu một trong ba thời trẻ, trung niên, già của kiếp trước, ngươi và

vợ ngươi sáng suốt thì cũng được một đứa con trai hoặc gái trong kiếp này. Hay ít nhất một trong hai người được sáng suốt thì kiếp này các ngươi đã có con. Hoàng tử, nếu biết quí trọng đời sống của mình, ta phải nhớ giữ sáng suốt cả ba thời trong đời mình. Nếu quên, ít nhất cũng phải được một trong ba.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(157) Nếu biết yêu tự ngã, Phải khéo bảo vệ mình. Người trí trong ba canh, Phải luôn luôn tỉnh thức.

2. Một Tỳ Kheo Tham Lam

Trước hết tự đặt mình...

Tại Kỳ Viên, Thế Tôn đã dạy câu trên liên quan đến Trưởng lão Upananda, một hoàng tử dòng họ Thích-ca.

Trưởng lão vốn có biệt tài thuyết pháp. Nhưng lạ thay sau khi đã nghe giảng về thiểu dục, ông thản nhiên nhận hết y áo do các Tỳ-kheo khác, vì muốn giữ phạm hạnh, đã cúng cho mình, luôn cả vật dụng họ để lại. Kịp mùa mưa đến sát bên, ông đi về vùng quê. Dừng chân tại một tinh xá, ông thuyết pháp và rất được các Sa-di và tập sự xuất gia ưa chuộng. Họ thỉnh ông ở lại đây suốt mùa mưa. Ông hỏi:

- Một Tỳ-kheo ở lại đây suốt mùa mưa sẽ thọ nhận gì?

Họ đáp:

- Một cái áo khoác ngoài.

Trưởng lão không ừ hử, để lại đôi giày và đi tiếp đến một tinh xá kế. Khi được mời ở lại, cũng câu hỏi cũ:

- Thọ nhận được gì?

Đáp:

- Hai áo khoác.

Trưởng lão để lại đó cây gậy.

Đến tinh xá thứ ba, hỏi:

- Thọ nhận được gì?

Đáp:

- Ba áo khoác.

Ngài để lại bình đựng nước.

Đến tinh xá thứ tư, hỏi:

- Được thọ nhận gì?

- Bốn áo khoác.

Ngài bèn đáp:

- Tốt lắm! Ta ngụ tại đây

Rồi Ngài thuyết pháp cho các cư sĩ và Tỳ-kheo ở đó, hay đến nỗi họ dân cúng cho Ngài vô số y áo. Hết hạn lưu trú, Ngài báo tin cho các tinh xá gửi cho Ngài các món đã bỏ lại. Và gom hết tài sản xong, Ngài chất lên một chiếc xe bò lên đường.

Bấy giờ ở một tinh xá nọ, có hai Tỳ-kheo

vừa thọ nhận hai chiếc áo khoác và một cái mền, Cả hai không biết làm sao để chia cho đúng, nên dừng lại bên đường cãi vã:

- Huynh lấy áo đi! Còn cái mền của tôi.

Trưởng lão chợt đi ngang, họ liền chận lại:

- Bạch Trưởng lão, xin Ngài chia giùm cho đúng, và cho chúng tôi cái thích đáng.

Trưởng lão nghiêm mặt hỏi lại:

- Quý thầy có tôn trọng quyết định của tôi không?

- Dạ vâng.

- Tốt lắm. Vậy thì cái mền này chỉ dành cho người nào thuyết pháp đắp, còn hai thầy mỗi vị một cái áo.

Và trước vẻ mặt ngơ ngác của hai Tỳ- kheo kia, Trưởng lão vác chiếc mền đắt tiền lên vai đi mất.

Ghê tởm và thất vọng, họ đến thưa chuyện với Thế Tôn. Phật bảo không phải lần đầu tiên ông ta lấy đồ của các thầy và làm cho các thầy ghê tởm thất vọng, ở kiếp trước ông

ta cũng đã làm như thế.

Và Ngài kể:

Chuyện Quá Khứ

2A. Rái Cá Và Chó Rừng

Xa xưa, có hai rái cá là Anutìracàrì và Gambhìracàrì bắt được một con cá hồng to, nhưng khi chia chác thì lúng túng và lớn tiếng với nhau:

- Cái đầu cá của tôi, phần anh là đuôi cá.

Không thể chia đều và vừa ý cho cả hai, nên thấy bóng một con chó rừng, chúng gọi đến nhờ giải quyết:

- Này bác, bác hãy chia con cá này theo bác thấy đúng với lẽ phải, và bác sẽ được thưởng.

Chó rừng sửa bộ, ra vẻ trịnh trọng:

- Ta được vua chỉ định làm quan tòa. Ta đang phải ngồi tòa xử án hằng mấy giờ liền. Ta ra đây chỉ để giãn chân, bây giờ ta không có thời giờ làm việc đó.

- Bác ơi, đừng nói thế. Hãy chia phần và được thưởng.

- Các ngươi có tôn trọng quyết định của ta không?

- Có chứ, này bác, chúng tôi sẽ tuân theo.

- Tốt lắm, vậy thì trong hai bạn, ai bơi dọc theo bờ (Anutìracàrì) sẽ có cái đuôi, ai bơi trong nước sâu (Gambhìracàrì) sẽ có cái đầu, còn khúc giữa thuộc về ta, vì ta là công lý.

Nói xong, chó rừng nhặt khúc giữa và chạy biến. Còn bọn rái cá chỉ biết đứng nhìn theo lòng đầy ghê tởm và thất vọng.

(Hết Chuyện Quá Khứ)

Thế Tôn an ủi hai Tỳ-kheo, và quở

trách Upananda:

- Các Tỳ-kheo, người muốn dạy bảo người khác trước hết phải điều phục mình cho hợp đạo.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(158) Trước hết tự đặt mình, Vào những gì thích đáng, Sau mới giáo hóa người, Người trí khỏi bị nhiễm.

3. Hãy Hành Động Theo Lời Nói

Hãy tự làm cho mình...

Vì chuyện Trưởng lão Padhànika Tissa, mà Thế Tôn dạy câu trên tại Kỳ Viên.

Trưởng lão này được Phật cho đề mục thiền quán, rồi dẫn năm trăm Tỳ-kheo vào rừng. Trước hết ông bảo họ:

- Này chư huynh! Nhận được đề mục từ đức Phật tại thế rồi, tất cả phải chú tâm thiền quán.

Nói xong, ông nằm dài ra và ngủ. Còn các Tỳ-kheo đi kinh hành suốt canh một, và giữa đêm thì vào tinh xá. Ngủ no mắt, Trưởng lão thức dậy đi kiếm các Tỳkheo, hỏi họ:

- Có phải các ông về đây định để ngủ không? Ra khỏi tinh xá tức khắc! Thiền quán đi!

Nói xong, ông lại về chỗ, nằm dài ra và ngủ. Các Tỳ-kheo kia lại đi kinh hành suốt canh giữa, và đến canh cuối họ về

tinh xá. Trưởng lão thức dậy, đến kiếm họ, đuổi ra khỏi tinh xá và ông lại trở về nằm ngủ tiếp. Vị Trưởng lão cứ theo nhắc nhở hoài như thế, các Tỳ-kheo không thể nào chú tâm, dù tụng kinh hay thiền quán, đến nỗi họ muốn quẩn trí. Rốt cuộc họ bảo nhau:

- Sư phụ của chúng ta quá nhiệt tình. Hãy theo dõi ông ta xem sao!

Khám phá ra sự thật, họ chỉ biết lắc đầu bảo nhau:

- Sư phụ của chúng ta hùng biện rỗng tuếch, chúng ta đành thua thiệt.

Quá mệt nhọc vì mất ngủ, không một Tỳ- kheo nào chứng quả.

Hết thời hạn ở rừng, mọi người trở về

gặp Phật. Sau lời chào mừng thân hữu, Thế Tôn hỏi họ:

- Này các Tỳ-kheo! Các ông có chú tâm thiền quán hay không? Hành thiền miên mật không?

Họ đành kể hết tự sự. Phật bảo:

- Này các Tỳ-kheo! Đây không phải là lần đầu Trưởng lão làm nỗ lực tu tập của các ông thất bại. Trước đây ông ta cũng làm như thế.

Và thuận theo lời yêu cầu của các Tỳ- kheo Ngài kể chuyện bổn sanh Akàlaràvikukkuta:

Chẳng được mẹ cha nuôi dưỡng, Chẳng được dạy dỗ bởi thầy. Gà ta không sao gáy được,

Đúng thời, đúng giờ, đúng giấc.

Ở kiếp đó, con gà chính là Trưởng lão Padhànika Tissa, năm trăm Tỳ-kheo lúc đó chính là các Sa-di này, và vị thầy nổi tiếng chính là Ta.

Phật dạy tiếp:

- Này các Tỳ-kheo! Nếu một người răn bảo kẻ khác, trước hết hãy tự điều phục, và tự điều phục mình thì có thể điều phục kẻ khác.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(159) Hãy tự làm cho mình, Như điều mình dạy người, Khéo tự điều, điều người, Khó thay, tự điều phục!

4. Đừng Ghét Bỏ Cha Mẹ Mình

Tự mình y chỉ mình...

Câu này Phật dạy tại Kỳ Viên, liên quan đến bà mẹ của Trưởng lão Kumàra Kassapa.

4A. Kumaara Kassapa Chào Đời

Con gái của chưởng khố thành Vương Xá trước khi đến tuổi khôn lớn đã xin phép đi tu nhiều lần, nhưng không được. Đến tuổi cặp kê bà thành hôn, về sống bên nhà chồng là một gia chủ, làm người vợ trung thành. Chẳng bao lâu bà có mang, nhưng bà và cả người chồng đều không hay biết. Bà xin xuất gia, lần này được chồng thuận, và cũng chính ông

dẫn bà đến Ni chúng. Bà được gia nhập Tăng đoàn Ni chúng thuộc phái Đề-bà- đạt-đa.

Sau một thời gian Ni chúng thấy bà mang thai nên hỏi:

- Việc này nghĩa là sao?

Bà đáp:

- Thưa quý Ni, con không hiểu ra sao. Nhưng con biết chắc là con vẫn giữ phạm hạnh trong sạch.

Họ dẫn bà đến Đề-bà-đạt-đa, và vì sợ bị quở trách, ông ra lệnh trục xuất. Bà liền van xin chư ni:

- Quý sư tỷ! Đừng hủy hoại đời con! Con xuất gia không phải theo đề nghị của Tôn

giả Đề-bà-đạt-đa. Xin dẫn con đến Thế Tôn ở Kỳ Viên.

Thế Tôn biết bà đã mang thai khi còn ở thế gian, và để phản chứng lời buộc tội sai lầm, Ngài triệu tập vua Ba-tư-nặc, Đại và Tiểu Cấp Cô Độc, cư sĩ Tỳ-xákhư và các nhân vật tai mắt khác, truyền lệnh cho Trưởng lão Ưu-ba-ly:

- Ông hãy đến giữa tứ chúng biện hộ cho người đàn bà bị kết tội này.

Trưởng lão gọi bà Tỳ-xá-khư đến trước mặt vua giao trách nhiệm. Bà cho treo màn chung quanh thiếu phụ, và khám từ tay, chân, rốn, bụng, đến phần dưới. Rồi đếm tính số tháng và ngày, bà nhận xét thiếu phụ đã có thai khi còn ở thế gian, liền báo tin cho Trưởng lão. Trước tứ chúng Ngài tuyên bố thiếu phụ vô tội và

một đứa bé ra đời, mạnh khỏe và to lớn như bà đã cầu xin dưới chân đức Phật Padumuttara.

Ngày kia nhà vua đi ngang qua chỗ Ni chúng, nghe tiếng trẻ khóc, dừng chân hỏi chuyện biết được liền mang đứa trẻ về hoàng cung giao các công chúa nuôi nấng. Đến ngày lễ đặt tên, họ đặt là Kassapa, vì được hoàng gia dưỡng dục, nên mọi người gọi là hoàng tử Kassapa, Kumàra Kassapa.

Trên sân chơi, một hôm, đứa bé đánh mấy trẻ kia. Chúng la lên:

- Tên không cha không mẹ đánh chúng tôi!

Kassapa lập tức chạy đến vua hỏi:

- Tâu bệ hạ, chúng nó nói con không cha không mẹ, ai là mẹ của con xin nói cho con biết.

Vua chỉ các công chúa bảo:

- Các bà mẹ của con đó!

Kassapa không chịu cằn nhằn:

- Con không có nhiều mẹ như vậy, đúng ra con chỉ có một mẹ thôi, ai vậy?

Vua biết không thể dối gạt, nên nói hết sự thật. Kassapa xúc động vô cùng, xin xuất gia ngay. Vua hoan hỷ dẫn đến gặp Phật, và thọ giới xong, chú trở thành Trưởng lão Kassapa. Nhận đề mục thiền quán từ Thế Tôn, Kassapa rút vào rừng. Nhưng nỗ lực hết sức mình vẫn không chứng quả, nên Ngài nghĩ cần trở về để

xin Phật đổi đề mục, sau đó đến trú trong núi Andha.

(Bấy giờ một Tỳ-kheo từ thời Phật Cadiếp tự thiền định và chứng Tam quả. Ông tái sanh trên cõi trời Phạm thiên rồi trở lại thế gian, hỏi Kumàra Kassapa mười lăm câu hỏi, với lời nhắn nhủ "không ai khác ngoài Thế Tôn có thể giải đáp câu hỏi này, hãy đi gặp Thế Tôn". Kassapa nghe theo, và khi các câu hỏi được trả lời xong, Trưởng lão chứng A-la-hán).

4B. Đừng Ghét Bỏ Cha Mẹ Mình

Suốt mười hai năm, kể từ ngày Kassapa lìa bỏ thế tục, bà mẹ ni cô vẫn khóc hết nước mắt vì quá đau khổ xa con. Một hôm đi khất thực, bà thấy Trưởng lão trên đường bèn mừng quá la

lên:

- Con tôi! Con tôi!

Bà chạy đến và té sấp xuống chân Ngài, lăn vòng dưới đất. Sữa từ trong ngực chảy ra ướt hết áo khi bà đứng lên ôm Trưởng lão. Nghĩ rằng nếu nói lời ngọt sẽ không giúp ích gì được cho bà, Kassapa lớn tiếng với bà:

- Bà muốn gì đây? Bà không bỏ được tình cảm thế tục sao?

Bà mẹ chới với, không ngờ con mình nói với mình như một tên cướp. Bà nén lòng hỏi thêm:

- Con yêu quí, con nói gì vậy?

Nhưng Kassapa vẫn chỉ lặp lại những lời

cộc cằn tàn nhẫn. Sau đó bà hiểu ra rằng chỉ tại vì nó mà bà đã không ngăn được giọt lệ suốt mười hai năm. Nhưng nó quá cứng cỏi đối với bà, tại sao bà còn thương tưởng nó làm gì? Ngay lúc ấy bà cắt đứt cội rễ luyến ái đứa con và chứng quả A-la-hán.

Về sau các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường:

- Đề-bà-đạt-đa muốn trừ khử Kumàra
Kassapa, người có khả năng chứng quả
Dự-lưu và cả ni cô mẹ Ngài. Nhưng Thế
Tôn đã che chở họ. Lòng từ bi của Phật đối với chúng sanh to lớn biết bao!
Phật nghe được liền dạy:

- Này các Tỳ-kheo! Đây không phải là lần đầu tiên Ta là chỗ dựa và bênh vực

họ. Ở kiếp trước cũng đã như thế.

Và Phật kể chuyện Bổn Sanh Nigrodha:

Đừng theo nai rẽ đàn Theo nai chúa mà đi. Thà chết bên nai chúa, Hơn sống cạnh nai kia.

Ngài đồng nhất các nhân vật như sau:

- Ở kiếp đó con nai rẽ đàn dẫn đầu một nhánh phái là Đề-bà-đạt-đa, những con nai trong nhánh phái là đồng nhóm của Đề-bà-đạt-đa, con nai cái đã đạt được sở nguyện là ni cô, con nai tơ là Kumàra Kassapa, và con nai đầu đàn, nai chúa, đã hy sinh mạng sống vì con nai cái và nai tơ, chính là Ta.

Sau khi ca tụng ni cô đã cắt ái với con mình, lấy chính mình làm nơi an trú cho

mình, Thế Tôn đã dạy thêm:

- Này các Tỳ-kheo, bởi vì khi một người đạt được cứu cánh cõi trời hay đạo quả, thì thành quả ấy không thể trở thành sở hữu của người khác, do đó chính mình là nơi nương tựa của mình. Làm sao một người có thể làm nơi nương tựa cho người khác được?

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(160) Tự mình y chỉ mình, Nào có y chỉ khác. Nhờ khéo điều phục mình, Được y chỉ khó được.

5. Maha Kàla Bị Giết

Điều ác tự mình làm...

Phật dạy câu trên tại Kỳ Viên liên quan đến một cư sĩ tên là Mahà Kàla đã đắc quả Dự lưu.

Vào ngày thứ tám trong tháng, Mahà Kàla tự mình thọ trì bát quan trai giới, và ở lại tinh xá suốt đêm nghe pháp. Có vài tên trộm sau khi ăn hàng, khua vang đồ đạc làm chủ nhà thức dậy rượt đuổi. Chúng ném hết của đã lấy rồi phân tán mạnh ai nấy chạy.

Một tên lọt vào tinh xá vào lúc sáng sớm, ném món đồ trước mặt Mahà Kàla đang rửa mặt bên bờ ao, rồi chạy mất. Chủ nhà chẳng thấy tên trộm đâu, chỉ thấy cư sĩ với tang vật, hét vào mặt anh:

- Té ra anh là người xông vào nhà tôi ăn trộm đấy hẳn! Vậy mà anh làm như suốt

đêm đã nghe pháp đấy!

Anh không kịp thốt lời nào đã bị đánh tới tấp đến chết. Họ bỏ xác anh trên đường rồi đi mất.

Sáng sớm các Tỳ-kheo trẻ và Sa-di ôm bình rời tinh xá đi lấy nước, thì phát hiện xác chết của cư sĩ. Họ đến thưa chuyện với Thế Tôn:

- Cư sĩ đã ở lại suốt đêm để nghe pháp và bị chết thảm như thế, thật ngược với công lao của anh!

Phật bảo:

- Quả đúng như vậy, này các Tỳ-kheo! Cái chết của Mahà Kàla không chính đáng nếu chỉ xét kiếp hiện tại này. Nhưng so với các nghiệp ác đã gây ở

kiếp trước thì không oan uổng.

Và Ngài kể:

Chuyện quá khứ

5A. Người Lính Và Người Có Cô Vợ Đẹp

Thật xa xưa ở một làng ven biên giới thuộc xứ của vua Ba-la-nại, một băng trộm thường phục kích khách đi đường tại lối vào rừng. Vua phải chốt một người lính tại đó, và tùy thời người lính sẽ hộ tống khách vào rừng rồi trở ra.

Ngày kia có hai vợ chồng vào rừng trên chiếc xe nhỏ. Người lính thấy cô vợ quá đẹp nên lọt vào lưới tình. Khi họ xin được hộ tống thì người lính bảo đã quá muộn, phải chờ sáng mai. Khách nài nỉ

vì mùa này trời tốt nên xin được đi ngay, nhưng người lính nhất quyết không chịu. Anh ra dấu cho người phụ tá quay đầu xe dù khách phản đối. Rốt cuộc khách phải ở lại trong nhà người lính.

Hừng đông người lính gây tiếng động làm như trộm vào nhà. Ngay sau đó viên phụ tá của anh đến báo cáo viên ngọc quí của anh bị trộm mất. Anh tức tốc ra lệnh cho người gác cổng làng khám xét mọi người ra vào. Sáng sớm khách thắng xe đi ra, bị khám và bị bắt quả tang viên ngọc giấu trong xe, viên ngọc do anh lính lén bỏ vào xe để vu oan. Họ mắng chửi khách không tiếc lời và tặng thêm một trận đòn nên thân, xong dẫn tới xã trưởng. Khách bị xử đánh đến chết, xác bị ném ra xa.

Đó là việc làm của cư sĩ kiếp trước.

Mạng chung anh bị đọa địa ngục A-tỳ, chịu cực hình khổ sở rất lâu, nhưng vì ác báo chưa dứt nên anh vẫn bị đánh như thế liên tiếp một trăm kiếp.

(Hết Chuyện Quá Khứ)

Thế Tôn dạy tiếp:

- Này các Tỳ-kheo! Trên thế gian này chỉ có chúng sanh phạm điều ác mới bị dày vò khổ não trong bốn kiếp.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(161) Điều ác tự mình làm, Tự mình sanh mình tạo, Nghiền nát kẻ ngu si, Như kim cương ngọc báu.

6. Đề Bà Đạt Đa Tìm Cách Giết Phật

Phá giới quá trầm trọng...

Thế Tôn đã dạy như thế ở Trúc Lâm, liên quan đến Đề-bà-đạt-đa.

Các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường:

- Chư huynh, Đề-bà-đạt-đa tập khí độc hại, tánh tình xấu ác, ý muốn quá tàn bạo. Chỉ vì hiểm độc như thế nên luồn cúi ân sủng của A-xà-thế, dâng tặng nhiều lễ vật cho ông ta, xúi giục ông ta giết cha, rồi cùng âm mưu sát hại Phật.

Thế Tôn nghe được liền bảo:

- Đây không phải là lần đầu, ở kiếp trước ông ta đã từng như vậy.

Rồi Ngài kể chuyện Kurùga Miga và chuyện khác trong Bổn Sanh, xong dạy tiếp:

- Này các Tỳ-kheo! Khi một người phó mặc tính ác độc của mình thắng lướt mọi ranh giới, để cho ý muốn xấu ác nảy sanh từ tánh ác độc, giống như dây leo bám quanh cây Sa-la, cuối cùng sẽ làm cho cây héo chết, người đó sẽ bị tống vào địa ngục hoặc một cõi giới khổ não nào đó.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(162) Phá giới quá trầm trọng, Như dây leo bám cây, Gieo hại cho tự thân, Như kẻ thù mong ước.

7. Đề-Bà-Đạt-Đa Gây Chia Rẽ Trong Tăng Đoàn

Dễ làm các điều ác...

Câu giáo lý này Phật dạy tại Trúc Lâm, do chuyện Đề-bà-đạt-đa.

Tôn giả A-nan một hôm bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, sáng nay trên đường vào thành Vương Xá khất thực. Đề-bà-đạt-đa gặp con bảo rằng "Kể từ nay, sư đệ Anan, tôi sẽ trai giới và điều hành công việc của Tăng chúng, độc lập với Tăng đoàn và Thế Tôn". Hôm nay y sẽ tách Tăng đoàn ra làm hai, tự trai giới và điều hành công việc của Tăng chúng.

Nghe vậy, Thế Tôn đọc bài kệ:

Điều thiện thật dễ làm Đối với người hiền thiện Người ác không thể kham Những việc làm phước thiện

Điều ác thật dễ làm Đối với người dữ ác Người hiền chẳng thể cam Xuống tay làm điều ác.

Rồi Ngài bảo:

- Này A-nan! Người ta dễ làm điều ác, khó làm điều thiện.

Và đọc tiếp Pháp Cú:

(163) Dễ làm các điều ác, Dễ làm tự hại mình, Còn việc lành, việc tốt, Thật tối thượng khó làm.

8. Vị Tỳ Kheo Đố Kỵ

Kẻ ngu si miệt thị ...

Do chuyện Trưởng lão Kàla, Phật đã dạy câu trên tại Kỳ Viên.

Ở Xá-vệ có một phụ nữ thường hay giúp đỡ Trưởng lão Kàla với lòng tốt của bà mẹ đối với con. Sau khi nghe lời tán tụng đức Phật thuyết pháp thật là vi diệu, thật là thích thú, từ cửa miệng một gia đình láng giềng, bà nói với Trưởng lão cũng muốn đi nghe. Nhưng ông ngăn cản. Lý do thật dễ hiểu, vì ông sợ nghe đức Phật thuyết rồi bà sẽ không cần ông nữa. Nhưng một sáng tinh sương, điểm tâm xong bà tự thọ bát quan trai giới rồi đi đến tinh xá, không quên dặn con gái ráng

lo cho Trưởng lão.

Nghe tin bà đã ra đi, lửa sân phựt lên dữ dội, thiêu đốt cả tâm can ông. Không quên nổi ý nghĩ bà đã cắt đứt với mình, ông đi thẳng ngay đến tinh xá, thấy bà ngồi trước mặt Phật, ông liền thưa:

- Bạch Thế Tôn! Người đàn bà ngu dốt này không thể hiểu nổi bài pháp thâm diệu của Ngài. Chỉ nên giảng cho bà ta bổn phận bố thí cúng dường và trí giới.

Nhưng Thế Tôn biết rõ động cơ thúc đẩy ông, nên bảo:

- Đừng tự phụ! Vì ác kiến, ông đã phỉ báng giáo pháp của chư Phật. Nhưng như thế ông chỉ tự làm tổn hại mình thôi.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(164) Kẻ ngu si miệt thị, Giáo pháp bậc La-hán, Bậc Thánh, bậc Chánh mạng. Chính do ác kiến này, Như quả loại cây lau, Mang quả tự hoại diệt.

9. Cô Gái Giang Hồ Cứu Mạng Một Cư Sĩ

Tự mình làm điều ác ...

Vì chuyện Culla Kàla, Phật dạy câu trên tại Kỳ Viên.

Cũng trong câu chuyện về Mahà Kàla, lúc đó Culla Kàla cũng ở lại suốt đêm nghe pháp, và cũng bị bắt vì gói đồ tên trộm đã liệng trước mặt. Họ cũng túm lấy cư sĩ định đánh, nhưng vài cô gái

giang hồ hạng sang đi tắm sông thấy thế, xác nhận cư sĩ này không lấy và xin tha mạng cho ông. Culla Kàla được thả ra, bèn đến tinh xá kể chuyện cho các Tỳkheo. Các vị này kể lại cho Phật nghe, và được Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo! Cư sĩ Culla Kàla được cứu mạng nhờ cả hai mặt, sự can thiệp của các cô gái giang hồ và chính ông ta vô tội. Chúng sanh ở thế gian này do ác nghiệp gây nên, tự mình chịu khổ não ở địa ngục hay cõi giới khở sở khác. Nhưng người làm điều thiện thì tự mình cứu độ, được lên cõi trời hay Niết-bàn.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(165) Tự mình, điều ác làm, Tự mình làm ô nhiễm. Tự mình ác không làm, Tự mình làm thanh

tịnh. Tịnh, không tịnh, tự mình, Không ai thanh tịnh ai.

10. Tu Tập Chân Chánh Để Tôn Quý Thế Tôn

Dầu lợi người bao nhiêu ...

Phật đã dạy câu trên tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Attadattha.

Sắp nhập Niết-bàn, Phật bảo đệ tử:

- Này các Tỳ-kheo, bốn tháng nữa Ta sẽ nhập Niết-bàn.

Bảy trăm Tỳ-kheo chưa chứng quả Dự lưu, quá đỗi xúc động, không hề rời xa Thế Tôn, và thì thầm với nhau không

biết nên làm gì. Nhưng Trưởng lão Attadattha thì tự nhủ Phật sắp nhập diệt mà mình chưa hết tham ái, vậy phải phấn đấu hết sức để chứng quả A-la-hán trong khi Phật còn tại thế. Các Tỳ-kheo ngạc nhiên thấy Trưởng lão tách rời họ, gần như không nói chuyện với họ nữa. Họ không hiểu tại sao nên thưa chuyện với Thế Tôn. Ngài hỏi lại Trưởng lão, biết được sở nguyện nên tán dương ông và dạy các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo! Người nào thành thật quý trọng Ta thì phải như Trưởng lão Attadattha mới được. Thực sự tôn quý Ta không phải là lễ kính Ta với hương hoa. Chỉ có người hành trì theo pháp từ bậc thấp đến bậc cao nhất mới đúng là tôn quý Ta. Do đó các ông nên theo gương Trưởng lão Attadattha.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(166) Dầu lợi người bao nhiêu, Chớ quên phần tự lợi. Nhờ thắng trí tự lợi, Hãy chuyên tâm lợi mình.

XIII. Phẩm Thế Gian 1. Một Thiếu Bữ Chế Giễu Thầy Tỳ Kheo Trẻ.

Chớ theo pháp hạ liệt ...

Câu pháp này được Thế Tôn nói khi Ngài ở Kỳ Viên, với một Tỳ-kheo trẻ.

Tích truyện:

Vào sáng sớm, một vị Trưởng lão và một

Tỳ-kheo trẻ đi đến nhà bà Visàkhà để nhận phần cúng dường tại đấy, bà luôn luôn cúng bánh và cháo. Vị Trưởng lão sau khi ăn cháo, bèn đi sang nhà khác, để thầy Tỳ-kheo ở lại. Lúc đó, cô cháu gái của bà Visàkhà đang giúp bà ngoại cúng dường các sư. Khi nàng rót nước vào bát cho thầy Tỳ-kheo, thấy gương mặt mình phản chiếu trong nước, nàng mỉm cười; thầy Tỳ-kheo nhìn vào và cũng cười.

Cô bé thấy thầy cười, bèn nói:

- Một chiếc đầu trọc cười.

Thầy nổi xung, mắng lại cô:

- Cô là kẻ trọc đầu, má cô, ba cô cũng trọc đầu.

Cô bé òa khóc lên, vào bếp mách bà.

Bà Visàkhà hỏi:

- Chuyện gì thế, cháu cưng?

Cô bé kể lại câu chuyện. Bà Visàkhà lập tức đi đến chỗ thầy Tỳ-kheo và thưa:

- Bạch Đại Đức, xin Ngài đừng phiền. Ngài hiểu lầm chỗ này. Đó chỉ là biểu hiện sự tôn trọng sâu xa đối với một vị tu sĩ râu tóc cao sạch, tay cầm bình bát nứt bể đi khất thực trong mảnh y vá víu.

Thầy Tỳ-kheo đáp nữ thí chủ:

- Đúng thế, bà hiểu theo luật, tóc râu.. của tôi đều phải cắt sạch. Nhưng cô bé này có được quyền hỗn láo gọi tôi là "đầu trọc" không?

Bà Visàkhà không thể nào khuyên can cả

thầy lẫn cháu.

Lúc ấy, Trưởng lão trở về và hỏi:

- Chuyện gì thế, nữ thí chủ?

Sau khi nghe qua câu chuyện, Trưởng lão rầy vị Tỳ-kheo:

- Thôi đi! Chú phải bình tĩnh. Không có gì sỉ nhục cho một sư tóc tai cắt sạch, mặc áo và đi khất thực.

- Bạch Ngài, đúng vậy. Nhưng tại sao thay vì khiển trách nữ thí chủ, Ngài lại khiển trách con? Ngài nghĩ xem có thích đáng không, khi chế giễu một nhà sư bằng câu nói: "Thầy trọc đầu"?.

Vào lúc đó, đức Thế Tôn đi đến, Ngài hỏi:

- Chuyện gì vậy?

Bà Visàkhà kể lại đầu đuôi câu chuyện.

Đức Thế Tôn nhận biết thầy Tỳ-kheo có khả năng chứng quả Tu-đà-hoàn, Ngài nghĩ thầm "Ta phải tiếp tay thêm để giúp thầy Tỳ-kheo này". Ngài bảo bà Visàkhà:

- Nhưng này, Visàkhà! Có thích đáng cho cháu gái bà không, khi chỉ vì đệ tử Ta đi khất thực với râu tóc nhẵn nhụi, đã chế nhạo và gọi các thầy là đầu trọc?

Thầy Tỳ-kheo trẻ lập tức nhảy lên, chắp tay hướng về Thế Tôn với tất cả lòng thành khẩn, nói:

- Bạch Thế Tôn! Chỉ có Ngài hiểu đúng vấn đề, mà ngay cả thầy con hay bà thí chủ giàu có này cũng không hiểu.

Đức Phật biết thầy đã hòa dịu, bèn nói:

- Thái độ chế giễu, nhạo báng lấy đó làm vui là thái độ thấp hèn không nên có, cũng như không nên sống buông thả phóng dật.

Ngài đọc Pháp Cú:

(167) Chớ theo pháp hạ liệt, Chớ sống mặc, buông lung, Chớ tin theo tà kiến, Chớ tăng trưởng tục trần.

2. Đức Phật Về Thăm Ca-Tỳ-La-Vệ

Nỗ lực, chớ phóng dật ...

Câu Pháp Cú này được đức Phật nói ra

khi Ngài đang ở Banyan Grove, liên quan tới phụ vương Ngài.

Khi đức Phật trở về thành Ca-tỳ-la-vệ lần đầu tiên sau ngày thành đạo, hoàng tộc đến trước đón tiếp Ngài. Vào dịp này, để đánh đổ lòng kiêu ngạo của hoàng gia, Ngài dùng thần thông tạo nên một con đường bằng châu báu ở trên không, Ngài đi qua đi lại ở trên đó, vừa đi vừa thuyết pháp. Mọi người trong hoàng tộc đều sanh lòng tin phục, khởi đầu là vua Tịnh Phạn. Và một trận mưa rơi trên thân tộc, khiến dân chúng bàn tán sôi nổi. Đức Phật nói:

- Này các Tỳ-kheo! Đây không phải lần đầu mà trận mưa rơi trên hoàng tộc của Ta, điều này đã xảy ra ở quá khứ.

Ngài nói Bổn Sanh Vessantara.

Sau khi nghe Ngài thuyết pháp, hoàng tộc đứng dậy ra về, không ai thỉnh mời đấng Đạo sư. Vua Tịnh Phạn cũng nghĩ rằng: "Nếu con ta không về nhà ta thì đi đâu?", nên nhà vua về cung điện, không mời Phật. Tại hoàng cung, nhà vua ra lệnh chuẩn bị thức ăn và tòa ngồi cho hai ngàn Tỳ-kheo. Ngày kế, đức Phật đi vào thành khất thực, Ngài nghĩ thầm: "Khi chư Phật thời quá khứ trở về thành của phụ vương, các Ngài đi thẳng về nhà hay đi khất thực như thường lệ?" Thấy rằng chư Phật đều đi khất thực từng nhà,

đức Bổn Sư cũng đi từng nhà xin ăn. Tiếng đồn đến tai vua Tịnh Phạn, nhà vua vừa choàng áo vừa đi đến chỗ Phật phủ phục trước Ngài và nói:

- Này con, sao con sỉ nhục cha đến thế? Cha rất hổ thẹn khi thấy con đi xin ăn từng nhà. Chính thành phố này còn

không đáng cho con đi xin bằng kiệu vàng nữa là.

- Đại vương! Ta không sỉ nhục Đại vương. Ta chỉ giữ đúng theo truyền thống của dòng dõi.

- Nhưng, này con! Truyền thống của dòng họ ta là đi xin ăn từng nhà ư?

- Không, đại vương! Đó không phải là truyền thống của Ngài. Đó là truyền thống của Ta, vì hàng nghìn chư Phật đã đi từng nhà để xin ăn.

Đức Phật nói Pháp Cú:

(168) Nỗ lực, chớ phóng dật!
Hãy sống theo chánh hạnh.
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau.
(169) Hãy khéo sống chánh hạnh, Chớ sống theo tà hạnh! Người chánh hạnh hưởng lạc, Cả đời này đời sau.

Vào cuối bài pháp, nhà vua chứng quả Dự lưu, cả chúng hội cũng được lợi ích.

3. Năm Trăm Tỳ Kheo Chứng Quả

Hãy nhìn như bọt nước ...

Câu chuyện này xảy ra khi đức Bổn sư ở tại Kỳ Viên với năm trăm Tỳ-kheo chứng quả.

Có năm trăm Tỳ-kheo nhận đề mục thiền định từ đức Bổn Sư, trở về rừng và nỗ lực thiền định. Nhưng mặc dù gắng sức

chiến đấu hết mình, họ không thể nào phát triển tuệ giác.

Các thầy nghĩ thầm: "Chúng ta sẽ đổi đề mục khác thích hợp với chúng ta hơn". Các thầy lại chỗ Phật, trên đường đi các thầy thấy một ảo ảnh, tập trung mọi ý niệm về ảo ảnh ấy, các thầy khai mở tuệ giác. Khi bước vào sân tu viện, trời đổ mưa, các thầy đứng đấy nhìn những bọt nước nổi bập bềnh và tan nhanh chóng. Một tư tưởng trỗi dậy: "Tự ngã của chúng ta như bọt nước nổi tan". Lập tức các thầy tập trung tư tưởng vào ý nghĩ này. Đức Bổn Sư đang ngồi trong hương thất, bèn hóa thân đến trước các thầy, nói kệ:

(170) Hãy nhìn như bọt nước, Hãy nhìn như cảnh huyễn! Quán nhìn đời như vậy, Thần

chết không bắt gặp.

Nghe xong, các thầy chứng quả A-la-hán ngay tại chỗ.

4. Hoàng Tử Vô Úy (Abhaya) Mất Hầu Thiếp

Hãy đến nhìn đời này ...

Câu chuyện này xảy ra khi đức Đạo sư ở Trúc Lâm (Veluvana), liên quan tới hoàng tử Vô Úy.

Hoàng tử Vô Úy dẹp loạn ở biên giới về, vua cha Tần-bà-sa-la rất vui lòng, ban thưởng cho hoàng tử một vũ nữ trẻ đẹp, giỏi tài múa hát, và cho ở hoàng cung bảy ngày. Trong bảy ngày, hoàng tử say

mê ngắm vẻ lộng lẫy của cung điện phụ vương. Ngày thứ tám, chàng vào nhà tắm bên sông, tắm xong vào vườn hoa ngồi xuống, y như tể tướng Santati ngắm cô vũ nữ nhảy múa, ca hát. Chẳng bao lâu, cũng y như cô vũ nữ của Tể tướng Santati, cô vũ nữ này bị bệnh và chết.

Hoàng tử Vô Úy rất buồn vì cái chết của nàng vũ nữ. Bất chợt một ý nghĩ thoáng qua: "Chẳng có ai ngoài đức Thế Tôn có thể làm tiêu tan nỗi buồn của ta". Chàng đi đến chỗ đức Phật và nói:

- Bạch Thế Tôn! Xin giải trừ nỗi buồn cho con.

Đức Phật an ủi chàng:

- Này hoàng tử! Trong vòng luân hồi vô

thủy, không thể đếm được bao nhiêu lần vũ nữ kia đã chết, và cũng không lường được nước mắt mà hoàng tử khóc cho cô ấy.

Biết hoàng tử đã bớt buồn, đức Phật dạy tiếp:

- Này hoàng tử! Không nên sầu não, chỉ có kẻ khờ dại mới chôn mình trong bể ưu bi.

Ngài nói kệ:

(171) Hãy đến nhìn đời này, Như xe vua lộng lẫy, Người ngu mới tham đắm, Kẻ trí nào đắm say.

5. Thầy Tỳ Kheo Và Cây Chổi

Ai sống trước buông lung ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ở Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Sammùnjani.

Trưởng lão Sammùnjani luôn luôn quét dọn từ sáng đến chiều không kể giờ giấc. Một ngày nọ, người cầm chổi đến thất của Trưởng lão Revata (Ly-bà-đa), thấy vị này vẫn tĩnh tọa như thường lệ. Trưởng lão nghĩ thầm: "Nhà thầy này ăn không ngồi rồi, chỉ nhận thức ăn của thiện tín, rồi trở về ngồi trong thất mình. Sao thầy không cầm lấy chổi, quét dọn ít ra cũng được cái thất của mình?".

Trưởng lão Ly-bà-đa nghĩ thầm: "Ta sẽ cho thầy một lời khuyên". Ngài

gọi Sammùnjani:

- Này huynh, hãy đến đây.

- Chuyện gì thế, thưa Tôn giả?

- Hãy đi tắm rồi trở lại đây với tôi.

Trưởng lão Sammùnjani vâng lời, sau đó đến ngồi một cách kính cẩn bên cạnh Trưởng lão Ly-bà-đa. Ngài Ly-bà-đa nói:

- Này huynh! Một vị Tỳ-kheo không phải lúc nào cũng quét dọn. Sáng sớm thầy Tỳ-kheo có thể quét dọn phòng xá, sau đó đi khất thực. Khất thực xong về tinh xá, ngồi tĩnh tọa một phần đêm hoặc một phần ngày, quán tưởng về ba mươi hai vật trong thân, biết rõ thân thể bất tịnh. Vào buổi chiều, thầy có thể xả thiền và quét phòng một lần nữa. Nhưng không

bao giờ nên tiêu phí suốt ngày chỉ để quét dọn, hoặc tự cho phép mình có thời gian rảnh rỗi.

Trưởng lão Sammùnjani cẩn trọng vâng lời Tôn giả Ly-bà-đa, chẳng bao lâu chứng A-la-hán.

Sau đó, tuy nhiên, khắp các phòng đều đầy rác. Các Tỳ-kheo nói với Sammùnjani:

- Thưa huynh! Các phòng đều đầy rác sao thầy không quét đi?

- Thưa chư Tôn giả! Trước đây tôi buông lung nên thường quét dọn. Bây giờ tôi đã trở nên tinh cần, nên không quét.

Các Tỳ-kheo thuật lại với đức Phật:

- Trưởng lão ấy nói một đàng làm một nẻo.

Nhưng, đức Phật đáp:

- Này các Tỳ-kheo! Thầy ấy nói đúng. Trước kia, trong những ngày phóng dật buông lung, thầy ấy để hết thì giờ trong việc quét dọn. Nhưng bây giờ, thầy dành trọn thời gian trong niềm vui đạo quả, và không quét dọn nữa.

Thế Tôn nói kệ:

(172) Ai sống trước buông lung, Sau sống không phóng dật, Chói sáng rực đời này, Như trăng thoát mây che.

6. Câu Chuyện Của Chỉ Man

Ai dùng các hạnh lành ...

Câu chuyện này xảy ra khi đức Phật ở Kỳ Viên, liên hệ đến Trưởng lão Chỉ Man (Angulimàla tức Ương-quật-ma-la).

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở tại nước Xá-vệ, tinh xá Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên. Bấy giờ trong nước của vua Ba-tư-nặc (Pasennadi) có một tên sát nhân đeo chuỗi tay người - Vô Não. Hắn ta rất hung bạo đẫm máu, chỉ giết chóc phá hoại, không thương xót ai cả. Hắn tàn phá làng nào làng ấy không sống sót, đi qua đô thị nào đô thị ấy hoang mạc, đã giết khu vực nào khu vực ấy không tồn tại. Hắn giết hết người này sang

người khác, làm một xâu chuỗi bằng ngón tay các nạn nhân.

Vào một buổi sáng, đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Sau khi khất thực Ngài trở về dùng buổi sáng, dọn dẹp phòng xá, rồi mang y bát vào khởi sự đi về con đường tướng cướp Chỉ Man đang ẩn núp. Các kẻ chăn bò, chăn trâu, nông dân chạy đến, thấy Thế Tôn đi về hướng ấy đã kêu lên:

- Này Sa-môn! Đừng đi hướng đó. Về phía đó có tên sát nhân Ương-quật-ma-la đang ẩn núp. Hắn ta tàn bạo, tay đẫm máu, giết chóc tàn phá không nương tay. Hắn đến đâu là ở đó không còn sự sống. Hắn giết người, làm thành một xâu chuỗi bằng ngón tay nạn nhân đeo trên cổ. Samôn ơi! Thỉnh thoảng có từng nhóm mười người, hai mươi, ba mươi, bốn mươi người đi chung với nhau trên đường này, và tất cả đều chết bởi tay Ương-quật-ma-la.

Mặc cho họ lo lắng, đức Thế Tôn tiếp tục đi trong im lặng. Lần thứ hai, lần thứ ba khẩn khoản yêu cầu Ngài đừng đi, nhưng đức Thế Tôn vẫn im lặng đi tiếp.

Ương-quật-ma-la nhìn thấy Thế Tôn đi từ xa. Hắn nghĩ thầm: "Thật lạ lùng! Thật kỳ đặc! Đã từ lâu người đi đường thường tụ tập thành từng nhóm mười người hoặc hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người đi chung với nhau trên con đường này. Vậy mà giờ đây chỉ có một Sa-môn đi một mình, không bạn đồng hành, như thể ông ta đang thắng trận. Được thôi, ta giết Sa-môn này".

Ương-quật-ma-la xách gươm, nai nịt cung tên, chạy theo sau Thế Tôn. Do thần lực của Phật, nên mặc dù hắn chạy hết tốc lực, Thế Tôn đi bình thường, hắn vẫn không sao bắt kịp đức Phật. Hắn suy

nghĩ: "Thật phi thường! Thật lạ lùng! Ta đã từng nắm đứng cả voi, ngựa, xe cộ, nai rừng khi chúng đang chạy. Vậy mà với Sa-môn đang đi thong thả kia, ta chạy hết sức mình vẫn không bắt kịp". Hắn dừng lại kêu lớn:

- Sa-môn! Dừng lại! Hãy dừng lại, Sa- môn!

- Ta đã dừng. Ương-quật, ngươi cũng nên dừng lại.

Ương-quật nghĩ thầm: "Thái tử dòng họ Thích nói thật, phát ngôn thành thật, nhưng Sa-môn này nói đã dừng trong khi đang đi. Ta phải hỏi ông mới được".

Ương-quật nói kệ:

Sa-môn! Mặc dù đang đi, ông

nói: "Ta đã dừng". Còn tôi đang đứng, ông lại nói: "Ngươi chưa dừng". Giờ đây, tôi xin hỏi câu này nhé! Vì sao ông đã đứng mà tôi đang đi?

Thế Tôn trả lời:

- Này Ương-quật! Ta đứng lại từ lâu. Vì Ta thường tự ái với mọi người.

Còn người không chút xót thương ai.Và vì thế đã đứng còng ngươi chưa đứng, Ương-quật!

- Từ lâu tôi tôn kính Ngài, bậc trí tuệ phi thường, đại ẩn sĩ rừng sâu. Giờ đay được nghe lời chỉ dạy, tôi sẽ từ bỏ mọi hành động ác xấu.

Nói xong, tên sát nhân ném khí giới

xuống hố, phủ phục dưới chân Thế Tôn xin được làm đệ tử Ngài.

Đức Phật từ bi, đấng trí tuệ đệ nhất, bậc thầy của trời người, nói với tên sát nhân:

- Thiện lai, Tỳ-kheo!

Và chỉ như thế, đã biến y thành một Sa- môn.

Sau đó, Thế Tôn đi về thành Xá-vệ, có Thượng tọa Ương-quật làm thị giả, Ngài đi vào tinh xá Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên. Khi ấy trước hoàng cung của vua Ba-tưnặc (Pasenadi), dân chúng tụ tập đông đảo và hô hoán:

- Muôn tâu Hoàng thượng! Có một tên sát nhân trong lãnh thổ của đại vương tên Ương-quật-ma-la. Hắn khát máu, tàn

bạo, giết người không gớm tay. Hắn đi qua làng mạc, đô thị, phố xá nào, nơi ấy không ai sống sót. Hắn giết người, lấy ngón tay kết thành chuỗi đeo cổ. Xin đại vương trừng trị hắn.

Sáng sớm, vua Ba-tư-nặc rời hoàng cung với năm trăm xa mã, đi về phía tinh xá. Nhà vua đi xe trên khoảng đường có thể đi xe, xuống xa đi bộ đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi nhà vua cúi chào Phật và cung kính ngồi một bên. Thế Tôn hỏi:

- Đại vương có điều gì phiền nhiễu? Vua Tần-bà-sa-la của nước ma-kiệt khiêu chiến chăng? Hay các hoàng tử Licchavi của Tỳ-xá-ly gây hấn? Hay vài kẻ cựu thù khác?

- Bạch đức Thế Tôn! Không, vua Tần- bà-sa-la chẳng khiêu khích con.

Nhóm Licchavi cũng không. Chẳng có kẻ thù nào khác. Bạch Thế Tôn, có một tên sát nhân tên Ương-quật-ma-la trong nước con. Hắn tàn bạo, khát máu, tàn phá mọi đô thị, làng mạc, hắn đeo xâu chuỗi tay người. Và con không thể nào trừng trị hắn.

- Này đại vương! Giả sử đại vương thấy Ương-quậ với râu tóc cạo sạch, khoác y vàng từ bỏ đời sống gia đình sống đời không gia đình, không sát sanh, không trộm cắp, không nói dối, chỉ ăn ngày một bữa, sống đời Phạm hạnh, đạo đức chân thật. Khi ấy nhà vua sẽ đối xử với y như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ cúi chào người ấy, con sẽ đứng dậy và mời ngồi, con sẽ xin được cúng dường y phục, thức ăn, phòng xá, thuốc men cho vị ấy. Con sẽ

bảo vệ, ủng hộ vị ấy tu hành với chánh pháp. Nhưng, bạch Thế Tôn! Làm sao một người cực ác như thế lại có thể hoàn toàn vâng theo những tín hiệu luân lý?

Khi ấy, Thượng tọa Ương-quật-ma-la ngồi cách Phật không xa. Và đức Phật đưa tay chỉ cho nhà vua.

- Đại vương, Ương-quật-ma-la đây!

Vua Ba-tư-nặc run lên vì sợ, chân tay lập cập, tóc dựng đứng. Đức Thế Tôn thấy thế khuyên nhà vua:

- Đừng sợ hãi, đại vương! Đừng sợ hãi! Đại vương không có gì phải sợ cả.

Ngay lúc đó, nhà vua lấy lại bình tĩnh, cơn xúc động lắng xuống, nhà vua đến chỗ Thượng tọa Ương-quật-ma-la, hỏi

thăm:

- Bạch Đại đức, có phải Ngài là Ương- quật-ma-la?

- Thưa vâng!

-Xin được phép biết tôn danh của thân phụ và thân mẫu Ngài?

- Đại vương! Thân phụ tôi họ Gagga, thân mẫu tôi họ Mantànì.

- Bạch đại đức! Vinh hạnh thay cho Thượng tọa dòng Gagga cao quý, con trai của Mantànì.

Trẫm sẽ tận tình cúng dường y phục, thức ăn, phòng xá, thuốc men cho Ngài.

Nhưng khi ấy, Thượng tọa Ương-quật-

ma-la đã tuân theo các điều kiện khổ hạnh như: ở trong rừng, đi khất thực, mặc y phấn tảo, chỉ giữ ba y nên trả lời:

- Đại vương! Ba y tôi đã đủ.

Vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, kính cẩn ngồi một bên, và thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thật kỳ diệu. Thế Tôn điều phục người không thể điều phục, trấn an kẻ dấy loạn, chế ngự kẻ không thể chế ngự. Thế Tôn điều phục không cần đến roi gậy, gươm đao với những kẻ mà nếu chúng con có dùng đến roi gậy, gươm đao cũng không thể chế ngự nổi. Bạch Thế Tôn! Bây giờ con phải về, có những việc phải làm, phải lưu tâm.

- Đại vương cứ tùy nghi.

Vua Ba-tư-nặc đứng lên lễ Phật, đi nhiễu quanh và trở về.

Một buổi sáng, Thượng tọa Ương-quậtma-la đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Và khi Thượng tọa đi theo thường lệ từ nhà này sang nhà khác, Ngài thấy một bà mẹ đang đau đớn vì sắp sinh. Thấy thế, Ngài nghĩ thầm: "Ôi! Chúng sanh đau khổ xiết bao".

Khất thực xong, Thượng tọa trở về, ăn sáng xong, đi đến chỗ đức Phật đảnh lễ và ngồi một bên thưa:

- Bạch Thế Tôn! Sáng nay, con đi khất thực trong thành Xá-vệ như thường lệ, và trông thấy một thiếu phụ đau đớn vì sanh khó. Khi trông thấy cảnh ấy, con nghĩ thầm: "Chao ôi! Chúng sanh đau khổ xiết bao!".

- Được rồi, này Ương-quật-ma-la, hãy trở vào thành Xá-vệ, đến chỗ thiếu phụ ấy và nói rằng: "Này cô! Từ khi tôi sanh ra, tôi không có ác tâm giết hại đối với bất cứ chúng sanh nào. Nếu điều này đúng sự thật, xin an lành đến với cô và đứa bé sắp sanh".

- Nhưng, bạch Thế Tôn! Đó là điều cố ý nói dối, vì con đã cố ý giết hại bao nhiêu chúng sanh.

- Thôi, Ương-quật-ma-la hãy đến nói thế này: "Này cô, từ khi tôi sanh vào dòng Thánh, tôi không cố ý giết hại bất cứ người nào. Nếu điều này đúng sự thật xin an lành đến với cô, an lành cho đứa bé sắp sinh".

- Thưa vâng.

Thượng tọa Ương-quật-ma-la vâng lời Thế Tôn, trở vào thành Xá-vệ, đến nói với thiếu phụ....lập tức nàng được an ổn, đứa trẻ chào đời an ổn.

Thượng tọa Ương-quật-ma-la sống độc cư, rút lui khỏi thế gian, chuyên tâm quyết ý và chẳng bao lâu ngay đời này, tôn giả an trú trong trí tuệ, đạt được Minh sát tuệ, và đạt được mục đích tối cao của dòng Thánh, đó cũng là mục đích của những người trẻ tuổi từ bỏ cuộc đời, từ bỏ gia đình sống không gia đình. Tôn giả tuyên bố: "Đời này là đời cuối, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, ta không còn trở lại đời này". Thượng tọa đã chứng A-la-hán.

Vào một buổi sáng, Tôn giả Ương-quật- ma-la đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thấy Tôn giả, người thì ném

đất, kẻ ném gậy kẻ ném đá, đánh đập Tôn giả. Tôn giả trở về, đầu vỡ, máu chảy, bát bể, y áo rách tả tơi, đi đến chỗ Thế Tôn. Thế Tôn trông thấy từ xa, an ủi:

- Hãy nhẫn Bà-la-môn, hãy nhẫn Bà-lamôn, ngươi đang chịu đau khổ hiện tại vì quả báo của những hành động ác, thay vì chịu đau đớn ở địa ngục trong nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm.

Giờ đây, Tôn giả Ương-quật-ma-la sống một mình tu ẩn, hưởng niềm vui an lạc của giải thoát.

Tôn giả nói kệ:

(172) Ai sống trước buông lưng Sau sống không phóng dật, Chói sáng rực đời này, Như trăng thoát mây che.

(173) Ai dùng các hạnh lành, Làm xóa mờ nghiệp ác, Chói sáng rực đời này, Như trăng thoát mây che.

(382) Tỳ-kheo tuy tuổi nhỏ, Siêng tu giáo pháp Phật, Soi sáng thế gian này, Như trăng thoát khỏi mây.

Người thù của ta, hãy lắng nghe giáo lý. Người thù của ta, hãy quy y theo Phật. Người thù của ta, hãy vun bồi người tốt, Người chỉ tân hành giáo pháp của Phật. Người thù của ta, hãy nghe giáo lý Của người giảng hạnh nhẫn nhục, Của người ca ngợi lòng vị tha không á

ý, Và khi đến thời hãy tuân theo giáo lý ấy. Người như thế không hại mình, hại người. Người ấy sẽ đạt được Niết-bàn Và che chở cho mọi chúng sanh.

(80) Người trị thủy dẫn nước, Kẻ làm tên nắn tên, Người thợ mộc uốn gỗ, Bậc trí nhiếp tự thân.

Có người chỉ thị được bằng roi, câu móc, gậy gộc. Đức Phật dạy ta không bằng roi hay gươm. Ngày xưa tên ta là "Sát nhân", Nhưng nay ta tê "Bất hại". Ngày xưa ta tên Ươngquật, kẻ giết người. Được sanh vào dòng Thánh ta quy y theo

Phật. Ngày xưa ta tên Ươngquật, tay đẫm máu. Tỉnh ra! Ta quy y Phật, Mắt trí tuệ sáng ngời. Làm điều ác rơi vào địa ngục, Ta đã chịu quả ấy. Giờ trả nợ xong, ta hưởng quả của ta.

(26) Chúng ngu si thiếu trí,
Chuyên sống đời phóng dật.
Người trí, không phóng dật,
Như giữ tài sản quý.
(27) Chớ sống đời phóng dật. Chớ say mê dục lạc. Không phóng dật, thiền định, Đạt được an lạc lớn.

Cung kính, không thất lễ là lời dạy ta vâng theo, Ta chẳng

phải được chỉ dạy điều dở. Ta đã bước vào hoàn cảnh tốt đẹp nhất, Trong tất cả hoàn cảnh đã trải qua. Ta đã chứng Tam minh, Ta đã giữ giới Phật dạy.

Khi Tôn giả Ương-quật-ma-la nói xong kệ, Ngài nhập Niết-bàn Vô dư. Các thầy Tỳ-kheo tụ tập ở Pháp đường bàn tán:

- Chư hiền, Trưởng lão ấy sanh về đâu?

Khi ấy, đức Thế Tôn đi đến, Ngài hỏi:

- Các Tỳ-kheo! Các ông ở đây bàn tán về chuyện gì?

- Bạch Thế Tôn! Chúng con đang bàn về nơi tái sanh của Trưởng lão Ương-quật- ma-la.

- Ông ấy đã vào Niết-bàn.

- Bạch Thế Tôn! Thế ư? Vào Niết-bàn sau khi đã giết hết chừng ấy người?

- Đúng thế! Này các Tỳ-kheo! Trước đây, thiếu người hướng dẫn sáng suốt, ông ấy gây nên tội lỗi. Nhưng sau đó, khi ông ấy vâng theo sự chỉ dạy của bậc minh sư, ông sống rất chánh niệm. Vì thế, ông ấy xóa tan hành động ác quá khứ bằng việc lành.

Thế Tôn nói kệ:

(173) Ai dùng các hạnh lành, Làm xóa mờ nghiệp ác, Chói sáng rực đời này, Như trăng thoát mây che.

7. Cô Bé Dệt Vải.

Đời này thật mù quáng ...

Câu chuyện này xảy ra khi đức Thế Tôn ở tinh xá Aggàlava liên quan đến một cô bé thợ dệt.

Một hôm, đức phật đi đến Alavi. Dân chúng Alavi thỉnh phật thọ trai. Thọ trai xong, đức Phật dạy một bài pháp ngắn:

"Hãy quán niệm về sự chết, các người hãy tự nhủ rằng: đời sống của ta mong manh. Cái chết của ta là điều cố nhiên. Chắc chắn ta sẽ chết. Cái chết sẽ chấm dứt đời ta. Đời sống không cố định, cố định là cái chết. Ai không quán niệm về sự chết, sẽ sợ hãi khi giờ lâm chung đến, và sẽ chết trong sợ hãi kinh hoàng, như một người đi đường gặp rắn, không có

gậy trong tay, run rầy dường nào. Còn người có quán niệm về sự chết, sẽ không sợ hãi trong giây phút cuối của cuộc đời, và như một người gan dạ thấy rắn từ xa, đã cầm gẫy hất nó đi. Vì thế, hãy quán niệm về sự chết".

Mọi người nghe xong lại trở về đời sống bình thường. Chỉ có một cô bé thợ dệt mười sáu tuổi tự nhủ "Lời dạy của đức Phật thật kỳ diệu, phần ta, ta sẽ quán niệm về sự chết". Và cô bé quán niệm suốt cả ngày đêm. Đức Thế Tôn rời Alavi đến Kỳ Viên. Cô bé cũng tiếp tục quán niệm về sự chết trong ba năm.

Vào một ngày, sáng sớm Thế Tôn quán sán thế gian, Ngài nhìn thấy cô bé xuất hiện trong tầm quan sát của Ngài. Ngài tự hỏi "Những gì sẽ xảy ra?" Ngài chú ý đến sữ diễn tiến tiếp theo: "Từ ngày cô

bé này nghe Ta nói Pháp, đã thực hành quán niệm về sự chết troing ba năm. Bây giờ, Ta sẽ đế Alavi và hỏi cô bé ấy bốn câu, Ta sẽ khen cô bé, và Ta sẽ nói Pháp Cú: Đời này thật mù quáng. Nghe xong cô bé ấy sẽ chứng quả. Nhờ vậy, thính chúng sẽ thâm hiểu lời dạy của Ta. Thế là Thế Tôn cùng năm trăm Tỳ-kheo lên đường đến tinh xá Aggàlava.

Dân chúng Alavi nghe tin Thế Tôn đến, họ vào tinh xá thỉnh Phật thọ trai. Cô bé con người thợ dệt cũng nghe tin ấy, tràn đầy hân hoan. Cô nghĩ: "Thế Tôn đã đến, bậc từ phục của ta, bậc đạo sư, bậc thầy quý kính dung mạo như trăng rằm, đức Cồ-đàm Phật-đà". Cô tự nhủ "Bây giờ, lần đầu trong ba năm nay, ta mới gặp Thế Tôn, người thân sắc vàng chói, giờ đây ta được đảnh lễ thân kim sắc của Ngài, và nghe Ngài giảng pháp vi diệu thấm đầy

mật ngọt".

Nhưng cha cô trước khi đến xưởng dệt, đã dặn cô:

- Này con, trên khung cửi của cha còn một khổ vải chưa dệt xong, cha phải dệt xong hôm nay. Con hãy quấn chỉ vào thoi cho đầy và mang gấp đến cha.

Cô gái nghĩ thầm: "Ta rất mong được nghe đức Phật thuyết pháp, nhưng cha ta đã căn dặn như thế. Ta sẽ đi nghe pháp hay đánh sợi cho cha ta?" Cô nghĩ tiếp: "Nếu ta không mang thoi đến, cha ta sẽ đánh ta. Vậy thì phải đánh sợi cho đầy mấy con thoi, đem đến cho ông, đợi dịp khác đi nghe pháp". Cô ngồi vào ghế và đánh sợi.

Dân chúng Alavi đợi chờ Thế Tôn, cúng

dường thức ăn, sau khi ăn xong họ dọn bát và nghe Ngài chỉ dạy. Đức Thế Tôn tự nhủ: "Ta đến đây qua một khoảng đường ba mươi dặm chỉ vì một cô bé, cô ấy chưa có mặt. Khi cô ấy đến, Ta sẽ giảng pháp". Vì thế, Ngài ngồi im, thính chúng cũng lặng yên đợi chờ (Khi đức Phật làm thinh, không có người hay trời nào dám thốt ra một câu).

Cô bé đã đánh thoi xong, bỏ vào giỏ và đem đến xưởng dệt cho cha. Trên đường đi, cô đứng lại ngoài vòng thính chúng và chăm chú nhìn Đức Phật. Thế Tôn cũng nhìn thấy cô, và cô hiểu ý Ngài: "Đức Bổn sư ngồi trong pháp hội, tỏ dấu nhìn ta với ý muốn ta đến gần, Ngài muốn ta đến nghe pháp vào ngay lúc này".

(Vì sao đức Thế Tôn chú ý cô bé? Vì

Ngài biết rằng nếu cô bé đi tiếp cô sẽ chết khi chưa xong việc, kiếp sau của cô sẽ không biết ra sao. Nhưng nếu cô bé đến nghe pháp, cô sẽ chứng quả Dự lưu và chắc chắn sẽ tái sanh lên cõi trời Đâusuất. Ngài biết cô bé phải chết ngày hôm nay).

Với dấu hiệu của cái nhìn đức Phật, cô đến gần Thế Tôn chiêm ngưỡng vầng hào quang sáu sắc chung quanh thân Phật, cung kính đảnh lễ và kính cẩn đến gần Thế Tôn, cô ngồi vào chỗ một cách im lặng với thính chúng chung quanh. Đức Thế Tôn hỏi cô:

- Con từ đâu đến đây?

- Bạch Thế Tôn! Con không biết.

- Con sẽ đi đến đâu?

- Bạch Thế Tôn! Con không biết.

- Con biết hay không biết?

- Bạch Thế Tôn! Con biết.

- Con không biết phải chăng?

- Bạch Thế Tôn! Con không biết.

Sau bốn câu hỏi của Phật, thính chúng nổi giận xì xào: "Coi kìa! Con bé, con lão thợ dệt nói như đùa với Thế Tôn. Khi Ngài hỏi từ đâu đến nó phải đáp: "Từ nhà thợ dệt" chứ. Và khi Ngài hỏi đi đâu, nói phải thưa là: "Đi đến xưởng dệt, mới phải chứ".

Thế Tôn bảo thính chúng im lặng, Ngài hỏi cô bé:

- Này con! Khi Ta hỏi con từ đâu đến, vì sao con trả lời không biết?

- Bạch Thế Tôn! Ngài cũng biết rằng con từ nhà cha con là người thợ dệt đến đây. Vì thế khi Ngài hỏi con từ đâu đến, con hiểu rằng ý của câu ấy là con từ đâu sinh ra đây. Nhưng con chẳng biết con từ đâu sinh đến nơi này.

Phật khen ngợi:

- Lành thay! Lành thay! Này con, con đã trả lời đúng câu hỏi của ta.

Ngài hỏi tiếp:

- Khi Ta hỏi con đi về đâu, vì sao con trả lời không biết?

- Bạch Thế Tôn! Ngài cũng biết con đến

xưởng dệt với giỏ thoi trên tay. Nên khi Ngài hỏi con đi đâu, con hiểu ý của câu ấy là khi rời nơi đây con tái sinh về đâu. Nhưng với con, sau khi chết con chưa biết sinh về đâu.

- Con trả lời đúng câu hỏi của Ta.

Đức Phật khen cô lần thứ hai, và hỏi tiếp:

- Khi Ta hỏi, con biết hay không, vì sao con trả lời con biết?

- Bạch Thế Tôn! Vì con biết rằng chắc chắn con sẽ chết, nên con đáp như thế.

- Con đã trả lời đúng câu hỏi của Ta.

Đức Phật khen cô lần thứ ba, hỏi tiếp:

- Vì sao khi Ta hỏi con không biết hay

chăng, con trả lời rằng không biết?

- Bạch Thế Tôn! Điều con biết chắc là con sẽ chết, nhưng chết vào lúc nào, vào ban đêm hay ban ngày, vào buổi sáng hay bất cứ khi nào, con không thể biết, nên con trả lời không biết.

Đức Phật khen ngợi lần thứ tư.

- Con đã trả lời đúng câu hỏi của Ta.

Ngài dạy thính chúng:

- Các người không hiểu ý câu nói của cô bé, nên nổi giận. Với người không có tuệ nhãn, họ đui mù, chỉ người nào có tuệ nhãn mới thấy được điều này.

Ngài nói kệ:

(174) Đời này thật mù quáng, Ít kẻ thấy rõ ràng. Như chim thoát khỏi lưới, Rất ít đi thiên giới.

Cuối thời pháp cô bé chứng quả Dự lưu. Cô cầm giỏ thoi đi đến chỗ cha mình. Ông đang ngồi ngủ bên khung cửi. Không biết cha đang ngủ cô đưa giỏ thoi vào. Giỏ thoi chạm nhằm đầu khung cửi gây nên tiếng động, cha cô choàng dậy tiếp tục kéo cửi, đầu khung văng mạnh vào ngực cô bé cô ngã ra chết, sanh lên cõi trời Đâu-suất. Cha cô giật mình thấy con gái mình nằm sóng sượt, đầy máu và đã chết. Ông kinh hoàng than khóc:

- Không có ai cứu khổ cho ta.

Ông đi đến chỗ Phật kể lại mọi việc và nói:

- Bạch Thế Tôn, xin cứu con.

Đức Phật an ủi:

- Chớ ưu sầu, này thiện nam tử! Trong vòng luân hồi vô tận, người đã từng khóc con nước mắt nhiều hơn nước bốn bể.

Đức Phật nói về vòng luân hồi vô tận, người thợ dệt nghe xong, bớt đau buồn, xin Phật được xuất gia.

Ông làm tròn bổn phận của một tu sĩ và chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán.

8. Ba Mươi Vị Tỳ Kheo

Như chim thiên nga bay ...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại

Kỳ Viên, có liên quan đến ba mươi vị Tỳ-kheo.

Một hôm, có ba mươi vị Tỳ-kheo sống ở các xứ khác đến thăm đức Phật. Tôn giả A-nan trông thấy các vị ấy đến khi đang chuẩn bị vào hầu phật. A-nam nghĩ thầm: "Ta sẽ đợi đức Thế Tôn tiếp đón các Tỳkheo này, sau đó ta mới vào hầu", và Tôn giả đợi ngoài cửa.

Phật đón tiếp các Tỳ-kheo, thuyết pháp một cách hoan hỷ cho các vị. Sau đó, tất cả chứng quả A-la-hán. Các vị từ giã Phật, bay lên hư không.

Các Tỳ-kheo đi rồi, A-nan đến chỗ Phật, hỏi:

- Bạch Thế Tôn, có ba mươi Tỳ-kheo đến đây, họ ở đâu?

- Đã đi.

- Bạch Thế Tôn, họ đi đường nào?

- Họ bay qua hư không.

- Bạch Thế Tôn, như vậy họ đã thoát khỏi sinh tử?

- Đúng thế! Này A-nan! Sau khi nghe Ta nói pháp, họ đã chứng A-la-hán.

Lúc ấy, có một vài con thiên nga bay liệng trên không. Đức Phật nói:

- Này A-nan! Ai phát triển đầy đủ thần túc, người ấy bay lượn như thiên nga.

Ngài nói kệ:

(175) Như chim thiên nga bay,

Thần thông liện giữa trời, Chiến thắng ma, ma quân, Kẻ trí thoát đời này.

9. Chiến-Già Vu Khống Phật.

Ai vi phạm một pháp ...

Câu chuyện này xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến Chiến-già Ma-na (Cincà Mànavikà).

Sau khi Phật thành đạo, vô số chư thiên và loài người quy y theo đấng Thập Lực, cõi trời, cõi người tăng trưởng. Đức hạnh Ngài lan xa, danh dự và lợi dưỡng càng đổ dồn về Ngài. Về phía các ngoại đạo, họ bị mất dần danh dự, lợi dưỡng, như con đom đóm mất ánh sáng dưới ánh mặt

trời. Họ tập trung trên đường, kêu gọi:

- Chỉ có Cồ-đàm là Phật thôi sao? Chúng tôi cũng là Phật. Chỉ có cúng dường ông ấy mới đem lại nhiều phước báo thôi sao? Cúng dường chúng tôi cũng đem lại nhiều phước báo vậy. Nêu cúng dường chúng tôi nhiều phẩm vật như thế. Nên cúng dường chúng tôi, nên xưng tán chúng tôi.

Nhưng mặc tình họ kêu gọi, cũng chẳng được danh dự và lợi dưỡng.

Họ bèn bí mật nhóm họp và bàn định "Chúng ta tìm cách bêu xấu Cồ Đàm trước mọi người, để chấm dứt sự cúng dường, tôn vinh y".

Lúc ấy, tại Xá-vệ có một du sĩ ni tên Chiến-già. Nàng rất đẹp, dễ thương, như

một tiên nương, toàn thân sáng chói. Một người trong bọn ngoại đạo, bèn đưa kế hoạch "Với Chiến già, chúng ta có thể bêu xấu Sa-môn Cồ-Đàm, và chấm dứt mọi sự cúng dường cung kính đối với ông ấy".

"Kế hoạch ấy được lắm", cả bọn tán đồng.

Chiến-già đi vào tu viện ngoại đạo, chào hỏi và đứng chờ, nhưng các thầy không nói gì với cô. Cô hỏi:

- Các thầy thấy tôi có lỗi gì?

Cô hỏi ba lần, và lặp lại:

- Các Tôn Trưởng, tôi chỉ hỏi một câu. Thưa các Tôn trưởng, tôi có lỗi gì? Sao các vị không nói với tôi?

Các ngoại đạo trả lời:

- Này chị, chị có biết Sa-môn Cồ-Đàm? Người đạ làm tổn hại chúng ta, đoạt mất danh dự và lợi dưỡng của chúng ta?

- Không, thưa các Tôn trưởng, tôi không biết ông ấy. Nhưng tôi có thể giúp được gì trong việc này?

- Nếu chị muốn chúng ta thắng lợi, hãy tìm cách bêu xấu Sa-môn Cồ-Đàm, và làm chấm dứt danh dự, lợi dưỡng của ông ấy.

- Được thôi, tôi sẽ làm mọi cách có thể được, đừng lo gì về việc này.

Chiến-già nói xong bèn khởi sự. Cô vận dụng mọi khéo léo của một người đàn bà để đạt mục đích. Khi dân chúng thành

Xá-vệ nghe pháp ở Kỳ Viên trở về, cô mặc một chiếc áo choàng màu cánh gián, mang hương hoa đi về phía tinh xá Kỳ Viên. Một người hỏi:

- Cô đi đâu vào giờ này?

Chiến-già đáp:

- Tôi đi đâu thì có can dự gì đến các người.

Cô trú đêm tại một tu viện ngoại đạo gần tinh xá, và sáng sớm, khi mọi người chuẩn bị đi đến tinh xá thăm Phật buổi sáng, cô sẽ trở lui ngược chiều, vào thành phố. Mọi người hỏi:

- Ban đêm cô ở đâu?

- Tôi ở đâu thì có can dự gì đến các

người?

Khoảng một tháng rưỡi, khi có ai hỏi, cô đều đáp:

- Ban đêm tôi ở trong hương thất Cô- Đàm, chỉ một mình.

Bằng cách ấy, cô gái khêu gợi sự nghi ngờ trong lòng những người dễ tin, và họ bàn tán với nhau "Điều đó đúng hay không?" Khoảng ba bốn tháng, cô thắt ngay lưng một sợi dây nịt, tạo cảm tưởng rằng mình đang mang thai, cô mặc một chiếc áo đỏ, đi đâu cũng nói "Tôi sắp có con với Sa-môn Cồ-Đàm". Bằng cách ấy, cô lừa những kẻ ngu.

Tám, chín tháng trôi qua, cô cột một cái dĩa gỗ trước bụng, mặc áo choàng phủ lên, làm cả người có vẻ mập mạp xồ xề

bằng cách lấy xương đập lên tay, chân, lưng, và ra vẻ mệt mỏi. Chiều nọ, cô đến Pháp đường đứng trước đức Như Lai. Ở đấy trong vầng hào quang chói ngời, Ngài đang thuyết pháp. Chiến-già đứng đó, mở miệng chửi rủa Thế Tôn.

- Này Sa-môn vĩ đại, quanh pháp tòa đám đông tụ tập nghe ông thuyết pháp cũng thật là vĩ đại, âm thanh ngọt ngào, miệng lưỡi ông mềm dẻo. Tuy nhiên, ông chính là người làm tôi mang thai và ngày sanh sắp đến. Ông không cố gắng tìm một chỗ cho tôi nằm, không cung cấp mật, dầu và những thứ tôi cần. Ông không làm tròn bổn phận, cũng không nói với những người hằng cúng dường ông như vua Ba-tư-nặc, hay Cấp Cô Độc hay bà Tỳ-xá-khư nữ thí chủ vĩ đại của ông, rằng "Hãy làm cho thiếu phụ này những gì cần cho cô ấy". Ông biết rất rõ

cách hưởng dục lạc, nhưng không biết cách chăm sóc đứa con sắp sanh.

Cô chửi mắng Thế Tôn giữa hội chúng như một người đàn bà cầm phẩn trên tay tìm cách bôi bẩn mặt trăng. Đức Thế Tôn ngừng giảng dạy và rống lên như sư tử, nói:

- Này chị, những gì chị nói đúng hay sai, chỉ có tôi và chị biết thôi.

- Đúng vậy Sa-môn cao cả kia, nhưng ai có thể quyết định giữa điều đúng và sai về chuyện mà chỉ có tôi và ông biết?

Lúc ấy, tòa ngồi của Đế Thích nóng lên, Đế Thích quán sát nguyên do, được biết Chiến-già vu không Như Lai. Đế Thích nghĩ "Ta sẽ làm sáng tỏ vấn đề", và bay xuống

với bốn thiền thần. Các thiên thần

hóa thành chuột nhắt cắn sợi dây cột cái dĩa trước bụng Chiến-già, và một cơn gió thổi tung tấm áo choàng, cái dĩa rơi xuống, tiện đứt mấy ngón chân của cô.

Đám đông la ó:

- Tên phù thủy kia chửi mắng Thế Tôn.

Họ đánh đập nàng, ném đá, cầm gậy đuổi ra khỏi Kỳ Viên. Khi cô đi khỏi tầm nhìn của Thế Tôn, đất nứt ra một hố sâu ngay dưới chân cô, và lửa bốc lên từ địa ngục A-tỳ, cuốn cô như tấm vải đỏ úp chụp lấy thân, và cô rơi trong địa ngục A-tỳ. Từ đó, tiếng tốt và lợi lộc của ngoại đạo giảm đi, còn phẩm vật dâng đến đấng Thập Lực càng lúc càng nhiều.

Ngày hôm sau, các thầy Tỳ-kheo bàn tán ở Pháp đường.

- Chư hiền! Chiến-già vu khống đấng Như Lai, Ứng Cúng, đấng Thế Tôn, nên đã bị hủy diệt.

Đức Phật đi đến và hỏi:

- Các Tỳ-kheo! Các ông tụ họp ở đây bàn tán chuyện gì?

Các thầy thuật lại, Phật dạy:

- Đây không phải là lần đầu Chiến-già vu không Ta và bị hủy diệt, trong quá khứ cô ấy cũng đã làm như vậy.

Ngài nói tiếp:

- Một vị vua không thể phạt ai khi chưa nhận thức vấn đề cho rõ, khi chưa nghiên cứu cẩn thận mọi mặt dù lớn hay nhỏ. Ngài kể lại tiền thân Đại Liên Hoa

(Mahà Paduma).

Chuyện quá khứ

9A. Hoàng Tử Đức Hạnh Và Thiếu Phụ Dâm Đãng.

Thuở xưa, Chiến-già là kế mẫu của Bồtát, hoàng tử Đại Liên Hoa. Bà muốn hoàng tử gian dâm với mình, nhưng bị từ chối. Sau đó bà tự đánh đập mình, làm ra vẻ đau đớn, đến nói với vua cha:

- Hoàng tử hành hạ tôi ra thế này vì tôi không chịu gian dâm với y.

Vua nghe chuyện, hết sức giận dữ, lập tức đày hoàng tử xuống vực chết. Thiên thần đục xuyên qua núi, mang hoàng tử lên và báo cáo với long vương. Long vương mang chàng về long cung, và

nhường cho một nửa vương quốc rồng. Ở đấy một năm, hoàng tử muốn xuất gia tu đạo, người lên núi Hy-mã, sống đời tu sĩ, và phát triển đại định thần thông.

Một người gác rừng thấy hoàng tử về thuật lại với nhà vua. Nhà vua đến nơi, chào hỏi và sau khi nghe kể đã đề nghị nhường ngôi cho chàng. Hoàng tử từ chối, khuyên nhà

vua rằng:

- Về phần tôi, tôi không có tham vọng trị vì. Nhưng về phần đại dương, nên giữ mười điều lành, tránh xa đường xấu ác, và cai trị quốc gia mình trung chánh.

Nhà vua đứng dậy, rơi lệ và trở về hoàng cung. Vua hỏi đại thần:

- Ai đã ly gián ta với người trung trực như thế?

- Tâu đại vương! Hoàng hậu đã gây nên chuyện này.

Nhà vua bèn bắt hoàng hậu, treo cổ xuống vực chết, và cai trị vương quốc mình một cách trung chánh. Thuở đó, hoàng tử Đại Liên Hoa chính là Bồ Tát, và kế mẫu của chàng chính là Chiến-già.

Nói xong chuyện tiền thân Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo! Những người đã phá hủy một giới, những người ấy sẽ nói dối, những người củng cống điều sai lầm, người không tin vào đời sau thì không từ bỏ điều ác nào mà không làm.

Ngài nói kệ:

(176) Ai vi phạm một pháp, Ai nói lời vọng ngữ, Ai bác bỏ đời

sau, Không ác nào không làm

10. Phẩm Vật Không Thể Nào So Sánh

Keo kiết không sanh thiên ...

Câu chuyện này xảy ra, khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến phẩm vật tối thắng.

Một hôm, đức Thế Tôn cùng với năm trăm Tỳ-kheo đi khất thực, trở về Kỳ Viên. Vua Ba-tư-nặc đi đến tinh xá thỉnh Phật thọ trai. Hôm sau, nhà vua ra lệnh sắm sửa rất nhiều phẩm vật để dâng cúng chư Tăng, và bảo dân cư trong thành:

- Hãy đến nhìn phẩm vật do ta sắm sửa.

Dân chúng đến hoàng cung, nhìn các phẩm vật, rồi ngày hôm sau nữa, họ thỉnh Phật và chúng Tăng, họ cũng chuẩn bị các thứ phẩm vật, tâu lên nhà vua.

- Đại vương hãy đến nhìn phẩm vật của các thần dân cúng dường.

Khi nhà vua trông thấy các thứ cúng dường của dân chúng, đã tự nhủ: "Các thị dân này đã cúng dường nhiều vô số phẩm vật hơn ta, ta sẽ cúng dường lần thứ hai". Lập tức, nhà vua sắm sửa phẩm vật vào ngày tiếp theo, và khi dân cư trong thành được thấy các thứ cúng dường ấy, họ cũng trở vể chuẩn bị cúng dường vào ngày kế đó.

Giữa nhà vua và các thị dân thành Xá-vệ không ai hơn ai. Kết quả, sau sáu lần cúng dường, các thị dân gia tăng phẩm

vật lên gấp trăm gấp ngàn lần, chuẩn bị đầy đủ đến nổi không ai có thể phê bình là còn thiếu một thứ gì.

Khi nhà vua thấy họ tổ chức quy mô đầy đủ như vậy, Ngài nghĩ thầm "Nếu ta không sắm sửa nhiều hơn họ, ta còn sống để làm gì?" Và nhà vua nằm dài, suy nghĩ mọi phương chước. Hoàng hậu Mạt-lợi (Mallikà) đi đến, thấy nhà vua nằm trầm tư bèn hỏi:

- Đại vương! Vì sao lại nằm như vậy? Chuyện gì khiến Đại vương có vẻ lo buồn?

- Vậy hậu không biết gì sao?

- Thần thiếp không biết.

Nhà vua thuật lại mọi chuyện ganh đua

cúng dường giữa mình và thần dân. Hoàng hậu nói:

- Xin bệ hạ đừng phiền não, bệ hạ có bao giờ nghe hoặc thấy một chúa tể vương quốc lại bị thua thiệt về vật chất? Thiếp sẽ sắp đặt việc này.

Hoàng hậu Mạt-lợi nói vậy vì bà muốn tạo một phẩm vật tối thắng. Bà tâu vua:

- Đại vương hãy ra lệnh xây một lâu đài làm bằng gỗ hạng nhất của cây Sala hình vòng cung để cho năm trăm Sa-môn ngồi, còn những người tùy tùng các Samôn thì ngồi ngoài vòng cung ấy. Làm năm trăm lọng trắng cho năm trăm con voi mang lọng đứng che các Sa-môn. Giữa lâu đài đặt tám hay mười cái bàn bằng hồng ngọc. Giữa hai Sa-môn cho một số thiếu nữ dòng Sát-lợi ngồi rưới

hương thơm, và một thiếu nữ đứng quạt cho hai vị ấy. Một số thiếu nữ dòng Sátlợi mang hương bột rắc vào bồn vàng. Một số mang hoa sen xanh nhúng vào bồn hương và dâng lên các Sa-môn. Đấy, dân chúng làm gì có con gái dòng Sátlợi, cũng chẳng có lọng trắng, voi và họ sẽ thua Bệ hạ. Đó là điều Bệ hạ nên làm.

Nhà vua tán thành:

- Hay quá! Chương trình của hậu tuyệt diệu.

Và nhà vua ra lệnh làm theo sự sắp đặt của hoàng hậu. Tuy nhiên, thiếu một con voi cho một vị Sa-môn. Nhà vua bảo hoàng hậu Mạt-lợi:

- Ái khanh! Chỉ còn thiếu một con voi. Bây giờ làm sao?

- Bệ hạ bảo sao, không đủ năm trăm con voi ư?

- Có đấy, nhưng lại còn lại mấy con voi hung dữ, khi chúng thấy các Sa-môn, chúng sẽ nổi cơn phẩn nộ như cuồng phong.

- Thần thiếp biết chỗ đứng cho một con voi hung hăng, có thể mang lọng trên lưng.

- Đặt nó ở đâu?

- Bên cạnh Tôn giả Angulimàla.

Nhà vua y lời. Chú voi ta cụp đuôi xuống tận chân, xếp tai, nhắm mắt và đứng yên. Dân chúng nhìn chú voi với vẻ thán phục, xầm xì với nhau.

- Con voi dữ kia mới ngoan làm sao!

Nhà vua lo hầu tiếp Tăng đoàn do đức Thế Tôn chủ tọa. Sau đom vua quỳ lạy và thưa:

- Bạch Thế Tôn! Những phẩm vật trong bữa ngọ trai này, đáng giá hay không đáng giá, con xin dâng tất cả cho Thế Tôn.

Tổn phí cho buổi cúng dường khoảng mười bốn triệu châu báu chỉ trong một ngày. Bốn vật vô giá cúng dường cho đức Thế Tôn tùy nghi sử dụng: một lọng trắng, một giường nằm, một ghế ngồi và một ghế đỡ chân. Sau đó, không có phẩm vật nào dâng cúng đức Phật có thể so sánh với phẩm vật của nhà vua, nên được gọi là phẩm vật tối thắng. Điều này đã từng xảy ra cho các đức Phật, và luôn

luôn do các hoàng hậu sắp xếp.

Khi ấy, trong triều có hai đại thần Kàla và Junha. Kàla nghĩ thầm "Của cải nhà vua bị mất mát nhiều làm sao! Chỉ trong một ngày mà tốn hết mười bốn triệu châu báu. Và các lão Sa-môn kia, sau khi ăn xong, sẽ đi về nằm ngủ khì! Nhà vua phung phí tài sản!" Còn Junha nghĩ "Ôi! Nhà vua dâng cúng phẩm vật tuyệt vời! Chỉ có vua mới làm như vậy! Hơn nữa, chẳng có người nào ngoài nhà vua làm cho mọi loài hưởng phước nhờ sự cúng dường. Ta cảm tạ những phẩm vật mà nhà vua đã dâng cúng".

Khi đức Phật thọ trai xong, nhà vua cầm lấy bát của Ngài đợi Ngài thuyết pháp. Đức Phật nghĩ thầm: " Nhà vua đã cúng dường phẩm vật lớn lao, cúng dường như thác lũ. Dân chúng có tín kính điều này,

hay không tin?" Và nhận biết được ý nghĩ của hai vị đại thần, Ngài nghĩ tiếp: "Nếu Ta tán thán công đức của nhà vua cho tương xứng phẩm vật, thì đầu của Kàla sẽ vỡ làm bảy phần, Ngài chỉ nói một bài pháp đơn giản gồm bốn câu tán dương nhà vua, người đang đứng trước Ngài sau khi cúng dường tối thắng. Nói xong, Ngài đứng lên trở về tinh xá.

Các Tỳ-kheo hỏi Angulimàla:

- Tôn giả, Ngài có sợ khi thấy con voi mang lọng trắng dữ dằn đứng gần Ngài?

- Không, chư hiền, tôi không sợ.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Angulimàla nói dối.

Phật xác nhận:

- Này các Tỳ-kheo! Angulimăala không hề sợ hãi, vì những Tỳ-kheo như người con của Ta là cao quý nhất trong số những người cao quý đã thoát khỏi tham dục; và không hề sợ hãi.

Ngài dạy:

(422) Bậc cao quý, thù thắng, Bậc anh hùng, đại sĩ, Bậc chiến thắng, vô nhiễm, Bậc tẩy sạch, giác ngộ, Ta gọi Bà-lamôn.

Nhà vua thất vọng cay đắng, nghĩ thầm "Sau khi ta cúng dường vô số phẩm vật, và đứng đấy hầu đức Thế Tôn, thay vì nói lời tán thán tương xứng với phẩm vật ấy, Ngài chỉ nói một bài kệ ngắn và đi

về. Có thể là ta đã cúng dường những phẩm vật không thích đáng cho đức Thế Tôn, có thể là ta đã cũng những vật không thích hợp thay vì những vật thích hợp. Có thể là Thế Tôn giận ta, bởi Ngài thường có lệ hồi hướng công đức cân xứng với phẩm vật". Nghĩ như thế, vua Ba-tư-nặc đi đến tinh xá, đảnh lễ Phật và bạch:

- Bạch Thế Tôn, con có lỗi lầm khi dâng cúng phẩm vật không? Có phải thay vì cúng những vật thích hợp con lại cúng những vật không thích hợp?

- Vì sao đại vương hỏi như thế?

- Thế Tôn không hồi hướng công đức cân xứng với phẩm vật con đã dâng cúng.

- Này đại vương, phẩm vật cúng dường

rất thích hợp. Phẩm vật tối thắng mà đại vương cúng dường chỉ có một lần cho một đức Phật, phẩm vật như thế khó có lần thứ hai.

- Nhưng, bạch Thế Tôn, vì sao Ngài không nói công đức tương xứng với phẩm vật ấy?

- Vì có đại thần không thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn, trong các quan ai là người có lỗi.

Đức Phật nói cho vua biết hai quan điểm trái ngược của hai đại thần và an ủi vua rằng, vì thương hại Kàla nên Ngài không tán dương công đức.

Nhà vua hỏi Kàla:

- Phải chăng khanh có ý nghĩ như thế?

- Tâu vâng.

- Ta không hề lấy những gì thuộc về khanh, ta chỉ cho những gì của ta, với sự hỗ trợ của hoàng hậu và thái tử. Ta có sai quấy gì với khanh không? Hãy đi đi! Những gì ta cúng ta cứ cúng, còn phần khanh bước ra khỏi cung điện của ta.

Sau khi đuổi Kàla ra khỏi cung, nhà vua cho gọi Junha và hỏi:

- Phải khanh nghĩ đúng như thế không?

- Thưa vâng.

- Khanh nghĩ đúng, ta rất hài lòng. Ta cho phép khanh dự vào hoàng tộc và cúng dường bảy ngày như ta.

Nhà vua cho Junha ở trong cung bảy hôm, và đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, tên ngu si ấy đã cư xử tệ hại. Thấy con cúng dường, y đã phản ứng ngược lại.

- Phải đấy, đại vương, người ngu không hoan hỷ khi thấy ai bố thí, và sẽ bị trừng phạt về sau. Nhưng người trí vui thích với phẩm vật được người khác cúng dường và sẽ sanh thiên.

Ngài nói kệ:

(177) Keo kiết không sanh thiên, Kẻ ngu ghét bố thí. Người trí thích bố thí. Đời sau được hưởng lạc.

Cuối bài pháp, Junha chứng quả Dự lưu.

Hội chúng cũng được lợi ích. Junha sau khi chứng quả đã cúng dường suốt bảy ngày như một vị hoàng đế.

11. Đức Hạnh Được Trả Giá

Hơn thống lãnh cõi đất ...

Câu chuyện xảy ra khi đức Phật đang ở Kỳ Viên, liên hệ đến Kàla, con trai Cấp Cô Độc.

Kàla là con trai của Trưởng giả Cấp Cô Độc, một người cha nổi tiếng và đầy tin kính Phật pháp. Mặc dù như thế chàng không hề gặp Phật hoặc ra chào khi Phật ghé nhà, hoặc nghe pháp, hoặc phụng sự chúng Tăng. Khi cha

chàng khuyên:

- Này con đừng làm thế.

Chàng cũng không để ý đến lời cha. Trưởng giả suy nghĩ: "Nếu con ta có thái độ như vậy và hành động theo ý đó, nói sẽ rơi vào địa ngục A-tỳ. Thật không có gì tốt đẹp khi chính mắt ta thấy nó bị đọa. Được thôi, không có ai trên trái đất này không bị mua chuộc bởi tài vật, ta sẽ dụ dỗ nó". Và ông bảo Kàla:

- Này con, nếu con giữ giới trong ngày trai, đi đến tinh xá nghe pháp, khi về cha sẽ cho con một trăm đồng.

- Thật cha sẽ cho con chứ?

- Đúng vậy.

Sau khi cha chàng lập lại lời hứa ba lần, Kàla tuân giữ ngày trai giới và đi đến tinh xá. Nhưng chàng không chú tâm nghe pháp, chàng tìm nơi dễ chịu, nằm ngủ một giấc và trở về nhà sớm. Ông Trưởng giả bảo gia nhân:

- Cậu đã giữ giới trọn ngày trai, hãy đem thức ăn ngon đến cho cậu nhanh lên.

Nhưng Kàla nói:

- Con chưa nhận tiền là con không ăn.

Chàng cương quyết từ chối mọi thứ đem đến. Cha chàng không thể ép con ăn, bèn ra lệnh mang tiền đến, chàng cầm tiền trên tay, rồi sau đó mới ăn uống.

Ngày hôm sau, ông Trưởng giả bảo con:

- Này con, cha sẽ cho con một ngàn đồng, nếu con đi đến chỗ Thế Tôn, học thuộc một bài kệ ngắn, và trở về nói lại cho cha nghe.

Lập tức Kàla đi đến tinh xá, đứng trước Phật. Chẳng bao lâu chàng thuộc một câu kệ và muốn ra đi. Đức Phật khiến chàng không hiểu nghĩa câu kệ ấy, Kàla tự nhủ: "Ta sẽ học thuộc câu sau". Vì vậy, chàng ngồi nán lại và tiếp tục nghe pháp. (Ai nghe pháp với tất cả chú tâm sẽ chứng Sơ quả và các quả còn lại). Kàla nghe pháp với tất cả chú tâm, nhưng đức Phật cũng khiến chàng không hiểu nghĩa, chàng nghĩ ta sẽ hiểu rõ hơn câu kệ tiếp theo. Chàng cứ nán lại và nghe, rồi chứng Sơ quả.

Ngày hôm sau, chàng tự động đi theo chư Tăng, có đức Phật dẫn đầu, vào

thành Xá-vệ. Trưởng giả thấy con trai đi sau chúng Tăng, tự nhủ "Hôm nay, thái độ của con ta làm ta hài lòng". Còn Kàla thì nghĩ thầm "Mong rằng cha sẽ không đưa tiền cho ta ngay hôm nay, trước sự hiện diện của Phật. Mong rằng cha ta giữ kín việc vì có tiền ta mới giữ giới ngày trai" (nhưng đức Phật đã biết trước điều này).

Trưởng giả dâng cơm cho chư Tăng, có đức Phật thọ trai và cũng cho con trai những thức ăn ấy. Kàla ngồi im, uống súp, ăn thức ăn cứng và cơm. Khi Phật thọ trai xong, Trưởng giả đặt túi tiền một ngàn đồng trước mặt con và nói:

- Này con, chắc con nhớ cha đã yêu cầu con giữ giới đúng ngày trai và đi nghe pháp, rồi sẽ cho con một ngàn đồng. Đây là tiền của con.

Kàla thấy cha chàng đưa tiền ngay trước mặt đức Phật, rất ngượng và nói:

- Con không cần tiền.

- Ậy, cầm tiền đi con.

Chàng cứ từ chối, không động đến túi tiền. Trưởng giả đảnh lễ Phật và bạch:

- Bạch Thế Tôn, thái độ của con trai con hôm nay làm con rất mừng.

- Vì sao?

- Ngày hôm kia, con bảo hắn đi đến tinh xá, hứa cho một trăm đồng. Hôm qua hắn về nhà, không chịu ăn cơm khi chưa có tiền. Nhưng hôm nay, khi con cho tiền nó cứ từ chối không nhận.

- Đúng vậy, này Trưởng giả. Hôm nay con trai ông đã chứng Sơ quả, y đã đạt điều vượt hơn việc được làm Chuyển Luân Vương hay sanh thiên, hay làm Phạm thiên.

Ngài nói kệ:

(178) Hơn thống lãnh cõi đất, Hơn được sanh cõi trời, Hơn chủ tể vũ trụ, Quả Dự lưu tối thắng.

XIV. Phẩm Phật 1. Đấng Toàn Giác

Ai chiến thắng...

Đức Phật dạy câu này khi Ngài ngồi dưới cội Bồ-đề, có liên quan đến các cô gái con của ma vương, và được lặp lại ở nước Kurus, với Bà-la-môn Màgandiyà.

1A. Phật Không Nhận Màgandiyà

Chuyện kể rằng có một Bà-la-môn têin Màgandiyà, ở nước Kuru (Câu-lâu), có một cô con gái cũng tên là Màgandiyà (Mạn-la-hoa) đẹp tuyệt trần. Rất nhiều nhà giàu có và thế lực thuộc dòng dõi Bà-la-môn và Sát-đế-lợi, muốn cưới cô làm vợ nhưng ông từ chối:

- Các người không xứng đáng với con ta.

Ngày nọ, khi đức Thế Tôn quan sát căn cơ chúng sanh vào buổi sáng sớm, Ngài thấy ông Bà-la-môn cùng vợ ông đều có thể đắc Tam quả (A-na-hàm). Bấy giờ,

ông Bà-la-môn nọ thường canh lửa ở ngoài làng. Thế Tôn đắp y mang bát đi đến đó. Từ xa, nhận thấy vẽ sáng rực của đức Phật, ông thầm nghĩ: "Trên đời này không ai sánh nổi người này, rất xứng với con gái ta, ta sẽ gả cho anh ta". Ông ta nói với Phật:

- Này Sa-môn, tôi chỉ có một đứa con gái, tôi tìm cho nó một người chồng xứng đôi nhưng chưa thấy, nên chưa gả cho ai. Ông xứng đáng với nó, tôi sẽ gả nó cho ông. Hãy đến đợi đây tôi sẽ dẫn nó đến.

Thế Tôn đứng nghe, không nói gì. Bà La Môn về nhà bảo vợ:

- Bà nó ơi ! Hôm nay tôi tìm được một người chồng xứng với con gái mình. Hãy gả nó cho anh ta.

Bà La Môn trang điểm cho con, dắt vợ con đi đến chỗ Phật. Đám đông hiếu kỳ kéo theo sau.Đức Phật, thay vì đứng tại chỗ đã hẹn, đã đi sang nơi khác, cố ý để lại dấu chân (Khi đức Phật ấn chân và nói: "Hãy để người như thế, như thế.. nhìn dấu chân", dấu chân chỉ hiện ở nơi ấy và không nơi nào khác)

Vợ ông Bà-la-môn hỏi:

- Anh ấy đâu?

- Tôi đã bảo anh ta đứng đây.

Nhìn quanh thấy dấu chân, Bà-la-môn chỉ cho vợ:

- Dấu chân anh ấy đây.

Người vợ đã quen với việc nhận biết dấu

hiệu, lập tức bảo chồng:

- Ông à, đây không phải là dấu chân của người theo đuổi dục lạc.

- Bà này cứ quan trọng vấn đề. Khi tôi bảo anh ta là tôi sẽ gả con cho, anh ta nhận lời mà.

- Ông muốn nói gì thì nói, nhưng đây là dấu chân người thoát khỏi tham dục.

Bà nói kệ:

Dấu chân người tham dục không rõ. Dấu chân người ác không hằn sâu. Dấu chân người si mê thì dao động. Đây là dấu chân người thoát khỏi lưới đam mê.

Ông Bà-la-môn gắt:

- Thôi đi, bà đừng lảm nhảm nữa, im mồm mà đi theo tôi.

Đi tới một chút, ông thấy đức Phật, bèn chỉ cho vợ:

- Anh ấy đây rồi.

Đi đến gần, ông nói:

- Sa-môn, tôi sẽ gả con gái cho anh.

Thế Tôn thay vì nói: "Ta không cần đến con gái ông". Ngài nói:

- Này Bà-la-môn! Tôi có vài điều muốn nói với ông, hãy nghe tôi.

- Nói đi, tôi sẽ nghe.

Thế Tôn kể cho người Bà-la-môn nghe câu chuyện xảy ra trong đời Ngài, lúc ẩn

tu. Sau đây là phần tóm lược câu chuyện.

1B. Phật Cự Tuyệt Các Cô Gái Con Ma Vương

Thái tử, đã từ bỏ ngai vàng, leo lên lưng ngựa Kiền-trắc, có Xa-nặc tùy tùng, tiến về trước trên đường ẩn tu. Khi ra khỏi cổng thành, ma vương nói:

- Tất-đạt-đa! Hãy trở lại, trong bảy hôm nữa Ngài sẽ làm Chuyển Luân Vương.

- Ta cũng biết vậy, ma vương, nhưng ai không thích điều đó.

- Vậy vì mục đích gì Ngài đi vào rừng ẩn cư?

- Ta muốn tìm giác ngộ.

- Được rồi, kể từ hôm nay, nếu Ngài khởi ý nghĩ tham dục, xấu ác, ta sẽ hành động.

Từ đó, ma vương theo dõi thái tử trong bảy năm, chờ cơ hội. Trong sáu năm, thái tử khổ hạnh, rồi với sự cố gắng, Ngài đạt giác ngộ dưới cội bồ-đề, Ngài ngồi tại đấy trải qua niềm vui của sự giải thoát. Khi đó, ma vương ngồi trên cõi trời, nhìn xuống với vẻ đau khổ, nghĩ thầm: "Ta theo dõi Ngài suốt thời gian, tìm cơ hội, nhưng chẳng có dịp, giờ đây Ngài đã thoát khỏi quyền lực của ta!".

Ba người con gái của ma vương là Tham ái, Sân hận, Dâm đãng hỏi nhau:

- Cha chúng ta ở đâu?

Nhìn khắp nơi, họ thấy ma vương đang ngồi đấy, họ đến gần và hỏi:

- Thưa cha, vì sao cha có vẻ âu sầu và thất vọng đến thế?

Ma vương thuật câu chuyện, các ma nữ nói:

- Cha đừng vội thất vọng, chúng con sẽ chế ngự và sẽ dẫn y về đây.

- Các con ơi, không ai có thể chế ngự Ngài ấy đâu.

- Chúng con là nữ nhi, chúng con sẽ làm y mù quáng bởi nhục dục. Sẽ dắt y về cha đừng chán nản.

Họ đến gần Phật, nói:

- Sa-môn, chúng em muốn làm kẻ nô lệ cho người.

Thế Tôn chẳng màng đến lời họ cũng chẳng buồn để mắt tới họ.

Các ma nữ bàn tán: "Đàn ông họ thích nhiều hạng. Có kẻ thích thiếu nữ, người khác thích thiếu phụ xuân xanh, người thích thiếu phụ trung niên, người ưa đàn bà già. Chúng ta sẽ mê hoặc y bằng mọi hình dáng". Và với thần thông mỗi ma nữ biến hóa nữ nhân đủ mọi lứa tuổi. Hoặc là thiếu nữ hoặc thiếu phụ chưa sanh con, đã sanh con, một con, hai con, thiếu phụ trung niên, lão bà, họ lui tới gặp Phật sáu lần, và nói:

- Sa-môn, chúng em muốn làm nô lệ Ngài.

Đức Thế Tôn cũng chẳng để ý đến, thái độ tự tại, làm như các thứ tạo nên thân Ngài thảy đều tan hoại. Nhưng sau đó

chúng chẳng chịu rút lui, Thế Tôn bảo:

- Hãy đi! Các ngươi thấy gì mà gắng sức mê hoặc Ta? Hành động như vậy chỉ có kết quả với ai chưa giải thoát tham dục và những đam mê thấp hèn. Như Lai đã thoát khỏi tham dục. Các người muốn chế ngự Ta được sao?

Ngài nói kệ:

(179) Vị chiến thắng không bại, Vị bước đi trên đời, Không dấu tích chiến thắng, Phật giới rộng mênh mông, Ai dùng chân theo dõi, Bậc không để dấu tích?

(180) Ai giải tỏa lưới tham, Ái phược hết dắt dẫn, Phật giới

rộng mênh mông, Ai dùng chân theo dõi, Bậc không để dấu tích?

Nói kệ xong, nhiều thiên thần được pháp nhãn, ba cô ma nữ biến mất.

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

- Màgandiyà, ngày xưa ta đã thấy ba ma nữ ấy, thân thể như vàng ròng tinh khiết không có đờm dãi và những thứ bất tịnh khác của thân thể, Ta cũng không hề khởi tham đắm. Còn thân ái nữ ông, đầy đủ ba mươi hai thứ bất tịnh, một cái bình nhơ uế được sơn phết. Dù cho chân Ta lấm bùn, cô gái này nằm phục ở ngưỡng cửa Ta, Ta chẳng muốn chạm đến cô, dù là chỉ bằng gót chân.

Ngài nói kệ:

Đã từng thấy Tham ái, Sân hận, Dâm dục, Ta không hề khởi tham đắm. Thân thể xấu xa như thế này, Ta không muốn chạm đến dù gót chân.

2. Thần Thông Song Hành

Người trí chuyên thiền định ...

Đức Phật dạy câu này khi Ngài ở tại cổng thành Sankassa, liên hệ đến nhiều thiên, nhơn. Nhưng câu chuyện bắt đầu từ Vương Xá.

2A . Phật Quở Tân Đầu Lư

Có một lần, một nhà Trưởng giả thành Vương Xá đến sông Hằng để tắm. Để

khỏi mất đồ trang sức và y phục, ông đặt tất cả vào giỏ mây. Lúc ấy có một cây bạch đàn đỏ mọc bên bờ sông Hằng, rễ bị sóng nhồi bật gốc lên, đổ xuống sông Hằng bị những tảng đá dưới sông từ từ đánh gãy vụn từng mảnh. Một mảng gỗ bị nước mài nhẵn, trôi lềnh bềnh gần giỏ mây và bị mắc vào đó. Trưởng giả hỏi:

- Cái gì thế?

- Thưa một khúc cây, người hầu trả lời.

Ông bảo đem đến xem, và tự hỏi: "Gỗ này là loại gỗ gì?" Ông lấy búa tách ra một mảnh và thấy rằng đấy là loại gỗ bạch đàn đỏ, loại màu cánh gián. Ông Trưởng giả chẳng tin một tôn giáo nào, nhưng rất công bình. Cầm khúc gỗ đỏ đẹp ông nghĩ: "Ở nhà ta có cả khối loại gỗ này, ta sẽ làm gì với khúc gỗ này".

Rồi ông tự nghĩ: "Có nhiều người tự xưng là A-la-hán, họ nói: Chúng tôi là Ala-hán. Nhưng ta chẳng biết một vị A-lahán nào. Ta sẽ bảo tiện một cái bát bằng gỗ này, lấy dây treo lên một giàn tre cao khoảng sáu mươi cubits (khoảng hai trăm thước). Và thông báo: "Nếu ai là A-lahán, hãy bay lên và lấy chiếc bát. Người nào lấy được, ta và vợ con ta sẽ làm đệ tử". Nghĩ như thế, ông trở về, ra lệnh làm chiếc bát gỗ lấy dây treo lên một giàn tre và tuyên bố:

- Nếu bất cứ ai trên thế gian này là A-la- hán, hãy bay lên và lấy cái bát này!

Các Lục sư ngoại đạo nói với ông:

- Cái bát này chính là vật dành cho chúng ta. Hãy trao nó cho chúng ta.

Nhưng Trưởng giả chỉ nói:

- Bay lên và lấy đi.

Vào ngày thứ sáu, Ni-kiền-tử, nhà khổ hạnh lõa thể bảo đệ tử đi đến nói với ông Trưởng giả: "Cái bát này chính là dành cho thầy ta, đừng đòi hỏi chúng ta bay lên không trung chỉ vì một vật nhỏ mọn. Hãy đưa bát đây". Họ đến nói với ông, và về trả lời:

- Ông ta nói cái bát chỉ thuộc về người nào có thể bay lên và lấy nó.

Ni-kiền-tử quyết định đi. Ông ra lệnh cho đệ tử:

- Ta sẽ nhấc một tay và một chân, và cử động như sắp bay lên. Lúc đó, các ngươi hãy nói: "Thưa Tôn sư, thầy làm gì thế?

Xin thầy đừng phô bày quyền năng ẩn mật của một vị A-la-hán trước đám đông, chỉ vì một bát gỗ". Nói như thế, các người kéo tay chân ta xuống, và đẩy ta nằm dưới đất.

Xong, Ni-kiền-tử đến nói với Trưởng giả:

- Này Đại Trưởng giả, cái bát này rốt cuộc không phải là vật của ai khác. Đừng đòi hỏi ta bay lên không trung chỉ vì một vật tầm thường như thế. Hãy đưa bát cho ta.

- Thưa Tôn ông, hãy bay lên và lấy nó, chỉ có một cách ấy thôi.

Ni-kiền-tử bảo các đồ đệ:

- Được rồi, đến đây, đến đây.

Khi họ đến, ông nói:

- Bây giờ, ta sẽ bay lên.

Nói thế, ông nhấc một tay và một chân lên. Lúc đó, đám đệ tử la lên:

- Tôn sư! Tôn sư! Thầy làm gì thế? Tất cả chỉ vì một cái bát gỗ hạ tiện, khốn khổ, cần gì thầy phải phô bày quyền lực ẩn mật giữa đám đông?

Họ chạy tới, lôi tay chân ông lại và đặt nằm xuống đất. Ông bảo Trưởng giả:

- Đại trưởng giả, mấy đệ tử này không muốn tôi bay lên không trung, xin hãy đưa bát cho tôi.

- Đại sư! Hãy bay lên và lấy đi.

Lục sư ngoại đạo thử cố công trong sáu ngày nhưng mặc cho họ cố gắng vẫn chẳng lấy được bát gỗ.

Ngày thứ bảy, Tôn giả Mục-kiền-liên và Tôn giả Tân-đầu-lư-phả-la-đọa (Pindola Bhàradvàja) sửa soạn đi khất thực trong thành Vương Xá, các Ngài dừng ở một tảng đá bằng phẳng và quấn y.

Lúc ấy có vài người đi săn nói chuyện với nhau:

- Này bạn, sáu giáo chủ ngoại đạo thường tuyên bố mình là A-la-hán nhưng bảy hôm trước khi Trưởng giả thành Vương Xá treo một cái bát lên cao và nói: "Nếu ai là A-la-hán, hãy bay lên hư không và lấy cái bát". Chẳng có ai trong các vị tự xưng là A-la-hán có thể bay lên hư không. Bây giờ, chúng ta biết chắc

rằng không có A-la-hán trên cõi đời này.

Nghe nói thế, Tôn giả Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Tân-đầu-lư:

- Này huynh, có nghe họ nói không? Như là họ đang thách đố Phật pháp. Bây giờ huynh có thần thông quảng đại, quyền lực siêu nhiên, hãy bay lên hư không và lấy cái bát ấy.

- Tôn huynh Mục-liên, Ngài nổi tiếng là bậc thần thông đệ nhất, Ngài hãy lấy bát, nếu Ngài không lấy, tôi cũng sẽ lấy.

- Huynh hãy đi.

Tôn giả Tân-đầu-lư nhập đại định, rồi xuất định Ngài đi quanh một tảng đá rộng ba dặm dùng đầu ngón chân nhấc bổng nó lên một cách dễ dàng như nhấc

một miếng bông gòn. Ngài bay quanh thành Vương Xá bảy vòng. Thành này cũng rộng đúng ba dặm, tảng đá hiện lên bao trùm cả thành. Dân cư trong thành thấy vậy nghĩ: "Tảng đá sẽ rơi xuống đè bẹp chúng ta". Họ run rẫy sợ hãi, họ đội nia lên đầu và trốn tứ tung. Đến vòng bay thứ bảy, Tôn giả đẩy tảng đá ra xa và hiện thân trước dân chúng. Thấy Ngài, họ kêu lên:

- Tôn giả Tân-đầu-lư! Hãy giữ tảng đá! Đừng để nó đè bẹp chúng tôi.

Tôn giả hất tảng đá đi, nó rơi về chỗ cũ. Rồi đáp xuống trên nóc nhà Trưởng giả, ông này phủ phục sát đất, và nói:

- Tôn giả, xin bay xuống.

Khi Tôn giả bay xuống đất, ông mời

ngồi, xin phép hạ bát xuống và đặt bốn loại thức ăn ngon ngọt trong bát đem cúng dường Ngài. Tôn giả nhận bát thức ăn trở về tinh xá. Những người dân vắng mặt khi ấy, chưa được thấy phép lạ, đã tụ tập kéo theo sau Ngài và yêu cầu:

- Tôn giả! Xin thi triển thần thông cho chúng tôi xem.

Tôn giả cũng lặp lại thần thông như thế cho họ. rồi tiếp tục về tinh xá.

Đức Thế Tôn nghe tiếng reo hò hoan hô của đám đông, hỏi A-nan:

- A-nan, họ hoan nghênh ai thế?

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Tân-đầu-lư bay lên hư không và lấy cái bát bằng gỗ đỏ, dân chúng hoan nghênh Tôn giả.

Phật gọi Tôn giả đến hỏi:

- Có đúng là ông đã làm như thế ?

- Bạch Thế Tôn, thật vậy.

- Này Tân-đầu-lư, vì sao ông làm như thế?

Đức Phật quở trách Tôn giả, bắt Ngài đập vỡ cái bát, đem mảnh vụn cho các Tỳ-kheo nghiền thành bột. Sau đó, Ngài đặt ra giới cấm thi triển thần thông vì mục đích như thế.

2B. Thế Tôn Hứa Thực Hiện Thần Thông.

Các ngoại đạo nghe rằng Sa-môn Cồ- đàm đã ra lệnh đập vỡ cái bát, và đã chế giới cấm các đệ tử thi triển thần thông,

họ nói: "Dù cho mạng sống họ tùy thuộc vào thần thông, các đệ tử Cồ-đàm cũng không dám phạm giới đã chế đặt. Hơn nữa, Sa-môn Cồ-đàm cũng giữ luật lệ này. Đây là cơ hội cho chúng ta".

Và họ đi rao trên khắp đường phố.

- Chúng ta muốn giữ quyền năng ẩn mật, vì thế trong câu chuyện vừa rồi, chúng ta đã từ chối không phô bày quyền năng chỉ vì cái bát gỗ. Nhưng đệ tử của Cồ-đàm đã phô trương tài phép trước quần chúng chỉ vì một cái bát không đáng kể. Samôn Cồ-đàm đã khôn ngoan ra lệnh đập bể cái bát và đưa ra điều luật cấm đệ tử thi hành phép thuật. Từ nay chúng ta sẽ thi triển phép thuật chỉ với ông ấy.

Vua Tần-bà-sa-la nghe thế, đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, tin đồn Ngài cấm các đệ tử trổ phép lạ có đúng không?

- Đúng thế, đại vương.

- Nhóm ngoại đạo đang nói rằng họ sẽ thi triển phép thuật với Ngài. Ngài phải làm gì trong trường hợp đó?

- Nếu họ thi triển thần thông, Ta cũng sẽ thi triển.

- Ngài không đặt ra luật cấm thi hành phép lạ đó ư?

- Đại vương, Ta không ra luật cho Ta, luật chỉ áp dụng cho đệ tử của Ta.

- Có phải ý Ngài nói luật do Ngài đặt ra áp dụng cho mọi người trừ chính Ngài?

- Đại vương, Ta sẽ trả lời cách khác hơn. Này đại vương, đại vương có một vườn thượng uyển trong hoàng cung, đúng không?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Đại vương! Nếu có người dân nào ăn xoài và các thứ trái khác trong vườn của đại vương, đại vương sẽ làm gì?

- Con sẽ phạt họ.

- Nhưng chính đại vương có quyền ăn những trái cây ấy chứ?

- Thưa vâng, con không phải bị phạt. Con có quyền ăn những thứ thuộc về con.

- Này đại vương! Như đại vương cai trị

trên vương quốc ba mươi dặm, và chính mình không bị phạt khi ăn trái cây trong vườn mình, trong khi người khác làm thế thì bị phạt. Cũng thế Ta có quyền trên tam thiên đại thiên thế giới, và Ta có thể vượt qua những luật lệ do Ta đặt ra, người khác thì không, do đó, Ta sẽ thi triển một phép lạ.

Khi các nhà ngoại đạo nghe những lời này, họ nói với nhau:

- Chúng ta bị hố rồi! Sa-môn Cồ-đàm tuyên bố rằng luật lệ do ông ấy đặt ra chỉ áp dụng cho hàng đệ tử, không phải cho ông ấy. Và ông ấy tuyên bố rằng chính mình sẽ thi triển một phép lạ. Chúng ta phải làm sao?

Vua hỏi đức Phật:

- Bạch Thế Tôn, khi nào Ngài thi triển thần thông?

- Vào ngày trăng tròn tháng Asàlhi, bốn tháng nữa.

- Bạch Thế Tôn, ở tại đâu?

- Gần thành Xá-vệ.

(Vì sao đức Phật chọn địa điểm xa như thế? Vì Xá-vệ là nơi mà tất cả chư Phật đã thực hiện đại thần lực, và nơi ấy có thể chứa nhiều người).

Các ngoại đạo nghe như vậy bàn với nhau:

- Bốn tháng nữa Sa-môn Cồ-đàm sẽ hiển thần thông ở Xá-vệ. Từ đây đến đó, chúng ta phải theo đuổi ông ta không

ngừng. Khi dân cư thấy, họ sẽ hỏi: "Thế này là sao?". Chúng ta sẽ trả lời: "Các ngươi nên nhớ chúng ta có nói: Chúng ta sẽ đấu phép với Sa-môn Cồ-đàm. Ông ta chạy trốn nên chúng ta đuổi theo".

Khi đức Phật đi khất thực trên đường phố thành Vương Xá, ngoại đạo cũng đi theo. Nơi nào Ngài thọ trai, thì họ nghỉ đêm ở đó, nơi nào Ngài nghỉ đêm, thì họ ăn sáng ở đó. Khi dân chúng hỏi:

- Như thế nghĩa là gì?

Họ trả lời như trên. Dân chúng bảo nhau:

- Chúng ta sẽ được xem phép lạ.

Và họ kéo theo sau đức Phật đến Xá-vệ, nhóm ngoại đạo cũng theo sát nút. Đến nơi họ chuẩn bị chỗ ở, xài phí cả trăm

ngàn đồng tiền để ra lệnh xây cất một cái trại với cột bằng gỗ xiêm gai, và lợp bằng hoa sen xanh. Làm xong họ tuyên bố:

- Chúng ta sẽ thực hành phép lạ tại đây.

Vua Ba-tư-nặc đến bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, các ngoại đạo đã ra lệnh cất trại, con có thể xây cất một cái cho Ngài?

- Không cần, đại vương, Ta đã có người.

- Bạch Thế Tôn, ở đây có ai ngang bằng con để xây cất cho Ngài?

- Đại vương, có vua trời Đế Thích.

- Bạch Thế Tôn, Ngài sẽ thi triển thần

thông ở đâu?

- Ở dưới gốc cây xoài gọi là cây của Ganda.

Các ngoại đạo nghe nói Phật sẽ hiển thần thông ở dưới cây xoài, lập tức họ nhổ hết rễ những cây xoài trong chu vi một dặm quanh đó, ngay cả những cây mới mọc hôm đó, và nếm tất cả vào rừng.

2C. Thần Thông Sơ Khởi.

Vào ngày trăng rằm tháng Asàlhi, đức Thế Tôn đi vào thành. Cùng ngày đó Ganda, người giữ vườn thượng uyển, thấy một trái xoài to chín vàng giữa đám lá, bay mùi thơm ngon. Ganda bèn hái trái ấy, định sẽ dâng lên vua. Trên đường đi, gặp Phật, chàng nghĩ: "Nếu nhà vua ăn trái này, nhà vua có thể ban cho ta tám

hay mười sáu đồng, không đủ nuôi ta suốt đời. Nhưng nếu ta cúng dường Phật, sẽ có lợi cho sự cứu rỗi ta không cùng". Và chàng cúng quả xoài chín cho Phật.

Đức Phật nhìn A-nan, A-nan nhận trái xoài và đem dâng Phật. Đức Phật chìa bát ra nhận xoài và ngỏ ý muốn ngồi tại đó, A-nan trải tọa cụ. Khi đức Phật ngồi xong, A-nan lọc nước ép trái xoài thành nước và dâng lên Phật. Phật uống nước ép trái xoài xong bảo Ganda:

- Đào một cái lỗ ở đây và trồng hột xoài xuống.

Chàng giữ vườn làm y lời Phật dạy. Đức Phật rửa tay ngay trên chỗ xoài được trồng. Ngay lúc ấy, một cây xoài cao to tốt tươi mọc lên rất nhanh, cao năm mươi cubits (cao hơn 25 mét), từ thân cây

vươn ra năm nhánh, mỗi nhánh cũng dài hơn hai mươi lăm mét, bốn nhánh chia bốn hướng và một nhánh mọc thẳng lên trời. Trong phút chốc, cây xoài phủ đầy bông và trái, và một bên có cành nặng trĩu từng chùm xoài chín. Các Tỳ-kheo đi theo sau đức Phật, hái xoài chín ăn xong rồi ra về. Khi nhà vua nghe chuyện cây xoài thần diệu bèn ra lệnh không cho ai được chặt phá và đặt người canh gác. Vì cây xoài được trồng bởi Ganda, nên được đặt tên là cây xoài của Ganda.

Hàng thứ dân cũng được ăn xoài và kêu lên:

- Các thầy ngoại đạo đê tiện, khi các thầy nghe Sa-môn Cồ-đàm sẽ làm phép màu dưới chân cây xoài Ganda, đã ra lệnh nhổ tất cả mọi cây xoài trong vòng một dặm, ngay cả những cây mới mọc cũng

lôi rễ lên. Đấy, cây xoài Ganda đấy.

Nói xong họ ném xoài thối, hột xoài vào các ngoại đạo.

Đế Thích ra lệnh cho thần Gió:

- Hãy nhổ trại các ngoại đạo và ném xuống cầu.

Rồi ra lệnh cho thần mặt trời:

- Hãy đốt chúng.

Các thần làm xong. Đế Thích lại ra lệnh:

- Thần Gió! Hãy thổi mạnh lên!

Thần Gió tung hết vũ bảo ra. Các ngoại đạo run rẩy, toát mồ hôi đầy mình. Thần gió còn phun bụi vào họ cho đến khi trông họ giống kiến đỏ. Đế Thích ra lệnh

đổ mưa, và toàn thể ngoại đạo giống như bò đốm. Trần truồng, hỗn loạn, họ chạy tứ tán.

Ngay khi họ bỏ chạy, một nông dân đệ tử của Phú-lan-na Ca-diếp nghĩ thầm: "Ngày mai là ngày Tôn sư ta thi triển quyền phép, ta phải đi xem". Ông ta tháo cày ra, và mang bình đựng canh đã đem theo từ sáng sớm, và lấy dây trở về nhà. Khi Phú-lan-na đang chạy trối chết, ông hỏi:

- Tôn sư, con về nhà với ý định sẽ đi xem Tôn sư phô bày phép lại. Vậy Ngài đi đâu thế?

Phú-lan-ca đáp:

- Có gì ngươi muốn xem phép lạ? Đưa ta bình đựng nước và sợi dây.

Người nông dân đưa, Phú-lan-na cầm bình nước và dây, đi đến bờ sông lấy dây cột bình nước vào cổ, rồi nhảy ùn xuống sông, bọt nước sủi lên, Phú-lan-na đã chết, rơi xuống A-tỳ.

Đức Phật biến hóa một lối đi bằng châu báu trên hư không, chạy dài suốt từ chân trời phía đông đến chân trời phía tây. Khi chiều đến, người ta kéo đến xem đứng đông đầy trải dài tới ba mươi sáu dặm. Đức Phật nghĩ: "Đây là lúc ta hiển thần thông". Ngài rời hương thất ra đứng ở sân thượng.

Lúc ấy, một nữ Phật tử tên Gharanì chứng Tam quả, có thần thông, đứng gần Phật thưa:

- Bạch Thế Tôn, bao lâu còn một đệ tử như con, không còn nhọc sức Ngài, con

sẽ thi triển một phép lạ.

- Này Gharanì, người thực hiện thần thông gì?

- Bạch Thế Tôn, con sẽ nhận chìm trái đất xuống nước, và lặn xuống đó, rồi trồi lên xuất hiện ở mặt Đông trái đất, cứ thế con sẽ xuất hiện ở cực Tây, cực Nam, cực Bắc của trái đất, và ở giữa. Dân chúng sẽ hỏi "Ai thế?" và người khác trả lời: "Đó là Gharanì. Nếu đây chỉ là thần thông của một người đàn bà, thì thần thông siêu việt của Phật sẽ như thế nào?" Các ngoại đạo sẽ trốn mất, không cần đợi Thế Tôn.

Phật trả lời:

- Ta biết rõ rằng con có thể thi triển thần thông như con vừa nói. Nhưng vinh dự

này không phải của con.

Gharanì tự nhủ: "Đức Thế Tôn từ chối đề nghị của ta, chắc có một ai có thể thi triển thần thông vĩ đại hơn ta". Cô đứng qua một bên.

Một hôm nam cư sĩ tên Culla Anàthapindika nghĩ thầm: "Bao lâu đức Thế Tôn còn có đệ tử như ta, người chứng đến Tam quả, thì Ngài không bận tâm đến chuyện này".

Ông đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, con sẽ thực hiện một thần thông.

- Thần thông gì?

- Bạch Thế Tôn, con sẽ hóa thành Đại Phạm thiên, cao lớn mười hai dặm, đứng giữa quần chúng, rống lên như sấm sét, bão tố, con sẽ rung chuyển trái đất như Đại Phạm thiên rung chuyển quả đất. Dân chúng sẽ hỏi nhau: "Tiếng gì thế?" và người khác sẽ trả lời: "Đó là tiếng động đất gây ra bởi Culla Anàthapindika". Các ngoại đạo nói: "Đó mới chỉ là quyền năng của một cư sĩ, còn quyền năng của Phật như thế nào?" Nói xong họ sẽ bỏ chạy mà không đợi gặp Ngài.

Đức Thế Tôn cũng trả lời như với Gharanì "Ta biết con có quyền năng đó". Và từ chối đề nghị.

Một cô bé Sa-di lên bảy tuổi tên là Cìrà (Ly-la) đã đạt được Tứ thông, đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, con sẽ thực hiện một thần thông.

- Thần thông gì?

- Con sẽ xếp ngọn núi Tu-di, tất cả những ngọn núi trên trái đất, luôn cả rặng Hymã thành một hàng, và con bay lượn trên những ngọn núi ấy như một con ngỗng trời và không chạm đến núi. Dân chúng thấy con sẽ hỏi: "Ai thế?" và họ sẽ được trả lời: "Đó là cô bé Sa-di Ly-la". Các ngoại đạo sẽ nói: "Chỉ một cô bé bảy tuổi mới là Sa-di còn có thần thông như thế, thì thần thông của Phật ra sao?" Và họ sẽ chạy trốn không đợi gặp Thế Tôn.

Đức Phật cũng từ chối y như trước.

Đến một chú Sa-di bảy tuổi tên Cunda (Thuần Đà), đã đạt Tứ thiền và giải thoát

mọi tham dục, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, con sẽ thực hiện một thần thông.

- Thần thông gì?

- Con sẽ vác trên vai một cây hồng táo lớn, tượng trưng cho cõi Diêm-phù-đề, vẫy tới vẫy lui, sẽ đưa những nhánh táo sai trái cho mọi người ăn. Cũng như vậy con sẽ mang đến hoa san hô.

Rồi Tỳ-kheo ni Uppalavannà (Liên Hoa Sắc) đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, con sẽ trổ thần thông.

- Thần thông gì?

- Trước mắt mọi người trong mười hai

dặm, con sẽ biến thành Chuyển Luân Vương với đoàn tùy tùng bao quanh ba mươi sáu dặm, đến đảnh lễ Phật.

- Ta biết thần thông của ngươi.

Phật cũng từ chối.

Tôn giả Mục-kiền-liên đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, con sẽ hiện thần thông.

- Thần thông gì?

- Con sẽ đặt ngọn núi Tu-di, chúa tể các ngọn núi, giữa hai hàm răng và cắn nó như cắn một hạt đậu.

- Rồi gì nữa?

- Con cuộn tròn quả đất như một chiếc chiếu và ép chặt giữa những ngón tay.

- Rồi gì nữa?

- Con sẽ xoay trái đất như một bánh xe của thợ gốm, và con sẽ cho mọi người nếm thức ăn của đất.

- Rồi gì nữa?

- Con sẽ sử dụng núi Tu-di như một cây dù, nhấc quả đất đặt lên đó, cầm một tay như một nhà sư cầm cây dù nơi tay, đi dạo trên hư không.

- Ta biết thần lực của ông.

Đức Phật cũng từ chối lời đề nghị của Tôn giả.

Mục-kiền-liên nói:

- Chắc chắn Thế Tôn biết người nào có

thể hiển thần thông quảng đại hơn ta.

Và Tôn giả đứng qua một bên.

Đức Phật bảo Tôn giả:

- Này Mục-kiền-liên, việc này không phải việc của ông. Gánh nặng của Ta không giống gánh nặng của bất cứ ai, và không ai có thể gánh vác nó được, nên không có gì lạ khi chẳng ai gánh vác thế Ta được. Trong quá khứ cũng thế, do ý muốn của Ta, Ta thọ sanh làm súc, cũng không có ai có thể gánh vác gánh nặng ấy cho Ta.

Nghe Phật nói thế, Tôn giả thưa:

- Bạch Thế Tôn, việc ấy ra sao, và xảy ra lúc nào?

Phật bèn nhắc lại chuyện tiền thân Kanha Usabha:

Vì trọng tải quá nặng, vì con đường lún bùn, Chúng thắng ngựa Blackie, và nó lập tức chở hàng đi.

Phật cũng nói tiếp chi tiết chuyện tiền thân Nandi Visàla để làm vấn đề sáng tỏ hơn:

Nên luôn luôn nói lời dịu dàng, không bao giờ nên nói thô bạo, Với người nói lời dịu dàng, nó kéo một trọng tải thật nặng nề, Và làm người ấy giàu có, tất cả chỉ vì nó thích người ấy.

Sau khi nhắc lại các chuyện tiền thân, Ngài bước đi trên con đường trân bảo,

đoàn tùy tùng theo sau trải rộng mười hai dặm phía trước Ngài, mười hai dặm phía sau, mười hai dặm bên tay trái, mười hai dặm bên tay phải. Thế Tôn đứng oai nghiêm giữa một đám đông khổng lồ bao quanh hai mươi bốn dặm và hóa hiện thần thông Song Hành.

2D. Phật Hiện Thần Thông Song Hành

Thế nào là thần thông Song Hành của Như Lai? Trong dịp này, Thế Tôn hóa hiện thần thông Song Hành, thần thông vi diệu hơn bất cứ thần thông nào của chúng đệ tử. Từ trên thân Ngài phóng ra lửa, và từ dưới chân Ngài phun nước, hoặc dưới thân tuôn lửa, trên thân tuôn nước. Trước mặt tuôn lửa, sau lưng tuôn nước, hoặc trước mặt tuôn nước, sau lưng tuôn lửa. Từ hai tai, hai mắt, hai lỗ mũi, hai vai, hai tay, hai bên hông, hai

chân, đầu ngón chân và gót chân, nơi mỗi phần trên thân Thế Tôn lần lượt tuôn lửa và nước. Những luồng lửa nước lóng lánh đủ màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng và màu kim tuyến chói lọi. Thế Tôn đi, hóa thân của Ngài đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi; hóa thân nằm thì Thế Tôn đi, đứng hoặc ngồi. Đây là truyền thống thần thông Song Hành của đức Phật.

(Thần thông này, đức Thế Tôn biểu hiện khi Ngài đi lên đi xuống trên con đường trân bảo. Lúc đó Ngài nhập hỏa đại tammuội thì lửa từ trên thân tuôn ra, và khi nhập thủy Đại Tam-muội thì nước tuôn từ dưới thân. Tất cả những phần trên thân Ngài đều như vậy, hễ phần này tuôn lửa thì phần kia tuôn nước và ngược lại. Những luồng lửa và nước không hề lẫn lộn nhau, cả hai đều bắn tung xa đến trời Phạm Thiên và trở xuống cõi

của Cakkavàla. Sáu sắc trong những tia lửa và nước ấy, như vàng lỏng chảy từ lò luyện kim, hay là vàng của vua từ ống chảy ra, chiếu sáng từ cõi Cakkavàla, lên đến Phạm thiên, rồi trở lại Cakkavàla, như một hình chóp nón và toàn pháp giới ngời sáng hào quang).

Vào ngày ấy đức Phật đi lên đi xuống hiển hóa thần thông Song Hành, thỉnh thoảng Ngài cũng thuyết pháp cho quần chúng nghe, không làm họ chán với bài pháp vô tận mà làm cho tinh thần họ tăng trưởng hỷ lạc bởi chốc chốc Ngài lại để họ nghỉ ngơi, thư giãn. Cho nên họ vỗ tay ca ngợi vang rền. Đức Phật nhìn vào giữa đám đông và dùng mười sáu cách để quan sát tâm trí mỗi người. Khi một chúng sanh nào thích thú với bài pháp hay một thần thông nào, Ngài liền giảng đúng bài pháp ấy và hiện chính thần

thông ấy cho người đó. Rồi nhiều chúng sanh được Pháp nhãn thanh tịnh.

Khi đức Phật thấy trong số quần chúng đông đảo ấy không ai hiểu ý mình và có thể hỏi, Ngài liền hóa hiện một thân khác, hóa thân hỏi và Phật trả lời. Khi đức Phật đi tới đi lui thì hóa thân có những cử động khác và ngược lại. Được thấy thần thông và thuyết pháp, có hai trăm triệu người được Pháp nhãn thanh tịnh.

2E. Đức Phật Lên Cung Trời Ba Mươi Ba.

Khi hiện thần thông xong, đức Phật nghĩ thầm: "Chư Phật quá khứ sẽ ở đâu sau khi hiện thần thông?". Theo thông lệ, đức Phật sẽ lên cung trời Ba mươi ba và giảng dạy luận A-tỳ-đàm cho thân mẫu".

Nghĩ thế Ngài nhấc chân phải và bước lên ngọn núi Yugandhara, chân trái đặt lên núi Tu-di, và như vậy với ba bước chân chấm đất hai lần, Ngài đi sáu trăm tám mươi hai ngàn dặm. Không ai có thể đo được chiều dài mỗi bước chân của Phật, chỉ biết rằng khi Phật nhấc chân lên các ngọn núi co đầu thấp dưới chân Ngài, và khi Ngài bước qua chúng ngẩng lên và đứng ở vị trí cũ.

Trời Đế Thích thấy Phật và nghĩ thầm: "Đức Thế Tôn sẽ ở đây trong ba tháng mùa mưa trên ngai Hoàng Thạch sẽ làm lợi ích cho vô số chư Thiên. Nhưng nếu Thế Tôn an cư ở đâu, chư thiên khác sẽ không có chỗ chen chân. Phiến Hoàng Thạch này dài sáu mươi dặm và rộng năm mươi dặm, Thế Tôn ngồi trên ấy cũng như không có ai ngồi". Đức Phật biết ý nghĩ của Đế Thích, Ngài ném tọa

cụ trùm cả phiến đá Hoàng Thạch. Đế Thích nghĩ: "Đúng là Ngài ném tọa cụ trùm hết cả phiến đá thật, nhưng khi Ngài ngồi lên đó chắc chắn Ngài sẽ thành ra nhỏ tí". Đức Phật lại biết được những ý nghĩ ấy nên Ngài trùm phủ phiến đá trong nếp y của Ngài, như một Sa-môn cao lớn phủ áo nạp lên chiếc ghế đẩu thấp, và Ngài ngồi lên đó. Lúc ấy, dân chúng ở cõi Ta-bà bỗng nhiên không thấy Phật, như mặt trăng chợt lặn. Họ hỏi nhau:

- Thế Tôn đã đi Cittakùta hay Kelàsa hay Yugandhara? Chúng ta không được trông thấy đấng Toàn Giác, bậc chúa tể thế gian, đấng trí tuệ của loài người.

Họ khóc lóc, than thở. Những người khác nghĩ thầm: "Đức Thế Tôn thích độc cư, Ngài khó chịu khi hiện thần thông

như thế cho một đám đông như thế, nên đã đi sang xứ khác. Chúng ta có còn gặp được Ngài hay không?"

Họ khóc lóc, rên rỉ, nói kệ:

Ngày vui trong nhàn tịnh, Ngài đã đi xa không trở lại cõi này. Chúng ta không còn thấy bậc Tối Thắng, bậc chúa tể thế gian, bậc hiền trí nhất trong loài người.

Họ hỏi Tôn giả Mục-kiền-kiên

- Thế Tôn đi đâu, thưa Tôn giả?

Mặc dầu biết đức Phật đi đâu, nhưng Tôn giả nghĩ thầm: "Hãy để cho người khác tỏ phép mầu", nên bảo mọi người:

- Hãy hỏi Tôn giả A-nậu-lâu-đà.

Và khi mọi người hỏi, Tôn giả A-nậu- lâu-đà đáp:

- Thế Tôn đã bay lên cung trời Ba mươi ba, ngồi trên ngai Hoàng Thạch, Ngài sẽ giảng dạy luận A-tỳ-đàm cho thân mẫu.

- Thưa Tôn giả, khi nào Ngài trở về?

- Ngài ở đó ba tháng hạ, và trở về vào dịp giải hạ.

Mọi người reo hò:

- Chúng ta không đi đâu cả cho đến khi gặp lại đức Bổn sư.

Họ cắm trại tại đó, ngủ đêm dưới bầu trời. Và dù đông đảo họ không gây nhơ

uế trên đất, vì khi họ đại tiểu tiện đất nứt ra và khép lại, cho nên lúc nào mặt đất cũng sạch sẽ.

Trước khi lên cung trời đức Phật dặn Tôn giả Mục-kiền-liên:

- Mục-kiền-liên, ông thuyết pháp cho mọi người, còn Cấp Cô Độc sẽ cung cấp thực phẩm.

Như vậy, trong suốt ba tháng, ông Cấp Cô Độc cung cấp đồ ăn, thức uống, trầu cau, hương hoa cho mọi người. Tôn giả Mục-kiền-liên thì giảng dạy và trả lời mọi câu hỏi.

Khi Đức Thế Tôn đã lên cung trời Ba mươi ba, đã ngồi vào pháp tòa, chư Thiên của mười ngàn thế giới vây quanh và hầu tiếp Ngài.

Trên cõi trời Ba mươi ba, Khi đức Phật đấng tôn quý của mọi loài, ngồi dưới cội san hô, trên tòa Hoàng Thạch, Thần tiên mười ngàn cõi tụ về và hầu tiếp. Đấng Tối Thắng, ngồi nơi cao nhất của cõi trời, Không ai chói sáng bằng Ngài, Chỉ mình Ngài độc nhất, rực rỡ át chư thiên.

Hoàng hậu Ma-da từ cõi trời Đâu-suất đến, ngồi bên tay phải của đức Phật, trời Indaka cũng đến ngồi bên tay phải Phật, và trời Ankura đến ngồi bên tay trái. Khi các vị trời đầy quyền lực đến dự hội, Ankura phải rời khỏi chỗ và ngồi một chỗ cách xa mười hai dặm, trong khi Indaka còn ngồi bên tay phải Phật. Thế Tôn quan sát cả hai, Ngài muốn dạy

về phước báo lớn lao của sự cúng dường xứng đáng, nên bảo Ankura:

- Dù trong mười ngàn năm ngươi đã cho lập nên những lò sưởi trên suốt quảng đường dài mười hai dặm, và cúng dường vô số phẩm vật, sau thời gian dài ấy bây giờ ngươi đến đây nên trong chúng hội của Ta, lại ngồi xa ta nhất tới mười hai dặm. Tại sao thế?

Thế Tôn nhìn Ankura và Indak, tuyên bố ai cúng dường giá trị, Ngài nói:

Ankurà, ngươi cúng dường vô số, Vậy mà sau một thời gian dài, Ngươi ngồi chỗ thật xa. Hãy đến đây!

Âm thanh ấy dội xuống mặt đất, dân chúng đang cắm trại dưới ấy đều được

nghe.

Được đấng Đạo sư thức tỉnh, Ankura nói:

- Những thứ cúng dường ấy đã đem lại ích lợi gì cho con? Người xứng đáng được cúng chẳng đem lại phước báo gì ư? Dạ xoa Indaka này chỉ dâng chút ít phẩm vật. Vậy mà ông ấy sáng hơn hết thảy chúng con, như mặt trăng sáng hơn tất cả tinh tú.

Khi Ankura nói như thế, đức Phật hỏi Indaka:

- Này Indaka, ngươi ngồi bên tay phải ta, vì sao ngươi ngồi đây mà không dời đi?

Indaka đáp:

- Bạch Thế Tôn, như một nông phu gieo

một ít hột giống trên thửa ruộng tốt, con nhận phước lành này nhờ cúng dường đáng giá.

Để làm sáng tỏ vấn đề người nào cúng dường giá trị người nào không, Indaka nói:

Như hột giống, mặc dù rất nhiều, gieo trên đất xấu. Không gặt hái nhiều, không làm nông dân vui thích. Vật cúng dường dù nhiều, dâng người ác, Không gặt quả nhiều, không lợi ích cho người thí. Còn hột giống dù ít, gieo trên đất tốt, Sẽ gặt nhiều kết quả, nông phu vui lòng. Như thế, cúng dường người đức hạnh, chính trực và thánh thiện. Dù ít vẫn được kết quả tốt, phong

nhiêu.

Chuyện kể rằng, nhân dịp Ngài A-nậulâu-đà đi khất thực, Indaka cúng dường Tôn giả một muỗng thức ăn của mình. Nên mặc dù Ankura đã đốt hàng ngàn lò sưởi trên khoảng đường dài mười hai dặm trong mười hai ngàn năm, và bố thí rất nhiều, nhưng việc làm của Indaka được kết quả lớn hơn.

Thế Tôn bảo:

- Này Ankura, phải nhận xét trong khi cúng dường. Với phương cách đó, giống như gieo giống trên đất tốt, việc cúng dường được quả tốt. Nhưng ngươi không làm như thế, nên phước báo ngươi không đủ.

Ngài nói kệ:

Cúng dường với sự xét đoán, được quả đây, Người như thế được sanh thiên. Như Lai khen ngợi sự cúng dường với óc phán đoán. Nên cúng dường đến người xứng đáng nhất, Sẽ gặt quả tốt, như hạt giống gieo đất tốt.

Ngài nói những Pháp Cú tiếp theo:

Cỏ làm hại ruộng vườn, Tham làm hại người đời, Bố thí người ly tham, Do vậy được quả lớn. Cỏ làm hại ruộng vườn, Sân làm hại người đời. Bố thí người ly sân, Do vậy được quả lớn. Cỏ làm hại ruộng vườn, Si làm hại người đời. Bố thí người ly

si, Do vậy được quả lớn. Cỏ làm hại ruộng vườn, Dục làm hại người đời. Bố thí người ly dục, Do vậy được quả lớn.

Và ngồi giữa chúng hội chư thiên, đức Phật muốn lợi lạc cho thân mẫu nên bắt đầu giảng dạy luận A-tỳ-đàm, bắt đầu bằng những câu: "Những điều này tốt, những điều này xấu, những điều này không tốt, không xấu". Suốt ba tháng Ngài dạy luận A-tỳ-đàm không ngừng. Lúc nào đi khất thực, Ngài hóa ra một thân khác và bảo: "Hãy nói pháp cho đến lúc Ta trở về". Xong, Ngài đi đến núi Hy-mã, sau khi đánh răng và súc miệng nơi hồ A-nâu-đạt (Anotatta), Ngài nhận thức ăn từ châu Uất-đơnviệt (Uttarakura), và ngồi trong vườn của một Trưởng giả Ngài dùng bữa trưa.

Tôn giả Xá-lợi-phất lên đến trời Đâu- suất và làm thị giả cho đức Phật. Khi Phật thọ trai xong, Ngài nói:

- Xá-lợi-phất hôm nay Ta đã nói pháp như thế như thế, ông có thể thuật lại cho năm trăm Ty-kheo tu học với ông.

Và Phật dạy cho Tôn giả. Chúng ta được biết rằng, khi đức Phật hiện thần thông Song Hành, có năm trăm thanh niên con nhà vọng tộc xuất gia với Tôn giả Xálợi-phất, và để ám chỉ các vị này đức Phật đã nói như trên. Giảng dạy cho Tôn giả xong, Phật trở lên cõi trời thay vào chỗ hóa thân Phật và nói tiếp. Tôn giả Xá-lợi-phất trở xuống nhân gian, nói pháp cho các Tỳ-kheo, và ngay khi Phật còn ở lại thiên giới, các Tỳ-kheo đạt được Thất giác chi.

Vào thời đức Phật Ca-diếp, năm trăm Tỳ-kheo này là bầy dơi nhỏ. Chúng ở trong một động núi, và có hai thầy Tỳkheo cư ngụ trong ấy đọc tụng kinh A-tỳđàm. Chúng nghe âm thanh Luận tạng khi bay chung quanh đó và đâm ra yêu thích âm thanh ấy. Với các câu: "Đây là các uẩn của chúng sanh, đây là các đại của chúng sanh", tuy chúng không hiểu ý nghĩa nhưng vì yêu mến tiếng đọc tụng, chúng được sanh thiên. Vào thời giữa Phật Ca-diếp và Thích-ca, họ ở cung trời hưởng khoái lạc và tái sanh vào Xá-vệ, trong gia đình vọng tộc. Do sự kính tin và thần thông Song Hành, họ xuất gia theo Tôn giả Xá-lợi-phất, và trở thành những người đầu tiên thông đạt Thất giác chi. Đức Phật tiếp tục chỉ dạy như thế trong ba tháng. Khi nghe Ngài dạy xong, có tám trăm ngàn triệu chư thiên đạt được Pháp nhãn, và hoàng hậu Ma-da

chứng Sơ quả.

2F. Đức Phật Xuống Nhân Giới Và Chư Thiên Qủy Thần Hộ Tống

Quần chúng trong ba mươi sáu dặm, biết lễ giải hạ sẽ đến trong bảy ngày nữa, đến hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên:

- Thưa Tôn giả, có gì trở ngại không nếu chúng con biết ngày nào đức Phật trở về? Chúng con sẽ không đi đâu cho đến lúc gặp Phật.

Tôn giả đáp:

- Tốt lắm!

Tôn giả đi đến chân ngọn núi Tu-di và nghĩ thầm: "Hãy để mọi người thấy ta leo lên". Và khi Tôn giả bắt đầu leo núi,

thân hình Ngài hiển lộ với tấm y vàng trong suốt. Mọi người theo dõi và reo lên từng chập:

- Tôn giả đang leo lên một dặm.. hai dặm..

Tôn giả lên đỉnh núi đảnh lễ dưới chân Phật, lấy đầu mình nâng bàn chân Phật và bạch:

- Bạch Thế Tôn! Dân chúng muốn đến nơi nào để có thể thấy Thế Tôn, khi nào Thế Tôn trở xuống?

- Nhưng này Mục-kiền-liên! Xá-lợi-phất đâu?

- Bạch Thế Tôn! Tôn giả đang ở cổng thành Samkassa.

- Này Mục-kiền-liên! Bảy ngày nữa Ta sẽ xuống tại cổng thành Samkassa vào ngày giải hạ. Ai muốn thấy Ta hãy đến đó.

Khoảng cách từ Xá-vệ đến Samkassa là ba mươi dặm, và không ai có thể cung cấp thức ăn cho mọi người trên lộ trình dài như thế. Phật bảo:

- Hãy dạy họ phát nguyện giữ trai giới (không ăn) và đi theo sức của họ có thể đi, như thể đang đến tinh xá kế cận nghe pháp.

- Thưa vâng.

Tôn giả trở lại, nói cho mọi người biết lời dạy của Phật.

Mùa an cư đã chấm dứt, lễ giải hạ được

cử hành. Đức Phật nói với Đế Thích:

- Nay là lúc Ta trở lại cõi người.

Đế Thích bèn hóa ra ba con đường bằng bậc thang, một bằng vàng, một bằng ngọc, và một bằng bạc. Ba con đường dẫn từ núi Tu-di xuống đến cổng thành Samkassa, đường bằng vàng bên phải dành cho chư thiên và quyến thuộc, đường bằng bạc bên trái dành cho Đại Phạm thiên và quyến thuộc, đường chính giữa bằng ngọc dành cho Thế Tôn. Trong dịp này, Phật đứng trên đỉnh núi Tu-di hóa hiện thần thông Song Hành và nhìn lên. Ngài nhìn suốt chín tầng trời Đại phạm, và khi nhìn xuống Ngài nhìn đến tầng địa ngục Vô gián. Rồi Ngài quán sát bốn phương tám hướng, nhìn suốt vô tận cảnh giới, người và trời đều thấy lẫn nhau. Chúng hội đông dầy trong khoảng

chu vi ba mươi sáu dặm, ai đã thấy vẻ huy hoàng của Phật đều mong muốn mình sẽ thành Phật.

Từ trên không trung đức Phật đi xuống trên con đường bằng ngọc, chư Thiên xuống bằng đường vàng, Phạm thiên xuống bằng đường bạc. Nhạc thần Cànthát-bà (Pancasikha) bay bên phải đức Phật, khảy đàn ca tụng Phật bằng những âm thanh tuyệt vời. Thần thiên-xa (Màtali) tung hương hoa bên trái đức Phật. Trời Đại Phạm cầm lọng, trời Dạma cầm quạt bằng đuôi con Yak. Với các thiên thần tùy tùng như thế, đức Phật đặt chân xuống cổng thành Samkassa. Tôn giả Xá-lợi-phất đến đón Phật và đảnh

lễ Ngài, và hứng khởi vì chưa bao giờ thấy đức Thế Tôn trở về trong nghi thức long trọng, vĩ đại của một vị Phật như thế. Tôn giả nói:

Con chưa từng thấy, chưa ai từng nghe, Đức Bổn sư thuyết pháp âm êm dịu, Nay từ Đâu-suất trở về với chúng tùy tùng.

Bày tỏ niềm vui bằng câu kệ và bằng mọi cách xong rồi, Tôn giả bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, hôm nay, tất cả trời người được thấy sự tôn quý của Ngài và theo Ngài.

- Này Xá-lợi-phất, với phạm hạnh như vậy chư Phật là bậc tôn quý hơn cả người và trời.

Ngài nói kệ:

(181) Người trí chuyên thiền định, Thích an tịnh viễn ly, Chư thiên đều ái kính, Bậc

chánh giác, chánh niệm.

Lệ thường của chư Phật, sau khi hóa hiện thần thông Song Hành đã an cư ba tháng trên cõi trời, và trở xuống tại cổng thành Samkassa. Để ghi dấu nơi đức Phật đặt bàn chân mặt xuống quả đất, một tinh xá được xây cất tại đây. Đức Phật sẽ đặt một câu hỏi vừa sức hiểu của những ai chưa chứng Sơ quả, những người này trả lời dễ dàng câu hỏi ấy, nhưng không thể trả lời câu hỏi dành cho những người chứng Sơ quả. Tương tự như thế chứng Sơ quả không thể trả lời câu hỏi dành cho những người chứng Nhị quả.. cuối cùng người được Tứ quả không thể trả lời câu hỏi dành cho Tôn giả Mục-kiềnliên, Tôn giả Mục-kiền-liên không thể trả lời câu hỏi dành cho Tôn giả Xá-lợi-phất, và Tôn giả Xá-lợi-phất không thể trả lời câu hỏi dành cho Phật.

Đầu tiên Phật nhìn về phương Đông, và các phương kế tiếp. Thật là một pháp hội vĩ đại. Trời và người đứng khắp bốn phương tám hướng, Phạm thiên phía trên, dưới là các Long vương, A-tula (Supannas), tất cả đều đứng với dáng cung kính, tất cả đều nói:

- Bạch Thế Tôn, trong đây không ai có thể trả lời câu hỏi này, xin đừng hỏi thêm.

Đức Phật nói:

- Xá-lợi-phất bối rối khi nghe câu hỏi thuộc về Phật trí này: "Tất cả những ai đã tu theo pháp và chứng quả A-la-hán, tất cả những ai đang tu tập, những ai chưa chứng quả Dự lưu, Thượng tọa, ông biết đấy, tôi hỏi rồi, ông hãy nói tôi nghe về việc đi và nói của những người ấy".

Xong, đức Phật nghĩ: "Mặc dù trong tâm Xá-lợi-phất không hề nghi ý nghĩ của câu hỏi, bởi ông ấy hiểu Ta đang hỏi về việc đi và nói của những người đang tu tập và những người đã tu tập đắc quả Ala-hán, nhưng ông ấy lại nghi mục đích Ta hỏi câu ấy, và ông ta đang suy nghĩ như vầy: "Về các vấn đề uẩn và đại của hữu tình, hay là vấn đề lục nhập, không biết ta nên nắm ý của Thế Tôn qua cái nào?" Nếu Ta không khai mở giúp Xálợi-phất, ông ấy không thể trả lời câu hỏi. Nay ta sẽ giúp Xá-lợi-phất". Và Phật hỏi:

- Xá-lợi-phất, ông có hiểu ý danh từ "hữu tình này" không?

Phật nghĩ tiếp: "Ngày lúc Xá-lợi-phất hiểu được ý Ta, ông ấy sẽ đáp câu hỏi trong phạm vi các uẩn của hữu tình".

Đức Thế Tôn vừa truyền mật ý, câu hỏi liền hóa ra rõ ràng theo một trăm và một ngàn cách. Sau khi Thế Tôn gợi ý, Trưởng lão lập tức trả lời câu hỏi.

Chúng ta biết rằng, trừ các bậc Toàn
Giác, không ai có thể trả lời câu hỏi mà
Phật nêu ra với Xá-lợi-phất. Cho nên
Trưởng lão đứng trước Phật cao giọng hùng hồn nói:
- Bạch Thế Tôn, con có thể đếm số giọt mưa rơi trên biển lớn của tất cả những cơn mưa trong suốt một kiếp, và cũng thế con đếm được số giọt mưa rơi trên đất liền, rơi trên núi. Và con có thể đưa ra một con số chính xác.

Phật dạy:

- Này Xá-lợi-phất, Ta biết khả năng toán

số của ông.

Thật vậy, không gì có thể sánh với trí tuệ của Xá-lợi-phất (Trí tuệ vô tỷ). Vì thế, Tôn giả nói:

- Cát sông Hằng vô số, nước biển lớn bao la, vi trần nhiều vô lượng, con có thể dùng trí tính đếm được tất cả.

(Ý câu kệ trên như sau: "Bạch Thế Tôn bậc Thánh trí tối thượng, sau khi trả lời câu hỏi này, con có thể trả lời hàng trăm ngàn câu hỏi khác, mỗi câu được đánh dấu bằng một hạt cát hoặc một giọt nước hay một hạt bụi. Gồm tất cả số hạt cát, hạt nước, hạt bụi sông Hằng, không thiếu sót một hạt nào, số hạt bụi này còn ít hơn khả năng trả lời các câu hỏi của con").

Vị Sa-môn dồi dào phước báo đã nương

theo phương tiện của Phật trả lời câu hỏi thông suốt, mặc dù lúc đầu Tôn giả không biết đầu đuôi câu hỏi ra sao vì nó nằm trong lãnh vực Phật trí.

Khi các Tỳ-kheo nghe kệ này, đã bàn tán như sau:

- Tôn giả Xá-lợi-phất, vị tướng quân của chánh pháp, đã trả lời câu hỏi mà không ai trên trái đất có thể trả lời được.

Đức Phật nghe những lời bàn tán ấy, dạy rằng:

- Đây không phải lần đầu tiên Xá-lợiphất trả lời câu hỏi mà trên toàn thế gian này không ai có thể trả lời, ông ấy đã làm như thế ở thời quá khứ.

Đức Phật kể lại câu chuyện quá khứ

(Jàtaka 99):

Dù cho hơn ngàn người thiếu trí tụ họp nhau và lảm nhảm cả một trăm năm. Không bằng một người có trí siêu việt, hiểu rõ điều người khác nói.

3. Long Vương Và Ái Nữ.

Khó thay được làm người ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ngồi dưới bảy cây Sirìsaka, gần Ba-la- nại, liên hệ đến Long vương Erakapatta.

Vào thời đức Phật Ca- diếp, Erakapatta là một Sa-môn trẻ. Một hôm, thầy ngồi trên thuyền bơi dọc sông

Hằng. Ngang qua khu rừng cây Eraka, thầy nắm một chiếc lá, xuống đi nhanh thầy níu lại, và chiếc lá bị rách tan. Thầy nghĩ thầm "Chuyện vặt!" Trong suốt hai mươi năm thiền định trong rừng, thầy không sám hối lỗi này, nhưng khi gần chết, thầy có cảm giác bị một chiếc lá Eraka quấn ngang cổ. Thầy muốn thú tội, nhưng không có vị Tỳ-kheo nào gần đó. Tràn đầy hối hận thầy kêu lên:

- Giới phẩm của ta bị khiếm khuyết.

Sau khi chết thầy tái sinh làm Long vương, kích thước to lớn như một con tàu. Khi sanh ra, thấy hình dạng mình, Long vương buồn bã nghĩ thầm: "Sau khi thiền định lâu dài ta đã tái sinh trong một nơi vô lý, sanh vào đầm lầy của loài ếch".

Khi Long vương có một cô con gái, Ngài nằm trên sông Hằng và đưa cao cái lưng khổng lồ, long nữ hát múa trên lưng. Long vương nghĩ thầm: "Bằng cách này, khi có đức Phật ra đời, ta sẽ biết tin. Trong trường hợp người nào hát đáp được câu hỏi của ta, ta sẽ gả con gái, luôn cả tài sản và quyền lực của Long vương". Vào một đêm nhằm ngày Bồ-tát, Long vương đặt con gái trên lưng, long nữ nhảy múa và hát đố rằng:

Thế nào gọi là vua? Thế nào bị gọi là tham dục thống trị? Làm sao thoát khỏi quyền lực của tham dục? Tại sao gọi là người ngu?

Tất cả cư dân trên cõi Diêm-phù-đề nói với nhau: "Chúng ta phải thắng long nữ". Với khả năng khôn ngoan nhất, họ tìm

câu trả lời và hát đáp lại, nhưng long nữ đều bác bỏ. Và như thế cứ nửa tháng, long nữ lại xuất hiện, hát múa trên lưng vua cha, điều ấy xảy ra suốt thời gian giữa hai đức Phật.

Khi đức Phật xuất hiện, vào một buổi sáng, Ngài quan sát căn cơ chúng sanh, và nhận thấy Long vương Erakapatta và thanh niên Bà-la-môn Uttara có nhân duyên đáng độ. Quán sát tiếp, Ngài nhận thấy: "Hôm nay là ngày Long vương đặt con gái lên lưng và cho cô gái hát. Chàng Bà-la-môn Uttara sẽ học câu hát trả lời do Ta chỉ dạy, chứng Sơ quả và mang câu trả lời đến chỗ Long vương. Khi nghe câu trả lời, Long vương sẽ biết có Phật ra đời và đến gặp Ta. Khi Long vương đến, Ta sẽ dạy câu kệ giữa pháp hội, vào cuối bài kệ có tám mươi bốn ngàn người được Pháp nhãn".

Lúc bây giờ bảy cây Sirìsaka không xa Ba-la-nại, và đức Phật đến ngồi dưới gốc cây. Dân chúng chuẩn bị câu hát trả lời và tụ tập với nhau. Đức Phật thấy Uttara đang đi gần đó, Ngài nói:

- Uttara!

- Thế Tôn! Có việc gì?

- Hãy đến đây!

Uttara đến đảnh lễ Phật, và ngồi một bên, Phật hỏi:

- Ngươi đi đâu?

- Con đi đến chỗ long nữ, con Long vương Erakapkatta đang hát múa.

- Nhưng ngươi biết câu trả lời chưa?

- Thưa vâng, con biết.

Uttara đọc lại câu trả lời của chàng cho Phật nghe, Phật dạy:

- Câu trả lời ấy không đúng. Ta sẽ dạy cho ngươi câu trả lời, ngươi có mang đi đáp lại long nữ không?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

- Này Uttara! Khi long nữ hát đố, ngươi nên hát trả như sau:

Người nào làm chủ sáu căn, ấy là vua. Người nào vui thích với sáu căn, ấy là bị tham dục làm chủ. Người không vui thích với sáu căn, là thoát khỏi tham dục. Người nào vui thích với sáu căn, là người ngu.

Sau khi dạy Uttara câu trả lời, Phật dạy tiếp:

- Uttara! Khi ngươi hát xong, long nữ sẽ hát tiếp:

Vì sao người ngu tái sinh? Bằng cách nào người trí tự tại? Bằng cách nào chứng Niết-bàn? Hãy trả lời câu hỏi của ta.

Và ngươi hãy trả lời:

Do lòng tham ái người ngu tái sanh. Bằng ý chí người trí được tự tại. Người thoát khỏi mọi triền phược, Người ấy chứng Niết-bàn.

Uttara ghi nhớ câu trả lời và

chúng Sơ quả. Sau khi chứng Sơ quả, chàng rao lên:

- Này! Tôi có câu trả lời, hãy tránh đường cho tôi.

Đám đông nhiều đến nỗi chân chàng lách giữa các đầu gối của họ.

Long nữ đang đứng trên lưng vua cha, vừa múa vừa hát:

- Với quyền lực gì được gọi là vua?

Uttara trả lời:

- Ai làm chủ sáu căn, ấy là vua.

Long nữ quay sang hát:

- Vì sao người ngu tái sanh?

Uttara hát trả:

- Vì lòng tham dục nên người ngu tái sanh.

Khi Long vương nghe những câu này, biết rằng đã có một vị Phật xuất hiện ở thế gian. Long vương nghĩ thầm: "Ta chưa hề nghe một bài hát như thế suốt thời gian giữa hai đức Phật. Hôm nay Phật thật sự ra đời". Lòng nhà vua tràn ngập niềm vui. Long vương vẫy mạnh chiếc đuôi khổng lồ, một lượn sóng lớn dâng lên quét sạch hai bên bờ, dân cư trong khoảng ấy rơi tõm xuống nước. Long vương bèn đưa lưng đỡ hết thảy và đặt lên bờ. Nhà vua tiến đến gần Uttara và hỏi:

- Tiên sinh, đức Phật hiện ở đâu?

- Đại vương, Ngài đang ngồi dưới cội cây.

- Chúng ta hãy đến đó.

Long vương đi với Uttara, đám đông kéo theo sau. Đến chỗ Phật, Long vương hóa hiện hào quang trên con đường của mình, và đảnh lễ Phật, lui đứng một bên khóc. Phật hỏi:

- Có điều gì vậy, đại vương?

- Bạch Thế Tôn, con là đệ tử của một đức Phật, và hành thiền suốt hai mươi năm. Nhưng công phu ấy không giúp cho con tránh khỏi quả báo. Chỉ vì con làm rách một chiếc lá Eraka nhỏ, con phải tái sanh làm rồng, bò đi bằng bụng. Trong khoảng thời gian giữa hai đức Phật, con không được làm người, không được nghe

pháp, cũng chẳng gặp Phật.

Nghe vậy, đức Phật đáp:

- Này Đại vương, khó được thân người, khó được nghe pháp, khó có Phật ra đời. Vì Phật muốn thành phải trải qua muôn ngàn gian lao cực khổ.

Ngài nói kệ:

(182) Khó thay, được làm người. Khó thay, được sống còn. Khó thay, nghe diệu pháp. Khó thay, Phật ra đời.

Nghe xong kệ, có tám mươi bốn ngàn người được pháp nhãn thanh tịnh.

4. Phương Cách Giáo Giới Trong Ngày Bố Tát Của Bảy Đời Đức Phật

Không làm mọi điều ác ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật đang ở Kỳ Viên, liên quan đến câu hỏi của Tôn giả A-nan.

Ngày nọ, Tôn giả A-nan đang ngồi chợt nghĩ: "Đức Thế Tôn đã dạy rõ về cha mẹ của bảy đời chư Phật, đã dạy về thọ mạng, cội cây của chư Phật ngồi thành đạo, đệ tử, vị thống lãnh Tăng đoàn và người ngoại hộ chính thức. Tất cả điều đó đức Thế Tôn nói rõ, nhưng Ngài không nói về phương cách giáo giới của bảy đời chư Phật trong ngày Bố-tát. Phương cách có giống như hôm nay hay khác?".

Nghĩ thế, Tôn giả đến bạch Phật và thưa hỏi những điều như trên.

- Chư Phật tuy khác nhau về thời gian bố-tát, nhưng tương đồng về lời dạy khi giáo giới.

Đức Phật Tỳ-bà-thi (Vipassì) bảy năm bố-tát một lần, nhưng lời dạy của Ngài trong hôm ấy áp dụng suốt bảy năm. Phật Thi-khí (Sikhì) và Phật Tỳ-xáphù (Vessabhù) sáu năm bố-tát một lần. Phật Câu-lưu-tôn (Kakusandha) và Câuna-hàm-mâu-ni (Konàgamana) bố-tát mỗi năm. Phật Ca-diếp (Kassapa) sáu tháng bố-tát một lần.

Đức Thế Tôn đã giảng dạy cho Tôn giả A-nan về thời gian bố-tát của bảy đời chư Phật xong, Ngài giải thích rằng lời giáo giới của chư Phật thường nói trong

ngày Bố-tát.

(183) Không làm mọi điều ác, Thành tựu các hạnh lành, Giữ tâm ý trong sạch, Chính lời chư Phật dạy.

(184) Chư Phật thường giảng dạy, Nhẫn, khổ hạnh tối thượng, Niết-bàn, quả tối thượng, Xuất gia không phá người, Sa-môn không hại người.

(185) Không phỉ báng, phá hoại, Hộ trì giới căn bản, Ăn uống có tiết độ, Sàng tọa chỗ nhàn tịnh, Chuyên chú tăng thượng tâm, Chính lời chư Phật dạy.

5. Phật Trị Bịnh Bất Mãn Cho Thầy Tỳ Kheo

Dầu mua bằng tiền vàng ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến một thầy Sa- môn bất mãn.

Chuyện kể rằng, một thầy Tỳ-kheo nọ gia nhập Tăng đoàn và làm đầy đủ bổn phận, bổn sư của thầy ấy dạy rằng:

- Hãy đi đến nơi đó... học luật nghi.

Thầy đi không bao lâu, cha thầy lâm bệnh. Ông ước ao được gặp con, nhưng không ai tìm ra thầy. Trước giờ lâm chung, ông lảm nhảm những lời thương

nhớ con, ông trao một trăm đồng cho con trai kế, và bảo:

- Hãy cầm tiền này, sắm y bát cho anh con.

Và ông chết.

Khi thầy Tỳ-kheo trở về nhà, người em trai gieo mình dưới chân thầy, lăn tròn trên đất, khóc và nói:

- Tôn giả ơi! Cha đã thiết tha gọi Tôn giả khi sắp chết và đưa cho con một trăm đồng, con phải làm gì?

Thầy Tỳ-kheo từ chối không lấy tiền.

- Ta không cần tiền.

Nhưng sau đó, thầy lại nghĩ: "Có thú vị

gì khi ta sống đời khất sĩ? Một trăm đồng này đủ cho ta sinh sống, ta sẽ hoàn tục".

Bị đè nén bởi lòng bất mãn, thầy lơ là với kinh kệ, thiền định, và trở nên đau khổ như người mắc bệnh vàng da. Các chú tiểu hỏi thầy:

- Thầy có chuyện gì vậy?

- Tôi đang bất mãn.

Các chú tiểu đi mách lại với quý thầy, và cuối cùng câu chuyện đến tai Phật. Phật gọi thầy lên hỏi:

- Có phải đúng là ông đang bất mãn?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Vì sao? Phải chăng ông có cách sống

nào khác?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Gia tài ông được bao nhiêu?

- Thưa, một trăm đồng.

- Tốt lắm, đi tìm vài miểng chén đến đây, ta sẽ làm một bài toán, và biết kết quả ông có đủ phương tiện để sống hay không?

Thầy Tỳ-kheo đem miểng chén đến, Phật bảo:

- Bây giờ, để ra năm mươi đồng cho thức ăn thức uống, hai mươi bốn đồng mua hạt giống, cày bừa, cuốc xẻng, và một con dao cạo râu.

Kết quả là một trăm đồng không đủ vào đâu cả. Phật bảo thầy Tỳ-kheo:

- Số tiền ông có rất ít ỏi. Vì sao ông mong ước được thỏa nguyện với một số tiền như thế? Ở thời quá khứ, những vị Chuyển luân vương chỉ cần vẫy tay một cái là mưa tuôn châu báu, mặt đất ngập mười hai dặm vàng bạc. Những người này sống vương giả trải qua ba mươi sáu đời làm Đế Thích, và mặc dầu làm chư thiên lâu như thế, khi chết vẫn không thỏa mãn ước nguyện.

Khi đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo thỉnh Phật nói chuyện quá khứ. Phật bèn kể lại chuyện tiền thân Mandhàtà (Jàtaka 285):

Tận cùng những nơi mặt trời mặt trăng chiếu sáng. Tất cả mọi

người sống trên trái đất đều là nô lệ của Mandhàtà.

Ngài đọc Pháp cú:

(186) Dầu mưa bằng tiền vàng, Các dục khó thỏa mãn. Dục đắng nhiều ngọt ít, Biết vậy là bậc trí.

(187) Đệ tử bậc Chánh giác, Không tìm cầu dục lạc, Dầu là dục chư thiên, Chỉ ưa thích ái diệt.

6. Sa Môn Và Long Vương.

Loài người sợ hoảng hốt....

Câu chuyện này xảy ra khi đức Thế Tôn ở lại Kỳ Viên, ngồi trên đống cát, liên hệ tới Aggidatta, thầy Tư tế của vua Ba-tưnặc.

Aggidatta (A-kỳ-đạt-đa) là thầy tư tế của vua Mahà Kosala. Khi nhà vua băng hà, con trai Ngài là Ba-tư-nặc lên nối ngôi, cũng kính trọng Aggidatta và cử giữ chức tư tế. Mỗi khi Aggidatta đến, nhà vua đều chào đón và mời ngồi ngang hàng. Sau một thời gian, Aggidatta nghĩ thầm: "Nhà vua rất kính trọng ta, nhưng không thể nào được vua sủng ái mãi mãi được. Sống trong hoàng cung rất thú vị cho những ai đồng trang lứa với nhà vua. Còn

ta đã già, tốt hơn là nên làm thầy tu". Aggidatta bèn xin nhà vua được xuất gia, đánh trống rao khắp thành phố, bố thí tài vật suốt một tuần, sau đó rời bỏ thế gian, trở thành thầy tu trong một phái ngoại đạo. Có mười ngàn người đi theo ông.

Aggidatta và môn đệ cư trú tại biên giới ba nước: Angas, Makiệt-đà, và Câu-lâu (Kurus). Ông dạy đệ tử:

- Chư huynh đệ, khi các người bị nhiễu loạn bởi các tư tưởng bất chánh như tham dục, xấu xa độc ác, hãy đến bờ sông múc đầy bình cát và đổ nơi đây.

Và như vậy khi các thầy bị những tư

tưởng bất thiện quấy rối, họ làm theo lời dạy. Sau thời gian, nơi đó thành đụn cát lớn. Long vương Ahicchatta đến ở đó. Dân cư các nước Angas, Ma-kiệt-đà và Kurus hằng tháng đem theo lễ vật trọng thể đến dâng cúng các thầy. Aggidatta dạy họ như sau:

- Nương tựa nơi núi rừng, hang động, cây cối, đó là những nơi nương tựa vững chắc. Nương tựa như vậy các ngươi sẽ thoát khổ đau.

Khi đó, đức Phật sau khi tu ở Khổ Hạnh lâm và đạt giác ngộ viên mãn, Ngài đến ở Kỳ Viên gần thành Xá-vệ. Quan sát căn cơ chúng sanh, Ngài nhận thấy Bàla-môn Aggidatta và môn đệ có cơ duyên chứng quả A-la-hán. Buổi chiều Ngài nói với Tôn giả Mục-kiền-liên:

- Này, Mục-kiền-liên, ông có thấy Bà-lamôn Aggidatta đã dạy mọi người một bài học khác với chân lý? Ông hãy đến khuyện dạy họ.

- Bạch Thế Tôn, các tu sĩ này đông quá, nếu con đi một mình, sợ họ không chịu nghe theo. Nếu Thế Tôn cũng đến đó, chắc họ sẽ vâng lời.

- Ta cũng sẽ đến đó, ông hãy đi trước.

Tôn giả Mục-kiền-liên đi và nghĩ thầm: "Các tu sĩ này đông và có thế lực. Nếu ta đến nói với họ lúc họ đang tụ họp, chắc họ sẽ xúm lại hại ta". Tôn giả bèn dùng thần thông tạo ra một trận mưa lớn, các tu sĩ tản mác khắp vòm cây trú ẩn. Tôn giả đến trước lều của Aggidatta và gọi lớn:

- Aggidatta!

Nghe tiếng gọi, Aggidatta nghĩ thầm: "Trên đời này không có ai kêu tên tộc ta như vậy". Với thái độ bướng bỉnh một cách ngạo mạn, ông hỏi:

- Ai đấy?

- Tôi đây, tôi là một Bà-la-môn.

- Anh muốn gì?

- Chỉ cho tôi một chỗ ẩn trú qua đêm nay.

- Đây không có chỗ cho anh ở lại, chỉ có một lều cỏ vừa vặn cho một tu sĩ.

- Aggidatta! Người có chỗ ở của người, súc vật có chỗ ở của súc vật, và tu sĩ có chỗ ở của tu sĩ. Đừng ngại, hãy cho tôi ở

nhờ.

- Anh là một tu sĩ?

- Phải, tôi là tu sĩ.

- Nếu là tu sĩ, bình Khàri của anh đâu? Vật dụng của anh đâu?

- Tôi cũng có vật dụng nhưng mạng theo mình bất tiện, nên toiâ tự tìm lấy trên đường đi của mình.

Aggidatta nổi giận:

- Vậy anh cứ tìm lấy trên đường của anh đi!

- Thôi, Aggidatta! Đừng nổi nóng, hãy chỉ cho tôi một nơi ở qua đêm.

- Đây không có chỗ ở.

- Thế ai ở trong đồi cát kia?

- Long vương đấy!

- Hãy cho tôi ở đồi cát đó.

- Tôi không thể để anh ở đó, điều ấy là một điều sĩ nhục lớn đối với Long vương.

- Không sao, hãy cho tôi ở đó.

- Được thôi, rồi anh sẽ thấy.

Tôn giả đi đến đồi cát. khi Long vương thấy Tôn giả đi đến gần, nghĩ thầm: "Ông thầy kia đi đến đây, chắc ông ấy không biết có ta. Ta sẽ phun khói giết ông ấy". Nghĩ thế Long vương phun khói mù mịt.

Tôn giả nghĩ: "Long vương này tự cho mình có thể phun khói, không ai khác phun khói được chắc". Và Tôn giả cũng phun khói. Hơi khói của hai bên bay lên đến trời Phạm thiên, khói không gây hề hấn gì đối với Tôn giả nhưng khiến cho ông Long vương khó chịu. Long vương không thể ở mãi trong hơi khói, bèn bốc thành lửa. Tôn giả bèn nhập Hỏa quang tam-muội, và lửa trong thân Ngài bốc lên đến Phạm thiên. Toàn thân Tôn giả như một cây đuốc cháy. Các tu sĩ chung quanh thấy thế, đều nghĩ rằng: "Long vương đang phun lửa đốt thầy tu kia. Ông ta chắc phải chết vì không nghe lời chúng ta". Khi Tôn giả chế phục Long vương xong, Ngài ngồi kiết già trên đồi cát. Long vương bày biện thức ăn ngon chung quanh đồi cát, và biến cái đầu rồng thành một mái che rộng lớn, che trên đầu Tôn giả.

Sáng sớm hôm sau, các tu sĩ đi đến đồi cát xem Tôn giả chết hay chưa, họ thấy Tôn giả ngồi trên cát, liền đảnh lễ tôn kính Ngài và nói:

- Tôn huynh, chắc Long vương đã quấy nhiễu ghê gớm đến tôn huynh.

- Các vị không thấy y đương che mát cho tôi đó ư?

Các tu sĩ nói:

- Sa-môn này đã chiến thắng Long vương hung dữ thật kỳ diệu làm sao!

Rồi họ đứng vây quanh Tôn giả.

Lúc ấy Thế Tôn đi đến. Tôn giả đứng lên đảnh lễ Ngài. Các tu sĩ hỏi:

- Vị này lớn hơn Ngài ư?

- Đây là đấng Đại Giác, đức Thế Tôn. Tôi chỉ là đệ tử Ngài.

Phật đến ngồi trên đỉnh đồi cát. Các tu sĩ bảo nhau:

- Nếu thần thông của đệ tử như thế, thì thần thông của vị này còn cao đến đâu?

Và họ cung kính chắp tay đảnh lễ Phật, xưng tụng Ngài. Phật bảo Aggidatta:

- Aggidatta ngươi dạy môn đệ và thi chủ thế nào?

- Con dạy họ vầy: "Nương tựa nơi núi rừng, hang động, cây cối. Đó là những nơi nương tựa vững chắc. Nương tựa như vậy các ngươi sẽ thoát khỏi khổ đau.

- Không đúng! Này Aggidatta! Ai nương tựa vào những nơi ấy không thoát khỏi đau khổ. Chỉ có người quy y Phật, Pháp, Tăng mới hoàn toàn thoát khỏi vòng khổ đau.

Ngài nói kệ:

(188) Loài người sợ hoảng hốt, Tìm nhiều chỗ quy y, Hoặc rừng rậm, núi non, Hoặc vườn cây, đền tháp.

(189) Quy y ấy không ổn, Không quy y tối thượng. Quy y các chỗ ấy, Không thoát mọi khổ đau.

(190) Ai quy y đức phật, Chánh pháp và chư Tăng, Ai dùng

chánh tri kiến, Thấy được bốn Thánh đế.

(191) Thấy khổ đau và khổ tập, Thấy sự khổ vượt qua, Thấy đường Thánh tám ngành, Đưa đến khổ não tận.

(192) Thật quy y an ổn, Thật quy y tối thượng, Có quy y như vậy, Mới thoát mọi khổ đau.

Bài pháp kết thúc, tất cả các tu sĩ đều chứng A-la-hán và có thần thông. Họ đảnh lễ Phật và xin vào Tăng đoàn, đức Thế Tôn đưa tay ra và bảo họ:

- Thiện lai, Tỳ-kheo! Hãy sống đời thánh thiện.

Ngay lúc đó các thầy trở thành Tỳ-kheo

như đã tu từ cả một trăm năm, và đầy đủ tám món cần thiết.

Bấy giờ, vào ngày tất cả dân cư ba nước Angas, Ma-kiệt-đà và Kurus theo thường lệ mang nhiều phẩm vật đến cúng. Khi họ thấy các thầy đều trở thành Tỳ-kheo, họ nhủ thầm: "Bà-lamôn Aggidatta của chúng ta lớn hay Samôn Cồ-đàm lớn?" Và nhận thấy đức Thế Tôn đã từ chỗ mình đến đây, họ kết luận: "Chỉ có Aggidatta lớn". Đức Phật biết ý họ, nói:

- Aggidatta, hãy dẹp tan mối nghi ngờ của các môn đệ ông.

Aggidatta đáp:

- Đó là điều con rất mong.

Và ông dùng thần thông bay lên hư không bảy lần, mỗi lần bay xuống đều đảnh lễ đức Phật và bạch:

- Bạch Thế Tôn, Ngài là thầy con, con là đệ tử Ngài.

Khi Aggidatta nói thế, ông mặc nhiên công nhận mình là đệ tử Phật.

7. Người Cao Quý Sinh Ở Đâu?

Khó gặp bậc thánh nhân ...

Câu chuyện này xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến câu hỏi của Tôn giả A-nan.

Một hôm, Tôn giả A-nan ngồi tại nơi cư

trú ban ngày, nghĩ thầm: "Thế Tôn đã dạy chúng ta về dòng dõi của những loài voi, ngựa và bò quý, Ngài nói con voi cao quý phát sinh từ giống Chaddanta hay giống Uposatha, ngựa cao quý phát sinh từ dòng dõi Valàhaka là dòng ngựa chúa, và báo cao quý xuất phát từ dòng giống Dekkan. Còn người cao quý phát xuất từ đây?".

Tôn giả đi đến chỗ Phật, đảnh lễ và thưa hỏi về vấn đề trên. Phật dạy:

- Này A-nan, người cao quý không thể sinh ra ở bất cứ nơi nào, mà phải sinh trong phạm vi đường kính ba trăm dặm, cùng chu vi chín trăm dặm của thủ đô một nước. Và không phải sinh ra ở bất cứ gia đình nào, mà phải là gia đình thuộc dòng Sát-đế-ly hay Bà-la-môn.

Ngài nói kệ:

(193) Khó gặp bậc thánh nhân, Không phải đâu cũng có, Chỗ nào bậc trí sanh, Gia đình tất an lạc.

8. Điều Gì Hạnh Phúc Nhất Trên Đời?

Vui thay Phật ra đời! ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến một số thầy Tỳ-kheo.

Một hôm năm trăm Tỳ-kheo ngồi ở pháp đường và bàn luận:

- Chư hiền, điều gì là hạnh phúc nhất

trên đời?

Người thì nói:

- Không có gì hạnh phúc bằng làm vua.

Người khác nói:

- Chỉ có tình yêu là hạnh phúc nhất.

Còn có người nói:

- Chỉ có ăn ngon là hạnh phúc nhất.

Đức Phật đi đến chỗ các thầy và nói:

- Các ông ngồi đây bàn tán về vấn đề gì?

Các Tỳ-kheo kể lại, Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo! Các ông nói thế nào? Tất cả các hạnh phúc các ông vừa kể đều

nằm trong vòng luân hồi đau khổ.

Ngược lại, gặp Phật ra đời, được nghe chánh pháp, sống thanh tịnh và hòa hợp trong Tăng đoàn, những điều ấy là hạnh phúc nhất.

Ngài nói kệ:

(194) Vui thay, Phật ra đời! Vui thay, Pháp được giảng! Vui thay, Tăng hòa hợp! Vui thay, hòa hợp tu!

9. Tôn Kính Những Bậc Đáng Tôn Kính

Cúng dường bậc đáng cúng ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật đang đi du hóa, liên hệ đến ngôi đền vàng của Phật Ca-diếp.

Một hôm, đức Phật đi từ Xá-vệ đến Bala-nại cùng với một số đông các Tỳ-kheo theo sau. Trên đường Ngài ghé qua một ngôi đền làng Todeyya. Đức Phật ngồi tháp và sai Tôn giả A-nan gọi người Bàla-môn đang cày bừa gần đấy. Khi người Bà-la-môn đến, ông không chào Phật mà chỉ đảnh lễ ngôi đền. Sau đó ông đến đứng trước Phật, Phật hỏi:

- Vì sao ông lưu tâm đến chỗ này?

Bà-la-môn trả lời:

- Ngôi đền này đã có từ nhiều thế hệ, vì thế tôi tôn kính nó.

Phật khen ông:

- Này Bà-la-môn, lành thay, ông tôn kính ngôi đền này rất đúng.

Khi các Tỳ-kheo nghe câu chuyện, các thầy bàn tán:

- Vì lý do gì Thế Tôn khen ngợi như thế?

Phật bèn dạy đoạn kinh Ghatìkàra trong Trung Bộ (Majjhima Nikàya) để giải quyết mối nghi cho các Tỳ-kheo. Ngài dùng thần thông hóa hiện một trái núi bằng vàng giữa không trung, nơi ấy hiển hiện ngôi tháp của đức Phật Ca-diếp cao một dặm. Ngài chỉ tay vào chúng đệ tử và nói:

- Bà-la-môn, càng đúng hơn khi tôn kính những ai đáng tôn kính, như những vị

này.

Và dùng lời trong một đoạn kinh Đại Niết-bàn, Ngài dạy có bốn hạng người: Phật, Bích Chi Phật, A-la-hán và Chuyển luân vương xứng đáng xây tháp. Có ba loại tháp: tháp thờ xá-lợi Phật, tháp thờ những di tích kỷ niệm, và tháp thờ những vật tùy thân.

Phật nói Pháp Cú:

(195) Cúng dường bậc đáng cúng, Chư Phật hoặc đệ tử, Các bậc vượt hý luận, Đoạn diệt mọi sầu bi.

(196) Cúng dường bậc như vậy, Tịch tịnh, không sợ hãi. Các công đức như vậy, Không ai ước lượng được.

Nghe xong, người Bà-la-môn chứng Sơ quả. Trong suốt bảy ngày ngôi tháp vàng cao một dặm hiện giữa không trung. Đây là một cơ hội lớn của dân chúng, họ cúng dường ngôi tháp bằng mọi phẩm vật. Và khi ngôi tháp trở về vị trí cũ, tại đó người ta dựng lại một ngôi tháp đá để kỷ niệm. Có tám mươi bốn ngàn người trong chúng hội được Pháp nhãn thanh tịnh.

XV. Phẩm Hạnh Phúc 1. Mối Tranh Chấp Giữa Hai Lân Bang

Vui thay, chúng ta sống ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn đang ngự gần thân tộc Thích-ca, liên

quan đến việc chấm dứt sự tranh chấp giữa các bộ tộc lân bang.

Dân cư trong thành Ca-tỳ-la-vệ và dân cư thành Câu-lợi (Koliya) có chung một con sông. Sông Rohinì bắt nguồn từ một đập nước giữa hai thành phố, và cung cấp nước cho hai cánh đồng của cả hai bên. Vào tháng Jetthamùla, lúa bắt đầu chín, nông dân hai bên họp lại, dân thành Câu-lợi nói:

- Nếu nước sông chia đôi cho hai bên sẽ không đủ, lúa chúng tôi cần nước để chín. Hãy nhường nước cho chúng tôi.

Phía Thích-ca trả lời:

- Sau khi các anh đã thâu hoạch đầy bồ, chúng tôi chỉ còn nước chết đói và xách túi đi xin ăn các anh. Lúa của chúng tôi

cũng cần nước để chín. Bây giờ hãy để chúng tôi lấy nước.

- Không, chúng tôi không để các anh lấy nước.

- Hừm! Chúng tôi không bao giờ nhường nước cho các anh.

Cuộc bàn cãi trở nên gay cấn, đến lúc bên này đấm bên kia một đấm, bên kia đấm trả lại và do đó có hận thù. Cuộc tranh cãi gay cấn hơn khi đôi bên bắt đầu nói xấu về cội nguồn của nhau.

Nông dân thành Câu-lợi nói:

- Hỡi dân thành Ca-tỳ-la-vệ, hãy cõng vợ bồng con đi nơi khác. Chúng ta không muốn sử dụng voi, ngựa, khí giới với lũ các người đê tiện như lang sói, cưới chị

làm vợ.

Dân chủng tộc Thích-ca gào lên:

- Đồ cùi, hãy mang vợ con đi khuất mắt. Các người tưởng rằng chúng ta thích đem khí giới, voi ngựa để đánh lại lũ ngươi, chỉ sống dưới cây táo như súc vật?

Đán nông dân hai bên trình bày câu chuyện lên quan Tổng Trấn của họ, và các quan Tổng Trấn tâu lên vua của họ. Dòng Thích-ca chuẩn bị khí giới và la lên:

- Chúng ta sẽ chứng tỏ sức mạnh của những kẻ kết hôn với chị em bà con.

Dòng Câu-lợi cũng sửa soạn chiến tranh và đáp trả:

- Chúng ta sẽ chứng tỏ thế nào là sức mạnh của kẻ sống dưới cây táo.

Khi đức Thế Tôn quan sát thế gian vào mỗi sáng sớm, Ngài thấy sự kiện trên và nghĩ thầm: "Nếu Ta không đến giảng hòa, họ sẽ giết hại lẫn nhau mất". Ngài bay lên hư không, ngay trên chỗ tụ họp của hoàng gia Thích-ca, và ngồi kiết già trên khoảng không của sông Rohinì . Hoàng tộc Thích-ca thấy Ngài, họ ném khí giới và đảnh lễ Phật. Thế Tôn hỏi:

- Đại vương! Gây hấn vì chuyện gì thế?

- Bạch Thế Tôn, con không biết.

- Vậy thì ai biết?

- Có lẽ thống tướng quân binh biết.

Ông thống tướng trả lời:

- Có lẽ phó vương biết.

Cứ thế, Phật hỏi tuần tự, đến đám nông dân, và họ trả lời:

- Bạch Thế Tôn, cuộc chiến tranh này là vì con sông.

Đức Phật hỏi nhà vua dòng Thích-ca:

- Đại vương! Giá trị của một chút nước ruộng là ra sao?

- Bạch Thế Tôn! Chẳng đáng gì.

- Giá trị của các chiến sĩ dòng Sát-lợi như thế nào?

- Dòng Sát-lợi vô giá, bạch Thế Tôn!

- Không có gì vô lý bằng chỉ vì chút nước mà các ông tiêu diệt dòng Sát-lợi như thế.

Họ im lặng. Đức Phật khuyên dạy:

- Chư đại vương! Vì sao chư đại vương hành động như thế? Nếu Ta không đến đây hôm nay, các ông sẽ cho máu chảy thành sông. Các ông hành động thật sai lầm. Các ông sống trong hận thù, nuôi dưỡng sân giận. Ta đã thoát khỏi sân hận. Các ông sống trong sự hèn yếu của dục vọng. Ta đã thoát khỏi dục vọng. Các ông say mê theo đuổi ngũ dục. Ta đã thoát ngoài ngũ dục.

Phật nói kệ:

(197) Vui thay, chúng ta sống, Không hận, giữa hận thù.

Giữa những người thù hận, Ta sống không hận thù.

(198) Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh giữa ốm đau,
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống không ốm đau.
(199) Vui thay chúng ta sống, Không rộn giữa rộn ràng. Giữa những người rộn ràng, Ta sống không rộn ràng.

2. Ma Vương Chế Ngự Thôn Dân

Vui thay, chúng ta sống...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở tại ngôi làng Bà-la-

môn Pancasala, liên hệ đến Ma vương.

Một hôm, đức Phật quan sát căn cơ dân làng Ba-la-môn nọ và nhận thấy có năm trăm cô gái trong làng có khả năng chứng quả Tu-đà-hoàn, Ngài bèn đi đến gần làng ấy. Bấy giờ vào ngày lễ, các thôn nữ đi đến gần bờ sông tắm, tắm xong các cô trang sức nhiều vòng tay vòng chân, đi về làng. Ngay lúc đó, đức Thế Tôn đi vào làng khất thực, Ma vương khống chế toàn bộ dân làng khiến không ai cúng dường Thế Tôn dù chỉ một muỗng nhỏ, Phật ra khỏi làng với cái bát rỗng. Ma vương đứng ở cổng làng hỏi:

- Sa-môn, ông không nhận được gì ư?

- Này hiện thân của xấu ác! Vì sao ông sắp đặt để Ta không khất thực được gì?

- Tốt lắm! Sa-môn hãy trở vào làng.

Khi nói như thế, Ma vương thầm nghĩ: "Nếu Cồ-đàm trở vào trong làng, ta sẽ dùng quyền lực khiến dân chúng vỗ tay, cười vào mặt ông ấy, và làm mọi trò chế giễu".

Khi đó các cô gái về đến cổng thấy đức Phật, họ dùng lại đảnh lễ và đứng qua một bên. Ma vương nói với đức Phật:

- Bạch Thế Tôn, Ngài không xin được chút thức ăn nào, chắc là đói bụng lắm.

- Này Ma vương, dù cho ngày hôm nay Ta bị quấy rầy, Ta vẫn an lạc như ở cõi trời Quang Âm.

Ngài nói kệ:

(200) Vui thay, chúng ta sống, Không gì, gọi của ta. Ta sẽ hưởng hỷ lạc, Như chư thiên Quang Âm.

3. Vua Ba-Tư-Nặc Bại Trận

Chiến thắng sinh thù oán...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến vua Ba-tư-nặc nước Kosala.

Chuyện kể rằng, vua Ba-tư-nặc đánh nhau với A-xà-thế, gần làng Kasika và ba lần bại trận. Trở về sau lần thất bại thứ ba, nhà vua nghĩ thầm: "Nếu không thắng được tên miệng còn hôi sữa ấy, ta sống làm gì?". Nhà vua bỏ ăn nằm dài

trên long sàng. Tin tức bay đi khắp thành và đến tinh xá.

Các Tỳ-kheo thuật lại chuyện cho đức Thế Tôn nghe:

- Bạch Thế Tôn, nhà vua sau ba lần chiến bại ở gần làng Kasika, đã trở về bỏ ăn, nằm dã dượi trên giường, nói: "Nếu ta không thắng được tên vua trẻ tuổi kia, ta sống làm gì?".

Sau khi nghe kể, Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, kẻ thắng bị oán ghét, người thua phải buồn rầu.

Ngài nói kệ:

(201) Chiến thắng sinh thù oán, Thất bại chịu khổ đau.

Sống tịch tịnh an lạc, Bỏ sau mọi thắng bại.

4. Đừng Nhìn Say Đắm Nữ Nhân

Lửa nào sánh lửa tham ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một cô gái dòng quý tộc.

Chuyện kể rằng, vào ngày hôn lễ của con gái, cha mẹ cô mời đức Thế Tôn đến nhà cúng dường. Đức Phật cùng chúng Tỳkheo đến nhà cô thọ trai, cô dâu lăng xăng tới lui để tiếp đãi chúng Tăng. Khi đó, chú rể đứng nhìn cô chăm chăm và lòng khởi lên tham dục. Chú không thấy đức Phật, cả đến tám mươi vị Trưởng

lão, chỉ nghĩ đến một điều duy nhất: "Ta muốn ôm choàng lấy nàng".

Đức Phật biết được ý nghĩ của chàng, và Ngài làm cho chú rể không thấy cô dâu nữa, mà quay sang chiêm ngưỡng Thế Tôn. Khi chàng trai đứng đấy, nhìn Phật chăm chăm, Ngài nói với chàng trai:

- Này con, không lửa nào bằng lửa tham dục, không ác nào bằng lòng sân hận, không khổ nào bằng khổ uẩn, không vui nào bằng vui Niết-bàn.

Ngài nói kệ:

(202) Lửa nào sánh lửa tham? Ác nào bằng sân hận? Khổ nào sánh khổ uẩn? Lạc nào bằng tịnh lạc?

Nghe xong, đôi vợ chồng trẻ chứng quả Tu-đà-hoàn. Vào lúc đó, Phật cho phép họ lại nhìn thấy nhau.

5. Phật Ban Thức Ăn Cho Người Đói

Đói ăn, bệnh tối thượng ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở tại Alavi, liên quan đến một nam cư sĩ.

Ngày nọ, đức Thế Tôn ngồi trong hương thất ở Kỳ Viên, Ngài quan sát căn cơ chúng sanh, và nhận thấy một nông dân nghèo ở Alavi có duyên đắc quả Tu-đàhoàn. Ngài bèn đi cùng với năm trăm Tỳkheo đến Alavi. Dân cư tại đây liền mời Phật thọ trai. Người nghèo nọ cũng nghe

tin Phật đã đến Alavi, và định đi nghe thuyết pháp. Nhưng hôm đó, con bò của ông đi lạc, ông suy tính: "Ta sẽ đi tìm bò hay đi nghe pháp?" Cuối cùng ông quyết định: "Ta sẽ đi tìm bò trước, rồi đi nghe pháp sau". Do đó, sáng sớm ông bương bả đi tìm bò.

Cư dân của Alavi sắp đặt cúng dường đức Phật và chư Tăng. Sau khi Phật thọ trai xong, họ dọn cất bình bát và đợi nghe Pháp. Thế Tôn nghĩ thầm: "Ta đi ba mươi dặm đường chỉ vì một chúng sanh có căn cơ chứng quả, kẻ ấy đang lang thang trong rừng tìm con bò. Khi nào người đó trở lại, Ta sẽ nói pháp". Và Ngài ngồi làm thinh.

Đến trưa, người nông dân kia tìm được con bò và đánh nó về chuồng. Ông nghĩ: "Dù chưa ăn uống gì, ít ra ta cũng đi

đảnh lễ Phật". Ngay khi đó, dù đang đói meo, ông ta cũng quyết định không về nhà mà vội vã đi đến chỗ Phật, cung kính đảnh lễ và ngồi một bên. Phật bèn hỏi người coi về thức ăn:

- Thức ăn của chư Tăng còn thừa chăng?

- Bạch Thế Tôn, vẫn còn.

- Tốt lắm! Hãy cho người nghèo này một phần ăn.

Và người ta dọn chỗ cho người kia theo sự chỉ dẫn của Phật, cung cấp đầy đủ các loại thức ăn cứng, mềm. Người nông dân ăn xong, súc miệng.

(Đây là trường hợp ngoại lệ duy nhất, trong ba tạng không hề ghi lại việc Thế Tôn để tâm đến việc phân phối thức ăn).

Sau khi anh nông dân đã no lòng, tâm tư anh trở nên an tĩnh. Đức Phật giảng dạy Tứ đế theo thứ tự Khổ-Tập-Diệt-Đạo. Cuối bài pháp, anh nông dân chứng quả Tu-đà-hoàn. Đức Thế Tôn hồi hướng công đức và trở về tinh xa, thính chúng theo sau Ngài một đoạn đường rồi ai về nhà nấy.

Các Tỳ-kheo tùy tùng đức Phật hôm ấy bất mãn tột độ, xì xào:

- Huynh đệ nghĩ xem, Thế Tôn đã làm như thế. Một chuyện không hề xảy ra từ xưa đến nay. Vậy mà trưa nay khi thấy một người nghèo đói, Ngài đã hỏi thức ăn và dạy đem cho anh ta.

Đức Phật dừng bước, quay lại hỏi:

- Các Tỳ-kheo, các ông bàn tán việc gì?

Sau khi nghe thuật lại, Ngài nói:

- Đúng thế! Này các Tỳ-kheo, Ta đến đây qua một đoạn đường dài ba mươi dặm đầy nhọc nhằn, chỉ với mục đích duy nhất, vì Ta thấy rõ người nông dân kia có khả năng chứng quả Tu-đà-hoàn. Từ sáng sớm, ông ta vào rừng tất tả tìm con bò, lòng không bụng đói. Ta nghĩ nếu Ta nói pháp cho người này nghe trong khi y khổ sở vì đói, y sẽ không hiểu gì cả. Vì thế Ta phải làm như thế. Này các Tỳkheo, không gì khổ sở cho bằng đói.

Ngài nói kệ:

(203) Đói ăn, bệnh tối thượng, Các hành ,khổ tối thượng, Hiểu như thực là vậy, Niếtbàn, lạc tối thượng.

6. Ăn Uống Tiết Độ

Không bệnh, lợi tối thượng ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ở Kỳ Viên, liên quan đến vua Ba-tư-nặc.

Có một lúc, vua Ba-tư-nặc có thói quen ăn uống vô độ, ăn nhiều cơm, canh, cà-ri. Ngày kia sau khi dùng điểm tâm, nhà vua không cưỡng nổi cơn ngầy ngật vì quá no, bèn đi đến chỗ đức Phật và loanh quanh bên Ngài với vẻ mặt đau khổ. Nhà vua chỉ muốn nằm ngủ, nhưng không dám, khi hiện diện bên Phật. Cuối cùng vua đến ngồi một bên Thế Tôn. Phật hỏi:

- Đại vương, đến đây mà chưa ngủ nghỉ ư?

- Bạch Thế Tôn, không phải như vậy, nhưng con luôn luôn khổ sở sau khi ăn xong.

- Này Đại vương! Ăn uống quá độ thường mang lại sự khổ nhọc.

Ngài nói kệ:

Người ưa ngủ, ăn lớn, Nằm lăn lóc qua lại, Chẳng khác heo no bụng, Kẻ ngu nhập thai mãi.

Sau khi nói kệ khuyên vua, Phật dạy tiếp:

- Đại vương, cần phải giữ tiết độ khi ăn uống, đó là điều tốt.

Ngài nói kệ tiếp:

Người lo chừng mực uống ăn,

Khổ đau giảm bớt, thêm tăng tuổi trời.

Nhà vua không tài nào nhớ hết câu kệ (Vì rất buồn ngủ). Nên đức Phật nói với hoàng tử Sudassana (Tu-đà-na), vừa là cháu ruột vừa theo hầu cận nhà vua:

- Hãy ghi nhớ câu kệ này.

- Bạch Thế Tôn, sau khi học thuộc câu kệ, con sẽ làm gì?

- Khi nhà vua dùng cơm, ngay khi xới chén cơm cuối cùng con hãy đọc bài kệ. Nhà vua sẽ hiểu ý và lập tức buông chén. Hôm sau, khi nấu cơm cho nhà vua, con hãy bớt đi số gạo tương đương chén cơm cuối cùng đó.

- Thưa vâng! Bạch Thế Tôn!

Và mỗi buổi sáng chiều khi vua Ba-tưnặc dùng cơm, hoàng tử làm như lời Phật dạy. Và mỗi khi nghe bài kệ trên, nhà vua bố thí cả ngàn đồng. Nhà vua tự hài lòng với lượng cơm giới hạn mỗi ngày. Sau một thời gian nhà vua trở nên thon ốm và rất vui tươi.

Một ngày khác, vua đến đảnh lễ Phật và bạch:

_ Bạch Thế Tôn, bây giờ con rất sung sướng, con có thể tham dự cuộc săn bắn gấu rừng, ngựa rừng. Con từng giận hờn đứa cháu, nhưng sau đó con đã gả công chúa Vajirà cho nó, con tặng công chúa ngôi làng này để nàng có hồ tắm. Mối giận hờn tan biến và con thấy hạnh phúc. Ngày hôm kia, một viên ngọc quý, tài sản của hoàng cung bị mất, nhưng rồi tìm lại được, vì thế con cảm thấy hạnh phúc.

Muốn kết tình thân với đệ tử Phật, con đã có được một công nương trong hoàng tộc của Ngài về sống với hoàng tộc con, và vì thế con cũng hạnh phúc.

Phật dạy:

- Sức khỏe là hạnh phúc lớn nhất mà mọi người mong muốn. Bằng lòng với những gì hiện có là giàu có nhất. Trung tín là điều tốt nhất khi giao hảo. Nhưng không có hạnh phúc nào có thể so sánh với Niết-bàn.

Ngài nói kệ:

(204) Không bệnh, lợi tối thượng, Biết đủ, tiền tối thượng. Thành tín đối với nhau, Là bà con tối thượng. Niết-bàn, lạc tối thượng.

7. Sống Chân Chánh Là Tôn Kính Phật

Đã nếm vị độc cư ...

Câu chuyện này kể lại khi đức Thế Tôn ở Vệ-xá-ly (Vesali) liên quan đến một thầy Tỳ-kheo.

Khi nghe đức Phật tuyên bố:

- Này các Tỳ-kheo, bốn tháng nữa ta sẽ vào Niết-bàn.

Bảy trăm thầy Tỳ-kheo tràn đầy lo sợ. Các A-la-hán chứng nghiệm giáo lý vô thường, còn những vị chưa đắc Sơ quả thì không ngăn nổi nước mắt. Các Tỳkheo, tụ tập thành từng nhóm nhỏ, và

bàn tán, hỏi han:

- Chúng ta sẽ làm gì?

Lúc bấy giờ, có một thầy Tỳ-kheo tên Tissa nghĩ thầm: "Nếu quả thật bốn tháng nữa Thế Tôn vào Niết-bàn, thì vì ta chưa thoát khỏi tham dục, ta phải đạt được quả A-la-hán trong khi Thế Tôn còn ở tại thế". Lập tức, thầy thúc liễm bốn oai nghi và sống riêng một mình không giao tiếp với các thầy khác và không nói với ai lời nào. Các Tỳ-kheo hỏi han:

- Này huynh Tissa, tại sao huynh làm như vậy?

Tuy nhiên, Tissa không lưu tâm đến lời lẽ ấy.

Các Tỳ-kheo lặp lại câu chuyện cho đức Phật nghe:

- Bạch Thế Tôn, Tissa không có lòng tôn kính Ngài.

Đức Phật gọi thầy Tissa đến và hỏi:

- Tissa! Tại sao ông làm như thế?

Khi Tissa thuật lại động cơ đã tác động thầy, đức Phật khen ngợi:

- Lành thay, Tissa!

Và Ngài bảo các Tỳ-kheo:

- Các Tỳ-kheo! Chỉ có người như Tissa mới thật sự tôn kính Ta. Dù cho mọi người tôn kính Ta với hương hoa, cũng không phải thật sự tôn kính.

Nhưng người nào thực hành chân lý tối thượng và giữ đúng luật nghi, người ấy mới thật sự tôn vinh Ta.

Ngài nói kệ:

(205) Đã nếm vị độc cư, Được hưởng vị nhàn tịnh, Không sợ hãi, không ác, Nếm được vị pháp hỷ.

8. Đế Thích Săn Sóc Thế Tôn

Lành thay thấy thánh nhân ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ở tại làng Beluva, liên quan đến trời Đế Thích.

Vào những ngày cuối đời, đức Phật bị bệnh kiết lỵ, nên rất đau đớn, trời Đếthích lo lắng nghĩ thầm: "Ta phải đi đến chỗ đức Phật và săn sóc Ngài trong cơn đau ốm". Lập tức, trời Đế-thích rời bỏ thân hình cao lớn đi đến chỗ Phật, đảnh lễ và dùng hai tay xoa bóp chân Phật, Phật hỏi:- Ai đấy?

- Bạch Thế Tôn, con Đế Thích.

- Vì sao ông đến đây?

- Con săn sóc Thế Tôn trong cơn đau.

- Này Đế Thích! Đối với chư thiên, mùi của phàm nhân hôi hám khó ngửi, dù cách xa một trăm dặm. Ông hãy rời khỏi nơi đây vì Ta đã có các Tỳ-kheo săn sóc.

- Bạch Thế Tôn, con nghe được hương

thơm đức hạnh của Ngài lan xa từ tám muôn bốn ngàn dặm. Con đến đây chỉ là muốn được săn sóc Ngài trong cơn đau.

Đế Thích không cho ai mó tay đến thùng phân của đức Phật, chính tự mình đội nó lên đầu, và không chút tỏ vẻ nhờm gớm, như thể vua trời đang đội một bình đầy hương thơm. Cứ như vậy Đế Thích săn sóc Thế Tôn, và chỉ rời khỏi chỗ khi Phật đã bớt đau.

Các thầy Tỳ-kheo bàn tán:

- Ôi! Thật lớn lao làm sao là lòng tôn kính của Đế Thích đối với Thế Tôn! Thử nghĩ Đế Thích đã rời cung trời lộng lẫy, để đến săn sóc Thế Tôn trong cơn đau như thế! Thử nghĩ, ông ấy đã đội thùng phân của Thế Tôn trên đầu như là đội bình hương, không tỏ vẻ nhờm gớm dù

chỉ một nét nhích môi!.

Nghe thế Phật dạy:

- Các ông nói gì? Không có gì lạ khi Đế Thích, vua chư thiên đã tận tâm chăm sóc Ta. Bởi vì nhờ Ta, trời Đế Thích này đã cởi bỏ lốt thân Đế Thích già nua, chứng được quả Tu-đà-hoàn và nhận một thân Đế Thích mới, trẻ trung. Ở thân trước, ông ấy đến viếng

Ta với sự sợ hãi vì mình sắp chết, được dự báo bởi nhạc thần Càn-thát-bà. Khi ấy Ta ngồi trong động Indasala giữa chư thiên, Ta trấn an ông ta bằng bài kệ:

Hãy hỏi, Vasava Muốn gì cứ nói ra Ta sẵn sàng giải đáp

Những gì ngươi hỏi ta.Sau đó, Ta thuyết pháp cho Đế Thích nghe. Cuối cùng, có

một trăm bốn mươi triệu thiên thần được Pháp nhãn. Đế Thích chứng quả Tu-đàhoàn ngay sau đó và đổi thân làm Đế Thích hiện nay. Vì Ta đã cứu độ ông ấy nên không có gì lạ khi ông ấy bày tỏ lòng tôn kính Ta. Này các Tỳ-kheo! Thật là hạnh phúc khi được sống gần gũi và chăm nom chư Phật, còn sống với người ngu chỉ đem lại đau khổ.

Phật nói kệ:

(206) Lành thay, thấy thánh nhân, Sống chung thường an lạc, Không thấy những người ngu, Thường thường được an lạc.

(207) Sống chung với người ngu, Lâu dài bị lo buồn, Khổ

thay gần người ngu, Như thường sống kẻ thù. Vui thay, gần người trí Như chung sống bà con.

Do vậy:

(208) Bậc hiền sĩ, trí tuệ, Bậc nghe nhiều, trì giới, Bậc tự chế, thánh nhân, Hãy gần gũi thân cận, Thiện nhân, trí giả ấy, Như trăng theo đường sao.

XVI. Phẩm Hỷ Ái 1. Cha Mẹ Và Con

Bỏ mình theo thế tục ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến ba đệ tử.

Tại Xá-vệ, một gia đình nọ chỉ có một người con trai. Công tử là niềm vui và tình thương đối với cha mẹ. Một ngày kia, có vài vị Tỳ-kheo được mời đến nhà thọ trai. Sau khi ăn xong chư Tỳ-kheo nói lời hồi hướng. Chàng thanh niên nghe những câu kệ tụng bỗng ao ước trở thành Sa-môn và lập tức xin cha mẹ xuất gia. Hai ông bà từ chối. Chàng trai nghĩ thầm: "Khi cha mẹ ta không để ý, ta sẽ trốn nhà đi tu".

Mỗi khi ông cha đi đâu, ông bảo vợ trông chừng con trai:

- Hãy giữ nó cẩn thận.

Và khi người mẹ đi vắng, bà giao ông trông chừng. Ngày nọ, sau khi người cha rời khỏi nhà, bà mẹ thầm nghĩ: "Ta sẽ trông nom con ta chu đáo". Bà ngồi chắn ngang cửa ra vào, hai chân chặn hai cánh cửa và bắt đầu dệt. Chàng trai nghĩ: "Ta sẽ lừa mẹ trốn đi", và chàng nói:

- Mẹ yêu dấu, nhấc chân lên một chút, con muốn đi ra ngoài.

Bà nhích chân và cậu đi ra. Cậu chạy như bay đến tinh xá và xin phép các Tỳkheo cho mình xuất gia. Các Tỳ-kheo nhận lời, cho cậu gia nhập Tăng chúng.

Người cha về đến nhà, hỏi vợ:

- Con đâu rồi?

- Nó vừa mới đây.

Ông cha tìm khắp nơi, nghĩ: "Con ta có thể đi đâu?" Và khi không thấy con trai đâu, ông kết luận: "Chắc nó đã đến tinh xá". Ông cha đi đến tinh xá, và thấy con trai đã khoác y vàng, ông khóc lóc than thở:

- Con ơi, sao con nhẫn tâm với cha vậy?

Nhưng sau đó, ông suy nghĩ: "Bây giờ con ta đã xuất gia, sao ta còn sống đời cư sĩ làm gì?" Ông bèn xin xuất gia làm Samôn.

Bà mẹ ở nhà bắt đầu sốt ruột: "Sao thằng con và ông già đi đâu lâu quá?". Tìm kiếm chán, thình lình bà chợt nhớ: "Chắc chắn họ đã đi vào tinh xá và tu rồi". Bà chạy đến tinh xá, thấy hai cha con trở

thành Sa-môn, bà suy tính: "Họ đã xuất gia, mình còn sống ở thế gian này làm gì?" Và bà đến tinh xá ni, xin xuất gia.

Nhưng dù cho cả ba đã từ bỏ thế gian và chấp nhận đời sống tu sĩ, họ cũng không thể lìa xa nhau. Ngay ở tăng xá hay bên nữ tu viện, cả ba đều ngồi chung với nhau và nói chuyện với nhau cả ngày. Chư Tỳ-kheo chê trách thái độ ấy và bạch lên đức Phật. Thế Tôn cho gọi cả ba và hỏi:

- Có phải các ngươi làm như thế, như thế?

Họ thưa vâng. Phật dạy:

- Vì sao các ngươi làm vậy? Đó không phải thái độ của người xuất gia.

- Nhưng, bạch Thế Tôn, chúng con không thể sống xa nhau được.

- Từ khi đã xuất gia, thái độ như thế là không thích hợp. Chia lìa người thân hay bắt buộc phải gặp hoài người không thân, cả hai đều gây đau khổ. Vì thế, ta không nên chấp nhặt là thân hay không thân, dù đối với người hay là vật.

Phật nói kệ:

(209) Bỏ mình theo thế tục, Người không tròn phận tu, Bỏ đích theo lòng dục, Ganh tị bậc chuyên tu

(210) Chớ gần gũi người yêu, Trọn đời xa kẻ ghét. Yêu không gặp là khổ, Oán phải gặp cũng

đau.

(211) Do vậy chớ yêu ai, Ái biệt ly là ác, Nhưng ai không yêu ghét, Không thể có buộc ràng.

2. Phật An Ủi Người Phiền Muộn

Do ái sinh sầu ưu ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một đệ tử cư sĩ.

Một tín đồ nọ mất đứa con trai, ông ta buồn đến nỗi mỗi ngày đều đi đến nơi hỏa táng than khóc khôn nguôi. Một buổi sáng sớm, đức Phật quan sát căn cơ chúng sanh, Ngài nhận thấy ông ta có

khả năng chứng Thánh quả. Sáng hôm ấy, sau khi khất thực, Ngài mang theo một vị Tỳ-kheo thị giả đi đến trước nhà ông ta. Nghe tin đức Phật đến nhà, ông ta nghĩ thầm: "Chắc hẳn Thế Tôn muốn chúc sức khỏe theo phép lịch sự như thường lệ". Ông ta mời Phật vào nhà, thỉnh ngồi, đảnh lễ Phật và kính cẩn lui ngồi một bên.

Phật hỏi liền:

- Thiện nam, vì sao ông buồn?

- Con trai mới mất nên con buồn.

- Này thiện nam, chớ ưu bi! Cái chết không dành riêng một nơi nào hoặc riêng cho ai, đó là quy luật chung cho tất cả chúng sanh trên thế gian. Không có ngũ uẩn nào thường tại. Vì thế không nên

buồn rầu quá đáng, mà hãy có một cái nhìn hợp lý về cái chết, như người ta thường nói: "Các pháp sanh diệt phải chịu sanh diệt, các vật biến hoại phải chịu biến hoại".

Cư sĩ hỏi:

- Bạch Thế Tôn, ai đã làm được như thế? Trong trường hợp nào? Xin Ngài dạy cho con!

Phật kể một chuyện quá khứ:

Như rắn lột bỏ da, Người đi về cõi khác Bỏ lại sau thân xác Thân thể đã chết rồi Đâu còn biết buồn vui Trong lúc ngọn lửa bốc Thiêu rụi thân mình đó Hắn đâu nghe tiếng khóc

Tiếng than của bà con Vì thế ta đâu còn Khổ buồn vì hắn chết Hắn đã đi, và đến Tới nơi hắn phải đi

Sau khi đức Phật kể lại đầy đủ chi tiết chuyện tiền thân Uraga (trong phẩm năm), Ngài nói tiếp: "Thời quá khứ, người trí không hành động như ngươi khi con trai chết. Ngươi đã bỏ hết mọi việc, không thèm ăn uống, mà phí thời giờ khóc than. Người trí thì không như vậy. Trái lại, họ chuyên chú quan sát cái chết, không theo cơn phiền muộn, ăn uống như thường, làm mọi công việc hàng ngày. Này, đừng buồn phiền vì ý nghĩ đứa con trai thân yêu của mình đã chết. Có ưu bi sợ hãi chỉ vì ta thương một kẻ nào đó.

Phật nói kệ:

(212) Do ái sinh sầu ưu, Do ái sinh sợ hãi, Ai thoát khỏi tham ái, Không sầu, đây sợ hãi.

3. Phật An Ủi Kẻ Ưu Sầu

Ái luyến sinh sầu ưu ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở Kỳ Viên, liên quan đến nữ thí chủ Tỳ-xá-khư.

Bà Tỳ-xá-khư thường nhờ cậy cô cháu gái tên Dattà, chăm sóc các Tỳ-kheo khi bà vắng nhà. Ít lâu sau Dattà chết. Bà Tỳ-xá-khư hỏa táng thi hài cháu gái xong, quá buồn khổ bà đi đến chỗ Phật đảnh lễ và lui ngồi một bên. Phật hỏi:

- Này Tỳ-xá-khư! Có việc gì ngươi ngồi đây đầy vẻ buồn khổ, rơi nước mắt khóc than?

Tỳ-xá-khư kể chuyện:

- Bạch Thế Tôn, đứa cháu gái thân yêu rất thật thà và trung tín của con vừa qua đời. Con sẽ không còn thấy lại nó.

- Này Tỳ-xá-khư, có bao nhiêu cư dân trong thành Xá-vệ này?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe Ngài nói khoảng bảy mươi triệu.

- Giả sử tất cả những người này đều là người thân yêu của ngươi như Dattà, ngươi có thích không?

- Thưa vâng, thích.

- Có bao nhiêu người ở Xá-vệ chết trong một ngày?

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

- Trong trường hợp đó, chắc chắn ngươi sẽ không đủ thời giờ than khóc, ngày đêm ngươi sẽ chẳng làm gì ngoài việc khóc lóc, kể lể.

- Thưa Thế Tôn, đúng vậy. Con đã hiểu.

- Tốt lắm, đừng ưu sầu. Ưu sầu hay sợ hãi chỉ khởi lên từ ái luyến.

Ngài nói kệ:

(213) Yêu thương, ngục buồn phiền, Ái luyến, xiềng sợ hãi. Người lòng như hư không Ngục xiềng nào khóa mãi?

4. Các Hoàng Tử Lệ-Xá Và Kỹ Nữ

Hỷ ái sinh sầu ưu ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ở tinh xá gần Vệ-xá-ly (Vesali), liên hệ đến các hoàng thân dòng Lệ-xá.

Vào một ngày hội, các hoàng tử Lệ-xá trang điểm đỏm dáng với đủ kiểu đồ trang sức, ra khỏi thành phố đến chỗ hội hè. Khi Phật đi vào thành khất thực, gặp họ trên đường, Ngài chỉ cho các Tỳ- kheo:

- Này các Tỳ-kheo! Hãy nhìn theo các hoàng tử Lệ-xá! Ai chưa từng thấy chư thiên cõi trời Ba mươi ba, hãy nhìn những hoàng tử này thì biết.

Trên đường đến chỗ lễ hội, các hoàng tử gặp một kỹ nữ, và mang cô theo. Trước người đẹp, họ ganh tài nhau, đi đến đánh nhau gây thương tích, máu chảy dường thành sông.

Dân chúng phải xúm khiêng các công tử về hoàng cung.

Đức Phật và chư Tăng thọ trai xong, trở về tinh xá, bắt gặp cảnh tượng đó. Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Hồi sáng sớm, các hoàng tử Lệ-xá rời thành lộng lẫy như chư thiên, vậy mà bây giờ chỉ vì một cô gái họ trở nên thảm hại thế đấy.

Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo! Ở đâu có tham dục, ở đó có buồn khổ, lo âu.

Ngài nói kệ:

(214) Hỷ ái sinh sầu ưu, Hỷ ái sinh sợ hãi, Ai giải thoát hỷ ái, Không sầu, đâu sợ hãi?

5. Cô Nương Tử Kim

Tham ái sinh sầu muộn ...

Câu chuyện được kể lại khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến Anitthigandha Kumàra.

Kumara từ cõi trời Phạm thiên tái sanh xuống Xá-vệ, trong một gia đình quyền quý. Từ lúc chào đời, chàng không thích gần phụ nữ, nếu có bà vú nào ẵm bồng

chàng khóc thét lên, muốn cho bú bà vú phải kê một cái gối trước ngực mình. Khi đến tuổi trưởng thành, song thân chàng bảo:

- Này con! Ba má muốn cưới vợ cho con.

Chàng trả lời:

- Con không cần vợ.

Sau đó cha mẹ hỏi nhiều lần chàng đều từ chối. Cuối cùng, chàng cho mời năm trăm người thợ kim hoàn đến, trao cho họ ngàn lượng vàng khối, bảo họ đúc một tượng thiếu nữ thật xinh đẹp.

Một lần nữa, khi song thân chàng bảo:

- Này con, nếu con không chịu kết hôn,

dòng dõi nhà ta sẽ tuyệt tự. Hãy để cha mẹ cưới vợ cho con.

Chàng chỉ pho tượng vàng:

- Thưa, nếu cha mẹ tìm được cho con một cô gái y như pho tượng này, con sẽ vâng lời.

Song thân chàng mời một vài người Bà- la-môn đến nói:

- Con trai chúng tôi đáng giá ngàn vàng, cần có một người tương xứng với nó. Hãy mang pho tượng này đi theo, và khi tìm được cô gái nào giống như thế thì đưa về.

Các Bà-la-môn nhận lời, họ khởi sự đi tìm, từ thành này đến thành kia, cho tới khi đến thành Sagala thuộc vương

quốc Madda. Trong thành này có một thiếu nữ độ tuổi trăng tròn rất xinh đẹp, cha mẹ nàng để nàng ở trên tầng lầu thứ bảy. Các thầy Bà-la-môn đặt pho tượng vàng bên đường đi đến hồ tắm, và ngồi tại đó nghĩ thầm: "Nếu có thiếu nữ đẹp như pho tượng này, dân cư ở đây trông thấy sẽ bảo nhau, pho tượng này đẹp như con gái nhà nọ nhà kia".

Bấy giờ, bà vú của cô gái đi đến hồ tắm, thấy pho tượng tưởng là cô chủ mình, bèn đi đến rầy rà:

- Cô hư lắm nhé! Tôi vừa tắm cho cô xong, ra khỏi nhà là cô đã đến đây trước tôi!

Vừa nói vừa đập nhẹ pho tượng, bà bỗng thấy mình chạm phải cái gì đó cứng ngắt, bà lẩm bẩm:

- Tôi tưởng đây là cô tiểu chủ, sao lại thế này?

Các Bà-la-môn thấy thế bèn hỏi:

- Này bà, cô chủ của bà có giống bức tượng này không?

- Cô chủ tôi hả? Tượng này không bằng một góc!

- Được rồi, hãy đưa chúng tôi đến gặp.Bà vú dẫn các Bà-la-môn về nhà, thuật lại câu chuyện cho cha mẹ cô. Họ tiếp đón các thầy nồng hậu và cho cô gái xuống đứng gần bức tượng. Cô xinh đẹp đến nỗi lu mờ cả pho tượng. Các Bà-la-môn trao pho tượng cho cha mẹ cô, được phép dẫn cô đi, đồng thời liền báo tin cho cha mẹ Kumara. Họ rất vui mừng, ra lệnh đón cô lập tức, kèm theo nhiều lễ vật.

Khi Kumara nghe tin có một thiếu nữ đẹp hơn cả tượng vàng, nỗi ước muốn dâng lên, chàng mong mau được gặp cô gái. Cô gái lên xe đi, nhưng cô quá đỗi mảnh mai, đoạn đường dằn xóc làm cô ngã bệnh và chết. Còn Kumara cứ hỏi chừng:

- Nàng đến chưa? Đến chưa?

Lòng khao khát chờ đợi của chàng biểu lộ quá mãnh liệt khiến họ không báo tin ngay, cứ nay hứa mai hẹn. Sau đó họ mới nói sự thật, chàng kêu lên:

- Trời ơi! Ta đã mất đi người vợ xinh đẹp!

Nỗi buồn rầu đè nặng lấy chàng như cả tảng núi đá.

Đức Phật thấy chàng có khả năng chứng quả, nên trên đường khất thực, Ngài dừng lại trước cửa nhà Kumara. Song thân chàng mời Phật vào nhà, cúng dường trọng hậu. Thọ trai xong, Phật hỏi:

- Còn Kumara đâu?

- Bạch Thế Tôn, nó chẳng chịu ăn uống, cứ ở lỳ trong phòng.

- Hãy gọi ra đây.

Kumara đi ra, đảnh lễ Phật và lui ngồi một bên.

Phật bảo:

- Trông con có vẻ thảm sầu quá!

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn, một người

vợ xinh đẹp chưa cưới của con đã chết trên xe hoa, tin ấy làm con buồn đến mức không thể ăn được gì.

- Nhưng con có biết nguyên nhân nỗi khổ ấy không?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Này, Kumara! Vì ái sinh sầu muộn, sầu muộn và sợ hãi phát sinh từ ái.

Ngài nói kệ:

(215) Dục ái sinh sầu ưu, Dục ái sinh sợ hãi, Ai thoát khỏi dục ái, Không sầu, đâu sợ hãi.

Nghe xong, Kumàra chứng quả Tu-đà- hoàn.

6. Đừng Để Tâm Vào Của Cải Thế Gian

Tham ái sinh sầu ưu ...

Câu chuyện này được đức Phật nói đến khi Ngài ở Kỳ Viên, liên quan tới một người Bà-la-môn.

Một người Bà-la-môn tà kiến ngày đi dọn cỏ ruộng bên bờ sông. Đức Phật nhận thấy ông ta có khả năng chứng quả, bèn đi đến chỗ ông làm ruộng. Bà-lamôn, mặc dù thấy Phật, không hề tỏ dấu cung kính, chỉ im lặng, Phật mở lời:

- Này Bà-la-môn! Ông đang làm gì thế?

- Tôi đang dọn đất, Cồ-đàm!

Phật không hỏi thêm, đi qua. Ngày hôm sau, ông đi cày. Phật cũng đến hỏi:

- Bà-la-môn, ông đang làm gì đấy?

- Tôi đang cày ruộng, Cồ-đàm!

Phật nghe xong, tiếp tục đi qua. Mỗi ngày, Ngài đều đến chỗ Bà-la-môn và hỏi như thế. Tùy mỗi lúc, Bà-la-môn trả lời:

- Tôi đang gieo mạ, tôi đang nhổ cỏ, tôi đang canh nước..

Phật cũng lại đi. Một ngày nọ, Bà-la-môn nói với Phật:

- Cồ-đàm, ông đã đến đây từ khi tôi mới dọn đất, khi nào lúa chín tôi sẽ chia cho ông. Tôi không muốn ăn một mình. Từ

đây ông là bạn của tôi.

Thời gian trôi qua, lúa chín. Bà-la-môn tự nhủ: "Lúa đã chín, ngày mai ta đi kêu thợ gặt". Và ông chuẩn bị gặt hái. Nhưng đêm đó một trận mưa bão khốc liệt nổi lên làm tan nát cả ruộng, cánh đồng trơ trụi như được gặt sạch. Tuy vậy, đức Phật đã dự biết trước vụ gặt không thành. Sáng sớm hôm sau, Bà-la-môn nhủ thầm: "Ta sẽ đi thăm

ruộng". Khi đến nơi thấy cánh đồng bị quét sạch, ông đau đớn nghĩ thầm: "Thầy Cồ-đàm đã đến thăm cánh đồng này từ khi ta mới dọn đất, ta có hứa sẽ chia lúa cho ông khi mùa gặt đến. Nhưng ước mong của ta không thành tựu". Ông buồn quá nên không ăn uống gì và nằm dài trên giường.

Bấy giờ, đức Phật dừng chân trước cửa nhà ông. Nghe tin, ông bảo:

- Hãy mời ông bạn của ta vào nhà và mời ngồi!

Phật ngồi xong, hỏi:

- Người Bà-la-môn ở đâu?

- Thưa đang nằm trong phòng.

- Hãy mời ông ra.

Ông Bà-la-môn ra ngồi một bên. Phật hỏi:

- Có chuyện gì thế?

- Thưa Cồ-đàm, ông đã đến thăm tôi từ ngày tôi mới dỡ miếng ruộng, và tôi có hứa chia lúa cho ông. Nhưng hy vọng của tôi không thành, nên tôi buồn khổ, không còn muốn ăn uống gì.

- Nhưng này! Ông có biết nguyên nhân nào khiến ông buồn khổ không?

- Thưa, không. Nhưng Ngài biết.

Phật xác nhận:

- Đúng thế! Này Bà-la-môn, khi nào có ước mong sẽ có sợ hãi và sầu khổ.

Ngài nói kệ:

(216) Tham ái sinh sầu ưu, Tham ái sinh sợ hãi, Ai thoát khỏi tham ái Không sầu, đây sợ hãi.

7. Ngài Ca Diếp Được Cúng Bánh

Đủ giới đức, chánh kiến ...

Câu chuyện được kể lại thời gian đức Phật ở tại Trúc Lâm, khi Ngài đang trên đường đi, liên quan đến năm mươi thanh niên.

Một hôm vào dịp lễ hội, đức Thế Tôn cùng với tám mươi vị Trưởng lão thượng thủ và năm trăm Tỳ-kheo tùy tùng vào thành Vương Xá khất thực. Trên đường, Ngài gặp năm trăm thanh niên vai mang túi bánh đi đến chỗ hội. Khi gặp Phật, họ chỉ khẽ chào và tiếp tục đi, không hề mời một vị Tỳ-kheo nào ăn bánh.

Họ đi rồi, Phật hỏi các Tỳ-kheo:

- Các ông có muốn ăn bánh không?

- Bạch Thế Tôn, bánh ấy ở đâu?

- Các ông có thấy các thanh niên vừa đi ngang, vai mang túi bánh chứ?

- Nhưng bạch Thế Tôn, họ chẳng cúng cho ai chiếc bánh nào?

- Này các Tỳ-kheo, mặc dù họ không mời Ta hay các ông ăn bánh, nhưng có một Tỳ-kheo đi phía sau sẽ được cúng số bánh ấy, các ông sẽ được ăn bánh trước khi đi.

Đức Thế Tôn không hề nghĩ xấu hoặc ghét ai nên Ngài nói như thế. Và Ngài ngồi dưới một cội cây cùng các Tỳ-kheo.

Khi các thanh niên thấy Tôn giả Ca-diếp đi sau, lập tức sanh lòng kính mến, nỗi vui sướng tràn ngập toàn thân khi họ vừa thấy Tôn giả. Họ để giỏ bánh xuống, đảnh lễ Tôn giả, xong dâng hết bánh cho

Ngài:

- Xin mời Ngài dùng bánh.

Tôn giả nói:

- Đức Thế Tôn và chư Tăng đang ngồi dưới gốc cây đằng kia. Hãy đem bánh đến cúng dường.

- Thưa vâng, bạch Tôn giả!

Họ đi đến Phật và chư Tăng dâng bánh. Đến lượt Tôn giả, họ dâng bánh rồi đứng chờ một bên, đợi Ngài dùng xong, đưa nước rửa tay.

Các Tỳ-kheo đều mích lòng, nói:

- Mấy thanh niên này thiên vị khi cúng dường, họ chẳng dâng cúng lên Thế Tôn

hoặc chư vị Trưởng lão thượng thủ, mà chỉ cúng cho Tôn giả Đại Ca-diếp.

- Này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo như Đại Ca-diếp rất được trời người kính mến, đối với vị như vậy họ rất hân hạnh được dâng cúng tứ sự.

Và Ngài nói kệ:

(217) Đủ giới đức, chánh kiến, Trú pháp, chứng chân lý, Tự làm công việc mình Được quần chúng ái kính.

8. Tôn Giả Chứng Quả A Na Hàm

Ước vọng pháp ly ngôn ...

Câu chuyện này xảy ra khi Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một vị Trưởng lão đắc quả A-na-hàm.

Một ngày kia, các đệ tử của vị Trưởng lão hỏi thầy mình như sau:

- Bạch thầy, thầy đã đạt Thánh quả chưa?

Vị Trưởng lão nghĩ: "Ngay cả hàng tục gia cư sĩ cũng có thể chứng Tam quả. Để đợi khi ta chứng Tứ quả rồi sẽ nói với chúng". Và vì ngượng, thầy không nói chi. Không bao

lâu, thầy viên tịch và tái sanh lên cõi trời Ngũ Na-hàm. Các đệ tử của thầy khóc lóc than thở, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy lui ngồi một bên, cũng còn than khóc. Phật hỏi:

- Vì sao các ông khóc?

- Thầy chúng con đã mất, bạch Thế Tôn!

- Không sao cả, các ông chớ buồn, đó là luật vô thường.

- Thưa vâng, chúng con biết điều ấy. Nhưng chúng con đã hỏi người chứng quả hay chưa, mà người mất, không trả lời chúng con. Vì thế chúng con buồn.

- Này các Tỳ-kheo, các ông chớ lo lắng, thầy các ông đã chứng Tam quả và nghĩ rằng: "Ngay cả hàng tục gia cư sĩ cũng có thể chứng Tam quả. Khi nào chứng Tứ quả, ta sẽ nói với chúng". Vì ngượng nên ông ấy không nói. Khi mất, ông ấy tái sinh vào cõi Ngũ Na-hàm thiên. Các ông hãy vui mừng, thầy các ông đã thoát ngũ dục.

Phật nói kệ:

(218) Ước vọng pháp ly ngôn (Niết-bàn) Ý cảm xúc thượng quả, Tâm thoát ly các dục, Xứng gọi bậc Thượng Lưu.

9. Nandiya Được Sanh Thiên

Khách lâu ngày ly hương ...

Câu chuyện này được kể lại khi Phật ở tại Lộc Uyển (Chư thiên đọa xứ) liên quan đến Nandiya.

Tại Ba-la-nại, có một thanh niên tên Nandiya, con của một gia đình Phật tử thuần thành. Nandiya có nhiều đức tính tốt nên song thân chàng để chàng làm thị giả trung tín của chư Tăng. Đến tuổi trưởng thành, song thân chàng muốn

chàng kết hôn với Revatì, bà con cô cậu ở nhà đối diện. Nhưng Revatì không tin Phật nên chẳng biết cúng dường, vì thế Nandiya không muốn kết hôn.

Mẹ Nandiya bảo Revatì:

- Này con, hãy quét dọn nhà, lau chùi sạch sẽ chỗ các Sa-môn sẽ ngồi, chuẩn bị chỗ ngồi, để đồ gác chân vào đúng chỗ cho các Ngài. Khi các Ngài đến, đỡ lấy bát, mời ngồi, dâng nước lọc sạch. Khi các Ngài thọ trai xong, hãy rửa bát. Nếu làm được như vậy con sẽ chiếm được tình cảm của nó.

Revatì làm y lời, và mẹ của Nandiya bảo chàng:

- Bây giờ Revatì đã thuần hậu.

Nandiya đồng ý, họ làm lễ thành hôn. Nandiya bảo vợ:

- Nếu em chăm sóc các vị Tỳ-kheo chu đáo, và chăm sóc cha mẹ cũng thế, em có đặc quyền ở trong nhà này, em nên lưu ý.

- Thưa vâng.

Revatì hứa làm theo lời chồng. Trong vài hôm, nàng học cách đối xử như một phật tử thuần thành. Nàng luôn vâng lời chồng, và sau đó sanh hai con trai. Khi cha mẹ chồng mất nàng trở thành nữ chủ và Nandiya được hưởng gia sản trở nên giàu có. Chàng cúng dường Tăng chúng thường xuyên, và cho để vật thực ở cửa,

đều đặn cung cấp cho người nghèo và khách lữ hành. Ít lâu sau, nghe Phật thuyết pháp, chàng bèn khởi công cất một tinh xá tứ giác có bốn phòng, tại đại tinh xá ở Lộc Uyển. Sau khi sắm đủ giường ghế, chàng dâng cúng cho chư Tăng, thiết lễ ngọ trai và xối nước cúng dâng vào tay mặt Thế Tôn. Khi dòng nước vừa xối vào tay đức Phật, trên tầng trời Ba mươi ba mọc lên một tòa lâu đài lộng lẫy rộng mười hai dặm, cao một trăm dặm, làm bằng thất bảo với vô số thiên nữ trong ấy.

Khi Tôn giả Đại Mục-liên du hành lên cõi trời, Ngài dừng lại trước cung điện này và hỏi:

- Ai là chủ nhân đầy phước đức của cung điện với vô số thiên nữ này?

Chư thiên thuật lại công đức chủ nhân:

- Thưa Tôn giả, ngài Nandiya, con trai của một gia chủ đã xây cất tinh xá cúng dường đức Phật, do công đức ấy, cung điện này hiện ra.

Các thiên nữ bạch với Tôn giả:

- Thưa Tôn giả, chúng tôi là nô lệ của Nandiya. Mặc dù được sinh ở đây, chúng tôi rất buồn vì không gặp chủ nhân. Xin Ngài nói với Nandiya lên đây, cởi bỏ thân người làm thân trời, giống như đập vỡ bình gốm để lấy bình vàng.

Tôn giả trở về bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, có đúng là người nào hiện tại tạo nhiều phước lành ở cõi người sẽ gặt nhiều vinh dự ở cõi trời.

- Này Mục-kiền-liên, chính mắt ông thấy những thành quả trên cõi trời Ba mươi ba mà Nandiya đạt được, sao ông lại hỏi Ta câu ấy?

- Như vậy là đúng sự thật, bạch Thế Tôn.

- Này Mục-kiền-liên, sao ông nói vậy? Nếu có người con hay anh em đi vắng lâu nay trở về, những người đứng ở cổng làng trông thấy vội vã về báo tin cho thân quyến. Họ sẽ vui mừng hân hoan, mau mau đi đón nói: "Con thân yêu, thế là con đã về". Cũng thế, khi thiện nam hay thiện nữ đã tạo nhiều công đức ở đây, rời bỏ cõi đời này sang cõi khác, chư thiên mang nhiều phẩm vật tranh nhau đi đón

và nói: "Hãy để tôi đến trước! Tôi đến trước".

Và Phật nói kệ:

(219) Khách lâu ngày ly hương, An toàn từ xa về, Bà con cùng thân hữu Hân hoan đón chào mừng.

(220) Cũng vậy các phước nghiệp, Đón chào người làm lành, Đời này đến đời kia, Như thân nhân đón chào.

Trong chú giải Vimàna-vatthu kể tiếp rằng sau khi Nandiya sanh thiên, Revatì thôi không cúng dường chúng Tăng, mắng chửi Tỳ-kheo và bị ném vào địa ngục lúc còn sống.

XVII. Phẩm Sân Hận 1. Sân Hận Tàn Phá Dung Nhan

Bỏ phẫn nộ, ly mạn ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ở tại rừng Banyan, liên quan đến Rohinì, thiếu nữ Sát-lợi.

1A. Cô Gái Bị Mụn Đỏ Trên Mặt

Một thuở nọ, Tôn giả A-nậu-lâu-đà trở về thành Ca-tỳ-la-vệ với năm trăm Tỳkheo tùy tùng. Hoàng tộc họ Thích nghe tin đều đến tinh xá đón chào, trừ cô em Rohinì. Tôn giả hỏi:

- Rohinì đâu?

- Thưa Tôn giả, còn ở nhà.

- Sao không đến?

- Thưa Tôn giả, công nương bị nổi mụn nhọt đầy người, nên xấu hổ khi đi ra ngoài.

- Hãy gọi Rohinì đến ngay.

Rohinì được gọi, che mặt dưới một lớp vải và đi đến. Khi nàng tới, Tôn giả hỏi:

- Sao cô không đến trước?

- Thưa Tôn giả con bị nổi mụn trên mặt, nên xấu hổ không dám đi đâu.

- Vậy sao không làm việc công đức?

- Thưa Tôn giả, con có thể làm gì?

- Hãy xây cất một giảng đường.

- Việc ấy tốn kém bao nhiêu?

- Cô có một bộ nữ trang nào không?

- Thưa, con có.

- Trị giá bao nhiêu?

- Khoảng mười ngàn.

- Tốt lắm, đem chi dùng trong việc xây cất.

- Ai sẽ xây cất cho con?

Tôn giả nhìn những hoàng thân đang đứng gần và nói:

- Đây là bổn phận các vị.

- Nhưng, bạch Tôn giả, còn Ngài sẽ làm gì?

- Tôi ở đây, các vị đem vật liệu xây cất đến cho Rohinì.

- Thưa, vâng.

Và họ mang vật liệu đến, Tôn giả đưa ra đồ án xây cất, bảo Rohinì:

- Hãy cho xây cất một tòa nhà hai tầng, và khi tầng trên đã xong xuôi, cô đứng ở tầng dưới dọn quét sạch sẽ, chuẩn bị thức ăn và rót nước đầy các bình.

- Thưa, vâng.

Rohinì vâng lời, nàng bán toàn bộ nữ trang để lấy tiền xây cất. Khi tầng trên vừa xong, nàng đích

thân dọn dẹp để đón chư Tỳ- kheo, ngay khi đó các mụt nhọt lặn hết.

Khi tòa nhà hoàn thành, nàng mời chư Tăng được đức Phật dẫn đầu đến ngồi đầy nhà. Nàng dâng cúng thức ăn chọn lọc cả cứng và mềm. Phật thọ trai xong, hỏi:

- Ai cúng dường hôm nay?

- Thưa, cô Rohinì, em của Ngài, bạch Thế Tôn.

- Hãy gọi đến đây.

Nàng không muốn đi ra, nhưng Phật vẫn cho gọi nữa. Khi Rohinì đến, đảnh lễ Phật và ngồi, Phật hỏi:

- Rohinì, sao cô không đến trước?

- Bạch Thế Tôn, con bị nổi mụn nhọt khắp người nên xấu hổ không dám đi.

- Cô có biết nguyên nhân nào khiến mụn nhọt lan đầy người không?

- Thưa không.

- Chính vì lòng sân hận gây nên.

- Tại sao vậy, con đã làm gì?

- Hãy nghe đây!

Phật kể chuyện:

1B. Bà Hoàng Ganh Tỵ Với Nữ Vũ Công

Thời quá khứ, có một hoàng hậu của

vương quốc Ba-la-nại sanh tâm đố kỵ với một vũ nữ của hoàng gia, bà thầm nghĩ: "Ta sẽ làm cho nó đau khổ". Bà liền tìm thật nhiều mày ghẻ đã khô, nghiền nát thành bột và cho gọi cô vũ nữ đến chỗ bà, bí mật sai người rắc bột ghẻ lên giường, ghế và khăn áo của cô. Rồi làm như đùa cợt, bà tung một ít bột lên mình cô. Lập tức cô gái nổi mụn nhọt khắp mình, nó lở loét trông rất ghê tởm, cô vừa đi vừa cấu khắp mình. Khi về nằm

trên giường, bột ghẻ lại dính chặt vào da, cô bị đau đớn đến tột cùng. Bà hoàng ấy là Rohinì ngày nay.

Phật kể xong chuyện quá khứ, Ngài dạy:

- Rohinì, đó là hạt giống xấu mà cô đã gieo. Giận hờn hay ganh ghét, tuy ít bao nhiêu cũng không phải là điều chánh đáng.

Ngài nói kệ:

(221) Bỏ phẫn nộ, ly mạn, Vượt qua mọi kiết sử, Không chấp trước danh sắc, Khổ không theo, vô sân.

Nghe xong, nhiều thính chúng chứng Sơ quả, Nhị quả, Tam quả. Rohinì cũng chứng Sơ quả. Ngay khi ấy toàn thân cô trở nên vàng óng.

1C. Thiên Nữ Xinh Đẹp

Rohinì sau khi mạng chung, tái sanh lên cõi trời Ba mươi ba ngay giao điểm các ranh giới của bốn thiên tử.

Cô gái đẹp đến nỗi sau khi nhìn thấy cô, cả bốn vị trời đều tranh nhau:

- Nàng thuộc về ranh giới của ta.

- Nàng tái sanh trong phạm vi của ta.

Họ kéo nhau đến chỗ Đế Thích nhờ phân xử:

- Thiên chủ! Chúng tôi tranh cãi nhau về thiên nữ này, xin quyết định dùm.

Vừa nhìn thấy Rohinì, Đế Thích cũng ước ao. Ngài hỏi:

- Khi các ông nhìn thấy nàng, cảm tưởng của các ông ra sao?

Vị thứ nhất nói:

- Tim tôi đập vang dội như trống chầu.

Vị thứ hai nói:

- Ý tưởng của tôi dồn dập như thác chảy.

Vị thứ ba nói:

- Vừa thấy nàng mắt tôi muốn nổ tung.

Vị thứ tư nói:

- Tim tôi hớn hở như lá cờ bay.

Đế Thích kết luận:

Các vị vui thích nhất thời, còn tôi nếu không có nàng tôi sẽ chết.

- Ồ thiên chủ! Ngài cần gì phải chết!

Họ trao nàng cho Đế Thích và lui về. Từ lúc ấy nàng rất được Đế Thích sủng ái, nàng muốn dạo chơi nơi nào Đế Thích liền chiều theo.

2. Thọ Thần Và Thầy Tỳ Kheo

Ai chặn được phẫn nộ ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở tinh xá Aggàlava liên quan tới một vị Tỳ-kheo.

Từ sau khi đức Phật cho phép các Tỳkheo được sống ngoài tinh xá, các vị Trưởng giả thành Vương Xá bận rộn cất thất cho các thầy. Một Tỳ-kheo ở Alavi muốn cất thất riêng cho mình, thầy thấy một thân cây thích hợp, bèn bắt đầu đốn xuống. Trên cây ấy, có một nữ thọ thần, bà ẵm đứa con nhỏ của mình, hiện ra trước thầy năn nỉ:

- Thưa thầy, xin đừng phá nhà con, con

sẽ phải lang thang không chỗ trú ẩn với đứa con dại.

- Ta không thể tìm ra cây nào khác giống như cây này.

Thầy không chú ý đến lời cầu xin của nữ thần. Bà nghĩ thầm: "Nếu thầy thấy con ta, chắc sẽ ngừng tay. Bà bèn đặt đứa bé lên nhánh cây. Tuy nhiên, thầy Tỳ-kheo đã vung rìu với đà quá mạnh, chặt mất cánh tay đứa bé. Nữ thần nổi giận vươn đôi tay định vặn chết thầy Tỳ-kheo, nhưng trong khoảnh khắc bà tự nghĩ: "Thầy Tỳ-kheo này là một bậc hiền thiện, nếu ta giết thầy, ta sẽ rơi xuống địa ngục. Hơn nữa, nếu các thần cây khác thấy các Sa-môn đốn cây của họ, sẽ bảo nhau: "Một thần cây đã giết Sa-môn trong trường hợp như thế..", họ sẽ theo gương ta giết các Sa-môn. Thầy Tỳ-kheo

này còn có thầy, ta sẽ thuật chuyện cho bổn sư của thầy".

Bà bỏ tay xuống, vừa đi vừa khóc đến chỗ đức Phật, đảnh lễ và đứng qua một bên. Phật hỏi:

- Có chuyện gì thế, thọ thần?

- Bạch Thế Tôn, đệ tử của Ngài làm như thế, như thế. Con đã định giết thầy ấy, nhưng kịp nghĩ lại và đến đây.

Bà thuật lại câu chuyện cho Phật nghe, Phật dạy:

- Lành thay! Lành thay! Ngươi đã cư xử rất tốt khi kìm hãm cơn giận như thắng chiếc xe lao nhanh.

Ngài nói kệ:

(222) Ai chặn được phẫn nộ, Như dừng xe đang lăn, Ta gọi người đánh xe, Kẻ khác, cầm cương hờ.

Nghe xong, nữ thần chứng Sơ quả, hội chúng cũng được lợi ích.

Nhưng sau đó, nữ thần vẫn đứng khóc. Phật hỏi:

- Có chuyện gì thế?

- Bạch Thế Tôn, nhà ở của con bị phá, con phải làm sao bây giờ?

- Thôi đừng sầu khổ, Ta sẽ cho một chỗ ở.

Ngài chỉ một cây ở gần hương thất của Ngài tại Kỳ Viên, và bảo nữ thần đến ở.

Vì cây ấy là quà tặng của Như Lai, nên dù vị thần nào có uy lực lớn lao cũng không thể lay chuyển được. Nhân chuyện này, Phật ra lệnh cho các Tỳkheo giữ giới "Không được chặt đốn cây cối".

3. Người Nghèo Và Cô Con Gái

Lấy không giận thắng giận ...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm sau khi thọ trai tại nhà Uttarà, liên quan đến nữ cư sĩ Uttarà.

3A. Punna Được Công Đức

Tại Vương Xá, có một người nghèo tên Punna sống bằng nghề làm thuê cho

Trưởng giả Sumana. Punna có một người vợ và một con gái tên là Uttara, đều là nô tỳ của Trưởng giả.

Ngày nọ, lệnh truyền khắp thành Vương Xá tổ chức lễ hội trong bảy hôm. Sáng hôm lễ, Trưởng giả Sumana thấy Punna đến, bèn hỏi:

- Các người làm thuê cho ta đều nghỉ lễ, còn ngươi nghỉ hay làm?

- Thưa chủ, nghỉ lễ chỉ dành cho người giàu. Phần tôi không đủ cơm ăn cho ngày mai, tôi nghỉ lễ làm gì. Tôi sẽ dắt bò đi cày.

- Tốt lắm, thôi đi cày đi!

Punna bắt một cặp bò mạnh khỏe và lấy cày, nói với vợ:

- Mình ạ, mọi người trong thành đều nghỉ lễ, nhưng nhà mình nghèo quá tôi vẫn phải đi làm, mình đem hai phần cơm hôm nay cho tôi nhé.

Và Punna ra đồng.

Hôm ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi nhập định bảy ngày, thầm nghĩ: "Hôm nay, ta sẽ ban phước đến cho ai?" Nhận thấy Punna có duyên với mình, Tôn giả tự hỏi: "Liệu ông ấy có đủ niềm tin và dâng cúng cho ta?" Quan sát tiếp thấy Punna tín thành, hỷ cúng và còn được hưởng số gia tài lớn, Tôn giả đắp y, mang bát đi đến cánh đồng Punna đang cày, dừng lại bên đường và nhìn chăm chú một bụi cây. Punna thấy Tôn giả, bỏ cày, đến đảnh lễ năm vóc sát đất, và tự nhủ: "Chắc Tôn giả cần tăm xỉa răng". Ông đem tăm đến cho Tôn giả. Tôn giả

trao đãy lược nước và bình bát cho Punna. "Chắc Tôn giả cần nước", Punna nghĩ thế cầm lấy đãy lược, lược nước đầy bát và đem trao Tôn giả. Tôn giả nghĩ: "Người này ở ngôi nhà sau cùng, nếu ta đi tới cửa vợ ông ta sẽ không thấy. Ta sẽ đợi đúng lúc bà ta mang cơm ra cho chồng".

Tôn giả đứng đợi giây lát, khi thấy bà vợ Punna bắt đầu ra đến đường, Ngài bước đến. Người vợ thấy Tôn giả, tự nghĩ: "Một lần ta có thức ăn thì không gặp, lần khác gặp Ngài thì ta lại không có gì để cúng. Hôm nay ta vừa gặp Ngài lại có thức ăn. Ngài có ban phước cho ta chăng?". Bà đặt giỏ thức ăn xuống, đảnh lễ Tôn giả năm vóc sát đất và bạch:

- Thưa Tôn giả, xin Ngài đừng nghĩ rằng thức ăn ngon hay dở, xin hãy ban phước

cho kẻ tôi tớ này.

Tôn giả đưa bình bát ra, bà sớt cơm vào bát, được phân nửa, Tôn giả bảo: "Đủ rồi!" Và Ngài lấy tay che miệng bát. Người vợ thưa:

- Bạch Tôn giả! Một phần ăn không thể chia làm hai. Xin Ngài ban phước cho con đời này và đời sau. Con muốn cúng dường Ngài tất cả.

Bà sớt cơm vào bát Tôn giả với lời ước nguyện:

- Xin cho con được dự vào pháp vị mà Ngài đã chứng.

- Con sẽ được như thế.

Tôn giả đọc câu kệ hồi hướng, và ngồi

xuống một nơi mát, sạch, thọ trai. Người vợ nông phu về nhà nấu cơm khác.

Punna đã cày hết nửa mẫu đất, đói bụng quá bỏ cày, ngồi xuống gốc cây trông chừng về phía đường. Khi người vợ mang cơm đến, thấy chồng ngồi trông, bà nghĩ: "Ông ấy bị đói dữ dội đang đợi ta kìa, ông sẽ trách ta đến trễ, lấy gậy đập ta, khiến cho việc ta vừa làm không có kết quả, chi bằng ta nói trước". Và bà kêu lên:

- Mình ạ, hãy kiên nhẫn một chút và đừng làm mất hết thành quả của việc tôi mới làm. Sáng sớm tôi đem cơm cho mình gặp Tôn giả Xá-lợi-phất và đã cúng dường hết, về nấu cơm khác nên hơi lâu.

Chắc mình hài lòng chứ?

- Bà nói gì?

Sau khi nghe xong chuyện lần thứ hai, Punna bảo vợ:

- Mình đã làm việc tốt khi dâng cơm cho Tôn giả. Tôi cũng đã đem tăm và nước súc miệng đến cho Tôn giả sáng nay.

Với nỗi vui mừng khi nghe vợ kể chuyện, hơi mệt vì đã nhịn ăn từ sáng sớm, Punna gối đầu lên chân vợ và ngủ. Bấy giờ, tất cả đất được cày lên từ sáng đều biến thành vàng, sáng lấp lánh như hoa Kanikàra. Punna thức giấc, nhìn thửa ruộng bảo vợ:

- Mình nhìn xem, dường như đất biến thành vàng! Hay là tôi bị chóa mắt vì đã

nhịn cơm trưa nay?

- Tôi cũng thấy như vậy.

Punna đứng dậy, bước xuống ruộng lượm một miếng đất lấy cán cày đập thử và thấy nó là vàng. Ông kêu:

- Ôi! Chúng ta cúng dường Tôn giả Xálợi-phất và phước báo đến ngay ngày hôm nay. Nhưng chúng ta không thể dấu hết chừng ấy vàng để xài riêng.

Thế là ông lấy cái giỏ của bà vợ chất đầy vàng đem đến cung vua, tâu:

- Tâu Đại vương, hôm nay đất tôi cày đều biến thành vàng. Số vàng ấy có phải nhập kho không?

- Ngươi tên gì?

- Punna.

- Hôm nay ngươi đã làm gì?

- Sáng sớm hôm nay tôi dâng Tôn giả Xá-lợi-phất nước và tăm xỉa răng, vợ tôi dâng phần cơm của tôi cho Ngài.

Nhà vua giải thích:

- Đó chính là quả phước do việc cúng dường. Ta phải làm gì đây?

- Xin hãy đưa vài ngàn chiếc xe đến để chở vàng về kho.

Khi người của nhà vua nhặt vàng, họ nói:

- Đây là tài sản của nhà vua.

Vàng trong tay họ liền biến thành đất. Họ trở lại tâu vua. Vua hỏi:

- Các ngươi nói gì khi nhặt vàng?

- Chúng tôi nói nó là tài sản của đại vương.

- Ta mà là ai? Hãy đi và nói rằng đây là tài sản của Punna, rồi nhặt vàng.

Họ làm theo lời vua dặn, lập tức đất trong tay họ biến thành vàng. Họ chở hết số vàng này về sân cung điện, và chất thành đống cao tám mươi cubit.

Nhà vua cho vời các thị dân đến và hỏi:

- Có ai trong thành có nhiều vàng như thế này chăng?

- Tâu đại vương, không.

- Ta nên tặng gì cho ông ấy?

- Xin cho một cây lọng báu.

- Hãy gọi ông ấy là Đại Phú Gia, Trưởng giả Bahudhana.

- Đại vương, tôi sống nhờ nhà người, xin cho tôi một nơi để ở.

Nhà vua chỉ khoảnh đất của nhà một Trưởng giả trước đây, nói:

- Nhìn đây, có khoảng cây rậm rạp và ông hãy dọn sạch, cất nhà ở đấy.

Punna cất nhà xong, tổ chức lễ khánh thành, cúng dường trai tăng suốt bảy hôm. Đức Phật

thuyết pháp cho ông, sau bài pháp cả Punna, vợ và cô con gái Uttarà đều chứng quả Dự lưu.

Thời gian sau, vị Trưởng giả thành Vương Xá muốn hỏi Uttarà cho con trai mình, Punna từ chối, Trưởng giả Vương Xá bảo:

- Đừng làm thế, chúng ta là hàng xóm, ông giàu có và địa vị cao. Hãy gả nó cho con trai tôi.

- Con ông theo ngoại đạo. Con gái tôi tin Tam Bảo. Tôi không gả được.

Nhiều nhà vọng tộc, phú hào, quyền chức đã khuyên Punna đừng làm mất tình thân của Trưởng giả kia. Cuối cùng, Punna nhận lời, vào ngày trăng

tròn tháng Asalhi, gả Uttarà.

3B. Uttarà Và Sirimà

Từ khi về nhà chồng Uttarà không có dịp gặp gỡ chư vị Tỳ-kheo Tăng Ni, hoặc cúng dường, hoặc nghe pháp. Hai tháng rưỡi trôi qua, nàng hỏi người hầu.

- Mùa an cư còn bao lâu?

- Thưa phu nhân, nửa tháng nữa.

Uttarà nhắn tin về cha nàng: "Tại sao lại nhốt con trong cái nhà như vậy? Thà là đánh con, chửi con hơn gả con cho một gia đình như thế. Từ ngày về đây, con không được gặp một vị Sa-môn nào, chẳng có dịp làm một công đức nhỏ".

Cha nàng được tin, buồn bã nói:

- Ôi! Con ta bất hạnh quá!

Ông gởi cho nàng mười lăm ngàn kèm theo lời nhắn tin: "Trong thành này có cô kỹ nữ tên là Sirimà, một đêm một ngàn. Với số tiền này, con đưa cô ấy về cho chồng con, để thay con. Và con sẽ có thời giờ làm việc phước".

Uttarà gọi Sirimà đến, cho tiền, đề nghị làm bạn với chồng mình. Chồng của Uttarà cũng say mê nhan sắc của Sirimà nên đồng ý, để Uttarà tự do đi cúng dường và nghe pháp.

Uttarà thỉnh chư Tăng và đức Phật:

- Bạch Thế Tôn, bắt đầu ngày nay xin thọ trai ở nhà con.

Được Phật nhận lời, nàng vui sướng nghĩ thầm: "Từ ngày mai trở đi cho đến ngày Tự Tứ, ta được dịp hầu hạ đức Phật và nghe pháp". Và nàng bảo nhà bếp chuẩn bị thức ăn cần thiết: "Hãy nấu món này, hãy làm bánh này".

Một hôm, vào ngày trước lễ Tự Tứ, chồng Uttarà đứng ở cửa sổ phòng mình nhìn vào nhà bếp, nghĩ thầm:

- Cô vợ khùng này đang làm gì kìa?

Khi thấy Uttarà đi tới đi lui, mình mẩy đẫm mồ hôi, dính đầy tro bụi mồ hóng.. y nói thầm: "A, ở một chỗ như nhà mình mà con nhỏ đó không thích xa hoa, tiện nghi, chỉ thích nấu nướng cúng kính các

thầy tu trọc đầu", y bật cười rồi bỏ đi. Sirimà đứng gần đó thấy vậy, tự hỏi: "Ông ấy thấy ai mà cười?". Nhìn qua cửa sổ thấy Uttarà, Sirimà ghen tức "Chỉ vì thấy bà ta thôi, giữa họ vẫn còn tình tứ lắm" (Dù Sirimà sống nửa tháng trong nhà ấy như một nàng hầu, chóa mắt vì sự xa hoa lộng lẫy, nàng quên mình chỉ là nàng hầu mà tưởng mình là nữ chủ).

Sirimà cảm thấy ghét Uttarà muốn làm cho nàng khổ sở đau đớn. Cô chạy xuống lầu, đi vào nhà bếp, đến bên chảo bánh, múc một muỗng bơ đang sôi tiến về phía Uttarà. Uttarà thấy cô đi tới nhưng vẫn nói:

- Cô bạn đã giúp tôi rất nhiều. Trái đất này có thể nhỏ hẹp, cõi trời Phạm có thể

chấp, nhưng lòng tốt của cô lớn lao hơn nhiều. Nhờ cô, tôi được rảnh để cúng dường và nghe pháp, nếu tôi nổi giận với cô tôi sẽ bị cháy bỏng. Nếu không, nó không làm hại tôi.

Nói như thế, và Uttarà hướng tâm thương yêu về phía đối thủ. Khi Sirimà tạt muỗng bơ đang sôi lên đầu nàng, nói giống như nước lạnh. Sirimà múc luôn muỗng thứ hai..

Các bà gia nhân của Uttarà thấy thế, la lên:

- Cút đi! Đồ ngu! Mày có quyền gì mà chế bơ vào đầu chủ tao.

Họ xúm lại đánh đập, đá thoi, xô Sirimà xuống đất. Uttarà cố gắng can ngăn mà không được. Nàng đứng chắn

trước Sirimà, đẩy gia nhân ra, hỏi han Sirimà:

- Sao cô hành động hung bạo thế?

Nàng đỡ Sirimà dậy, tắm rửa bằng nước nóng, lấy dầu loại quý thoa cho. Lúc ấy, Sirimà mới chợt nhớ mình chỉ là nàng hầu, tự nhủ: "Thật là một hành động thô bỉ khi ta đổ bơ nóng lên đầu nàng chỉ vì chồng nàng cười với nàng. Và nàng, thay vì ra lệnh cho gia nhân trói ké ta lại, nàng lại đuổi họ đi khi họ đánh đập ta, rồi hết sức chăm sóc ta. Nếu ta không xin lỗi nàng, đầu ta sẽ bể làm bảy mảnh". Sirimà quỳ dưới chân Uttarà nói:

- Phu nhân, hãy tha lỗi cho tôi.

Uttarà trả lời:

- Tôi là con của cha tôi, nếu cha tôi tha lỗi cho cô, tôi sẽ tha lỗi.

- Lành thay, phu nhân. Tôi sẽ xin lỗi cha nàng, Trưởng giả Punna.

- Punna là cha thế gian của tôi. Nếu người cha xuất thế gian của tôi tha lỗi cho cô, tôi sẽ tha lỗi.

- Nhưng ai là cha xuất thế gian của nàng?

- Là đức Phật, bậc Giác Ngộ Vô Thượng.

- Tôi không dám tin vào Phật sống.

- Tôi sẽ làm cho nàng tin. Ngày mai đức Phật sẽ đến đây với chư Tỳ-kheo, hãy chuẩn bị đồ cúng dường và đến đây xin sám hối.

- Thưa vâng, phu nhân.

Sirimà trở về nhà, bảo năm trăm tỳ nữ chuẩn bị sẵn sàng theo cô. Nàng sắm nhiều loại thức ăn ngon, hôm sau mang đến nhà Uttarà. Không dám đặt phẩm vật cúng dường vào bát của Phật và chư Tăng, nàng đứng đợi. Uttarà bèn nhận phẩm vật và tùy nghi dâng lên. Phật thọ trai xong, Sirimà và đoàn tỳ nữ quỳ dưới chân Phật, Ngài hỏi:

- Con đã gây tội gì?

- Bạch Ngài, hôm qua con đã làm như thế.. Nhưng người bạn này đã ngăn gia nhân không cho đánh con. Nàng rất tốt nên con xin nàng tha thứ, nàng nói nếu

Thế Tôn tha thứ, nàng sẽ tha thứ.

- Uttarà, đúng vậy không?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Uttarà thuật lại những gì lòng nàng nghĩ về Sirimà, lúc ấy, Phật khen ngợi:

- Lành thay! Lành thay! Uttarà! Đó là cách đúng nhất để dập tắt cơn giận. Từ bi có thể xóa sạch hận thù. Dùng không mắng chửi để thắng mắng chửi, dùng bố thí thắng xan tham, dùng thật ngữ thắng vọng ngữ.

Ngài nói kệ:

(223) Lấy không giận thắng giận, Lấy thiện thắng bất thiện,

Lấy thí thắng xan tham, Lấy chơn thắng hư ngụy.

4. Việc Thiện Nhỏ Đưa Đến Thiên Giới

Nói thật, không phẫn nộ ...

Câu chuyện này được kể lại khi Phật ở Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Đại Mục-liên.

Một hôm, Tôn giả Mục-liên đi dạo nơi cung trời, thấy một vị trời có thần lực rất lớn đang đứng trước cung điện của mình. Thiên thần ấy đến chào Tôn giả, Tôn giả hỏi:

- Này thiên thần, ông có uy lực lớn, ông đã làm gì mà được như thế?

- Ồ! Bạch Ngài, xin đừng hỏi tôi. (vị trời này chỉ làm một việc thiện nhỏ, nên xấu hổ không muốn nói).

Tôn giả cứ hỏi lại, yêu cầu nói cho nghe, cuối cùng thiên thần nói:

- Thưa Tôn giả, tôi không hề cúng dường, tôn kính hay nghe pháp. Tôi chỉ nói thật mà thôi.

Tôn giả đến cung điện khác, hỏi một vài thiên nữ khác. Họ cố giấu việc mình làm nhưng không qua được Tôn giả, một người nói:

- Thưa Tôn giả, tôi không bố thí hay làm việc về tôn giáo, nhưng vào thời Phật Ca-diếp tôi là đầy tớ của một ông chủ tàn bạo hà khắc. Ông ta chỉ có đánh đập. Nhưng khi tư tưởng sân hận nổi lên tôi tự

an ủi mình rằng: "Ông ấy là chủ mình, có thể bắt giam mình, hoặc xẻo mũi mình, hay xẻo bất cứ nơi nào. Đừng giận dữ". Như thế, tôi làm lắng dịu lòng mình, chỉ có thế, tôi được phước quả này.

Người khác nói:

- Thưa Tôn giả, khi tôi đang canh chừng ruộng mía, tôi có cúng một cây mía cho một Sa-môn.

- Tôi cúng một timbaràsaka.

- Một elàluka.

- Một phàrusaka.

- Tôi cúng một nắm củ cải.

Tất cả đều kết luận: "Bằng cách ấy chúng

tôi đạt được quả phước".

Tôn giả trở về bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, có phải người được sanh cõi trời chỉ vì đã nói thật, hay đã chế ngự cơn giận, hay bố thí một nắm đậu.v.v..?

- Vì sao ông hỏi ta điều ấy? Tất cả thiên thần đã chẳng kể rõ cho ông sao?

- Thưa vâng, con tin rằng chỉ vài điều thiện nhỏ như thế cũng đủ sanh thiên.

Phật dạy:

- Này Mục-liên, chỉ với lời nói thật, chỉ với việc chế ngự cơn giận, hay tặng một quà nhỏ, người được sanh thiên.

Ngài nói kệ:

(224) Nói thật, không phẫn nộ, Của ít, thí người xin, Nhờ ba việc lành này, Người đến gần thiên giới.

5. Bà La Môn Đón Phật Như Con

Bậc hiền không hại ai ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ở Anjanavana gần Sàketa, liên quan đến câu hỏi của chư Tỳ-kheo.

Một hôm, đức Phật cùng chư Tăng đi vào Sàketa khất thực, một người Bà-lamôn ở trong thành nhìn thấy đấng Thập Lực đang đi vào cổng thành, ông ta quỳ xuống ôm chân Phật kêu lên:

- Con thân yêu! Bổn phận con cái là chăm sóc cha mẹ lúc tuổi già, sao lâu quá chúng ta không gặp con? Đây là lần đầu cha mới gặp, hãy về thăm mẹ con đi.

Phật đi theo, ông lão đưa Phật về nhà, ngồi vào chỗ soạn sẵn, với chư Tăng. Vợ người Bà-la-môn đến gặp Phật, gieo người dưới chân Ngài nói:

- Con ơi! Bấy lâu nay con ở đâu? Không ai chăm sóc cha mẹ khi tuổi già.

Bà kêu con trai, con gái ra chào Phật và nói:

- Hãy đi chào anh con.

Vui mừng hân hoan, người Bà-la-môn và vợ cúng dường thức ăn cho Phật và Tăng chúng, thỉnh cầu;

- Bạch Thế Tôn, hãy thọ trai ở đây suốt đời.

Phật trả lời:

- Chư Phật không bao giờ thọ trai ở một nơi cố định.

- Như thế, xin Ngài cho chúng con biết được người nào mời thọ trai.

Từ đó, đức Phật bảo người đến thỉnh Ngài thọ trai rằng: "Hãy bảo cho Bà-la- môn đó". Và họ đến nói với ông:

- Ngày mai chúng tôi thỉnh Phật thọ trai.

Người Bà-la-môn sẽ đem cơm canh từ nhà mình đến chỗ nào có đức Phật. Khi không ai mời, Phật dùng bữa tại nhà ông. Cả hai vợ chồng thường xuyên cúng

dường Phật và nghe pháp, qua thời gian đều chứng Tam quả.

Các Tỳ-kheo bàn tán ở Pháp đường:

- Chư hiền, người Bà-la-môn biết chắc chắn rằng phụ thân đức Như Lai là vua Tịnh Phạn, và mẹ Ngài là hoàng hậu Mada. Dù vậy, cả hai ông bà đều gọi Như Lai là "Con chúng ta" và Phật chấp nhận lối xưng hô ấy. Chuyện này là thế nào?

Đức Phật nghe việc này, Ngài dạy:

- Này các Tỳ-kheo, hai vợ chồng Bà-la- môn đều có ý xem Ta như con khi họ gọi Ta là con.

Ngài nói về quá khứ:

- Thời quá khứ, Bà-la-môn ấy là cha của

Ta trong năm trăm kiếp, là chú của Ta trong năm trăm kiếp, là ông nội của Ta năm trăm kiếp, bà vợ là mẹ của Ta năm trăm kiếp, là dì của Ta năm trăm kiếp, bà ngoại của Ta năm trăm kiếp. Ta được nuôi dưỡng suốt một ngàn năm trăm kiếp bên người chồng

và một ngàn năm trăm kiếp bên người vợ.

Để giải thích việc ba ngàn đời là con cháu của họ, Phật nói kệ:

Khi ý tưởng hân hoan, Và trái tim tin tưởng, Ta có thể tin vào, Người mới gặp lần đầu. Qua liên hệ quá, hiện, Lòng yêu thương khởi lên, Như sen nhô trên nước.

Ba tháng ở tại Sàketa, đức Phật thường

lui tới nhà Bà-la-môn ấy để thọ trai, sau ba tháng, họ chứng quả A-la-hán và nhập Niết-bàn. Mọi người tỏ vẻ kính trọng thi hài họ, đặt lên giàn cây khiêng đi. Nghe tin rằng họ đã là mẹ và cha của đức Thế Tôn, dân chúng đi theo đám tang rất đông. Đức Phật đến một giảng đường gần nơi hỏa táng, chờ ở đấy. Mọi người đến đảnh lễ Phật thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, xin đừng buồn vì song thân qua đời.

Họ tìm cách an ủi Ngài. Thay vì quở họ đừng nói thế, đức Thế Tôn quan sát tâm tư mọi người và nói bài pháp tương ứng với trường hợp đặc biệt này, đọc kinh Jarà như sau:

Đời sống thật ngắn ngủi. Một trăm năm chưa qua, Người ta

đã phải chết. Dù ai có sống lâu, Rồi cũng sẽ chết già.

Các Tỳ-kheo, không biết rằng người Bà- la-môn và vợ đã nhập Niết-bàn, hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, họ sẽ tái sanh nơi đâu?

- Này các Tỳ-kheo, trường hợp của các A-la-hán thánh nhân như họ không có kiếp sau. Họ đã đạt đến Đại Niết-bàn, cõi bất tử, vĩnh hằng.

Ngài nói Pháp Cú:

(225) Bậc hiền không hại ai, Thân thường được chế ngự, Đạt được cảnh bất tử, Đến đây, không ưu sầu.

6. Có Phải Người Tặng Quà Làm Nên Quà Tặng?

Những người thường giác tỉnh ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở tại núi Linh Thứu, liên quan đến Punna, đầy tớ gái của Trưởng giả thành Vương Xá.

Có một ngày, Punna phải giã gạo rất nhiều từ sáng sớm đến tối mịt, đốt đèn lên làm cũng không hết việc. Cuối cùng mệt quá, cô bước ra ngoài nghỉ một lát, thân thể ướt đẫm mồ hôi. Bấy giờ thần Dabba the Malla có nhiệm vụ đưa chư Tỳ-kheo về chỗ nghỉ. Sau khi nghe pháp, ông dùng thần thông làm ngón tay sáng lên như một ngọn đèn và đi trước dẫn đường, các Tỳ-kheo theo sau.

Ánh sáng khiến Punna chú ý đến các Samôn đang đi trên đường núi. Cô nghĩ thầm: "Mình làm thân ở đợ nên giờ này còn chưa được ngủ. Còn các Tỳ-kheo tôn kính kia sao không ngủ được?" Và cô đi đến kết luận: "Chắc có thầy nào đau ốm hay bị rắn cắn gì đây?".

Sáng sớm hôm sau, Punna lấy một ít cám, nhồi với nước lạnh, nắn bánh và đem nướng. Sau khi nướng xong, cô đem bánh, nước uống, đi ra bờ sông tắm, dự định sẽ ăn bánh trên đường đi. Lúc ấy, đức Phật cũng đi trên đường ấy, vào làng để khất thực. Punna thấy Ngài, thầm nghĩ: "Có mấy hôm gặp Phật, ta không có gì để cúng dường, hoặc có thức ăn lại không gặp Phật. Hôm nay gặp Phật lại là lúc mình có sẵn bánh đây. Nếu Ngài không để ý bánh ngon hay dở, mình sẽ cúng dường Ngài". Và cô đặt bình nước

xuống bên đường, chào đức Phật và thưa:

- Bạch Thế Tôn, xin nhận phẩm vật đơn sơ này và ban phước cho con.

Phật nhìn sang A-nan, Tôn giả cầm bát vốn là quà tặng của một đại vương, trao cho Phật. Phật đưa bát và nhận bánh cám nướng. Punna đảnh lễ Phật, năm vóc sát đất và bạch:

- Bạch Thế Tôn, xin cho chân lý Ngài chứng ngộ, con cũng được dự phần.

- Con sẽ được như vậy.

Và đứng ngay tại chỗ, Thế Tôn nói lời chúc phúc. Nhưng Punna vẫn nghĩ: "Mặc dù Thế Tôn ban phước cho ta khi Ngài nhận bánh nhưng chắc Ngài không

ăn. Chắc Ngài cầm nó đi một quãng đường rồi ném cho quạ, cho chó. Rồi Ngài đến nhà một ông hoàng hay vị đế vương nào đó, nhận thức ăn thượng vị".

Đức Phật biết Punna nghĩ như thế nên Ngài nhìn A-nan, tỏ dấu muốn ngồi. Tôn giả trải tọa cụ, đức Phật ngồi xuống ngoài cổng thành và ăn bánh nướng. Chư thiên các tầng trời bèn đổ mật ong (thức ăn thích hợp cho cả trời lẫn người trên khắp các cõi nước) vào chiếc bánh khô cứng của Punna. Punnà đứng nhìn Ngài thọ thực. Khi Thế Tôn ăn xong, A-nan dâng nước. Vào cuối bữa ăn sáng này, Thế Tôn quở Punnà:

- Này Punna, tại sao người phỉ báng đồ đệ Ta?

- Bạch Thế Tôn, con đâu có.

- Vậy ngươi nói gì khi thấy họ?

- Bạch Thế Tôn, con nghĩ đơn giản rằng: "Con bị bắt buộc làm việc nên không đi ngủ được, còn các Sa-môn tôn kính kia vì sao không ngủ? Có thể một vài vị bị bệnh hoặc rắn cắn chi đây?"

Thế Tôn nghe xong, dạy Punnà:

- Này Punnà, trường hợp ngươi khổ sở vì không được ngủ. Nhưng các đệ tử của Ta luôn luôn tỉnh giấc nên không ngủ.

Ngài nói kệ:

(226) Những người thường giác tỉnh, Ngày đêm siêng tu học, Chuyên tâm hướng Niết-bàn, Mọi lậu hoặc được tiêu.

Nghe xong, Punnà liền chứng Sơ quả, hội chúng cũng được lợi ích.

Thế Tôn về đến tinh xá, các Tỳ-kheo bàn tán về việc ban sáng như sau:

- Chư hiền, chắc đấng Thế Tôn đã ăn sáng khó nuốt lắm với chiếc bánh của Punnà làm bằng bột cám và nước bằng than.

Thế Tôn đến gần, hỏi các thầy:

- Các Tỳ-kheo, các ông tụ họp ở đây nói chuyện gì thế?

Khi nghe kể lại, Ngài nói:

- Này Tỳ-kheo, đây không phải là lần đầu Ta ăn như thế, sự việc này cũng đã xảy ra vào thời quá khứ.

Ngài nói kệ:

- Cỏ thừa ngươi thường ăn, Váng cháo tấm ngươi uống Ấy thức ăn ngày trước Sao giờ ngươi chẳng ăn?

- Chưa rành giòng dõi xuất thân, Thưa Ngài váng cháo tấm ăn no lòng. Còn con, ngựa giống ngựa nòi Ngài, con đều biết, cháo kia đâu thèm.

(Trích đoạn của truyện tiền thân)

Và Ngài kể lại chuyện tiền thân Kundakasimdhavapotaka.

7. Không Có Gì Quá Nhiều, Quá Ít.

A-tu-la nên biết ...

Câu chuyện này xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến nam cư sĩ Atula.

Atula (Tu-lại) là một thiện tín sống ở Xá-vệ, và có một nhóm bạn năm trăm Phật tử. Một ngày nọ ông dắt cả năm trăm người đi đến tinh xá nghe pháp. Đầu tiên họ đến bên Tôn giả Ly-bàđa (Revata), cung kính đảnh lễ và ngồi một bên. Tôn giả là người ưa độc cư, yêu thích cô độc như một con sư tử yêu thích cô đơn, nên Ngài không nói gì với họ.

Tu-lại nghĩ thầm: "Tôn giả chẳng nói năng chi". Cả nhóm đứng dậy đi đến chỗ

Tôn giả Xá-lợi-phất, và cung kính đứng bên. Tôn giả hỏi:

- Các ông đến gặp ta có chuyện gì?

Tu-lại thưa:

- Bạch Tôn giả, con đưa các bạn đi nghe pháp và đã gặp ngài Ly-bà-đa. Nhưng Ngài chẳng nói gì, nên con bất mãn và đến đây. Xin Tôn giả thuyết pháp cho chúng con.

- Tốt lắm. Các ông hãy ngồi xuống.

Và Tôn giả Xá-lợi-phất giảng giải về A- tỳ-đàm tràng giang đại hải.

Tu-lại nghĩ thầm: "A-tỳ-đàm rất khó hiểu, Tôn giả chỉ giảng giải pháp ấy cho ta quá dài, điều ấy đâu có ích lợi gì?" Và

ông bực bội dẫn chúng bạn đi đến chỗ Tôn giả A-nan. Tôn giả hỏi:- Có việc gì thế cư sĩ?

Tu-lại thưa:

- Thưa Tôn giả, chúng con đến chỗ Ngài Ly-bà-đa mong được nghe pháp. Tôn giả chẳng nói lời nào. Chúng con đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, và Ngài dạy quá nhiều về A-tỳ-đàm với tất cả chi tiết. Chúng con chẳng hiểu gì cả và buồn bực Tôn giả ấy, nên đến đây. Xin Tôn giả thuyết pháp cho chúng con.

- Tốt lắm, hãy ngồi xuống và lắng nghe.

Tôn giả nói pháp cho họ, ngắn gọn và dễ hiểu. Nhưng họ cũng bực tức, bỏ đi và đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ rồi lui ngồi một bên. Phật hỏi:

- Vì sao các ông đến đây?

- Bạch Thế Tôn, chúng con nghe pháp.

- Nhưng các ông đã nghe rồi.

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Ly-bà-đa chẳng nói lời nào, Tôn giả Xá-lợi-phất giảng dạy quá nhiều, Tôn giả A-nan lại nói ngắn quá, chúng con không vui nên đến đây.

Phật nghe xong và quở:

- Này Tu-lại, từ xưa đến nay, người ta luôn chê bai. Người không nói, người nói nhiều, người nói ít đều bị chê, không ai hoàn toàn được khen, cũng không ai hoàn toàn bị chê. Ngay cả các bậc Đế vương cũng được người khen kẻ chê. Ngay cả đại địa, mặt trời, mặt trăng,

ngay cả một vị Phật, ngồi giữa tứ chúng mà thuyết pháp cũng có người khen kẻ chê. Lời khen chê của người ngu không quan trọng. Nhưng khi người học thức, thông minh khen hay chê, đó mới là đích thực.

Ngài nói kệ:

(227) A-tu-la nên biết, Xưa vậy, nay cũng vậy, Ngồi im, bị người chê, Nói nhiều, bị người chê, Nói vừa phải bị chê, Làm người không bị chê Thật khó tìm ở đời.

(228) Xưa, vị lai và nay, Đâu có sự kiện này, Người hoàn toàn bị chê, Người trọn vẹn được khen.

(229) Sáng sáng, thẩm sát kỹ, Bậc có trí tán thán, Bậc trí không tỳ vết, Đầy đủ giới, định, tuệ.

(230) Danh sáng như vàng ròng, Ai dám chê vị ấy? Chư thiên phải khen thưởng, Phạm thiên cũng tán dương.

8. Lục Quần Tỳ Kheo

Giữ thân đừng phẫn nộ ...

Câu chuyện này xảy ra khi Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Lục quần Tỳ- kheo.

Ngày nọ, nhóm Lục quần Tỳ-kheo mang

guốc gỗ, hai tay cầm gậy khua lóc cóc, đi lên đi xuống rầm rầm trên một phiến đá. Phật nghe tiếng lốp bốp, mới hỏi Ngài A- nan:

- Này A-nan! Tiếng gì thế?

Tôn giả thưa:

- Bạch Thế Tôn, Lục quần Tỳ-kheo mang guốc gỗ, đi tới đi lui nên gây ra tiếng ấy.

Nghe thế, Phật dạy:

- Một Tỳ-kheo phải kiểm soát tư tưởng, lời nói, và hành động của mình.

Ngài nói kệ:

(231) Giữ thân, đừng phẫn nộ, Phòng thân, khéo bảo vệ, Từ

bỏ thân làm ác, Với thân, làm hạnh lành.

(232) Giữ lời, đừng phẫn nộ, Phòng lời, khéo bảo vệ Từ bỏ lời thô ác, Với lời, nói điều lành.

(233) Giữ ý đừng phẫn nộ, Phòng ý, khéo bảo vệ, Từ bỏ ý nghĩ ác, Với ý, nghĩ hạnh lành.

(234) Bậc trí bảo vệ thân, Bảo vệ luôn lời nói, Bảo vệ cả tâm tư, Ba nghiệp khéo bảo vệ.

XVIII. Phẩm Cấu Uế 1. Người Đồ Tể Và Đứa Con Trai

Ngươi nay giống lá héo ...

Câu chuyện này xảy ra khi Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một đồ tể mổ bò.

Tại Xá-vệ, có một người đồ tể mổ bò. Ông ta giết hại biết bao nhiêu con bò, thường chọn phần thịt ngon nhất cho mình, sai vợ nấu nướng rồi ngồi vào bàn ăn, cùng vợ con nhậu thịt bò, phần còn lại ông bán lấy tiền. Suốt năm mươi lăm năm ông giữ nghiệp này. Trong thời gian ấy, mặc dù đức Thế Tôn ở tại tinh xá bên cạnh nhà, không bao giờ ông cúng cho Thế Tôn một muỗng cháo hay muỗng cơm. Trừ thịt bò ra, ông ta không ăn cơm.

Ngày nọ, trời về chiều, sau khi bán vài miếng thịt, ông đưa cho vợ miếng thịt để nấu bữa tối, và đi ra ao tắm. Một người

bạn đến nhà ông, hỏi bà vợ:

- Hãy để cho tôi ít thịt, nhà tôi có khách.

- Thịt bán hết rồi. Ông ấy vừa đi tắm.

- Nếu còn miếng thịt nào, chị vui lòng để cho tôi.

- Chẳng còn miếng thịt nào, trừ miếng thịt ông ấy dặn tôi làm đồ ăn cho ổng.

Người bạn nghĩ: "Nếu đã hết thịt bán, chỉ còn lại thịt dành riêng cho bữa ăn, và ông ấy sẽ không ăn nếu không có thịt, chắc gì ông ấy đã chịu để miếng thịt đó cho mình". Và người này tự động xách miếng thịt ra đi.

Tắm xong, người đồ tể trở về. Khi bà vợ dọn ăn, chỉ có rau cải, ông hỏi:

- Còn thịt đâu?

- Không có ông ạ.

- Tôi chừa cho bà một miếng thịt trước khi tôi đi sao?

- Một người bạn đến nhà nài mua thịt vì nhà có khách. Tôi trả lời hết thịt bán, mà ổng cứ xách miếng thịt của ông đi về, dù tôi có nói miếng thịt đó cốt để làm thức ăn cho ông, nếu thiếu nó ông không ăn cơm được.

- Trừ khi có thịt tôi mới ăn. Tôi không ăn nữa, bà dẹp đi!

- Trời ơi, làm sao bây giờ? Thôi ông chịu khó ăn cơm không thịt một bữa.

- Tôi đã nói là không.

Bắt vợ dẹp mâm cơm, ông ta xách dao ra đi. Có một con bò bị cột gần nhà, ông bước tới chỗ con bò, thò tay vào miệng nó lôi lưỡi nó ra, xẻo luôn chiếc lưỡi rồi xách trở vô nhà, ông nướng chiếc lưỡi bò trên lò than, xong đặt nó trên cơm rồi mới chịu ăn uống. Ông ăn một miếng cơm và một miếng thịt. Vừa để miếng thịt vào miệng, lưỡi ông đứt làm đôi, và rớt xuống đĩa cơm. Đúng lúc đó, ông nhận hình phạt mà ông gây ra. Máu tuôn thành dòng từ miệng, ông bò quanh sân nhà, rống lên như bò sắp chết.

Con trai ông đứng gần đấy, nhìn cha mình giãy chết, mẹ nó bảo:

- Này con, hãy nhìn đó, hình phạt tương tự sẽ đến với con. Con đừng lo cho mẹ, hãy tìm đường an ổn mà đi.

Đứa con sợ hãi trước cảnh tượng ấy, từ giã mẹ chạy đi, nó đi về thành Takkasilà. Người đồ tể, sau khi rống lên một lúc, bò quanh sân và chết, rồi đọa vào địa ngục A-tỳ. Cả con bò cũng chết.

Đến Takkasilà đứa con học nghề thợ bạc. Ngày nọ, chủ của nó đi về làng, dặn dò:

- Hãy làm món nữ trang như thế này, thế này..

Chú nhỏ làm theo lời dặn. Và khi người chủ về, nhìn món trang sức làm khéo léo theo ý mình, ông nghĩ: "Chú nhỏ này sẽ thành nghề và kiếm ăn dễ dàng". Khi chú trưởng thành được chủ gả con gái cho, rồi sanh con trai, con gái. Các con trai của ông lần lượt trưởng thành, làm nghề khác, dời nhà qua thành Xá-vệ, và trở thành Phật tử thuần thành của đức Thế

Tôn. Còn ông cha của chúng (con người đồ tể ngày xưa) ở lại Takkasilà, để thời gian trôi qua mà không làm được chút công đức nhỏ, rồi già nua kéo đến. Các con ông mời ông cụ trở về nhà mình nuôi nấng.

Chúng bàn nhau: "Chúng ta hãy cúng dường nhân danh cha chúng ta". Họ mời đức Phật và chư Tăng về nhà thọ trai. Họ sắp đặt bàn ghế tại nhà, dâng thức ăn lên đức Phật và chư Tăng, hầu hạ kính cẩn. Cuối bữa ăn, họ bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, thức ăn dâng cúng hôm nay là tạo phước cho cha già hiện đang sống của chúng con, xin Thế Tôn ban phước cho ông cụ.

Đức Phật khuyên ông:

- Này ông lão, ông đã già nua, thân thể ông như lá héo úa, ông không tạo việc lành để làm tư lương cho đời sau. Hãy tạo cho mình một chỗ an trụ. Hãy làm người khôn ngoan, đừng làm kẻ si mê.

Phật nói kệ:

(235) Ngươi nay giống lá héo,
Diêm sứ đang chờ ngươi,
Ngươi đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương.
(236) Hãy tự làm hòn đảo, Tinh cần, gấp sáng suốt, Trừ cấu uế, thanh tịnh, Đến Thánh địa chư thiên.

Nghe xong, ông cụ chứng Sơ quả, chúng hội cũng được hưởng lợi ích.

Ngày hôm sau, các con ông cũng thỉnh Phật và chúng Tăng thọ trai. Cuối bữa ăn, họ cũng xin hồi hướng phước báo cho cha già. Đức Phật chúc phước cho ông cụ, nói thêm hai bài kệ:

(237) Đời ngươi nay sắp tàn,
Tiến gần đến Diêm vương,
Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư lương.
(238) Hãy tự làm hòn đảo, Tinh cần, gấp sáng suốt, Trừ cấu uế, thanh tịnh, Chẳng trở lại sanh già.

2. Dần Dà Từng Chút

Bậc trí theo tuần tự ...

Câu chuyện này xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một người Bà-la- môn.

Một buổi sáng sớm, người Bà-la-môn ra khỏi thành, dừng lại chỗ các Sa-môn thường vấn y, ông đứng quan sát. Chỗ ấy cỏ mọc cao rậm rạp, khi một Sa-môn khoác y vào, chéo y quét qua cỏ, dính sương đẫm ướt. Ông tự nhủ: "Đám cỏ này phải được dọn sạch". Hôm sau, ông đem cuốc ra rẫy cỏ, dọn sạch chỗ đó, nó trở nên bằng phẳng quang đãng. Hôm sau nữa, ông lại đến quan sát, khi các Tỳkheo khoác y vào, chéo y quét trên đất và dính bụi. Ông nghĩ thầm: "Ta sẽ rải cát ở đây". Ông lại đem cát đến đổ cho sạch nơi đó.

Vào một ngày, sáng sớm trời đã nóng bức. Dịp ấy ông thấy các Tỳ-kheo mặc y,

mồ hôi đổ giọt. Người Bà-la-môn nghĩ: "Ta sẽ cất một cái trại nơi đây". Lập tức ông che lên một cái lều cho các Tỳ-kheo. Lại ngày khác, sáng sớm trời đổ mưa, dịp này ông lại

thấy các Tỳ-kheo bị tạt ướt, ông nghĩ thầm: "Mình phải cất nhà mới được". Nghĩ là làm, và khi ngôi nhà hoàn thành, ông tổ chức lễ khánh thành. Ông mời Phật và chúng Tăng đến đó, mời ngồi bên trong và bên ngoài, rồi dâng thức ăn.

Sau bữa ăn, ông cầm lấy bát của đức Phật, xin Ngài hồi hướng công đức. Ông nói:

- Bạch Thế Tôn, khi con đứng nơi này, đầu tiên nhìn các Tỳ-kheo đắp y, con thấy như thế, và đã làm như thế, như thế.

Và bắt đầu từ khởi điểm, ông kể cho Phật

nghe toàn bộ câu chuyện. Phật nghe xong nói:

- Này Bà-la-môn, người trí làm việc lành cũng vậy, hết lúc này đến lúc khác, từng việc một, dứt bỏ những nghiệp xấu.

Ngài nói kệ:

(239) Bậc trí theo tuần tự, Từng sát-na trừ dần. Như thợ vàng lọc bụi, Trừ cấu uế nơi mình.

3. Con Rận Tiếc Của

Như sét từ sắt sinh ...

Câu chuyện này xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến thầy Tỳ- kheo Tissa.

Ở Xá-vệ, có một chàng trẻ tuổi con nhà quyền quý xuất gia, làm đầy đủ bổn phận, là Thượng tọa Tissa. Lúc thầy còn ở tinh xá trong thành, được cúng dường một tấm vải thô dài tám thước. Sau ngày mãn hạ, thầy về nhà, đưa vải cho chị xem. Chị thầy nghĩ thầm: "Tấm vải này không xứng với em ta". Cô bèn lấy dao bén, rọc vải thành từng mảnh, bỏ vào cối giả đập cho mềm, bỏ những sợi thô, dệt thành tấm vải mới.

Vài hôm sau, thầy Tissa, tìm ra chỉ và kim, rủ thêm vài thầy và vài chú Sa-di biết may y, đến nhà người chị bảo:

- Đưa em khúc vải, em muốn may y.

Cô lấy khúc vải mịn dài chín mét, đưa cho thầy. Thầy từ chối:

- Vải kia của em là thứ thô xấu, dài tám mét, khúc này đẹp lại dài chín mét, không phải của em. Hãy đưa khúc vải hôm trước ấy.

- Thưa thầy, vải này của thầy đó.

Cô kể lại những việc làm của mình và bảo thầy hãy lấy vải.

Thầy Tissa đem vải về tinh xá, và tìm người may y. Chị thầy sửa soạn cơm canh mang đến cho thợ may, và khi tấm y hoàn thành, trông nó rất đẹp. Thầy Tissa rất thích chiếc y mới, thầy định ngày mai sẽ đắp nó.

Nhưng hôm ấy, thầy bị bội thực và chết, tái sanh làm một con rận trong chiếc y mới của mình. Chị thầy nghe tin, nhào lăn dưới chân các Tỳ-kheo khóc lóc. Các

Tỳ-kheo lo tang ma xong, bàn định:

- Không ai hầu cận Tissa khi thầy đau, chiếc y này thuộc Tăng chúng, chúng ta hãy chia phần.

Con rận la hoảng:

- Các thầy tước đoạt tài sản của tôi.

Và nó vừa kêu la vừa bò quanh chiếc y.

Đức Thế Tôn ngồi trong hương thất, biết việc xảy ra, bèn gọi A-nan:

- Này A-nan, hãy bảo chúng Tăng dời việc chia y bảy ngày.

Tôn giả làm theo lời dạy. Cuối ngày thứ bảy, con rận chết và tái sanh lên cõi trời Đâu-suất. Ngày thứ tám, đức Phật cho

phép chúng Tăng chia y.

Sau khi chia xong, chư Tăng bàn tán:

- Tại sao đức Thế Tôn ra lệnh để chiếc y của Tissa lại bảy hôm, ngày thứ tám mới cho phân chia.

Đức Phật đến gần các thầy hỏi:

- Các ông tụ họp ở đây bàn tán việc gì?

Và khi các thầy kể lại. Ngài nói:

- Tissa đã tái sanh làm con rận trong y mới của mình. Khi các ông định phân chia y, con rận đã nổi giận. Nó sẽ cự lại các ông, và sẽ đọa địa ngục. Vì lẽ đó Ta bảo để y lại. Hiện nay thì Tissa đã sanh lên cõi trời Đâu-suất, Ta mới cho phép các ông lấy y đem chia.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, tham ái thật là một nỗi khổ lớn.

Phật xác nhận:

- Tham ái thật là vấn đề lo lắng lớn của chúng sanh trên quả đất, như gỉ sét phát sanh từ sắt, trở lại ăn mòn sắt, tham ái phát sanh từ chúng sanh và đưa chúng sanh xuống địa ngục.

Phật nói kệ:

(240) Như sét từ sắt sinh, Sắt sinh lại ăn sắt, Cũng vậy, quá lợi dưỡng, Tự nghiệp dẫn cõi ác.

4. Thầy Tỳ Kheo Kiêu Ngạo

Không tụng làm nhớp kinh ...

Câu chuyện này xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến thầy Udàyi.

Tại Xá-vệ, năm mươi triệu Phật tử thường cúng dường bữa ăn sáng cho chư Tăng, và sau đó họ mang bơ, dầu mè, mật ong, mật mía, hương hoa và những vật cần dùng đến tinh xá nghe pháp. Sau khi nghe xong ra về, họ ca tụng đức hạnh của hai Tôn giả Xá-lợi-phất và Mụckiền-liên. Thầy Ưu-đà-di (Udàyi) nghe thấy thế bèn bảo họ:

- Các ông chỉ nghe hai Tôn giả ấy thuyết pháp nên ca tụng như thế, tôi chắc rằng nếu các ông nghe tôi nói pháp, còn khen đến đâu.

Hôm sau, họ thỉnh thầy Ưu-đà-di:

- Thưa Tôn giả, hôm nay chúng con đến nghe pháp, sau khi cúng dường chư Tăng xong, xin Tôn giả thuyết pháp cho chúng con.

Thầy Ưu-đà-di nhận lời. Và thính chúng kéo đến bên thầy. Thầy ngồi trên một cái ghế, phe phẩy quạt chẳng biết nói một câu gì, chỉ bảo:

- Ta sẽ đọc một bài chú, hãy để người khác thuyết pháp.

Thầy bước xuống. Thính chúng mời vị khác giảng dạy, và một lần nữa mời thầy lên ghế đọc chú. Ưu-đà-di lại hẹn:

- Ta sẽ đọc chú vào đêm nay, hãy mời vị khác đọc chú.

Thính chúng mời vị khác, và đêm đến họ trở lại chỗ thầy. Thầy lại hẹn:

- Sáng mai ta sẽ đọc.

Sáng hôm sau, Thầy cũng chẳng đọc được câu nào. Các thiện tín tức giận ném đất, ném gậy vào thầy, nhiếc rằng:

- Khi chúng ta ca tụng đức hạnh của hai Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, thầy nói những gì? Bây giờ sao thầy làm thinh thế?

Thầy bỏ chạy, họ rượt theo, và thầy té xuống một hầm phân.

Các thiện tín bàn tán về chuyện xảy ra trong ngày, nói rằng:

Khi chúng ta ca tụng phẩm hạnh của Tôn

giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, Ưuđà-di sanh tâm đố kỵ, tuyên bố rằng mình cũng là giảng sư. Thế mà khi được cung kính mời nói pháp, thầy ấy bốn lần lên pháp tòa mà chẳng nói được một câu. Bị rượt và với gậy gộc, ngói đá, thầy té xuống hầm phân.

Đức Thế Tôn nghe được câu chuyện. Ngài bảo các Tỳ-kheo:

- Đây không phải là lần đầu tiên, Ưu-đà- di rơi xuống hầm phân, đời quá khứ thầy ấy cũng đã làm như thế.

Ngài kể chuyện (Jàtaka 153)

(Chuyện kể rằng, có một con lợn rừng thách đấu với sư tử. Trước ngày ấy nó lăn trong đống phân khiến cả da lông đều hôi hám, rồi đến nơi hẹn. Sư tử không

dám đến gần, để cho nó thắng).

Sư tử là Xá-lợi-phất, lợn rùng là Ưu-đà- di.

Phật nói lại câu kệ giữa hai con thú:

Tôi là thú, anh cũng thú, Hãy đến đây hỡi sư tử. Vì sao anh lại bỏ chạy. Này heo kia, mi hôi hám, lông dày, dơ bẩn. Nếu mày muốn đọ sức, ta nhường cho mi thắng cuộc.

Sau khi dạy như thế, Phật nói:

- Này các Tỳ-kheo, Ưu-đà-di chỉ học được một câu kinh, nhưng không bao giờ đọc tụng là một lỗi lớn.

Ngài nói Pháp Cú:

(241) Không tụng làm nhớp kinh, Không đứng dậy, bẩn nhà, Biếng nhác làm nhơ sắc, Phóng dật uế người canh.

5. Tà Hạnh Của Nữ Nhân

Tà hạnh nhơ đàn bà ...

Câu chuyện này xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, liên quan đến một thanh niên quý tộc (Jàtaka 65).

Khi đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, có một thanh niên dòng quý tộc kết hôn với một thiếu nữ đồng giai cấp. Sau đó không lâu, người vợ ngoại tình. Xấu hổ vì chuyện này, người thanh niên không dám gặp ai. Đến phiên chàng vào hầu Phật,

chàng đến đảnh lễ Thế Tôn, lui ngồi một bên. Phật hỏi:

- Này con, sao lâu nay con vắng mặt?

Chàng kể lại chuyện cho đức Phật nghe. Ngài bảo:

- Ngay trong thời quá khứ, Ta đã bảo con rằng: "Đàn bà thay đổi như dòng sông, và người trí chớ có hơi đâu mà giận họ". Nhưng vì luân hồi tái sanh che mờ tâm trí con, con đã quên điều này.

Chàng thanh niên yêu cầu Phật kể lại chuyện trước (Jàtaka 65), Ngài nói kệ:

Như dòng sông, con đường, quán rượu, phòng hội, nhà kho. Đàn bà trên thế gian đều như thế, không bao giờ biết được thời tiết

của chúng.

Ngài dạy tiếp:

- Như thế, dâm ô là uế trược của đàn bà, bỏn sẻn là uế trược của người bố thí, ác nghiệp là uế trược của chúng sanh ở đời này và đời sau, nhưng trong tất cả uế trược, vô minh là uế trược nhất.

Ngày dạy Pháp Cú:

(242) Tà hạnh nhơ đàn bà, Xan tham nhớp kẻ trí, Ác pháp là vết nhơ, Đời này và đời sau.

(243) Trong hàng cấu uế ấy, Vô minh, nhơ tối thượng, Đoạn nhơ ấy, Tỳ-kheo, Thành bậc không uế nhiễm.

6. Lịch Sự Và Thô Lỗ

Dễ thay, sống không hổ ...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Culla Sàri ở chung với Tôn giả Xá-lợi-phất.

Một ngày nọ, thầy Tỳ-kheo đó làm khán bệnh, thầy nhận được thức ăn bổ dưỡng. Trên đường đi thầy gặp một Tôn giả đang khất thực, bèn mời:

- Tôn giả, tôi có ít thức ăn thượng vị được bệnh nhân cúng dường, không dễ gì có, xin mời Tôn giả ăn. Lần khác, nếu tôi nhận được, tôi sẽ mang cho Tôn giả.

Tôn giả nghe nói, nhưng cứ đi không trả

lời. Các Tỳ-kheo đem câu chuyện đó bạch Phật. Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, người nào không biết xấu hổ, trơ trẻn, bất lịch sự thì sống thoải mái. Người nào thành thật và sợ từng lỗi nhỏ, thì sống dè dặt.Ngài nói Pháp Cú:

(244) Dễ thay, sống không hổ, Sống lỗ mãng như quạ, Sống công kích huênh hoang, Sống liều lĩnh, nhiễm ô.

(245) Khó thay, sống xấu hổ, Thường thường cầu thanh tịnh, Sống vô tư, khiêm tốn, Trong sạch và sáng suốt.

7. Tất Cả Giới Cấm Đều Khó Giữ.

Ai ở đời sát sinh ...

Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến năm trăm tín đồ.

Có năm trăm tín đồ, người này chỉ giữ giới bất sát, người khác chỉ giữ một giới khác.. Ngày kia họ bàn tán, người nào cũng cho rằng giới của mình khó giữ, việc của mình khó nhất.. và họ đến chỗ Phật kể lại câu chuyện. Phật dạy:

- Không có giới nào là quan trọng ít, giới nào là quan trọng nhiều, tất cả các giới đều khó giữ.

Ngài nói kệ:

(246) Ai ở đời sát sinh, Nói láo không chân thật, Ở đời lấy không cho, Qua lại với vợ

người.

(247) Uống rượu men, rượu nấu, Người sống đam mê vậy, Chính ngay tại đời này, Tự đào bới gốc mình.

(248) Vậy người, hãy nên biết, Không chế ngự là ác, Chớ để tham phi pháp, Làm người đau khổ dài.

8. Kẻ Bới Lỗi Người

Do tín tâm, hỷ tâm ...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến chú Sa-di Tissa.

Chuyện kể rằng, Sa-di Tissa có thói quen tìm kiếm lỗi lầm trong phẩm vật cúng dường của Cấp Cô Độc, của tín nữ Tỳxá-khư, ngay cả của năm triệu thiện tín, đến cả phẩm vật tối thắng của vua Ba-tưnặc cũng thấy khuyết điểm. Khi nhận được thức ăn nguội chú phàn nàn nguội quá, khi nhận được thức ăn nóng chú phàn nàn nóng quá. Khi nhận thức ăn ít, chú càu nhàu sao ít thế? Và khi nhận nhiều vật thực, chú cũng nói chắc ở nhà họ hết chỗ chứa, hoặc: "Họ chỉ cần cúng cho các thầy để được ủng hộ, cúng nhiều cơm cháo thế này thật là lãng phí".

Nhưng nếu đề cập đến bà con mình, chú nói: "Ô! Nhà của bà con tôi cung cấp đầy đủ cho các Sa-môn tứ phương".

Tissa chỉ là một con người gác cổng. Khi đi theo những người

thợ lên Xá-vệ, chú xin xuất gia. Các Tỳ-kheo thấy chú luôn luôn chỉ trích lỗi lầm và việc tốt của người khác, muốn tìm sự thật về chú, các thầy hỏi thăm chỗ chú ở và sai vài Sa-di hỏi thăm người làng:

- Có một Sa-di tên Tissa người ở làng này, ai là thân tộc của chú?

Dân làng nghĩ thầm: "Ở đây không có thanh niên quý tộc nào xuất gia, các Sa- di này muốn tìm ai?". Họ nói:

- Ở đây, chúng nghe có con của người gác cổng đi theo thợ mộc và xuất gia, chắc đó là người thầy muốn hỏi.

Các Sa-di về thuật lại với các Tỳ-kheo rằng Tissa nói khoác, các Tỳ-kheo bạch

Phật. Phật dạy:

- Đây không phải là lần đầu tiên Tissa hay cằn nhằn và nói khoác, đời quá khứ chú cũng đã khoe khoang khoác lác như thế.

Phật kể chuyện quá khứ (Jàtaka Katàhaka). Ngài dạy tiếp:

- Này các Tỳ-kheo, người nào hay than phiền về vật thực cúng dâng ít quá hay nhiều quá, ngon hay dở, hoặc không cúng dường ta mà cúng dường người khác, người ấy không bao giờ chứng quả.

Ngài nói Pháp Cú:

(249) Do tín tâm, hỷ tâm Loài người mới bố thí, Ở đây ai bất mãn, Người khác được ăn

uống, Người ấy ngày hoặc đêm, Không đạt được tâm định.

(250) Ai cắt được, phá được, Tận gốc, nhổ tâm ấy, Người ấy, ngày hoặc đêm, Tất đến được tâm định.

9. Những Người Lơ Đễnh

Lửa nào bằng lửa tham ...

Câu chuyện này xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến năm người thiện tín.

Khi đức Phật ở tại tinh xá Kỳ Hoàn, có năm tín đồ nghe Ngài giảng pháp, họ đảnh lễ Phật và lui ngồi một bên. Phật

không hề nghĩ rằng: "Người này dòng Sát-lợi, người kia dòng Bà-la-môn, người nay giàu, người kia nghèo. Ta giảng rộng cho người này, không giảng rộng cho người kia". Những việc này không liên quan đến đề tài Phật thuyết giảng, mọi người đều bình đẳng trước pháp, và Phật giảng dạy như nhau.

Nhưng năm người ngồi trước Phật, kẻ thì ngủ gục, người thì lấy ngón tay bươi trên đất, người đong đưa cành cây, người thì ngó lên trời. Chỉ có một người chăm chú nghe. Tôn giả A-nan đứng quạt hầu Phật, quan sát cử chỉ của năm người ấy, và sau đó bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, Ngài giảng dạy như tiếng sấm rền, mà những người ngồi nghe như thế, như thế.

- Này A-nan, ông có biết họ không?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Người ngủ gục ấy, đã từng làm rắn trong năm trăm kiếp, thường cuộn mình lại ngủ say nên kiếp này cũng ưa ngủ, không có lời nào của Ta lọt vào tai.

- Bạch Thế Tôn, việc ấy xảy ra trong nhiều kiếp liên tục hay đứt quãng?

- Một lần, người này làm người, một lần khoác áo chư thiên, và lần khác làm rắn. Không thể dùng trí biết được số kiếp luân hồi của hắn. Nhưng trong năm trăm kiếp liên tục, hắn làm rắn và ngủ không bao giờ chán.

Người dùng tay bươi đất, là đã năm trăm kiếp làm côn trùng chui trong đất, nên

bây giờ cứ bới đất, chẳng nghe lời Ta.

Người hay lay cành cây, là đã năm trăm kiếp làm khỉ, và vì thói quen chuyền cành, nên hiện tại cứ nắm cành cây, không nghe lời Ta nói.

Người nhìn lên trời, là đã năm trăm kiếp làm chiêm tinh gia, nên ngày nay cũng nhìn lên trời, không nghe Ta nói gì.

Người ngồi nghe chăm chú, là đã năm trăm kiếp làm Bà-la-môn đọc tụng Vệ-đà nên hôm nay cũng chăm chú như đang đọc Mật thư.

- Bạch Thế Tôn, Ngài giảng dạy thấm sâu như chẻ da xương, vì sao những người này không chăm chú nghe?

- A-nan, ông tưởng giáo lý Ta dễ nghe

được sao?

- Bạch Thế Tôn, Ngài cho rằng khó nghe được?

- Đúng vậy.

- Tại sao, bạch Thế Tôn?

- Này A-nan, những chúng sanh này trong vòng luân hồi vô tận không nghe tên Tam Bảo, nên bây giờ không thể nghe giáo pháp. Những chúng sanh này trong vòng sanh tử vô cùng ấy chỉ quen nghe tiếng nói của súc sinh. Hơn nữa, họ tiêu phí thời giờ trong việc ăn uống, vui chơi, múa hát, nên không thể nghe giáo pháp.

- Bạch Thế Tôn, vì lý do gì họ không thể nghe pháp?

- Này A-nan, vì tham ái, vì sân hận, vì si mê. Vì vậy, không lửa nào bằng lửa tham ái, đốt cháy hữu tình không một chút tro. Vào thời kiếp hỏa, hỏa tai thiêu rụi toàn thế giới không chừa một tí nào, nhưng lửa này chỉ cháy trong vòng bảy mặt trời, và chỉ cháy trong thời tiết nào thôi. Còn lửa tham ái không lúc nào không bốc cháy. Cho nên Ta nói không lửa nào bằng lửa tham ái, không kìm kẹp nào bằng sân hận, không lưới nào bằng si mê, không sông nào bằng ái dục.

Ngài nói Pháp Cú:

(251) Lửa nào bằng lửa tham! Chấp nào bằng sân hận! Lưới nào bằng lưới si! Sông nào bằng sông ái!

10. Trưởng Giả Ram

Dễ thay thấy lỗi người ...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở Jàtiyàvana gần thành Bạtđề (Bhaddiya), liên quan đến Trưởng giả Ram.

Bối cảnh:

10A. Thế Tôn Thăm Trưởng Giả Ram

Thuở nọ, khi đức Phật du hành qua xứ Anguttaras, Ngài nhận thấy những người trong gia đình Trưởng giả Ram đều có duyên chứng quả Tu-đà-hoàn. Ông trưởng giả vợ ông là Candapadumà, con trai là Trưởng giả Dhananjiya, con dâu Sumanà Devì, cháu nội Visàkhà, tớ gái Punna. Nhận thấy như thế, Ngài đi

đến thành Bhaddiya, ngụ tại rừng Jàtiyà (Jàtiyàvana). Trưởng giả Ram nghe Phật đến bèn đi thăm. Nhưng tại sao ông có tên là Ram?

Ngoài đề:

10B. Trưởng Giả Ram Và Những Con Cừu Bằng Vàng.

Đằng sau nhà ông, trong khoảng sân rộng tám mẫu, có những con cừu bằng vàng to bằng con voi, ngựa hoặc trâu nước. Chúng phi tới phi lui, cày đất tứ tung, thụi lưng vào nhau. Khi Trưởng giả Ram cần bơ, dầu, mật ong, hay mật mía, hoặc thức ăn, hoặc ông cần y phục, hoặc vàng bạc, ông chỉ cần đặt một trái banh bằng chỉ ngũ sắc vào miệng mấy con cừu, từ miệng chúng sẽ tuôn ra đủ tất cả các thứ cần dùng cho mọi người trên

khắp cõi Diêm-phù-đề, dù chỉ lấy ở một con thôi. Đó là lý do ông được gọi là Ram (Cừu). Nhưng ông đã làm gì trong quá khứ?

Chuyện quá khứ:

10C. Bằng Cách Nào Trưởng Giả Ram Có Được Cừu Bằng Vàng?

Vào thời Phật Tỳ-bà-thi, ông là cháu của một người tên Avaroja, ông cũng tên Avaroja. Người cậu dự định xây cất hương thất cho Phật, Avaroja cháu đến gặp Avaroja cậu, đề nghị:

- Thưa cậu, chúng ta hợp tác để xây cất hương thất.

- Ta không muốn chia sẻ công việc cho ai cả.

Người cậu trả lời như thế. Cháu nghĩ thầm: "Ngay khi hương thất xây xong, sẽ có một chuồng voi tại đây". Chàng đặt thợ rừng cưa gỗ, dựng cột, cất một trại voi với tất cả rui mè, kèo, đòn tay, cửa cái, cửa sổ, sàn nhà, nóc đều cẩn đầy vàng bạc, châu báu. Như thế, đối diện với hương thất của Như Lai là một chuồng voi dành cho Ngài, trang hoàng bằng thất bảo. Trên nóc chuồng có một cái tháp bằng vàng ròng, đỉnh tháp bằng san hô. Chính giữa lều chàng đặt một cây lọng bằng ngọc, che trên tòa ngồi. Tòa ấy có bốn chân bằng vàng ròng, dưới bốn chân ghế có bốn con cừu bằng vàng đỡ chân, hai cừu vàng kê chân. Sáu cừu vàng vây quanh lọng. Mặt ghế trải thảm bằng chỉ vàng, chỉ bạc, lưng ghế bằng gỗ chiên đàn.

Khi hoàn thành lều voi, chàng mở tiệc ăn

mừng, chàng thỉnh Phật và sáu trăm tám mươi ngàn vị Tỳ-kheo cúng dường tám tháng. Ngày cuối cùng, chàng cúng dâng mỗi vị Tỳ-kheo ba y, và chỉ một y cho mỗi vị Sa-di cũng đã đáng giá trăm ngàn đồng vàng. Sau khi làm những công đức như thế trong thời Phật Tỳ-bàthi, Avaroja cháu đã tái sinh cõi trời, cõi người. Và kiếp này nổi tiếng là Trưởng giả giàu có của thành Ba-la-nại.

Chuyện quá khứ

10D. Vì Sao Trưởng Giả Ram Và Gia Quyến Được Phép Màu?

Một ngày kia, Trưởng giả Ram đến hoàng cung chầu vua, gặp thầy Tư tế của hoàng gia, ông hỏi:

- Thưa thầy, thầy có xem thiên văn

không?

- Được chứ, ông cần gì?

- Xin cho biết vận mệnh của xứ này.

- Sẽ có thiên tai.

- Chừng nào xảy ra?

- Ba năm nữa sẽ có nạn đói.

Trưởng giả nghe nói thế, bèn về nhà ra lệnh trồng thật nhiều lúa, đem hết tài sản mua lúa, xây cất một ngàn hai trăm năm mươi vựa đựng thóc lúa, đổ đầy tràn, còn đổ thêm

vào lu hũ chôn dưới đất, còn bao nhiêu ông cho trộn với đất sét, xây thành bức tường.

Thời gian sau, nạn đói xảy ra, ông đem

số lúa dự trữ ra ăn. Khi ăn cạn hết lương thực, ông gọi thân quyến đến và bảo:

- Các người hãy đi vào núi mà kiếm thức ăn. Khi nạn đói qua hãy trở về. Nếu không muốn về cứ ở lại nơi nào mình thích.

Tất cả thân bằng quyến thuộc ra đi, chỉ còn lại vợ Trưởng giả, con trai, con dâu, và người giúp việc Punna ở lại với ông, cả thảy năm người. Sau khi ăn hết lúa chôn dưới đất, họ cạy bức tường, ngầm từng mảng vào nước, lượm lúa ra ăn. Nạn đói hoành hành rộng lớn và tường lúa cũng hết. Chỉ còn lại một lít lúa cuối cùng, bà Trưởng giả sợ trộm vét, bèn bỏ vào trong bình, đậy nắp lại chôn dưới đất.

Khi ông Trưởng giả ở cung vua về, hỏi

vợ:

- Này bà, tôi đói bụng, còn gì để ăn không?

- Còn một ít lúa chôn dưới đất.

- Hãy đào lên và nấu ăn.

- Nếu tôi nấu cháo thì ăn được hai bữa, nếu nấu cơm thì chỉ một bữa thôi. Làm theo cách nào?

- Bây giờ chúng ta chẳng còn gì, chỉ ăn bữa cơm rồi chờ chết, thôi nấu cơm đi.

Bà vợ nấu cơm, chia làm năm phần, và đặt phần của ông Trưởng giả trước mắt ông.

Lúc ấy trên núi Kiền-

đà (Grandhamàdana) có một vị Phật Bích Chi nhập định, Ngài không bao giờ bị đói, nhưng nếu Ngài ra khỏi định, chẳng bao lâu Ngài sẽ đói vì bao tử hoạt động trở lại. Lúc ấy Ngài quan sát xem nơi nào có thể khất thực. (Chúng sanh nào dâng cơm cho Ngài sau khi xuất đại định sẽ được phước báo làm tổng tư lệnh hoặc cấp ngang hàng).

Đức Phật Bích Chi chỉ dùng thiên nhãn quan sát thế giới, Ngài thấy rằng một trận đói khủng khiếp đã xảy ra trên cõi Diêm-phù-đề, và tại nhà Trưởng giả nọ chỉ còn năm người với một lít gạo. Liệu họ có đủ thành tín để cúng cho Ngài? Nhận thấy họ rất mực thành tín, Ngài bèn đắp y, mang bát đến trước cửa nhà Trưởng giả.

Khi ông Trưởng giả nhìn thấy Phật, lòng

ông tràn đầy niềm vui: "Vì quá khứ ta không hề cúng dâng nên giờ này mới chịu nạn đói kinh khủng, phần cơm này chỉ giúp ta sống một ngày, nếu cúng dường Phật ta sẽ thoát vòng sanh tử trong nhiều kiếp".

Nghĩ thế, ông mời Phật vào nhà, đảnh lễ năm vóc sát đất, thỉnh Ngài ngồi, đem nước rửa chân, kê chân Ngài bằng chiếc nệm vàng, và sớt cơm vào bát Phật. Khi ông sớt được phân nửa, đức Bích Chi dùng tay che miệng bát, tỏ ý không nhận thêm. Ông

Trưởng giả bạch Phật:

- Bạch Ngài, chúng con năm người chung một lít gạo, phần cơm này là một trong năm phần được chia. Con không muốn sớt làm hai, con muốn cúng dường Ngài tất cả, con không mong cầu Ngài ban phước lành cho con hiện đời.

Nói xong ông trút hết cơm vào bát Phật và phát lời nguyện:

- Bạch Ngài, mong rằng nơi nào con tái sinh, con xin sẽ không bao giờ chịu đói như hiện tại. Con sẽ có đủ thức ăn cho mọi người trên khắp cõi Diêm-phù-đề. Con không phải làm lụng cực nhọc để sống. con sẽ có một ngàn hai trăm năm chục vựa lúa, sau khi quét dọn sạch sẽ, con gội đầu và ngồi trước cửa kho, đúng lúc đó thóc lúa sẽ rơi đầy kho lẫm. Nơi nào con tái sinh, vợ con là người vợ này, con trai, con dâu và đầy tớ chính là những người này.

Vợ Trưởng giả nghĩ: "Ta sẽ không ăn khi chồng ta chịu đói". Và bà cũng dâng cúng phần cơm của mình cho Phật, với lời nguyện:

- Nơi nào con tái sinh, con không chịu nạn đói lần thứ hai. Con có quyền năng dùng một bát cơm cho tất cả người trên cõi Diêm-phù-đề, cho bao nhiêu tùy ý mà bát cơm vẫn đầy. Nguyện những người này sẽ là chồng con, con trai, con dâu, và là người giúp việc của con trong kiếp sau.

Con trai ông Trưởng giả cũng cúng phần cơm của mình với lời nguyện:

- Con xin không bao giờ bị đói như thế này. Con sẽ có quyền năng chỉ với một túi tiền độ một ngàn đồng mà bố thí cho tất cả những người ở cõi Diêm-phù-đề, cho bao nhiêu tùy ý, túi tiền vẫn đầy. Cha, mẹ, vợ, người giúp việc chính là những người này.

Con dâu cũng cúng phần cơm của mình

cho Phật với lời nguyện:

- Con xin không bao giờ bị nạn đói. Con sẽ có một cái giỏ đựng thóc giống cung cấp cho mọi người không hết. Nơi nào con tái sinh, những người này là cha chồng, mẹ chồng, chồng và người giúp việc.

Người giúp việc Punna cũng cúng phần cơm của mình cho Phật Bích Chi với lời nguyện:

- Con sẽ không bao giờ bị đói. Khi con cày đất, ba luống cày bên mặt, ba luống cày bên trái và một đường cày giữa, cả bảy đường cày đều rộng vài sải tay.

Mặc dù ông ta có thể ước nguyện làm tổng tư lệnh, nhưng vì tình cảm liên hệ với gia chủ, ông cũng nguyện: "Những

người này là ông chủ, bà chủ".

Khi mỗi người phát nguyện, Phật Bích Chi đều nói:

- Sẽ được vậy?

Và Ngài nói lời cảm tạ bằng những bài kệ theo cung cách một vị Bích Chi Phật, rồi nghĩ thầm: "Bổn phận của Ta là làm thỏa nguyện vọng của những chúng sanh này". Ngài thầm bảo: "Hãy để những người này nhìn theo thấy Ta cho đến tận núi Kiền-đà". Ngài bay lên hư không và họ đứng nhìn theo. Đến nơi, Ngài chia cơm trong bát cho năm trăm vị Bịch Chi Phật, do thần lực của Ngài cơm đầy đủ cho tất cả. Năm người vẫn đứng và thấy rõ.

Lúc ấy trời đã quá trưa, vợ ông Trưởng

giả rửa sạch nồi cơm, đậy nắp lại và cất đi. Ông Trưởng giả đói meo, nằm dài ra ngủ. Đến chiều, ông thức dậy gọi vợ:

- Này bà, tôi đói quá, bà xem còn sót miếng cơm cháy nào trong nồi không?

Bà nhớ kỹ rằng mình đã rửa sạch nồi cất đi, chắc chắn không còn một hột cơm cháy nào, nhưng thay vì nói: "Không còn gì hết", bà vẫn nói:

- Tôi sẽ xem thử coi.

Bà đi đến nơi cất nồi, giở nắp ra, và ngay lúc đó, nồi cơm đầy nhóc, thơm ngào ngạt, hơn thế nữa, cơm tràn tận miệng nồi đội cả nắp lên.

Chứng kiến việc lạ lùng này, toàn thân bà rung động vui mừng, bà gọi chồng:

- Này, ông dậy đi, tôi đã rửa sạch nồi cất đi, mà bây giờ cơm lại đầy nồi, thơm nghi ngút. Đây là quả phước của việc thiện, quả phước của việc cúng dường. Dậy mà ăn, ông ạ.

Bà đem cơm cho chồng và con trai. Khi họ ăn xong, bà cùng ăn với con dâu, và sau đó cho người giúp việc Punna. Dù bới bao nhiêu, nồi cơm cũng không giảm, cứ xúc ra một vá thì vá cơm khác hiện ra. Vào ngày ấy, tất cả vựa lúa kho lẫm trong nhà ông đều đầy thóc. Ông Trưởng Giả rao khắp thành phố: "Lúa thóc hiện đầy đủ trong nhà ông Trưởng giả, tất cả những ai muốn dùng cứ đến lấy".

Mọi người đổ xô đến lấy lúa, và tất cả dân chúng cõi Diêm-phù đều được lúa thóc.

Ông Trưởng giả sau khi chết, tái sanh vào cõi trời, cõi người, vào thời Phật hiện tại, sanh trong gia đình giàu có ở Bhaddiya. Vợ ông khi xưa cũng là vợ hiện tại, cả con trai, con dâu, người giúp việc Punna. Do phước báo kể trên, những con cừu vàng lại hiện ra trong sân nhà ông.

10E. Trưởng Giả Ram Và Gia Quyến Thực Hiện Phép Màu

Một ngày nọ, Trưởng giả Ram muốn thử lại quyền lực của mình. Ông cho quét sạch một ngàn hai trăm năm mươi kho lúa, gội đầu, và ngồi ở cửa mỗi kho nhìn vào, lập tức các kho lẫm đều đầy lúa. Ông bảo vợ, con dâu và người giúp việc hãy thử quyền lực của mình.

Bà vợ trang điểm lộng lẫy, ngồi ở cổng

nhà, cầm một muỗng vàng rao lên:

- Ai cần cơm cứ đến.

Bà sớt đầy cơm vào những bình và chậu đưa đến, tất cả ai đến xin đều được cho. Suốt ngày giỏ cơm của bà không vơi.

(Vào thời chư Phật quá khứ, cũng trong dịp này, bà dâng cơm cho chúng Tăng, với tay mặt cầm muỗng, tay trái xách giỏ cơm. Vì thế, nơi lòng bàn tay trái của bà có dấu hoa sen, lòng bàn tay mặt có dấu mặt trăng tròn. Khi bà dâng nước cho chư Tăng, đi tới, đi lui, thì dấu hoa sen và dấu mặt trăng lại hiện ở bàn chân. Vì thế bà có tên là Candapadumà (Liên Nguyệt).

Người con trai mang túi tiền chừng một ngàn đồng vàng, bố thí cho tất cả mọi

người, và bao giờ trong túi cũng còn đủ một ngàn đồng vàng. Con dâu cũng trang điểm lộng lẫy, cung cấp thóc giống cho tất cả mọi người, túi thóc vẫn không vơi.

Người giúp việc cũng trang điểm hết mình, bắt ách vàng, cày vàng lên mình con bò, choàng dây vàng lên mình nó và dẫn ra ruộng. Mỗi nhát cày là bảy đường cày, ba đường bên trái, và một đường cày ở giữa.

Như thế, tất cả dân chúng trên cõi Diêm- phù đều nhân thức ăn, thóc giống, vàng bạc thỏa thích từ nhà Trưởng giả.

Kết Thúc Của Truyện:

10F. Trưởng Giả Ram Đến Gặp Phật

Khi Trưởng giả đầy quyền lực nghe tin

đức Bổn sư đến thành, ông đi đến thăm Phật. Trên đường đi ông gặp một nhóm ngoại đạo ngăn cản:

- Này Trưởng giả, ông đi đâu? Ông tin có Thần Ngã mà lại đến thăm Cồ-đàm, người không tin điều này.

Mặc dù họ cố gắng thuyết phục, ông vẫn không màng đến lời họ. Ông đi đến chỗ Phật, đảnh lễ và kính cẩn ngồi một bên. Phật thuyết pháp, nghe xong ông chứng quả Dự lưu. Ông thuật lại lời chống đối, phỉ báng của ngoại đạo cho Phật nghe. Phật dạy:

- Này Trưởng giả, những người ấy không thấy lỗi của mình dù là lỗi lớn, còn người khác không lỗi, họ cũng cố gắng kẻ vạch, như quạt thóc tìm trấu.

Ngài nói Pháp Cú:

(252) Dễ thay thấy lỗi người, Lỗi mình thấy mới khó, Lỗi người ta phanh tìm, Như sàng trấu trong gạo, Còn lỗi mình che đậy, Như kẻ gian giấu bài.

11. Tỳ Kheo Bới Lỗi

Ai thấy lỗi của người ...

Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả tên là Người Tìm Lỗi, Ujjhànasannì.

Tôn giả này thường dòm dỏ lỗi của các Tỳ-kheo, thầy nói:

- Thầy này đắp thượng y thế này, thầy kia đắp hạ y như thế kia.

Các Tỳ-kheo đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả ấy cứ như thế, như thế.

Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, người nào làm tròn bổn phận của mình và khuyên người khác như thế, người đó không thấy lỗi ai. Người nào có ý nhìn lỗi người, tìm lỗi người, và đi rêu rao lỗi người, hạng người này không bao giờ đạt được chút xíu giác ngộ, chỉ có sự ô nhiễm tăng trưởng trong họ.

Ngài dạy Pháp Cú:

(253) Ai thấy lỗi của người, Thường sanh lòng chỉ trích, Người ấy lậu hoặc tăng, Rất xa lậu hoặc diệt.

12. Hư Không Có Dấu Chân?

Hư không, không dấu chân ...

Câu chuyện xảy ra, liên quan đến du sĩ Tu-bạt-đà-la (Subhadda). Khi đức Thế Tôn sắp nhập diệt, trong rừng Sa-la trong thành Câu-thi. Chuyện kể rằng khi trước con của Tu-bạt đã cúng dường chín lần những phẩm vật đầu mùa gặt cho đức Phật, còn Tu-bạt thì không ưng và từ chối, cuối cùng mới chịu cúng. Vì thế ông không gặp Thế Tôn lúc Ngài vừa thành đạo và giảng đạo. Đến lúc cuối,

Ngài gần nhập diệt, ông mới tự nghĩ: "Ta có ba điều nghi. Và đã hỏi các Trưởng lão để giải nghi. Lúc ấy Sa-môn Cồ-đàm còn trẻ nên ta không đến hỏi. Bây giờ thời gian Niết-bàn sắp đến, nếu ta không hỏi, sau sẽ ân hận".

Ông đi đến chỗ Phật. Tôn giả A-nan ngăn ông lại, nhưng Phật đã bảo:

- A-nan, chớ ngăn Tu-bạt-đà-la, hãy để ông vào thưa hỏi.

Tu-bạt vào, ngồi ở chân giường và hỏi Phật:

- Bạch Ngài, có con đường nào trên không trung? Có người nào được gọi Samôn khi ở ngoài chánh đạo? Pháp hữu vi có trường tồn?

Phật dạy ông những việc ấy không thể có, Ngài giảng bằng bài kệ:

(254) Hư không, không dấu chân, Ngoài chánh đạo, không Sa-môn. Chúng sanh thích hý luận, Như lai, hý luận trừ.

(255) Hư không, không dấu chân, Ngoài đây, không Samôn. Các hành không thường trú, Chư Phật không giao động.

XIX. Phẩm Công Bình Pháp Trụ 1. Quan Tòa Bất Công

Ngươi đâu phải pháp trụ...

Câu chuyện này xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến các vị chánh án.

Một ngày nọ, các Tỳ-kheo đi khất thực tại cổng phía bắc thành Xá-vệ, và trở về tinh xá, ngang qua trung tâm thành phố. Khi ấy trời đổ mưa, các Tỳ-kheo Vào trú ẩn tại một pháp đình, các thầy thấy các quan chánh án nhận của hối lộ và tịch biên tài sản của dân chúng một cách bất hợp pháp. Các thầy nghĩ thầm: "Những ông quan này không công minh, chúng ta cứ tưởng họ là những chánh án liêm chính".

Khi cơn mưa dứt, các thầy trở về tinh xá, đến chỗ Phật và bạch lên Phật câu chuyện vừa rồi, Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, người nào đầu hàng dục vọng thấp hèn, xét xử chuyên chế,

không thể gọi là công bình. Chỉ những người đi sâu tìm tòi việc sai trái trong một vụ án, và xử lý việc sai trái đó đúng pháp, không chuyên chế, mới gọi là công bình.

(256) Ngươi đâu phải pháp trụ Xử sự quá chuyên chế, Bậc trí cần phân biệt, Cả hai chánh và tà!

(257) Không chuyên chế, đúng pháp, Công bằng, dắt dẫn người, Bậc trí sống đúng pháp, Thật xứng danh pháp trụ.

2. Lục Quần Tỳ Kheo

Không phải vì nói nhiều...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Lục quần Tỳ- kheo.

Chuyện kể rằng nhóm Lục quần Tỳ-kheo hay đi từ tinh xá này đến tinh xá khác, từ làng này sang làng khác, làm mất trật tự trong phòng ăn của chúng Tăng. Ngày đó, vài Tỳ-kheo trẻ và Sa-di, sau khi ăn sáng ở trong làng, đến tinh xá. Các Tỳkheo ở đây hỏi:

- Chư huynh đệ thích phòng ăn như thế nào?

- Xin đừng hỏi chúng tôi. Mấy ông Lục quần Tỳ-kheo tự tuyên bố là: "Chỉ có chúng ta thông minh, chỉ có chúng ta là trí tuệ. Chúng ta sẽ đánh mấy thầy này,

đổ rác lên đầu họ và đuổi họ ra".

Và họ tóm lấy chúng tôi, đổ rác lên đầu, làm phòng ăn lộn xộn lên.

Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, ta không gọi người nào thông minh khi người ấy nói nhiều và chọc giận người khác. Ta chỉ gọi là người trí tuệ khi kẻ ấy kiên nhẫn, thoát khỏi sân giận và sợ hãi.

Ngài nói kệ:

(258) Không phải vì nói nhiều, Mới xứng danh bậc trí, An ổn, không oán sợ, Thật đáng gọi bậc trí.

3. Không Phải Vì Nói Nhiều Mà Được Ca Tụng

Không phải vì nói nhiều...

Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Nhất Cú, tức A-la-hán Ekuddàna.

Tôn giả Nhất Cú sống một mình trong rừng và chỉ biết độc nhất một câu kệ:

Vị Sa-môn tư tưởng thanh cao,
Tinh tấn, tu tập trong im lặng.
Sa-môn ấy tâm hằng an tịnh,
Luôn chánh niệm, không còn phiền não.
Vào mỗi ngày tụng giới, Tôn giả chỉ đọc lên một câu kệ ấy, và chư thiên vỗ tay vang rền.

Ngày nọ, cũng vào dịp Bố-tát, có hai vị Tỳ-kheo lão thông Tam tạng, dẫn theo một ngàn đồ chúng đến nơi ấy. Tôn giả Nhất Cú thấy các thầy, rất vui mừng, nói:

- Các vị đến thật may mắn, hôm nay chúng ta sẽ nghe pháp.

- Nhưng thưa Ngài, ở đây đâu có người nào để nghe.

- Có chứ, vào ngày nói giới, cả khu rừng đều vang động tiếng vỗ tay của chư thiên.

Như thế, một vị bèn đọc luật và vị kia giảng rộng nghĩa ấy, nhưng chẳng có một ông trời nào vỗ tay cả. Các vị hỏi:

- Này huynh, Ngài bảo chúng tôi là khi Luật được tuyên đọc, chư thiên vỗ tay

vang rền. Như vầy là sao?

- Những ngày khác đều có, tôi không hiểu hôm nay có chuyện gì?

- Thế thì Ngài đọc luật đi.

Tôn giả Nhất Cú bèn cầm quạt, lên tòa ngồi và đọc câu kệ thường nhật, chư thiên lại vỗ tay vang rền. Khi ấy, các Tỳkheo đồ chúng của hai bậc thầy kia đều bất bình chư thiên, nói:

- Chư thiên ở rừng này bày tỏ sự kính trọng bằng cách vỗ tay. Dù cho Tỳ-kheo thông Tam tạng giảng nhiều giới pháp, họ không nói một lời ca ngợi. Vậy mà khi Trưởng lão già chỉ đọc một câu, họ lại vỗ tay ồn cả lên.

Và trở về tinh xá, họ đem câu chuyện

trình bày với đức Phật. Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, ta không gọi người nào là thông suốt giáo pháp chỉ vì họ biết hoặc đọc nhiều kinh. Nhưng người nào chỉ biết đọc một câu, hiểu thấu sự thật, người ấy thật là người thông suốt Tam tạng.

Ngài nói Pháp cú:

(259) Không phải vì nói nhiều, Mới xứng danh trì pháp, Những ai tuy nghe ít, Nhưng thân hành đúng pháp, Không phóng túng chánh pháp, Mới xứng danh trì pháp.

4. Người Trẻ Có Thể Là Trưởng Lão?

Không phải là Trưởng lão...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến Trưởng lão Lakuntaka Bhaddiya.

Một ngày nọ, Tôn giả Lakuntaka vào làm thị giả hầu Phật, và khi vị này đi ra, có ba mươi thầy tu ở rừng đến nhìn thấy. Các vị này vào gặp Phật, đảnh lễ và lui ngồi một bên. Đức Phật nhận thấy ba mươi thầy đều có khả năng chứng A-la-hán, bèn hỏi:

- Các ông có thấy một Trưởng lão vừa đi ra không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Các ông không thấy ư?

- Chúng con chỉ thấy một Sa-di.

- Này các Tỳ-kheo, đó không phải là Sa- di, đó là một Trưởng lão.

- Người ấy còn quá trẻ, thưa Thế Tôn!

- Ta không gọi người nào là Trưởng lão chỉ vì họ già, vì họ ngồi ở ghế Trưởng lão, nhưng người nào thấu đạt chân lý, và đối xử tốt với người khác, người ấy là Trưởng lão.

Phật nói kệ:

(260) Không phải là Trưởng lão, Dù tuổi cao đầu bạc, Không tịnh hạnh tu trì, Tôn xưng bậc Hòa thượng, Gọi suông có ích gì?

(261) Ai chân thật, đúng pháp, Không hại, biết chế phục, Bậc trí, không cấu uế, Mới xứng danh Trưởng lão.

5. Thế Nào Là Người Hoàn Toàn?

Không phải nói lưu loát...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở Kỳ Viên, liên quan đến một số Tỳ-kheo.

Một hôm, có vài Trưởng lão thấy các Sa- di và Tỳ-kheo trẻ hầu hạ thầy, nhuộm y, giặt y... Các vị bàn tán:

- Chúng ta là những người giảng dạy thông suốt, vậy mà không được săn sóc như thế. Bây giờ chúng ta đến chỗ Phật

thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Chúng con đều tinh thông Giáo pháp, xin Ngài ra lệnh cho các Tỳ-kheo tân học và Sa-di rằng: "Dù được học giáo lý với ai, không được ôn luyện cho đến khi các ông được các Trưởng lão này giảng dạy". Như thế chúng ta sẽ được danh dự và lợi dưỡng.

Bàn thế, các Trưởng lão đến chỗ Phật và thưa như trên, Phật nghĩ: "Trong truyền thống tôn giáo ta, có quyền nói như vậy, nhưng mấy ông này chỉ nghĩ đến quyền lợi của họ". Và Ngài bảo:

- Ta không nhận xét các ông đã hoàn toàn chỉ vì các ông nói lưu loát. Nhưng người nào mà mọi ô nhiễm và phẩm hạnh xấu đều bị trừ tuyệt bởi Thánh quả, người ấy mới thật hoàn toàn.

Ngài nói kệ:

(262) Không phải nói lưu loát, Không phải sắc mặc đẹp, Thành được người lương thiện, Nếu ganh, tham, dối trá.

(263) Ai cắt được, phá được, Tận gốc nhổ tâm ấy, Người trí ấy diệt sân, Được gọi người hiền thiện.

6. Đầu Trọc Không Làm Nên Tỳ Kheo

Đầu trọc, không làm nên Sa-môn ...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến Hatthaka.

Chuyện kể rằng, mỗi khi thầy Hattthaka bị thua cuộc trong khi tranh luận, bèn

hẹn:

- Hãy đến nơi ấy, nơi kia vào đúng giờ ấy, giờ kia, sẽ kết thúc cuộc bàn cãi.

Và thầy đến trước nơi hẹn, và nói:

- Xem kìa! Mấy người ngoại đạo sợ ta đến nỗi không dám đến gặp. Vậy là họ thua cuộc rồi.

Thầy luôn luôn dùng cách ấy nói với đối phương mỗi khi thua cuộc.

Đức Phật nghe nói Hatthaka làm như vậy, bèn gọi thầy đến hỏi:

- Hatthaka, có phải ông làm như thế, như thế?

- Thưa vâng.

- Tại sao ông làm như thế? Một người làm điều sai quấy không thể gọi là Samôn, dù đầu họ cạo trọc. Người nào sửa được mọi lỗi lầm lớn nhỏ mới thật sự là Sa-môn.

Ngài nói kệ:

(264) Đầu trọc, không Samôn, Nếu phóng túng, nói láo, Ai còn đầy dục tham, Sao được gọi Sa-môn.

(265) Diệt trừ mọi tội lỗi, Dù lớn nhỏ đều không, Xô đuổi nhân phiền não, Là thanh tịnh Sa-môn. (Phạm Thiên Thư dịch).

7. Điều Gì Làm Nên Sa Môn

Đâu phải là Tỳ-kheo...

Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên hệ tới một Bà-la-môn.

Có một người Bà-la-môn từ bỏ gia đình, trở thành tu sĩ ngoại đạo. Khi ông đi khất thực, ông tự nghĩ: "Sa-môn Cồ-đàm gọi các đệ tử là "Tỳ-kheo" khi họ đi khất thực. Ông ấy

cũng phải gọi ta là Tỳkheo". Ông ta đi đến chỗ Phật và nói:

- Sa-môn Cồ-đàm, tôi cũng tự nuôi sống bằng cách xin ăn, hãy gọi tôi là Tỳ-kheo.

Phật trả lời:

- Này Bà-la-môn, ta không gọi ai là Tỳ- kheo chỉ vì người ấy xin ăn. Người làm

tất cả mọi hình thức giống Tỳ-kheo cũng không phải Tỳ-kheo. Chỉ có người thấy biết như thật về các uẩn và hành trì tương ưng, người ấy thật sự là Tỳ-kheo.

Ngài nói kệ:

(266) Chỉ khất thực nhờ người, Đâu phải là Tỳ-kheo! Phải theo pháp toàn diện, Khất sĩ không, không đủ.

(267) Ai vượt qua thiện ác, Chuyên sống đời Phạm hạnh, Sống thẩm sát ở đời, Mới xứng danh Tỳ-kheo.

8. Không Phải Im Lặng Làm Nên Bậc Thánh

Im lặng nhưng ngu si...

Câu chuyên xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến ngoại đạo.

Các thầy ngoại đạo khi nhận được thức ăn cúng dường thường chúc lành cho chủ nhân:

- Xin chúc các vị bình an, hạnh phúc, tăng thêm tuổi thọ. Các vị sẽ không đến những nơi gai góc, sình lầy như nơi nọ nơi kia.

Như thế, họ hồi hướng phước lành, cảm tạ và xong rồi mới đi. Về phần Tăng chúng của Phật, ban đầu chưa hồi hướng, các thầy chỉ nhận vật thực rồi đi. Dân chúng phê bình như sau:

- Chúng ta được nghe lời cám ơn và chúc

lành của ngoại đạo, còn các thầy Tỳ- kheo thì hoàn toàn im lặng.

Các Tỳ-kheo bạch Phật điều ấy. Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, khi ngồi ở phòng ăn hay nơi nào thọ thực, hãy cám ơn thức ăn mình nhận, và nói lời vui lòng chủ nhân khi họ ngồi gần đó.

Như thế, đức Phật ra lệnh cho các Tỳkheo hồi hướng công đức cho thí chủ. Khi nghe các lời ấy, mọi người cố gắng thỉnh các thầy về nhà thọ thực, và cúng dường rất nhiều. Các ngoại đạo phê bình:

- Chúng ta là thánh và giữ im lặng, còn đệ tử của Cồ-đàm nói dông dài trên bàn ăn và các nơi thọ thực.

Khi đức Phật nghe kể lại, Ngài dạy:

-Ta không gọi người nào thánh chỉ vì họ im lặng. Có nhiều người không nói vì ngu dốt, vì thiếu niềm tin, có khi vì keo kiệt không muốn người khác học hỏi những gì mình

biết. Vì thế ta nói người ấy không phải là thánh chỉ vì họ im lặng. Chỉ người nào thoát khỏi dục nhiễm mới là thánh.

Ngài nói kệ:

(268) Im lặng nhưng ngu si, Đâu được gọi ẩn sĩ? Như người cầm cán cân, Bậc trí chọn điều lành.

(269) Từ bỏ các ác pháp, Mới thật là ẩn sĩ. Ai thật hiểu hai

đời, Mới được gọi ẩn sĩ.

9. Cao Quý Là Hành Động Cao Quý

Đâu được gọi hiền thánh...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một người đánh cá tên Cao Quí.Một hôm, đức Phật quan sát thấy người đánh cá này có khả năng chứng quả, nên sau khi khất thực gần cửa thành phía Bắc của Xá-vệ, Ngài và chúng tăng trở về qua chỗ người này. Đúng lúc ấy, người đánh cá đang câu cá. Gặp Phật và chư Tăng, Cao Quí bèn ném cần câu và đứng yên. Đức Thế Tôn đứng cách đó không xa, quay lại hỏi tên ngài Xá-lợi-phất và các vị khác:

- Ông tên gì?

- Con là Xá-lợi-phất.

- Con là Mục-kiền-liên.

Người đánh cá nghĩ thầm: "Đức Phật hỏi tên mọi người, chắc sẽ hỏi tên ta". Phật biết ý quay sang hỏi:

- Này cư sĩ, ông tên gì?

- Bạch Thế Tôn, con tên Cao Quí.

Phật bảo:

- Này cư sĩ, người đoạt mạng sống người khác không thể gọi là Cao Quí. Cao Quí là không bao giờ làm hại ai.

Ngài nói kệ:

(270) Còn sát hại sanh linh, Đâu được gọi Hiền thánh. Không hại mọi hữu tình, Mới được gọi Hiền thánh.

10. Đừng TựMãn

Chẳng phải chỉ giới cấm...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến vài Tỳ-kheo đức hạnh.

Một vài vị Sa-môn đầy đủ đức hạnh tự nghĩ rằng:

- Chúng ta đầy đủ giới đức, chúng ta tu tập theo giáo lý thanh tịnh, chúng ta học rộng, chúng ta sống tịnh cư, chúng ta

phát triển thần thông nhờ thiền định. Vì thế, chúng ta chứng A-la-hán không khó, chúng ta sẽ chứng A-la-hán bất cứ khi nào.

Cũng như thế, các vị chứng quả A-na- hàm cũng nghĩ:

- Đối với chúng ta, chứng quả A-la-hán không khó.

Một ngày kia các vị đi đến chỗ Phật, đảnh lễ và lui ngồi một bên. Phật hỏi:

- Này các Tỳ-kheo, các ông đã xong việc chưa?

Các thầy thưa:

- Bạch Thế Tôn, chúng con đã đạt những bậc Thánh như thế đó, khi nào muốn

chúng con sẽ chứng quả A-la-hán. Vì nghĩ như vậy, nên chúng con giữ nguyên vị trí.

Nghe nói thế, Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, không thích đáng cho một Sa-môn chỉ vì đã giữ tròn giới luật, hoặc chỉ chứng được Tam quả, và nghĩ rằng: "Chỉ còn chút ít phiền não trong đời hiện tại của ta". Trái lại, chừng nào lậu hoặc chưa hoàn toàn diệt trừ, người ấy chưa có quyền tự cho rằng mình đã thật sự chứng đắc.

Ngài nói kệ:

(271) Chẳng phải chỉ giới cấm. Cũng không phải học nhiều. Chẳng phải chứng thiền định, Sống thanh vắng một

mình.

(272) Ta hưởng an ổn lạc, Phàm phu chưa hưởng được, Tỳ-kheo, chớ tự tín, Khi lậu hoặc chưa diệt.

XX.Phẩm Đạo 1. Bát Chánh Đạo Là Đường Tối Thượng

Bát chánh, đường thù thắng ...

Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở Kỳ Viên, liên quan đến năm trăm vị Tỳ- kheo.

Một hôm, đức Phật sau khi du hành khắp nước, trở về Xá-vệ. Lúc ấy có năm trăm Tỳ-kheo bàn tán về những con đường đã

đi qua: "Con đường của làng này bằng phẳng, con đường của làng này gồ ghề, con đường của làng này đầy sỏi đá, con đường của làng này không có sỏi... "Đức Phật nhận thấy các thầy đủ duyên để chứng quả A-la-hán, bèn đi đến Pháp đường, hỏi:

- Các ông ngồi đây bàn tán việc gì?

Khi các thầy thưa xong, Ngài dạy:

- Này các Tỳ-kheo, những con đường đó chẳng đáng cho chúng ta quan tâm. Một người là Tỳ-kheo phải đi theo con đường Thánh Đạo, chỉ có thế mới giải thoát mọi đau khổ.

Ngài nói kệ:

(273) Bát chánh, đường thù

thắng, Tứ Đế, lý thù thắng, Ly tham, pháp thù thắng, Giữa các loài hai chân, Pháp nhãn, người thù thắng.

(274) Đường này, không đường khác, Đưa đến kiến thanh tịnh. Nếu ngươi theo đường này, Ma quân sẽ mê loạn.

(275) Nếu ngươi theo đường này, Đau khổ được đoạn tận. Ta dạy ngươi con đường, Với trí, gai chướng diệt.

(276) Ngươi hãy nhiệt tình làm, Như lai chỉ thuyết dạy. Người hành trì thiền định, Thoát trói buộc ác ma.

2. Vô Thường

Tất cả hành vô thường...

Câu chuyện xảy ra khi Thế Tôn ở Kỳ Viên, liên quan đến năm trăm Thầy Tỳ- kheo.

Có năm trăm vị Tỳ-kheo nhận đề tài thiền định từ đức Phật, và cố gắng nỗ lực tối đa ở trong rừng, nhưng không chứng quả A-la- hán. Các vị trở lại xin Phật đề tài khác thích hợp hơn. Nhận thấy rằng các Tỳ-kheo này, vào thời Phật Ca-diếp, đã chuyên chú thiền quán trong hai ngàn năm về đề tài Vô Thường. Vậy Vô Thường là đề mục mà Ta sẽ giảng. Nghĩ thế, Phật bèn dạy:

- Này các Tỳ-kheo, trong cõi này và cõi khác, tất cả pháp hữu vi do không thật nên đều bị chi phối bởi vô thường.

(277) Tất cả hành vô thường, Với tuệ quán thấy vậy, Đau khổ được nhàm chán, Chính con đường thanh tịnh.

3. Khổ

Tất cả hành khổ đau ...

Chuyện này như chuyện trên, Phật dạy các thầy quán sát về khổ.

- Này các Tỳ-kheo, tất cả các uẩn ép bức chúng ta, đó là khổ.

Ngài nói kệ:

(278) Tất cả hành khổ đau. Với tuệ quán thấy vậy, Đau khổ được nhàm chán, Chính con đường thanh tịnh.

4. Vô Ngã

Tất cả pháp vô ngã ...

Cùng một câu chuyện trên, Phật nhận thấy các thầy từng quán về Vô Ngã trong năm trăm kiếp, Ngài dạy:

- Này các Tỳ-kheo, các uẩn đều không cố định, và đều không thực.

Ngài nói kệ:

(279) Tất cả pháp vô ngã, Với tuệ quán thấy vậy, Đau khổ được nhàm chán, Chính con đường thanh tịnh.

5. Chớ Hẹn Ngày Mai

Khi cần, không nỗ lực...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở Kỳ Viên, liên hệ đến Tôn giả Padhànakammika Tissa.

Có năm trăm thanh niên thành Xá-vệ theo Phật xuất gia, nhận đề tài thiền quán từ đức Bổn sư và đi vào rừng. Một người trong bọn họ nhác tu, hẹn lần hồi, nhưng bốn trăm chín mươi chín người kia nỗ lực thiền định và đắc quả A-la-hán. Bấy

giờ, các thầy trở về bạch Phật về thành quả đạt được. Khi đi khất thực qua một ngôi làng cách Xá-vệ một dặm, một tín đồ trông thấy các thầy. Người ấy mời các vị về, cúng dường cơm và thực phẩm, và sau khi nhận lời hồi hướng, tín đồ ấy mời các thầy ngày mai đến thọ thực.

Về đến Xá- vệ, các thầy xếp cất y bát, đến đảnh lễ đức Phật. Đức Thế Tôn tỏ lòng hoan hỷ và thăm hỏi thân mật các thầy. Chỉ nhà thầy nhác tu thầm nghĩ: "Đức Thế Tôn hết lời vui mừng chào đón các thầy kia. Còn ta, vì chưa chứng quả nên Ngài không thèm nói một lời. Ngay hôm nay ta phải chứng quả A-la-hán, có thế khi ta trở lại, Thế Tôn mới nói chuyện với ta".

Các vị Sa-môn bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, trên đường về chúng con được một thiện tín mời ngày mai thọ thực. Sáng mai chúng con sẽ đi.

Sa-môn chưa chứng quả, suốt đêm ấy đi tới đi lui, rốt cuộc buồn ngủ quá thầy té nhằm một ghế đá, gãy chân, thầy kêu lên đau đớn. Các Sa-môn khi nghe tiếng chạy đến, săn sóc cho thầy. Trời đã sáng mà họ vẫn còn bận bịu chăm sóc cho thầy. Kết quả là năm trăm thầy không rảnh được để đi thọ thực sáng hôm ấy.

Phật hỏi:

- Sao các ông không đi vào làng nhận vật thực?

Các thầy thưa lại mọi chuyện. Phật bảo:

- Đây không phải lần đầu tiên ông ấy

ngăn trở các ông nhận vật thực. Đời quá khứ ông ấy cũng như vậy.

Ngài kể chuyện quá khứ (Jàtaka 71), và kết luận:

- Này các Tỳ-kheo, người nào không trỗi dậy đúng giờ, ý chí yếu ớt và lười biếng, người ấy không bao giờ phát triển thiền định và chứng Thánh quả.

Ngài nói kệ:

(280) Nỗ lực không nhằm nơi, Tiêu trầm chí khí mạnh, Tuổi hoa sớm biếng lười, Mong gì đạo chánh thánh.

6. Con Quỷ Đầu Heo

Lời nói được thận trọng...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, liên quan đến một con quỷ đầu heo.

Một hôm, Tôn giả Mục-Kiền-Liên cùng Tôn giả Lakkhana xuống núi Kỳ-xà-quật. Đến một chỗ nọ Tôn giả Mục-kiền-liên bỗng mỉm cười, Tôn giả Lakkhana hỏi:

- Sao sư huynh cười?

- Lúc này không nên hỏi, hãy đợi đến lúc gặp Thế Tôn.

Hai vị tiếp tục đi khất thực ở thành Vương-xá. Xong trở về Trúc Lâm, đến trước Phật đảnh lễ lui ngồi một bên. Và Tôn giả Lakkhana bèn hỏi Tôn giả Mụckiền-liên câu trước, lúc này Tôn giả mới

trả lời:

- Tôi thấy một con quỷ to lớn thân hình cao gần một dặm, dáng người nhưng đầu heo, trong miệng mọc ra một cái đuôi đầy dòi bọ lúc nhúc. Tôi nghĩ thầm: "Thật ta chưa hề thấy một sinh vật nào như thế". Vì thế tôi mỉm cười.

Đức Phật xác nhận:

- Mục-kiền-liên quả là có mắt thấy. Ta cũng từng thấy như thế khi ngồi dưới cây Bồ-đề, nhưng Ta nghĩ: "Nếu có ai chẳng tin, thật là điều tai họa cho chúng". Và vì thương những kẻ đó nên Ta không nói. Bây giờ có Mục-kiền-liên chứng kiến, Ta mới mạnh dạn nói sự thật.

- Bạch Thế Tôn, con quỷ ấy kiếp trước đã làm gì?

- Này các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe.

Chuyện quá khứ

6A. Kẻ Phá Hoại Tình Huynh Đệ

Vào thời đức Phật Ca-diếp, có hai Tôn giả sống hoà thuận với nhau trong một tu viện của làng nọ, người lớn sáu mươi tuổi, người nhỏ năm mươi chín tuổi. Tôn giả ít tuổi hơn thường mang y bát giùm cho vị lớn và đi theo sau, làm tròn mọi bổn phận như một chú tiểu hầu huynh trưởng. Giống như hai anh em cùng cha mẹ, họ sống trong hoà thuận, an lạc.

Một ngày kia, có một giảng sư đến chỗ họ ở. Ngày ấy là ngày nghe pháp, cả hai Tôn giả khoản đãi vị sư khách và nói:

- Đại đức, xin giảng pháp cho chúng tôi.

Vị này giảng dạy pháp lý cho cả hai, họ rất vui mừng. Ngày hôm sau, hai Tôn giả đưa khách vào làng khất thực. Sau khi ăn xong, họ lại thỉnh:

- Tôn huynh, xin hãy giảng tiếp đoạn pháp hôm qua.

Và hai thầy thỉnh giảng sư thuyết pháp luôn cho dân chúng. Nghe xong, Phật tử mời giảng sư xin đến vào ngày mai. Cứ như vậy các vị đi khất thực khắp các làng lân cận, hai thầy đưa giảng sư đến những nhà quen.

Giảng sư nghĩ thầm: "Hai thầy này rất nhẹ dạ. Ta sẽ tìm cách khiến họ rời nơi đây và chiếm tư viện này". Buổi chiều, ông đến chăm sóc hai Tôn giả lớn tuổi. Khi đến giờ đi nghỉ, ông đến chỗ vị lớn tuổi, nói:

- Tôn giả, tôi có việc muốn nói với Ngài.

- Xin cứ nói.

Giảng sư ngần ngừ rồi nói:

- Điều tôi nói ra có nhiều tai hại.

Xong ông im lặng bỏ đi, đến chỗ vị nhỏ tuổi cũng làm như vậy.

Ngày thứ hai, ông cũng đóng kịch như vậy, ngày thứ ba, cả hai Tôn giả đều bị kích động. Giảng sư đến chỗ Tôn giả lớn tuổi, nói:

- Thưa Ngài, tôi có chuyện muốn nói nhưng không dám thốt ra trước mặt Ngài.

Vị này nài ép:

- Không sao, tôn huynh cứ nói.

- Nhưng, Tôn giả nhỏ kia có liên quan gì với Ngài không?

- Ngài bảo sao? Chúng tôi như anh em một mẹ, người này nhận cái gì thì người kia cũng nhận thế ấy, tôi chưa bao giờ thấy thầy ấy có lỗi.

- Thật vậy à?

- Thật chứ?

- Thưa Tôn giả, đây là điều Tôn giả nhỏ tuổi nói với tôi: "Thưa Ngài, Ngài thuộc dòng cao quí, nhưng còn Tôn giả lớn tuổi này, nếu Ngài có định quan hệ với ông ấy, và tưởng rằng ông ấy trung hậu và dễ mến, thì hãy coi chừng". Thầy lặp đi lặp lại với tôi như thế ngay từ hôm tôi mới

đến tới giờ.

Nghe nói xong, Tôn giả lớn tuổi cảm thấy giận vô cùng, cõi lòng tan nát như một lọ gốm bị đập. Giảng sư đến chỗ thầy nhỏ tuổi, cũng nói y như trên, và thầy cũng cảm thấy đổ

vỡ như sư huynh mình, hai vị thường đi khất thực với nhau, ngày đó Tôn giả trẻ đi vào làng một mình, đi trước sư huynh của mình và dừng bước nơi thọ thực, Tôn giả lớn tuổi đến sau.

Khi thấy sư huynh mình, Tôn giả trẻ nghĩ thầm: "Ta có nên mang y bát của Ngài hay không? Không, ta không mang". Nhưng sau đó: "Khoan! Chẳng bao giờ ta xử sự như thế này, ta không thể thiếu sót bổn phận". Và mềm lòng, thầy đến chỗ vị lớn tuổi:

- Thưa Tôn giả, hãy đưa y bát cho con.

Trưởng lão từ chối:

- Chú hãy đi đi, người giả dối. Chú không xứng đáng mang y bát cho tôi.

Vừa nói Ngài vừa xua tay khinh rẻ.

- Phải, tôi cũng nghĩ tôi không mang y bát cho Ngài.

- Này chú, chú tưởng tôi luyến tiếc tu viện này hay sao?

- Tôi cũng không cần ở tu viện. Tu viện Ngài, Ngài cứ ở.

Nói xong, thầy ôm y bát bỏ đi. Trưởng lão cũng ra đi, và thay vì đi chung với nhau như mọi lần, bây giờ một người đi

hướng Đông, một người đi hướng Tây. Giảng sư nói với họ:

- Đừng làm thế.

Hai Trưởng lão bảo:

- Thôi, Đại đức ở lại.

Và giảng sư làm chủ tu viện. Hôm sau, giảng sư đi vào làng kế cận, dân chúng hỏi thăm:

- Thưa Đại Đức, các vị kia đâu?

- Đừng hỏi tôi. Hai thầy ấy gây gổ nhau và ra khỏi tu viện hôm qua. Tôi can hết sức mà không được.

Nghe thế, một số người khờ khạo tin liền, nhưng những người khôn ngoan bảo

nhau:

- Trong suốt thời gian ở đây, chúng ta không thấy hai Tôn giả bất hòa với nhau. Nếu các vị sợ hãi bỏ đi, chắc tại ông thầy mới đến.

Và họ rất buồn.

Về phần hai Tôn giả, cả hai đều bất an. Trưởng lão nghĩ thầm: "Ôi! Thiệt là chú nhỏ rất lầm lỗi", khi thấy khách chú đã bảo "đừng liên hệ với ta". Và Tôn giả trẻ tuổi cũng nghĩ như thế. Cả hai đều bực bội, không thể đọc kinh hay tọa thiền.

Một trăm năm trôi qua, tình cờ cả hai Tôn giả cùng đến một tu viện miền Tây và cùng nhận chung một phòng. Khi Trưởng lão già vừa bước vào phòng và ngồi lên giường, Tôn giả trẻ cũng vừa

đến. Thấy nhau, họ không cầm được nước mắt. Thầy trẻ suy nghĩ: "Ta có nên nói hay không? Chuyện đó không đáng tin". Và thầy đến chào vị Trưởng lão, nói:

- Bạch Ngài, trong suốt thời gian con mang y bát theo Ngài, Ngài có thấy con có gì sơ sót trong tư tưởng, lời nói và hành động?

- Không, ta không thấy.

- Thế thì tại sao Ngài bảo với vị sư khách rằng đừng dính dáng gì với con?

- Này chú, ta không nên nói như thế, mà trái lại ta được nghe chú nói như vậy về ta.

- Thưa Ngài, con cũng không hề nói như

thế bao giờ.

Lúc ấy, cả hai mới nhận ra rằng, ông giảng sư nọ nói như vậy chỉ vì muốn chia rẽ huynh đệ, và cả hai đều nhận lỗi của mình. Sau thời gian một trăm năm bất an, cả hai vị giảng hoà với nhau. Và hai Tôn giả trở về tu viện cũ để mời sư thầy lắm chuyện ra khỏi cửa.

Giảng sư thấy hai vị trở về, vội đến trước đỡ lấy y bát. Nhưng hai Trưởng lão điểm mặt thầy:

- Ông không xứng đáng ở trong tu viện.

Không dám nán lại giây phút, giảng sư lập tức rời tu viện. Sau khi chết, giảng sư nói rơi vào địa ngục A tỳ, trong thời gian giữa hai đức Phật chịu hình phạt ở địa ngục, và bâuy giờ mang thân quỷ khổ sở

như đã nói trên.

Sau khi nói xong, đức Phật dạy:

Ngài nói Pháp cú:

(281) Lời nói được thận trọng, Tâm tư khéo hộ phòng, Thân chớ làm điều ác, Hãy giữ ba nghiệp tịnh, Chứng đạo thánh nhân dạy.

7. Pothila, Ông Sư Rỗng

Tu thiền trí tuệ sinh ...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Pothila.

Trưởng lão Pothila, thông thuộc Tam tạng trong thời đại của bảy đức Phật, là người tuyên đọc giáo lý cho một nhóm năm trăm Tỳ-kheo. Một ngày nọ, đức Phật nhủ thầm: "Nếu có dịp, ta sẽ khuyến khích Trưởng lão này chấm dứt lậu hoặc". Và từ đó, mỗi khi Tôn giả đến bên Thế Tôn, Ngài thường gọi;

- Hãy đến đây, Pothila rỗng!

Hoặc:

- Chào ông Pothila rỗng.

- Ngồi xuống, Pothila rỗng.

- Hãy đi, Pothila rỗng.

Và khi Trưởng lão ra đi, Ngài còn nói theo:

- Pothila rỗng đã đi.

Trưởng lão Pothila tự nghĩ: "Ta thông thuộc Tam tạng và đọc suốt chú giải, ta là giáo thọ của năm trăm Tỳ-kheo, mười tám hội chúng. Vậy mà đức Thế Tôn luôn luôn gọi ta là Pothila rỗng. Chắc chắn vì ta chưa phát triển Chánh định nên Ngài gọi ta như vậy". Rất kích động, Trưởng lão quyết định vào rừng, thiền định. Chiều hôm ấy, Ngài sắp xếp y bát, và vào chập tối, đi lẫn trong hàng người nghe kinh. Các Tỳ-kheo đang tụng kinh không để ý đó là thầy của mình.

Pothila đi một khoảng đường một trăm hai mươi dặm, cuối cùng đến khu rừng có ba nươi vị Tỳkheo đang ẩn cư. Đến nơi, Ngài chào vị trưởng chúng và nói:

- Bạch Trưởng lão, xin hãy chỉ giáo cho tôi.

- Tôn giả, Ngài là giảng sư, chúng tôi còn phải học với Ngài, sao Ngài nói thế?

- Thưa Ngài, xin đừng từ chối, hãy chỉ dạy tôi.

Thật ra, tất cả các Tỳ-kheo này đều chứng quả A-la-hán. Vị trưởng lão đệ nhất nghĩ thầm: "Vị Tỳ-kheo này, vì học rộng chắc sẽ cao ngạo". Và vì thế, đưa Pothila sang vị thứ hai, người thứ hai lại đưa xuống cho người thứ ba. Và cứ thế, họ đẩy Pothila đến người trẻ nhất trong nhóm, một chú Sa-di bãy tuổi đang ngồi vá y. Như thế kiêu khí của Pothila đã giảm rất nhiều.

Pothila đến bên chú Sa-di, chấp

tay cung kính:

- Đại đức, xin chỉ giáo cho tôi.

- Ơ kìa! Giáo sư, Ngài nói gì thế? Ngài hơn tôi về tuổi tác và học vấn, tôi còn phải học với Ngài.

- Đại đức, xin đừng từ chối, hãy chỉ dạy cho tôi.

- Thưa Tôn giả, nếu Ngài kiên nhẫn, tôi sẽ chỉ cho.

- Tôi sẽ kiên nhẫn, nếu Ngài bảo tôi nhảy vào lửa tôi cũng nhảy.

Chú Sadi chỉ một cái ao cách đó không xa, bảo Pothila:

- Ngài hãy xuống ao, để cả y áo.

Chú biết rằng Pothila mặc y đẹp, đắt giá, nói thử như vậy để xem Pothila có dễ dạy không. Vừa nói xong, Pothila đã nhảy xuống ao, y áo ướt sũng. Chú Sa-di kêu lên:

- Hãy đến đây!

Lập tức, Pothila leo lên và đến gần chú. Chú bảo:

- Này Tôn giả, giả sử ở đây có một cái hang với sáu cửa, một con tắc kè chui vào hang, người nào muốn bắt nó, phải bít năm cửa hang, chừa lại một cửa là sẽ tóm được tắc kè. Như thế Ngài nên đóng hết đóng hết năm căn, và tập trung vào ý căn.

Với một người thông minh như Pothila, câu nói của chú Sa-di đã soi sáng vấn đề.

- Như thế đã đủ, Đại đức.

Pothila tập trung tư tưởng, quán sát thân mình, và bắt đầu thiền định. Đức Phật ở cách xa một trăm hai mươi dặm, biết rằng
Tôn giả sẽ trở nên bậc đại trí tuệ
Ngài hoá hiện trước Tôn giả, nói
kệ:
(282) Tu thiền, trí tuệ sanh, Bỏ thiền, trí tuệ diệt. Biết con đường hai ngả, Đưa đến hữu, phi hữu. Hãy tự mình nỗ lực, Khiến trí tuệ tăng trưởng.

Nghe xong, Pothila đắc quả A-la-hán.

8. Các lão Tỳ Kheo Và Lão Bà

Đốn rừng, không đốn cây ...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một số các Tỳ- kheo già.

Tại Xá-vệ, có một số đại phú gia quyền thế, và lớn tuổi, họ kết thân với nhau, cùng làm nhiều việc thiện. Khi nghe đức Thế Tôn giảng dạy, họ bảo nhau:

- Chúng ta đều già cả, sao còn ở lại gia đình làm cư sĩ.

Họ bèn đến xin Phật xuất gia, gia nhập Tăng đoàn, theo nếp sống Sa-môn. Vì lớn tuổi không thể học thuộc kinh kệ, họ cất một thảo am ngoài vòng tu viện, và ở chung với nhau. Mỗi khi khất thực, họ về

nhà vợ con nhận thức ăn. Trong số đó, có một thầy Tỳ-kheo già, vợ cũ của thầy tên Madhurapàcikà, rất tử tế với các thầy. Các thầy thường mang vật thực nhận được đến nhà bà thọ thực, bà Madhurapàcikà vẫn hay dâng cúng nước xốt và càri. Ít lâu sau, bà lâm bệnh rồi qua đời. Các Tỳ-kheo già hay tin ôm cổ nhau than khóc kể lễ, người này té vào người kia:

- Ôi! Nữ thí chủ Madhurapàcikà đã chết.

Nghe kêu khóc rền rĩ, các Tỳ-kheo khác chạy đến, hỏi han:

- Các huynh, việc gì vậy?

Các Sa-môn già trả lời:

- Bà vợ của một người bạn chúng tôi mới

chết. Bà ấy là một thí chủ tốt bụng nhất. Chúng tôi biết tìm đâu ra một người như vậy. Vì thế nên kêu khóc.

Các Tỳ-kheo bàn tán việc này tại Pháp đường, đức Thế Tôn đi đến hỏi:

- Các ông tụ tập ở đây bàn việc gì?

Khi các Tỳ-kheo thuật lại câu chuyện, Phật dạy:

- Đây không phải lần đầu họ làm như vậy. Đời quá khứ cũng đã xảy ra chuyện này.

Chuyện quá khứ

8A. Jatakakàka

Trong thời quá khứ, họ là một đàn quạ.

Và bà nữ thí chủ là một con quạ cái, khi bay qua bờ biển nó bị sóng cuốn và nhận chìm, cả đàn kêu khóc, và tìm cách dùng mỏ tát nước biển để cứu bà quạ. Rốt cuộc cả đàn đều mệt mỏi vô ích.

Kể chuyện quá khứ, Phật dạy tiếp:

- Này các Tỳ-kheo? Khi nào còn rừng rậm tham, sân, si, các ông còn chịu đau khổ. Hãy đốn ngã rừng cây ấy các ông mới được giải thoát.

Ngài nói kệ:

(283) Đốn rừng, không đốn cây Từ rừng, sinh sợ hãi. Đốn rừng và ái dục Tỳ-kheo, hãy tịch tịnh.

(284) Khi nào chưa cắt tiệt, Ái

dục giữa gái trai Tâm ý vẫn buộc ràng Như bò con bú mẹ.

9. Cỏ Úa, Hoa Phai

Tự cắt dây ái dục...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ VIên, liên quan đến một thầy Tỳ- kheo đệ tử ngài Xá-lợi-phất.

Có một thanh niên khôi ngô, con nhà thợ bạc, từ bỏ gia đình, xuất gia tu học với Ngài Xá-lợi-phất. Tôn giả nghĩ thầm: "Đồ đệ ta còn trẻ, tham dục rất mạnh". Để giúp thầy Sa-môn trẻ chống đỡ lại dục nhiễm, Tôn giả dạy thầy phép quán Bất tịnh. Nhưng đề mục ấy không thích hợp, nên mặc dù thầy đã rút vào rừng, nỗ

lực phấn đấu trên một tháng, thầy vẫn không sao tập trung tư tưởng.

Thầy trở lại, Tôn giả hỏi:

- Con đã nắm vững đề mục thiền quán chưa?

Thầy trình bày sự thất bại của mình. Tôn giả bảo:

- Một người không bao giờ nói rằng: "Tôi không đạt được đề mục thiền quán".

Tôn giả chỉ dạy cẩn thận thêm về đề tài ấy. Thầy cũng không tiến bộ bao nhiêu, phải trở lại trình với thầy. Lần thứ ba, Tôn giả cũng dạy đề mục đó, chỉ dạy cặn kẽ về lý do, nguyên nhân và các ảo tưởng tương tự. Một lần nữa thầy lại thất bại trong công phu thiền quán.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghĩ thầm: "Một Samôn bén nhạy, khi tham dục hiện hữu thầy biết nó hiện hữu. Khi tham dục không hiện hữu biết rằng chúng không hiện hữu. Sa-môn này bén nhạy, không trì độn, vững vàng trong đạo chưa lay chuyển. Tuy thế ta lại không thể hiểu được tư tưởng và khuynh hướng của thầy. Chắc chắn thầy sẽ thuần phục lời dạy của Phật".

Vào buổi chiều, Tôn giả dẫn đồ đệ đến chỗ Phật, và kể hết câu chuyện:

- Bạch Thế Tôn, đây là đệ tử con, con đã dạy y như thế...

Phật dạy:

- Biết được tư tưởng và khuynh hướng là quyền năng riêng của Phật, là bậc Toàn

Giác có trí quán chiếu thông suốt, khiến cho mười ngàn thế giới ngợi khen.

Đức Phật quán sát gia thế của thầy Samôn trẻ, biết rằng không những đời này thầy sanh trong nhà thợ bạc, mà đã năm trăm kiếp sanh trong nhà đó. Và trải qua thời gian lâu xa làm thợ kim hoàn, chuyên chạm trổ các hoa sen, hoa ca-nịsắc bằng vàng ròng, nên thiên quán về đề tài nhờm gớm và tẻ nhạt, chắc chắn không thích hợp với thầy, chỉ có đề mục vui tươi mới thích hợp. Phật bảo Tôn giả:

- Này Xá-lợi-phất! Với Sa-môn mà ông chỉ định đề mục thiền quán vừa trải qua bốn tháng mệt nhọc vô ích, ông sẽ thấy y chứng A-la-hán ngay hôm nay, ông hãy đi nơi khác.

Sau khi đuổi Tôn giả đi, Phật dùng thần

thông tạo ra một hoa sen bằng vàng to bằng bánh xe, cọng lá tươi tắn y như thật, đưa cho thầy Sa-môn bảo:

- Này Tỳ-kheo, hãy cầm lấy hoa sen này ra phía ngoài tinh xá, cắm nó trên đỉnh cát, và ngồi kiết già trước nó, ở giai đoạn sơ khởi, hãy lặp lại câu "Đỏ thắm! Đỏ thắm!"

Ngay khi nhận hoa sen từ bàn tay Thế Tôn, thầy Sa-môn trở nên bình an. Thầy làm theo lời Phật dạy, làm một đống cát ngoài rào tinh xá, cắm hoa sen lên, ngồi kiết già trước mặt nó, và lẩm nhẩm "Đỏ thắm! Đỏ thắm!" Ngay khi ấy, các triền cái bị tiêu diệt, thầy bắt đầu nhập định, phát triển Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Cả toàn thân thầy chìm sâu trong thiền định. Đức Phật dự biết thầy đạt được định, tự hỏi "Sa-môn này có thể

tự mình phát triển Thánh quả đến tận cùng không?" Thấy rằng thầy không thể tự đạt, Ngài ra lệnh "Hoa sen hãy héo!" Lập tức đóa sen thiền quán của thầy ngã màu, nhợt úa như bị vò nát.

Thầy Tỳ-kheo xuất định, thấy thế, tự nghĩ: "Bằng cách gì mà bông sen này trở nên già úa? Nếu những vật như thế không bị lệ thuộc vào giới thông tục mà còn bị chế phục bởi tuổi già, không có gì nghi ngại chuyện chúng sanh đắm luyến thế gian đều sẽ bị chế phục tương tự. "Thế là, thầy thấu rõ lẽ vô thường. Đồng thời, thầy thấu luôn cả lý khổ và vô ngã. Ba pháp ấn hiện rõ rệt với thầy như lửa rực cháy, hay như sợi dây cột quanh cổ.

Lúc ấy có một lũ trẻ con chơi gần đấy, lội xuống hồ bẻ bông sen chất thành đống trên bờ. Thầy Tỳ-kheo nhìn những

đóa hoa dưới nước và hoa trên bờ. Những hoa dưới nước tươi xinh đẹp, còn hoa trên bờ héo úa, tàn rũ. Thầy lại tự nhủ: "Nếu tuổi già đã đánh bại những vật không bị lệ thuộc vào thế gian, có lý nào lại không đánh bại chúng sanh đắm luyến thế gian?"

Và thầy càng thấu rõ lý vô thương, khổ, vô ngã.

Đức Thế Tôn thấy rằng các đề mục thiền định đã hoàn toàn chinh phục thầy. Ngài bèn hóa hiện đến trước mặt thầy.

- Cái gì thế kia?

Thầy Tỳ-kheo ngạc nhiên nhìn lên thấy dường như đức Phật đến đứng trước mặt. Thầy lật đật đứng lên, chấp tay cung kính.

Đức Thế Tôn nói kệ:

(285) Tự cắt dây ái dục, Như tay bẻ sen thu, Hãy tu đạo tịch tịnh, Niết-bàn, Thiện Thệ dạy.

Nghe xong thầy chứng A-la-hán.

10. Chắc Chắn Sẽ Chết

Mùa mưa ta ở đây...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến đại phú thương Mahàdhana.

Mahàdhana cùng đoàn xe năm trăm chiếc chất đầy vải mhuộm đỏ, từ thành Ba-la-nại đem đi

bán. Khi về Xá-vệ, ông dừng lại bên bờ sông và nhủ thầm: "Ngày mai ta sẽ qua sông". Ông dừng xe, ngủ lại bên bờ. Suốt đêm ấy, một trận bão kéo đến và mưa như trút. Suốt bảy ngày nước sông dâng cao và dâng chúng lại nghỉ lễ bảy ngày. Mahàdhana không có dịp bán số vải của mình, ông tự nhủ: "Ta đã đi xa, nếu quay về sẽ tốn công, ta sẽ ở lại đây mùa mưa, mùa đông và mùa hè sang năm, để bán hết số vải".

Khi Thế Tôn đi khất thực, Ngài nhận ra dự tính của Mahàdhana và mỉm cười. Tôn giả A-nan hỏi lý do. Ngài bảo:

- Này A-nan, ông có thấy đại phú

gia Mahàdhana chăng?

- Bạch Thế Tôn, có ạ.

- Ông ấy không biết mình sắp chết, và dự định ở lại đây suốt năm để bán hàng.

_ Bạch Thế Tôn, ông ấy sắp chết sao?

- Này A-nan, trong bảy hôm nữa, ông ấy sẽ bị cá nuốt.

Ngài nói kệ:

Hãy hăng say làm việc Làm những gì nên làm ngày hôm nay. Ai biết thần chết sẽ viếng ngày mai. Chẳng phải chúng ta vẫn hằng vật lộn Mỗi ngày cùng thần chết? Đây là lời hiền nhân ca ngợi: Hạnh phúc thay, kẻ

sống nhiệt tình Ngày và đêm, không mệt mỏi Dù chỉ một đêm y được sống.

- Bạch Thế Tôn, con sẽ nói với ông ấy.

- Được rồi, cứ đi.

Tôn giả đi đến chỗ Mahàdhana khất thực, ông ta cung kính cúng dường Tôn giả. Tôn giả hỏi:

- Ông dự định ở lại đây bao lâu?

- Thưa Tôn giả, tôi đã đến từ xa xôi, nếu trở về chắc sẽ trễ nãi. Tôi sẽ ở lại suốt năm để bán hàng rồi mới tiếp tục đi.

- Này cư sĩ, người ta dù cái chết gần kề cũng khó biết được. Nên cẩn thận điều này.

- Sao, con sắp chết ư?

- Phải đấy cư sĩ, chỉ trong bảy ngày nữa thôi.

Mahàdhana rất xúc động khi nghe Tôn giả bảo như thế, và ông mời Phật cùng chư Tăng đến cúng dường trong bảy ngày, vào ngày cuối, ông xin Phật chúc phước cho mình. Phật dạy:

- Này cư sĩ, người khôn ngoan không bao giờ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ ở lại đây suốt mùa mưa, qua đông đến hạ, ta sẽ làm việc này, việc nọ...". Tốt hơn, người ấy cần quán tưởng về cái chết của mình.

Ngài nói kệ:

(286) Mùa mưa ta ở đây, Đông,

hạ cũng ở đây, Người ngu tâm tưởng vậy, Không tự giác hiểm nguy.

Nghe xong, Mahàdhana chứng quả Dựlưu, chúng hội cũng được lợi ích. Ông tiễn chân các chư tăng một quãng đường rồi quay lại. Ông cảm thấy nhức đầu và đi nằm. Chẳng bao lâu ông chết, và tái sinh lên trời Đâu-suất.

11. Người Mẹ Mất Con Và Những Hạt Cải

Người tâm ý đắm say...

Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến ngài Kisà Gotami.

Câu chuyện của Tỳ-kheo-ni Kisà Gotami, như đã kể ở Pháp Cú 114, phẩm Ngàn. Khi ấy, đức Phật hỏi:

- Này Kisà Gotami, có tìm thấy hột cải trắng?

- Thưa, con không tìm thấy, trong làng người chết còn nhiều hơn người sống.

- Không phải chỉ có ngươi bị mất con. Đó là luật chung cho mọi sinh vật. Thần chết như một dòng nước lũ dữ, cuốn phăng, giật đi và ném mọi loài vào biển hoại diệt, trong khi chúng sống chưa thỏa thích.

Ngài nói kệ:

(287) Người tâm ý đắm say, Con cái và súc vật, Tử thần bắt

người ấy, Như lụt trôi làng ngủ.

Nghe xong bà chứng quả Dự-lưu, hội chúng cũng được lợi.

12. Người Đàn Bà Mất Hết Thân Quyến

Không có con che chở...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến bà Patàcàrà. Câu chuyện của Tỳ-kheo ni Patàcàrà như đã kể ở phẩm Ngàn, Pháp Cú 113.

Ngày nọ, đức Thế Tôn biết bà đã vơi cơn sầu khổ, bèn bảo:

- Này Patàcàrà, người nào khi rời bỏ thế gian, không có con cái hay cha mẹ, họ hàng có thể bảo trợ, che chở hay cho ẩn trú. Cho nên, dù những người ấy đang sống đó, cũng như không có. Người khôn ngoan nên có đạo đức thanh tịnh để dẹp sạch đường đến Niết-bàn.

Ngài nói kệ:

(288) Một khi tử thần đến, Không có con,che chở, Không cha, không bà con, Không thân thích che chở.

(289) Biết rõ ý nghĩa này, Bậc trí lo trì giới, Mau lẹ làm thanh tịnh, Con đường đến Niết-bàn.

Nghe xong bà Patàcàrà chứng quả Dự-

lưu, hội chúng có người chứng Dự-lưu, Nhị quả và Tam quả.

XXI. Phẩm Tạp Lục 1. Sông Hằng Dâng Nước

Nhờ từ bỏ lạc nhỏ...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, liên quan những hành động quá khứ của Ngài.

Một thuở, thành Tỳ-xá-ly là một đô thị giàu mạnh, dân cư đông đúc. Có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hoàng tử nối nhau trị vì. Mỗi ông hoàng có cung điện riêng, nhiều đền chùa, lâu đài, công viên, hồ tắm ở khắp nơi trong xứ. Tóm lại đó là một thành phố sung túc.

Nhưng ít lâu sau nguồn lương thực bị cạn dần, rồi mất mùa, kế đến là nạn đói. Những người nghèo đói chết trước nhất, tử thi của họ bị vất khắp nơi, mùi hôi thúi xông lên quyến rũ một số ác quỷ. Bọn này tung hoành làm một số người chết thêm, mùi hôi xác chết kinh khiếp đưa đến bệnh dịch. Như vậy có ba thiên tai xảy ra: nạn đói, ác thần và bệnh dịch.

Dân cư trong thành họp lại dâng kiến nghị lên nhà vua:

- Đại vương! Trong thành chúng ta đang bị ba thiên tai, trong thời bảy vua quá khứ không hề xảy ra điều này. Thời của vị minh quân nào đã qua cũng không có thiên tai đến như thế.

Nhà vua họp đại hội toàn quốc, tuyên bố:

- Có thể ta phạm một vài lỗi lầm, hãy phán xét ta.

Dân chúng tìm tòi những hành vi của nhà vua từ trước đến giờ, không thấy lỗi gì.

- Đại vương, chúng tôi không tìm thấy lỗi nơi ngài.

Họ họp nhau, tìm cách giảm bớt những thiên tai đang xảy ra. Một số người đề nghị tế lễ, cầu cúng, hội hè, nhưng thiên tai không giảm bớt. Số người khác đưa kế hoạch:

- Hiện đang có sáu vị giáo chủ nhiều quyền năng, chúng ta mời các vị ấy đến xem may ra có giảm bớt thiên tai.

Người khác nói:

- Đấng Toàn Giác đã hiện ra nơi đời, Ngài là đấng Thế Tôn giảng dạy giáo lý cứu khổ cho chúng sanh. Ngài có nhiều thần thông và quyền lực siêu nhiên. Nếu Ngài đến đây, thiên tai sẽ giảm.

Mọi người tán thành ý kiến sau cùng.

- Hiện nay Thế Tôn đang ở đâu?

Lúc ấy, gần đến ngày an cư, đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, theo lời hứa với vua Tầnbà-sa-la. Và lúc đó, có một ông hoàng dòng Licchavi tên là Mahàli, là người trong hội đồng hoàng tộc của vua Tầnbà-sa-la, đã chứng quả Dự-lưu, có mặt trong hội nghị. Dân Tỳ-xá-ly sắm sửa phẩm vật long trọng gởi kèm theo ông hoàng Mahàli, cùng với

con trai của vị tư tế, đến thành Vương-xá để xin thỉnh Phật.

Hoàng tử Mahàli và con trai thầy tư tế đến gặp vua Tần-bà-sa-la dâng phẩm vật, nói rõ lý do và thỉnh cầu:

- Đại vương! Hãy để đức Thế Tôn đến thành phố chúng tôi.

Nhà vua chỉ nói:

- Các ông là những người thông minh, có thể tự thỉnh lấy.

Họ bèn đi đến chỗ Phật, đảnh lễ và thưa:

- Bạch Thế Tôn, tại thành phố chúng con có ba thiên tai tàn phá. Nếu Ngài đi đến đó chúng sẽ giảm bớt. Xin Ngài đến với chúng con.

Đức Phật nghe xong lời thỉnh cầu, quan sát và dự biết rằng, ngay khi câu kinh

Kim Cương được đọc tụng tại Tỳ-xá-ly, sẽ làm chấn động tam thiên thế giới. Khi bài kinh kết thúc, sẽ có tám muôn bốn ngàn người được Pháp nhãn, và thiên tai giảm thiểu Ngài nhận lời.

Vua Tần-bà-sa-la nghe tin Phật nhận lời đến Tỳ-xá-ly, bèn ra lệnh báo tin khắp thành Vương-xá, còn vua đến chỗ Phật, thưa:

- Bạch Thế Tôn, có phải Ngài sắp đi đến Tỳ-xá-ly.

- Đúng vậy, đại vương!

- Nếu thế, xin hãy đợi con dọn dẹp đường.

Nhà vua ra lệnh dọn con đường dài năm dặm, từ thành Vương-xá đến bờ sông

Hằng, mỗi dặm đặt một trạm nghỉ chân. Khi đâu đó xong xuôi, nhà vua báo tin cho Phật biết rằng Ngài có thể lên đường. Đức Phật ra đi, dắt theo năm trăm vị Tỳ-kheo. Trên mỗi dặm đường, nhà vua ra lệnh trải hoa ngũ sắc ngập đến đầu gối, cờ lọng giăng đầy, hai lọng trắng che trên đức Thế Tôn, còn mỗi vị Tỳ-kheo một lọng trắng. Chung quanh Phật và các Tỳ-kheo, nhà vua tung hoa, rắc hương, mỗi trạm nghỉ đêm nhà vua cúng dường vật thực thật nhiều. Trong năm ngày, nhà vua đưa Phật ra đến bờ sông, trang hoàng một chiếc thuyền lộng lẫy rồi nhắn tin cho dân thành Tỳ-xá-ly:

- Hãy sửa soạn đường sá và cung nghinh đức Thế Tôn.

Dân Tỳ-xá-ly tự nhủ: "Chúng ta sẽ đón tiếp Thế Tôn long trong gấp hai lần vua

Tần-bà-sa-la". Vì thế, từ bờ sông Hằng đến Tỳ-xá-ly dài ba dặm, họ dọn đất bằng phẳng dựng cờ lọng dãy cao dãy thấp, dành riêng cho Phật bốn lọng, các Tỳ-kheo mỗi vị hai lọng. Chuẩn bị xong, họ đứng chờ bên này bờ sông.

Vua Tần-bà-sa-la cột hai chiếc thuyền lại với nhau, dựng mái che ở trên, trang hoàng đầy hoa rực rỡ, đặt một chiếc ghế bằng các loại ngọc cho Phật ngồi. Đức Thế Tôn ngồi vào ghế, chư Tỳ-kheo bước xuống thuyền, ngồi vây quanh đức Phật. Nhà vua đi theo thuyền, lội xuống nước tận đến cổ, và bạch Phật.

- Bạch đức Thế Tôn, con sẽ ở lại bên bờ sông này, đợi Ngài trở về.

Nói xong, vua đẩy thuyền ra giữa dòng và trở vào. Sau khi thuyền bơi được một

dặm, Phật đến giang phận thành Tỳ-xá- ly.

Các hoàng tử dòng Licchavi đến đón đức Phật, họ cũng lội xuống nước ngang cổ, kéo thuyền vào bờ và đưa đức Phật rời thuyền lên bờ. Khi Phật vừa đặt chân lên bờ, một cơn bão lớn nổi lên, mưa như trút, nước dâng lên cao, cuốn sạch các tử thi xuống sông, và toàn thể thành phố trở nên sạch sẽ tinh khiết. Các hoàng tử Licchavi mời Phật nghỉ chân từng dặm đường, dâng cúng phẩm vật gấp đôi số phẩm vật của vua Tần-bà-sa-la. Sau ba ngày, Phật đến Tỳ-xá-ly.

Thiên chủ Đế Thích bay xuống đấy, cả chư thiên tùy tùng; với ảnh hưởng quyền lực rộng lớn như thế, các ác thần chạy trốn gần hết. Vào buổi chiều, đức Phật đứng ở cổng thành, ra lệnh cho Tôn giả

A-nan.

- Này A-nan, hãy nghe ta nói kinh Kim Cương và đi quanh thành trùng tụng lại để tạo năng lực bảo hộ trên ba lớp thành Tỳ-xá-ly, thành phố của các hoàng tử Licchavi.

Tôn giả A-nan tiếp nhận kinh từ kim khẩu Thế Tôn, lấy nước trong bình bát của Phật, rồi đi ra đứng tại cổng thành Tỳ-xá-ly. Tôn giả quán tưởng về tất cả công hạnh của Phật "Bắt đầu từ ý chí quyết thành Phật, đến mười Ba-la-mật của Như Lai, năm pháp đại thí, ba ân đức, là vì lợi lạc cho thế giới, vì lợi lạc cho thân quyến và cho sự tìm cầu giác ngộ; Bồ-tát vào thai mẹ trong đời sống cuối cùng, Đản Sanh, Xuất Gia, hành Khổ Hạnh, hàng phục Ma vương, đạt Tam Minh và chín tầng Thiền Định".

Quán tưởng như thế xong, Tôn giả đi vào thành, suốt ba canh trong đêm đi kinh thành trong ba lớp thành, vừa đi vừa tụng đọc kinh Kim Cương như một năng lực bảo hộ.

Khi Tôn giả đọc đến đoạn thứ ba và rải nước, những giọt nước rơi trúng các ác ma. Từ đoạn thứ ba trở đi, những giọt nước kết tụ thành những quả cầu bằng bạc nhỏ tí, bay trên không trung đến nơi trên các người bệnh. Lập tức họ lành bệnh, trỗi dậy khắp mọi nơi và vây quanh Tôn giả. Cũng thế, khi câu kinh đoạn ba vừa đọc lên, các loài ác ma chui núp trong đống củi, đống rác, kẹt tường, khi chạm nhằm các giọt nước ấy đều trốn hết, chúng chen chúc nhau chật cửa đến nỗi phải phá tường mà chui ra.

Dân chúng dùng đủ loại hương rảy lên

trên hội trường thành phố nằm ngay trung tâm Tỳ-xá-ly, cho dựng mái che ở trên gắn đầy sao vàng và các thứ trang sức khác, sắp đặt chỗ cho Thế Tôn ngồi. Đức Thế Tôn ngồi vào tòa, các vị Tỳkheo và các hoàng tử Licchavi ngồi vây quanh thành vòng tròn, rồi thiên chủ Đế Thích cùng chư thiên quyến thuộc cũng đứng vào chỗ của mình. Tôn giả A-nan đi quanh thành vừa xong, trở về cùng với số đông các người bệnh được chữa lành, cũng đến đảnh lễ Phật, ngồi một bên. Đức Thế Tôn quan sát chúng hội, lặp lại kinh Kim Cương thêm một lần nữa. Nghe xong có tám muôn bốn ngàn người được Pháp nhãn. Điều này xảy ra liên tiếp bảy hôm nữa, đức Thế Tôn vẫn dạy cùng một bài

kinh trên. Sau đó, nhận thấy tất cả thiên tai đều tiêu trừ, Ngài giảng dạy cho các hoàng tử Licchavi xong, rời thành Tỳ-xá-ly. Các ông hoàng

tôn phụng Thế Tôn gấp bội, và lần nữa suốt ba ngày theo sau Phật đến bờ sông Hằng.

Các vua rồng cư trú tại sông Hằng tự nghĩ: "Loài người đã tôn kính Như Lai, tại sao chúng ta không làm như thế?" Bèn hóa hiện những con thuyền bằng vàng, bạc, châu báu, trên ấy đặt ghế trân bảo, mặt nước trải đầy hoa sen ngũ sắc. Các vua rồng thỉnh Phật lên thuyền:

- Bạch Thế Tôn, xin hãy ban phước cho chúng con.

Lúc ấy, chư thiên từ cõi trời Dục đến cõi trời Phạm bảo nhau:

- Người và rồng đã tôn kính Như Lai, tại sao chúng ta không làm như thế?

Và họ cùng tôn vinh Phật. Các long vương dựng những cây lọng này kế tiếp cây lọng kia, cao một dặm và bên dưới, các long vương khác cũng làm như thế. Các loài chư thiên ở trên cây, trong rừng, trên núi, trên trời, từ thế giới rồng đến cõi trời Phạm, tụ họp thành vòng tròn, mỗi vị tay cầm lọng, giữa lọng là cờ, giữa cờ là phướn, tung hương rải hoa, rưới nước thơm. Các thiên nam trang sức lộng lẫy như ngày hội, bay lượn trên không, ca ngợi vang rền (Theo truyền thống, có ba cuộc đại hội như thế: một vào dịp Phật hoá hiện thần thông song hành, một vào dịp Ngài từ cung trời xuống, và một vào dịp sông Hằng dâng nước). Bên bờ sông phía thành Vươngxá, vua Tần-bà-sa-la đã chuẩn bị phẩn vật gấp đôi số phẩm vật của các hoàng tử Licchavi và đứng đợi đức Phật.

Khi đức Phật nhìn thấy các phẩm vật long trọng của các vị vua hai bờ sông Hằng, nhìn thấu tư tưởng của chư thiên, long vương, Ngài bèn hóa thiện một hóa Phật và năm trăm Tỳ-kheo cho mỗi chiếc thuyền. Cũng y như thế, một vị hóa Phật ngồi dưới mỗi cây lọng trắng, một vị ngồi dưới mỗi cội cây như ý, một vị ngồi dưới mỗi vòng hoa báu, vây quanh là vô số rồng thần. Giữa các chư thiên cõi người và cõi trời, cũng có một vị hoá Phật và đồ chúng. Như là một dịp lễ hội của toàn cõi thế giới, và để tỏ lòng chiếu cố loài rồng, trên mỗi chiếc thuyền bằng châu báu của loài rồng có một vị hóa Phật ngồi, và để chiếu cố chúng Tăng, trên mỗi thuyền châu báu đều có hóa Phật ngồi.

Long vương đưa Phật và chúng Tăng xuống long cung, nghe Phật giảng pháp

suốt đêm; ngày sau cúng dường Phật và Tăng chúng những thức ăn thượng vị loại cứng, loại mềm. Sau khi hồi hướng phước báo cho vua rồng, đức Phật rời long cung, cùng đoàn thuyền năm trăm chiếc bơi ngang sông Hằng, trong sự cung nghinh của chư thiên trời Đế Thích. Vua Tần-bà-sa-la đến đón Phật, thỉnh Ngài rời thuyền, cúng dường, tiếp đón Phật long trọng gấp đôi các ông hoàng Licchavi, và đưa Phật về thành Vương-xá.

Hôm sau, các thầy Tỳ-kheo đi dự hội trở về, ngồi bàn tán tại pháp đường:

- Ôi! Thần thông của đức Thế Tôn thật phi thường. Thật thành tín thay! Lòng thành kính tin tưởng của người và trời đối với Thế Tôn. Suốt tám dặm trải dài dọc theo hai bờ

sông Hằng, với lòng kính

tin Phật, các nhà vua đã dọn bằng phẳng đất đai, trải cát sạch, rải hoa ngập đến đầu gối. Còn long vương thì rắc hoa sen ngũ sắc đầy trên sông, cờ lọng giăng từ thấp lên đến các tầng trời, toàn cõi thế giới trang hoàng như ngày lễ.

Đức Phật đến gần và hỏi:

- Các ông ngồi đây bàn tán chuyện gì?

Và khi nghe kể lại, Ngài bảo:

- Sự tôn kính và các phẩm vật ấy dành cho Ta không phải do thần thông của Phật, không phải do thần thông của long vương và chư thiên. Đó là do một phẩm vật đơn sơ Ta đã cúng dường từ quá khứ, mà hiện tại Ta nhận được như thế.

Các thầy Tỳ-kheo hỏi lý do. Đức Phật kể

lại câu chuyện quá khứ.

1A. Bà La Môn Samkha

Thuở xưa, cách đây rất lâu, có một người Bà-la-môn tên Samkha, cư ngụ tại Takkasilà, ông có một người con trai mười sáu tuổi tên Susìma. Ngày kia Susìma nói với cha:

- Thưa cha, con muốn đến Ba-la-nại, học tập kinh điển.

- Tốt lắm, ta có một người bạn Bà-la- môn ở đấy, con sẽ học với ông ta.

Susìma nghe lời cha, đến Ba-lanại tìm người thầy Bà-la-môn. Người Bà-la-môn nhận con của bạn mình làm đồ đệ. Và sau khi đã nghỉ ngơi, chàng bắt đầu học

với thầy. Chàng học rất nhanh, rất nhiều và nhớ hết, không sót một điều gì, như sữa sư tử đựng trong bình vàng, không chảy ra giọt nào. Không bao lâu chàng học hết của thầy những gì đáng học. Chàng đọc tụng thông suốt, hiểu thấu đoạn đầu, đoạn giữa, nhưng không hiểu đoạn cuối. Chàng thưa điều ấy với thầy, thầy bảo:

- Này con, ta cũng không hiểu đoạn cuối.

- Vậy ai là người hiểu đoạn cuối, thưa thầy.

- Ở Isipatana có những bậc hiền triết, may ra hiểu thấu, con hãy đến đấy hỏi.

Susìma đến chỗ các vị Phật Độc Giác và hỏi:

- Có thật là các Ngài hiểu rõ đoạn này?

- Phải, chúng ta hiểu.

- Xin hãy dạy cho con.

- Chúng ta không dạy cho người chưa xuất gia. Nếu con muốn học, hãy trở thành Sa-môn.

Chàng Susìma đồng ý xuất gia và trở thành một Sa-môn trong giáo đoàn của các vị Độc Giác. Các Ngài dạy thầy Sisìma: "Hãy mặc hạ y như thế này, hãy mặc thượng y như thế..." Như thế, thầy học oai nghi của người sơ cơ.

Ở lại đây như một đồ đệ ngoan ngoãn,

thầy học hết những gì được dạy, vì có khả năng đặc biệt nên không bao lâu thầy đạt quả vị Độc Giác. Danh tiếng Susìma nổi như cồn trong thành Ba-la-nại như mặt trăng tròn trên bầu trời, Ngài nhận nhiều sự tôn kính và cúng dường. Chẳng bao lâu, Phật Độc Giác Susìima nhập Niết-bàn, bởi vì các nghiệp Ngài tạo tác chỉ đưa đến một thọ mạng ngắn. Các vị Phật Độc giác và dân chúng làm lễ hỏa táng trọng thể, thu nhập xá lợi, xây tháp thờ tại cổng thành.

Khi ấy, người cha nghĩ thầm: "Con ta đi khá lâu, ta sẽ đi tìm thăm xem việc gì xảy ra cho nó". Ông đến Ba-la-nại, thấy đám đông dân chúng, ông nghĩ: "Chắc có vài người biết về con ta". Ông bước đến hỏi:

- Trước đây có một thanh niên

tên Susìma từng đến thành này, các vị có biết tin tức gì về chàng ấy?

- Chúng tôi biết! Người ấy học hết ba bộ Vệ-đà tại nhà Bà-la-môn nọ, sau đó xuất gia làm Sa-môn, đạt quả vị Độc Giác và nhập Niết-bàn. Tháp này là tháp của vị ấy.

Nghe nói xong, Bà-la-môn đập tay xuống đất, khóc than kể lể, đi chung quanh tháp. Ông nhổ sạch cỏ quanh tháp, dùng áo đựng cát sạch rải chung quanh tháp, tưới nước, tung hoa để tỏ lòng kính trọng, trải áo ra như một lá phướn và cắm cây lọng của mình che trên tháp, xong rồi đi về.

Kể xong chuyện, Phật kết luận:

- Lúc ấy Ta là Bà-la-môn Samkha, do

phước báo nhổ cỏ chung quanh tháp của vị Phật Độc Giác Susìma, nên hiện tại ông hoàng dọn sạch con đường dài tám dặm, không còn cây cỏ, đất bằng phẳng. Vì Ta trải cát quanh tháp, nên con đường dài Ta đi hôm nay cũng được rải cát. Vì Ta tung hoa lên tháp nên hôm nay các loại hoa được rải trên đường, và một dặm trên sông Hằng đầy hoa sen ngũ sắc. Vì Ta tưới nước quanh tháp nên khi ta vừa đến Tỳ-xá-ly một trận mưa rơi xuống. Vì Ta treo cờ cắm lọng nên toàn thể chư thiên cầm cờ lọng cao đến tận trời.

Này các Tỳ-kheo, các phẩm vật và những sự tôn kính ấy không phải tự nhiên đến với ta do thần lực của Ta là thật, không do thần lực của trời, rồng. Trái lại từ thần lực có từ những phẩm vật thô sơ Ta cúng dường từ thời quá khứ.

Ngài nói kệ:

(290) Nhờ từ bỏ lạc nhỏ, Thấy được lạc lớn hơn, Bậc trí bỏ lạc nhỏ, Thấy được lạc lớn hơn.

2. Không Lấy Oán Báo Oán

Gieo khổ đau cho người...

Câu chuyện này xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến một người đàn bà ăn trứng của một con gà.

Trong một ngôi làng không xa thành Xávệ, có một người đánh cá. Một hôm trên đường đi đến thành Xá-vệ, ông bắt gặp một vài cái trứng rùa dọc theo bờ sông Aciravatì, ông bèn nhặt lấy. Đến

Xá-vệ, ông vào nhà người quen, luộc mấy quả trứng, khi ngồi ăn ông cho cô con gái chủ nhà một trứng. Cô bé ăn xong, đòi ăn thêm, bà mẹ phải lấy trứng trong ổ con gà mái luộc cho cô. Cô bé ăn trứng gà, từ đó cô đâm thích món ăn này và thường tự lấy trứng ăn.

Con gà mẹ để ý rằng mỗi lần mình đẻ trứng đều bị cô bé mang đi ăn hết; nổi cơn bất bình oán hận cô, nó thề rằng: "Khi tôi chết, tôi sẽ tái sanh làm chằn tinh, ăn thịt mấy đứa con cô này". Sau khi chết nó trở lại làm con mèo của nhà này, còn cô bé trở lại làm gà mái. Gà mái đẻ trứng đều bị mèo ăn hết, như vậy đến ba lần. Gà mái tức quá bèn trù: "Ba lần ngươi ăn trứng của ta, còn muốn ăn thịt cả ta. Khi ta tái sanh, ta sẽ nhai xương ngươi và con ngươi".

Sau đó gà mái sanh làm beo rừng, con mèo thành con nai. Khi nai có con, beo đến ăn thịt cả mẹ lẫn con. Như thế trong năm trăm kiếp liên tục, họ ăn nuốt lẫn nhau, gây đau khổ cho nhau. Cuối cùng một bên làm bà chằn, một bên làm phụ nữ trong thành Xá-vệ. Câu chuyện tiếp diễn như cũ, cho đến khi gặp Phật, Ngài dạy câu:

(291) Gieo khổ đau cho người, Mong cầu lạc cho mình, Bị hận thù ràng buộc, Không sao thoát hận thù.

Hai kẻ thù nghe xong, bà chằn xin quy y, thọ năm giới. Không còn hận thù, người đàn bà nọ cũng chứng Sơ quả. Hội chúng đều được lợi ích.

3. Các Tỳ Kheo Phù Hoa

Việc đáng làm không làm...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại hang động Jàtiyà gần Bhaddiya, liên hệ đến các Tỳ-kheo Bhaddiya.

Một thời, đức Thế Tôn đang ở tại động Jàtiyà, gần thành Bhaddiya. Các Tỳ-kheo ở đây có thói quen trang trí giày dép của các thầy, như trong Vệ-đà diễn tả "Các Tỳ-kheo ở Bhaddiya có thói quen mang những đôi dép sặc sỡ đủ kiểu". Họ tự làm hoặc đặt làm những đôi dép bằng vật liệu quý nhẹ, đắt tiền, đúng mốt, hợp thời trang... Như thế họ lơ là với học hỏi, giới luật, thiền định, trí tuệ.

Các Tỳ-kheo khác thấy thế rất bực tức, bèn bạch với Phật. Phật quở trách mấy

thầy ham chưng diện này:

- Các ông đến đây vì mục đích gì, mà bây giờ đeo đuổi chuyện vô ích như thế?

Ngài nói kệ:

(292) Việc đáng làm, không làm,
Không đáng làm, lại làm,
Người ngạo mạn, phóng dật,
Lậu hoặc ắt tăng trưởng.
(293) Người siêng năng cần mẫn, Thường thường quán thân niệm, Không làm việc không đáng, Gắng làm việc đáng làm. Người tư niệm giác tỉnh, Lậu hoặc được tiêu trừ.

Các thầy Tỳ-kheo ưa đẹp này nghe xong,

liền chứng A-la-hán, hội chúng cũng được lợi ích.

4. Sa-Môn Giết Cha Mẹ

Sau khi giết mẹ cha...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả LakuntakaBhaddiya.

Một thời, đức Thế Tôn đang ở tại Kỳ Viên, có một số Tỳ-kheo đến viếng thăm Ngài. Sau khi đảnh lễ, các thầy kính cẩn lui ngồi một bên. Khi ấy Tôn giả Lakuntaka Bhaddiya đi ngang đấy không xa. Đức Phật biết tâm của các Tỳkheo đúng lúc, Ngài nhìn Tôn giả và nói với các Tỳ-kheo.

- Các ông hãy nhìn kia! Đó là Tỳ-kheo đã giết cha, giết mẹ, thoát khổ đau.

- Đức Thế Tôn nói gì thế?

Các Tỳ-kheo kêu lên, nhìn nhau, nghi ngờ, và hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn! Ngài nói gì?

Phật bèn nói kệ:

(294) Sau khi giết mẹ cha, Giết hai vua Sát-lợi, Giết vương quốc, quần thần, Vô ưu, Phạm chí sống.

Nghe xong các thầy chứng A-la-hán.

Câu chuyện liên quan câu kệ sau cũng giống như chuyện trên, Phật cũng nói về

Tôn giả Lakuntaka:

(295) Sau khi giết mẹ cha, Hai vua Bà-la-môn, Giết hổ tướng thứ năm (nghi) Vô ưu, Phạm chí sống.

[Theo Chú Giải: "... Mẹ (mata) là ẩn dụ cho lòng tham ái (tanha), và cha (pita) là ẩn dụ của ngã mạn (mana). Chính vì tham ái và ngã mạn mà ta phải tái sinh nhiều đời, nhiều kiếp trong cõi ta bà luân hồi này. Hai vị vua chính là hai biên

kiến của vô minh: thường kiến (eternalism) và đoạn kiến (annihilationism), thường tạo ra nhiều tranh cãi vô ích, cần phải được phá bỏ. Vương quốc lãnh thổ kia chính là 6

căn và 6 trần: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, và sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vị Quốc khố đại thần (treasurer) là để chỉ lòng tham đắm dục lạc phát sinh và chất chứa từ 6 căn

đó. Sau cùng, hổ tướng thứ năm chính là con quỷ thứ năm làm cản trở sự định tâm, phát tuệ. Đó là "nghi" của 5 triền cái: tham dục, sân hận, hôn trầm, trạo cử, và hoài nghi. Sau khi đã đoạn diệt tất cả các chướng ngại nầy thì hành giả mới thong dong, tự tại, đi đến giải thoát ..."]

5. Cậu Bé Và Quỷ Dữ

Luôn luôn tự tỉnh giác...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, liên quan đến một cậu bé con người bán củi.

Tại thành Vương-xá, có hai đứa bé thường chơi banh với nhau, một đứa là Phật tử, một đứa là con nhà ngoại đạo. Thiếu niên Phật tử thường niệm tưởng đức Phật, mỗi khi tung banh lên, em đọc "Nam mô Phật-đà". Em con nhà ngoại đạo thường xưng tụng công đức các ngoại đạo, và mỗi khi tung banh lên em đọc "Nam mô A-la-hán". Trong trò chơi, thiếu niên Phật tử thường thắng cuộc, còn cậu bé ngoại đạo thường thua. Quan sát đối phương, cậu bé nghĩ: "Bạn trẻ này thường tưởng nhớ đức Phật và đọc như thế mỗi khi tung banh, và do đó thường thắng ta. ta cũng sẽ làm như vậy". Và em

bắt đầu tập thói quen niệm tưởng Phật- đà.

Một ngày nọ, cha em đánh xe vào rừng tìm củi, đem em đi theo. Sau khi chất đầy xe củi, ông trở về. Trên đường về, ông dừng lại tại một bãi đất hỏa táng ngoài thành, chọn địa điểm sạch sẽ, đủ nước, cỏ rồi đem cơm ra ăn. Chiều đến, con bò kéo xe của ông đi theo một bầy trâu bò vào thành. Người cha chạy theo bắt bò lại, trở ra thì trời đã tối, cổng thành đóng ông không ra được. Đêm ấy, cậu bé ở ngoài bãi tha ma ngủ một mình dưới chiếc xe.

Lúc ấy, thành Vương-xá thường có vài ác quỷ lui tới, gần bãi đất hỏa táng có hai con quỷ chú ý đến cậu bé nằm ngủ ở đấy. Một con quỷ thường hay tìm mỗi trên bãi đất hỏa táng và theo tà đạo, con quỷ kia

thì chân chánh. Quỷ tà bảo quỷ chánh:

- Đứa bé này là mồi ngon, chúng ta hãy ăn thịt nó.

Quỷ chánh bảo;

- Thôi đi! Đừng nghĩ bậy.

Mặc dù nó cố gắng cản ngăn, quỷ tà cứ làm theo ý mình, nó nắm chân cậu bé định xé đôi. Lúc ấy, theo thói quen tưởng niệm Phật, cậu bé trong giấc ngủ chợt nói: "Nam mô Phật", con quỷ tà kinh sợ thối lui. Quỷ chánh nói:

- Chúng ta làm điều không nên làm, chúng ta sẽ bị phạt.

Và để chuộc lỗi, nó đứng canh cho cậu bé, còn quỷ tà vào thành, lấy một cái dĩa

bằng vàng ròng trong cung vua, đựng đầy thức ăn đem về. Cả hai con quỷ săn sóc cậu bé như cha mẹ, đánh thức cậu dậy và đưa thức ăn cho cậu. Sau đó chúng dùng quyền lực khắc thư lên dĩa kể lại câu chuyện xảy ra, bảo nhau: "Hãy để nhà vua đọc thư này, người khác không thể đọc". Để dĩa lên chiếc xe, chúng đứng canh suốt đêm, và đến sáng mới đi.

Ngày sau đó, tin truyền rằng ăn trộm lấy mất dĩa vàng của nhà vua. Dân chúng đóng cửa thành và lục tìm. Tìm không thấy, họ ra ngoài thành, lục lọi khắp nơi, họ thấy chiếc dĩa trên xe của cậu bé. Họ túm lấy cậu và điệu về trình vua:

- Đây là ăn trộm.

Nhà vua nhận chiếc dĩa, đọc xong câu

chuyện viết trên ấy, hỏi:

- Này con, thế này nghĩa là gì?

- Thưa đại vương, con không biết. Đêm rồi, cha mẹ con mang thức ăn đến cho con và canh chừng cho con ngủ. Con yên chí có cha mẹ nên không sợ và ngủ ngon. Đó là những gì con biết.

Đúng lúc ấy, cha mẹ cậu bé vừa đến. Nghe họ bảo rằng đã để con một mình ngoài thành... Nhà vua đưa cả ba đến chỗ Phật, kể lại câu chuyện và hỏi:

- Bạch Thế Tôn, có phải niệm tưởng Phật là một sự che chở, hay niệm tưởng Pháp và những điều khác cũng được hộ trì?

Đức Phật trả lời:

- Này đại vương, niệm tưởng Phật-đà không phải chỉ là cách duy nhất có ý nghĩa được bảo hộ, nhưng người Phật tử chân chánh thực hành thâm sâu niệm tưởng một trong sáu đề mục thì không cần bất cứ sự bảo hộ nào, phương cách bảo hộ nào, câu thần chú nào, hay dược thảo nào cả.

Ngài nói kệ:

(296) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, Thường tưởng niệm Phật Đà.

(297) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, Thường tưởng niệm Chánh pháp.

(298) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, Thường tưởng niệm Tăng-già.

(299) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm Thường tưởng niệm sắc thân.

(300) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, Ý vui niềm bất hại.

(301) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, Ý vui tu thiền quán.

6. Hoàng Tử Bạt Kỳ Làm Sa Môn

Vui hạnh xuất gia khó...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại tinh xá Đại Lâm (Mahàvàna) gần thành Tỳ-xá-ly, liên quan đến một ông hoàng dòng Bạt-kỳ (Vajjian) đã xuất gia thành Sa-môn. câu chuyện như sau:

Một ông hoàng dòng Bạt-kỳ xuất gia làm Sa-môn. Thầy Sa-môn vương giả này sống ẩn cư trong một khu rừng gần thành Tỳ-xá-ly. Thành phố tổ chức đại lễ tưng bừng suốt đêm. Thầy Sa-môn hoàng tử nọ nghe tiếng xôn xao, tiếng trống tiếng nhạc từ thành Tỳ-xá-ly vọng lại, thầy nổi cơn sầu muộn, bèn buồn khóc rên rỉ:

Ta cô đơn trong rừng, Như khúc cây bị bỏ. Trong đêm như đêm

nay, Có ai bằng ta khổ.

Nguyên Sa-môn này đã từng là hoàng tử trong vương quốc Bạt-kỳ, khi đến phiên mình trị nước, đã từ bỏ hoàng cung xuất gia làm Sa-môn. Vào ngày trăng tròn tháng Kattika, toàn thể phố xá thành Tỳxá-ly treo cờ kết lọng, tổ chức hội hè. Dạ hội kéo dài tận đêm, thầy Sa-môn nghe tiếng trống, tiếng kèn, tiếng âm nhạc, đàn lục huyền... Khi bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hoàng tử Vesàli cũng như bao nhiêu hoàng tử, đại thần trang sức lộng lẫy, đổ xô ra đường dự hội, thì thầy một mình đi kinh hành trong hành lang rộng sáu mét, trên đầu chỉ có một vầng trăng. Thầy đến ngồi trên ghế, suy nghĩ về thân phận mình, thiếu cả hội hè, thiếu cả quần aó trang sức, như khúc gỗ bị ném bỏ trong rừng. Thầy tự nghĩ: "Có ai bất hạnh hơn ta không?"

Bình thường, thầy có đủ công hạnh, và đức tính của một vị ẩn tu, nhưng trong lúc này vì bất mãn thầy đã nói như thế. Một vị lâm thần ở khu rừng ấy biết được nên tự nhủ: "Ta sẽ khuyến khích thầy", và thần nói kệ:

Ngài cô đơn trong rừng, Như khúc cây bị bỏ. Nhiều người ước được thế, Như kẻ đoạ địa ngục, Ganh người ở thiên đàng.

Vị Sa-môn nghe kệ, ngày hôm sau đến chỗ đức Phật, đảnh lễ và cung kính ngồi một bên. Phật đã dự biết, và muốn nói cho thầy biết đầy đủ về khổ đau của đời sống thế gian. Ngài nói về năm thứ đau khổ trong bài kệ:

(302) Vui hạnh xuất gia khó,

Tại gia sinh hoạt khó, Sống bạn không đồng, khổ, Trôi lăn luân hồi, khổ, Vậy chớ sống luân hồi, Chớ chạy theo đau khổ.

7. Cư sĩ Tâm - Người Thành Tín

Tín tâm, sống giới hạnh...

Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến cư sĩ Tâm (Citta).

Citta là một nam cư sĩ giàu tâm đạo, chàng luôn được quý trọng mỗi khi đến hầu Phật. Tôn giả Anan thấy thế bèn hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chỉ khi nào Citta đến

viếng Phật mới được trọng vọng như thế? Hay cũng được quý trọng khi đến thăm các người khác?

Phật dạy:

- Này A-nan! Ông ấy luôn được quý trọng như vậy, dù cho đến viếng Ta hay viếng ai. Vì cư sĩ ấy đầy niềm tin, tâm đạo và đức hạnh. Người như thế, dù đi đến nơi nào cũng được tôn kính.

Ngài nói kệ:

(303) Tín tâm, sống giới hạnh, Đủ danh xưng, tài sản, Chỗ nào người ấy đến, Chỗ ấy được cung kính.

8. Cô Gái Đức Hạnh

Người lành dù ở xa...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Cullà Subhaddà, con gái ông Cấp Cô Độc.

Thời còn niên thiếu, Cấp Cô Độc có một người bạn thân tên Úc-già, cũng con nhà Trưởng giả, họ cùng học chung một thầy, và cùng hứa hẹn rằng sau này khi thành gia thất, cả hai sẽ gả con cho nhau để kết thêm tình thân ái. Và sau đó Cấp Cô Độc cùng Úc-già đều trở thành trưởng giả tại thành phố của mình.

Trong một chuyến buôn xa, Trưởng giả Úc-già đến thành Xá-vệ với năm trăm cỗ xe. Ông Cấp Cô Độc bèn kêu con gái, cô C Subhaddà, đến dặn dò:

- Này con, cha con - ông Úc-già - đến viếng nhà, con hãy săn sóc ông thật đầy đủ.

- Thưa cha, vâng.

Và khi ông Úc-già đến, cô đích thân sửa soạn thức ăn với đầy đủ hương liệu, chuẩn bị phấn, kem, nước thơm, dầu xức... tất cả tiện nghi cho ông. Sau khi ông dùng bữa, cô chăm sóc phòng tắm một cách chu đáo làm tròn phận sự mình.

Trưởng giả Úc-già nhận thấy cô hoàn toàn, nên hả dạ lắm. Trong một buổi nói chuyện tương đắc, ông nhắc lại với Cấp Cô Độc lời hứa ngày xưa, và xin cưới cô Cullà cho con trai mình. Trưởng giả Úc-già theo ngoại đạo, nên ông Cấp Cô Độc đến hỏi ý kiến Phật. Thế Tôn biết Úc-già có duyên chứng Thánh quả nên

khuyên ông nhận lời; và Cấp Cô Độc sau khi bàn với vợ, đã đồng ý với Úc-già, rồi định ngày hôn lễ.

Như Trưởng giả Dhananiaya khi gả cô Visàkha, Trưởng giả Cấp Cô Độc cũng cho con thật nhiều của hồi môn. Ông cũng khuyên con mười điều: "Này con, khi sống trong nhà

cha mẹ chồng, chớ đem lửa trong nhà ra ngoài...". Ông cũng cho tám người theo đỡ đầu cho cô Cullà.

- Nếu con gái ta có lỗi lầm gì với cha mẹ chồng, các ông hãy chỉ dạy nó.

Ngày hôn lễ, ông cúng dường Phật và Tăng chúng trọng thể, và để chứng tỏ những quả báo tốt đẹp của cô trong quá khứ, ông đưa cô về nhà chồng trong nghi lễ hết sức huy hoàng.

Cô Cullà đến thành của Úc-già, gia đình chồng cùng tất cả thân quyến ra đón. Giống như Visàkha, cô ngồi trên chiếc xe ngựa, đi chào khắp thành trong vẻ lộng lẫy của một cô dâu. Cô nhận quà của mọi người và đáp lại tương xứng theo sở thích mỗi người, khiến cho tất cả thành phố ca ngợi vẻ đẹp và công hạnh của cô.

Cha chồng cô thường mời các đạo sĩ lõa thể đến nhà trong các dịp lễ lớn, dịp này các thầy ấy cũng có mặt. Cha chồng cô ra lệnh:

- Hãy đến ra mắt và làm lễ tôn kính với các bậc thầy của ta.

Nhưng cô Subhaddà không thể nhìn vào các đạo sĩ lõa thể, cô từ chối không đến chào. Lần thứ hai, lần thứ ba, cô cũng không đến chào, ông cha chồng của cô

nổi giận:

- Hãy đuổi con bé ấy ra khỏi nhà.

Cô trả lời:

- Không thể kết tội con mà không có nguyên nhân.

Cô mời các vị bảo hộ đến, trình bày mọi việc, và họ công nhận cô vô tội.

Ông trưởng giả thuật chuyện với vợ và bảo:

- Con dâu ta từ chối không làm lễ các đạo sĩ vì nó cho rằng các thầy ấy khiếm nhã.

Bà hỏi:

- Tư cách của các thầy nó thế nào mà nó

tôn kính đến vậy?

Bà gọi con dâu đến hỏi:

Các thầy con khen ngợi Tư cách họ ra sao? Giới luật gì họ giữ? Tu tập những hạnh nào?

Để trả lời, cô Subhaddà ca tụng ân đức của Phật và các đệ tử Phật:

Căn các thầy thanh tịnh, Tâm các thầy thanh tịnh. Thanh tịnh khi thầy đi, Khi đứng cũng an định.

Mắt thầy luôn nhìn xuống, Miệng ít khi nói năng, Các samôn thầy con, Thân khẩu ý tịch lặng, Như hạt ngọc không tỳ,

Trong lẫn ngoài đều sáng. Phẩm hạnh luôn xứng đáng Các thầy con như vậy. Thế gian buồn khi mất, Khi được thì vui mừng. Các thầy con không thế, Được mất đều dửng dưng. Vinh danh thế gian vui, Hổ danh thế gian sầu. Các thầy con không vậy, Vinh nhục tâm chẳng màng. Thế gian mừng được khen Thế gian buồn bị chê. Các thầy con không thế, Điềm nhiên dù khen chê. Thế gian khóc cười theo, Khổ vui trong cuộc sống. Các thầy con thanh thản, Vui khổ chẳng động lòng.

Với các câu trả lời như thế, Subhaddà làm mẹ chồng hài lòng. Bà hỏi:

- Chúng ta có thể gặp các thầy của con?

- Thưa, được.

- Tốt lắm, hãy sắp đặt để chúng ta được gặp.

Subhaddăa liền chuẩn bị nhiều phẩm vật cho Phật và chúng Tăng. Cô leo lên lầu cao, hướng về phía Thế Tôn, đảnh lễ năm vóc sát đất, tưởng niệm ân đức Phật-đà, tôn kính Phật bằng hương thơm, hoa và nhang trầm, cô tung lên hư không một vốc hoa lài và thốt lên:

- Bạch đức Thế Tôn, con thỉnh Ngài và chư Tăng ngày mai đến nhà con. Xin để cho Ngài biết rằng con đã cung thỉnh.

Hoa lài bay qua hư không, kết lại thành tràng, dừng trước đức Phật, khi Ngài đang giảng pháp cho chúng hội.

Vào lúc ấy, Trưởng giả Cấp Cô Độc cũng thỉnh Phật đến nhà ngày mai. Phật trả lời:

- Này Trưởng giả, Ta đã nhận lời mời của người khác.

- Nhưng, đâu có ai đến trước con, Ngài đã nhận lời ai?

- Cullà Subhaddà mời Ta.

- Con gái con ở cách xa đây hơn một trăm hai mươi dặm, làm sao mời được?

- Đúng thế, nhưng người lành dù ở xa, vẫn hiện rõ như ở gần.

Ngài nói kệ:

(304) Người lành dù ở xa, Sáng tỏ như núi tuyết. Người ác dầu ở gần, Như tên bắn đêm đen.

Vua trời Đế Thích biết đức Phật nhận lời thỉnh của Subhaddà, ra lệnh cho thần Vissakamma:

- Hãy hoá hiện năm trăm ngôi tháp, ngày mai đưa Phật và chúng Tăng đến thành của Úc-già.

Ngày hôm sau, Vissakamma biến đủ năm trăm ngôi tháp và đứng đợi ở cổng Kỳ Viên. Đức Phật đem theo năm trăm vị Ala-hán, và Ngài cùng chúng Tăng ngồi vào tháp, bay đến thành Úc-già. Trưởng giả Úc-già cùng gia quyến theo sự chỉ

dẫn của Subhaddà đứng đợi ở con đường Phật sẽ đến. Ông thấy đức Phật và chúng Tăng đi đến trong vẻ trang nghiêm siêu phàm, lòng tràn đầy hoan hỷ. Ông tỏ lòng cung kính rất mực, rước Phật và chúng Tăng vào nhà, tung hương rải hoa, cúng dường long trọng, thỉnh Phật ở lại bảy hôm. Phật thuyết pháp, và sau đó Trưởng giả Úc-già cùng tám mươi bốn ngàn người đều đắc Pháp nhãn. Đặc biệt ban ân cho Subhaddà, Phật chỉ định Tôn giả A-nậu-lâu-đà ở lại. Từ đó, dân thành Úc-già trở nên thần thành, giàu tâm đạo.

9. Vị Sa Môn Độc Cư

Ai ngồi, nằm một mình...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại

Kỳ Viên, liên hệ đến Tôn giả Độc Cư.

Tôn giả Độc Cư nổi tiếng trong bốn bộ chúng rằng Ngài là người đi một mình, đứng một mình và ngồi một mình. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật về Tôn giả:

- Bạch Thế Tôn, Trưởng lão ấy làm như thế, như thế.

Đức Phật khen ngợi:

- Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo ấy có thể sống độc cư:

Và khen ngợi đời sống viễn ly, đơn độc, Ngài nói kệ:

(305) Ai ngồi nằm một mình, Độc hành không buồn chán. Tự điều phục một mình, Sống

thoải mái rừng sâu.

XXII. Phẩm Địa Ngục 1. Cái Chết Của Tôn Đà Lỵ

Nói láo đọa địa ngục...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến một nữ du sĩ ngoại đạo tên Tôn-đà-lỵ.

Khi đức Thế Tôn cùng Tăng đoàn ở tại Kỳ Viên, Ngài nhận được sự cúng dường trọng vọng của dân chúng nhiều ngang bằng một trận lũ lụt do nước các sông Ngũ Hà dâng cùng một lượt (five great rivers), và các giáo phái ngoại đạo trước sự hiện diện của Ngài, trở nên lu mờ như ngọn đèn trước ánh sáng mặt trời. Họ mất hết cả lợi lộc và danh tiếng. Ngày

nọ, họ họp nhau bàn tán:

- Từ khi Sa-môn Cồ-đàm xuất hiện, chúng ta bị mất hết lợi lộc và danh dự, trước kia chúng ta còn được dâng cúng, bây giờ chẳng ai thèm biết đến chúng ta. Chúng ta phải tìm cách phá vỡ danh tiếng và lợi lộc mà y đang có. Ai sẽ là người có thể làm được việc này?

Họ bàn tán du sĩ một hồi và bảo nhau:

- Có nữ du sĩ Tôn-đà-lỵ, cô ấy sẽ làm được việc.

Và khi Tôn-đà-lỵ đến tu viện của họ, chẳng ai nói với cô một lời. Cô hỏi đến hai, ba lần mà họ vẫn lặng thinh. Cô bèn hỏi:

- Thưa các vị, có ai đã gây tổn thương

các vị?

- Chị không thấy Sa-môn Cồ-đàm đã làm thiệt hại chúng ta, tước đoạt mọi lợi lộc, danh tiếng, mà chúng ta có từ trước?

- Con có thể làm gì đây?

- Chị có nhan sắc tuyệt vời, khả ái, hãy làm mất danh dự Sa-môn Cồ-đàm, hãy khiến dân chúng đồn đại không tốt và làm mất thanh danh quyền lợi của ông ấy.

- Được thôi.

Tôn-đà-lỵ chấp nhận.

Sau đó, mỗi buổi chiều, khi dân chúng đi nghe pháp trở về thành, họ lại thấy Tôn- đà-lỵ trang điểm lộng lẫy đi về hướng Kỳ

Viên, với hương hoa, dầu thơm, kem, phấn, long não, trái cây. Và khi họ hỏi:

- Cô đi đâu?

Cô trả lời:

- Đến chỗ ngài Cồ-đàm, tôi có thói quen ở lại một mình trong hương thất suốt đêm.

Và sau đó, cô đến một tu viện ngoại đạo ở lại. Sáng hôm sau, lại ngược đường trở về thành. Nếu có ai hỏi:

- Tôn-đà-lỵ, cô đi đâu thế?

Cô ta trả lời:

- Tôi đã ở lại đêm trong hương thất của Cồ-đàm, chỉ một mình và bây giờ trở về.

Vài ngày sau, nhóm ngoại đạo đưa tiền cho một số du đãng và bảo:

- Hãy giết Tôn-đà-lỵ, rồi ném thi hài cô ta nơi đống rác gần hương thất của Cồ- đàm.

Bọn du đãng làm theo mệnh lệnh. Và các ngoại đạo bắt đầu rêu rao:

- Tôn-đà-lỵ bị mất tích.

Họ tâu sự việc lên nhà vua. Vua hỏi:

- Các người có nghi ngờ ai không?

- Vài ngày trước, cô ta hãy còn ở đêm tại tinh xá Kỳ Viên, từ đó xảy ra chuyện gì, chúng tôi không biết.

- Như thế, hãy đi tìm.

Được lệnh nhà vua, họ tập hợp đồ đệ kéo vào Kỳ Viên lục lọi, và thấy thi hài Tônđà-lỵ nằm ở đống rác trong tinh xá. Họ khiêng tử thi về thành, tâu lên nhà vua:

- Đám đệ tử của Sa-môn Cồ-đàm đã tự nhủ: "Chúng ta sẽ che đậy được việc xấu Thế Tôn đã làm". Do đó họ giết Tôn-đàlỵ và vất thi thể vào đống rác.

Vua phán:

- Hãy báo cho dân chúng biết.

Các ngoại đạo đi rêu rao khắp thành:

- Hãy nhìn xem hành động của đám Sa- môn đệ tử dòng họ Thích.

Với những câu phỉ báng tương tự, họ truyền tín khắp thành, rồi trở về cung

vua. Nhà vua ra lệnh đặt thi hài Tôn-đàlỵ trên đất hỏa thiêu, cắt người canh gác. Phần đông dân cư thành Xá-vệ, trừ các thánh đệ tử, đều la ó:

- Coi kìa, đám đệ tử dòng họ Thích đã làm nên chuyện này.

Trong thành, ngoài thành, trong rừng, trong xóm, họ đều chửi mắng các Sa- môn. Các thầy đến bạch Phật, Phật dạy:

- Các ông chê trách họ làm gì. Ngài nói kệ:

(306) Nói láo, đọa địa ngục, Có làm nói không làm, Cả hai chết đồng đẳng, Làm người, nghiệp hạ liệt.

Nhà vua ngầm cho thám tử điều tra về

cái chết của Tôn-đà-lỵ. Khi ấy, bọn du đãng nhận tiền rồi nhậu nhẹt say sưa, gây gổ. Chúng lảm nhảm với nhau:

- Mầy đã giết Tôn-đà-lỵ, mầy ném xác ả vào đống rác. Mầy được tiền nhiều tha hồ uống. Được lắm! Được lắm!

Thám tử liền trói họ, giải đến trước vua. Vua hỏi:

- Các người giết Tôn-đà-lỵ?

- Tâu vâng.

- Ai mướn các người?

- Các thầy ngoại đạo.

Nhà vua cho đòi các ngoại đạo đến, bắt phải rao lên trong thành như sau:

- Chúng ta giết Tôn-đà-lỵ vì muốn hạ nhục Sa-môn Cồ-đàm. Sa-môn và đệ tử không có lỗi gì.

Họ phải thi hành lệnh trên, đám đông dân chúng ngờ nghệch lại nghe theo. Các ngoại đạo bị trừng phạt nặng nề, và từ đó, danh dự của Phật lại tăng thêm.

2. Con Quỷ Xương Khô

Nhiều người khoác cà sa...

Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Trúc Lâm, liên hệ đến những chúng sanh bị quả báo xấu do ác nghiệp.

Một ngày nọ, khi xuống núi với Trưởng lão Lakkhana, Tôn giả Mục-kiền-liên

nhìn thấy những con quỷ hình thù chỉ có bộ xương khô, Ngài bèn mỉm cười. Khi được hỏi, Tôn giả chỉ bảo:

- Này huynh, chớ hỏi điều ấy ở đây. Khi nào đến trước đức Thế Tôn chúng ta sẽ thảo luận.

Và khi về đến tinh xá, trước đức Phật, Trưởng lão Lakkhana hỏi lại chuyện ấy. Tôn giả Mục-kiền-liên trả lời rằng Ngài thấy những con quỷ xương khô. Ngài còn kể tiếp:

- Khi tôi xuống núi, tôi còn thấy một Sa- môn bay qua toàn thân bốc cháy.

Và còn thêm vài lần, Tôn giả thấy những con quỷ hình dáng Sa-môn với y bát, tất cả đều bốc cháy. Nhân đó, thời Phật dạy các Tỳ-kheo rằng: "Những tu sĩ ấy, thời

Phật Ca-diếp đã xuất gia nhưng không làm tròn bổn phận của mình".

Ngài nhấn mạnh đến quả báo ác nghiệp cho các Tỳ-kheo đáng hiện diện được rõ, và nói kệ:

(307) Nhiều người khoác áo cà sa, Ác hạnh không nhiếp phục. Người ác, do ác hạnh, Phải sanh cõi địa ngục.

3. Xảo Thuật Tìm Thức Ăn

Tốt hơn nuốt hòn sắt...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tinh xá Đại Lâm (Mahàvana) gần thành Tỳ-xá-ly, liên hệ đến các Tỳ-

kheo Vaggumudàtiriya.

Các Tỳ-kheo Vaggumudàtiriya thường khen ngợi lẫn nhau rằng người này chứng quả, người kia chứng quả khi có mặt cư sĩ, để họ dâng cúng thức ăn ngon. Đức Phật biết chuyện, bèn hỏi các thầy:

- Này các ông! Có thật phải là chỉ vì cái bao tử mà các ông ca tụng lẫn nhau trước mặt cư sĩ để họ dâng cúng thức ăn ngon?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Phật bèn quở trách các thầy, và nói kệ:

(308) Tốt hơn nuốt hòn sắt, Cháy đỏ như lửa bừng, Hơn ác giới, buông lung, Ăn đồ ăn quốc độ.

4. Kẻ Đào Hoa

Bốn nạn chờ đợi người ...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến Khema, con trai Trưởng giả, cháu Cấp Cô Độc.

Khema là một chàng trai tuấn tú khôi ngô. Các bà các cô khi gặp mặt chàng đều yêu mến mê mệt. Khema thì lại đeo đuổi vợ người. Một đêm nọ, người của nhà vua bắt chàng ta, giải đến trước mặt vua. Nhà vua cảm thấy ái ngại thay cho danh tiếng của Trưởng giả nên không nói gì, thả chàng ra. Khema vẫn cứ

chứng nào tật nấy.

Lần thứ hai, lần thứ ba, chàng vẫn bị bắt, và nhà vua cũng trả tự do cho. Chuyện đến tai Trưởng giả, ông đem con đến gặp đức Thế Tôn, trình bày câu chuyện và bạch:

- Xin đức Thế Tôn giảng dạy cho nó.

Đức Phật khơi dậy lương tri của Khema và chỉ cho chàng thầy lỗi lầm khi theo đuổi vợ người bằng Pháp Cú:

(309) Bốn nạn chờ đợi người, Phóng dật theo vợ người, Mắc họa, ngủ không yên, Bị chê là thứ ba, Đọa địa ngục, thứ bốn.

(310) Mang họa, đọa ác thú, Bị hoảng sợ,ít vui, Quốc vương

phạt trọng hình, Vậy chớ theo vợ người.

Chuyện quá khứ:

4A. Lời Nguyền Của Khema

Thời đức Phật Ca-diếp, Khema là một tay đô vật quán quân, ngày kia chàng treo hai cây cờ giải thưởng của mình bên ngôi tháp vàng của đức Phật, và nguyện: "Xin cho tất cả mọi phụ nữ, trừ các nữ nhân thân quyến và bà con ruột thịt của tôi, khi nhìn thấy tôi đều say mê". Vì thế, dù tái sanh ở đâu, chàng cũng được tất cả các bà yêu mến.

5. Thầy Sa Môn Tự Phụ

Như cỏ sa vụng nắm...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến một thầy Tỳ-kheo tự phụ.

Chuyện kể rằng, có một vị Tỳ-kheo lỡ tay làm đứt một cọng cỏ. Lương tâm thầy áy náy bèn tìm đến một huynh đệ, thuật lại câu chuyện và hỏi:

- Thưa huynh, Tỳ-kheo làm đứt cỏ, có sao không?

Thầy kia trả lời:

- Đừng quan trọng khi cho rằng làm đứt cỏ cây sẽ bị hậu quả. Chỉ cần xưng tội ra là được khỏi tội thôi.

Nói xong, thầy nhổ luôn một bụi cỏ, vứt

đi. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Phật quở trách thầy Tỳ-kheo tự phụ nặng nề, và nói Pháp Cú:

(311) Như cỏ Sa (Kusa) vụng nắm, Tất bị họa đứt tay. Hạnh Sa-môn tà vạy, Tất bị đọa địa ngục.

(312) Sống phóng đãng buông lung, Theo giới cấm ô nhiễm, Sống Phạm hạnh đáng nghi, Sao chứng được quả lớn.

(313) Cần phải làm, nên làm, Làm cùng tận khả năng. Xuất gia sống phóng đãng, Chỉ tăng loạn bụi đời.

6. Người Vợ Ghen Tuông

Ác hạnh không nên làm...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến một bà vợ ghen.

Một ông chồng dan díu với một nữ tỳ giúp việc nhà. Vợ ông biết được, bèn trói người nữ tỳ, cắt tai, cắt mũi, nhốt vào phòng kín đóng cửa lại. Để che giấu tội ác, bà rủ chồng đi nghe pháp. Hai vợ chồng đến tinh xá, ngồi vào hội chúng. Khi ấy, có vài người bà con bên vợ đến nhà thăm. Họ mở cửa, chứng kiến cảnh tàn nhẫn trong nhà, bèn mở trói cho cô tớ gái. Cô này đến tinh xá, tố cáo mọi việc với Phật và Tăng chúng. Nghe xong, Phật dạy:

- Không nên làm việc ác dù nhỏ, nghĩ

rằng chẳng ai biết. Với việc lành, dù không người biết vẫn nên làm. Hành động ác dù che giấu ân hận về sau. Còn hành động tốt sẽ khiến ta an vui.

Ngài nói kệ:

(314) Ác hạnh, không nên làm, Làm xong chịu khổ lụy, Thiện hạnh, ắt nên làm, Làm xong, không ăn năn.

Cuối bài pháp, hai vợ chồng chứng quả Dự-lưu. Họ trả tự do cho cô tớ gái và hướng dẫn cô theo chánh pháp.

7. Tự Canh Phòng Như Giữ Thành

Như thành ở biên thùy...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan tới một số Tỳ-kheo.

Một số các Tỳ-kheo đến an cư ở một thị trấn biên giới. Tháng đầu trôi qua hết sức an ổn. Nhưng tháng thứ hai, bọn trộm cướp tấn công thị trấn và bắt một số người làm con tin. Từ lúc ấy, mọi người phải bận rộn phòng thủ, chống lại trộm cướp, và không còn thì giờ chăm sóc đến thức ăn vật dụng cho các thầy. Các thầy trải qua những tháng thật bất an.

An cư xong, các thầy trở về tinh xá Kỳ Viên, đảnh lễ Phật, lui ngồi một bên. Đức Phật hỏi thăm thân mật:

- Các ông có được an ổn không?

- Bạch Thế Tôn, tháng đầu thật an ổn. Nhưng những tháng sau trộm cướp

hoành hành, dân chúng chẳng còn thì giờ đâu lo lắng cho chúng con. Thời gian đó thật khốn đốn.

Phật dạy:

- Không sao. Các ông đừng phiền muộn. Không dễ gì lúc nào cũng tìm được nơi an cư hoàn toàn như ý. Nhưng hãy như dân cư phòng thủ trị trấn của họ, mỗi thầy Tỳ-kheo phải tự canh phòng mình.

Ngài nói kệ:

(315) Như thành ở biên thùy, Trong ngoài đều phòng hộ, Cũng vậy, phòng hộ mình, Sát na chớ buông lung, Giây phút qua, sầu muộn, Khi rơi vào địa ngục.

8. Các Đạo Sĩ Lõa Thể

Không đáng hổ lại hổ...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến các đạo sĩ phái Kỳna, lõa hình ngoại đạo Ni-kiền-tử. Một hôm các thầy Tỳ-kheo nhìn thấy các đạo sĩ phái Ni-kiền-tử, đã bàn tán với nhau.

- Này chư huynh, các Ni-kiền-tử này dễ nhìn hơn các đạo sĩ phái Acelaka (Lộgià-na). Mấy ông kia hoàn toàn trần trụi, còn ác Ni-kiền-tử này ít ra cũng có một tí vải che thân, nhìn đỡ xấu hổ.

Các Ni-kiền-tử nghe chuyện đã nói:

- Không phải vì xấu hổ mà chúng tôi che

thân. Chỉ vì bụi đất cũng là những hữu tình chúng sanh có sự sống, vì sợ chúng rơi vào thức ăn mà chúng tôi mang một mảnh vải.

Các thầy Tỳ-kheo, một số đồng ý với lý do trên, số khác không đồng ý, cứ bàn tán mãi. Sau cùng, tất cả đi đến chỗ Phật, thưa ra câu chuyện, Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, người nào hổ thẹn khi không đáng hổ thẹn, và không cảm thấy hổ thẹn khi cần phải hổ thẹn, sẽ chịu khổ về sau.

Ngài nói kệ:

(316) Không đáng hổ, lại hổ, Việc đáng hổ, lại không, Do chấp nhận tà kiến, Chúng sanh đi ác thú.

(317) Không đáng sợ, lại sợ, Đáng sợ, lại thấy không, Do chấp nhận tà kiến, Chúng sanh đi ác thú.

9. Trẻ Con Quy Y Phật

Không lỗi, lại thấy lỗi...

Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến một số cư sĩ ngoại đạo.

Có một đám trẻ chơi chung với nhau, con nhà ngoại đạo và con các Phật tử. Khi các trẻ em ngoại đạo về nhà, cha mẹ chúng cấm không cho chào hỏi các Samôn đệ tử Phật và không được vào tinh xá. Họ bắt chúng phải giữ lời thề. Và sang ngày khác, khi bọn trẻ chơi đùa gần

tinh xá Kỳ Viên, chúng bị khát nước. Các trẻ con ngoại đạo phải nhờ một bạn Phật tử vào tinh xá xin nước uống. Em này vào tinh xá, gặp đức Thế Tôn và kể lại câu chuyện cho Ngài nghe

Phật dạy:

- Uống nước xong, các em ra kêu các bạn vào đây uống.

Tất cả bọn vào gặp Phật. Ngài kể cho các em nghe một câu chuyện dễ hiểu, giảng pháp, khiến các em có niềm tin vững mạnh rồi khiến các em quy y và giữ giới. Các trẻ em ngoại đạo về nhà, kể lại chuyện ba má. Họ giận dữ, khóc lóc rên rỉ:

- Con chúng ta đã theo thầy tà.

Khi ấy, một vài người láng giềng có trí tuệ ở gần đó, sang an ủi họ, giảng giải cho họ nghe. Chừng đó, họ nhận thấy Phật pháp lợi ích bèn quyết định:

- Chúng ta chỉ cho các con đi theo sự hướng dẫn của Ngài Cồ-đàm.

Với bà con dòng họ đông đảo, họ đưa nhau đến tinh xá lễ Phật, nghe pháp. Phật quan sát tâm tư của họ bèn giảng kệ:

(318) Không lỗi, lại thấy lỗi, Có lỗi lại thấy không, Do chấp nhận tà kiến, Chúng sanh đi ác thú.

(319) Có lỗi, biết có lỗi, Không lỗi, biết là không, Do chấp nhận chánh kiến, Chúng sanh

đi cõi lành.

XXIII. Phẩm Voi 1. Phật Bị Lăng Nhục

Ta như voi giữa trận...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở Kỳ Viên, trong trường hợp của chính Ngài.

Trong truyện tích Pháp Cú (179) đã đề cập đến trường hợp Màgandiyà bị Phật từ chối, và cô bị chạm tự ái nặng. Khi trở thành hoàng hậu, nàng quyết tâm trả thù Phật. Nàng tung tiền mướn cư dân thành, bảo họ rằng:

- Khi Sa-môn Cồ-đàm đến đây khất thực, các ngươi hãy tụ tập những người hạ tiện

đi theo chửi mắng ông ta, đuổi ông ta đi.

Khi đức Phật và A-nan đi đến thành, dân cư không tin Tam Bảo đã đi theo Ngài, la hét.

- Ông là kẻ giặc cướp, ngu dốt, khùng, ông là lạc đà, bò, lừa, quỷ ở địa ngục, là súc sanh, không có hy vọng được cứu rồi, ông chỉ có nước chờ bị đọa thôi...

Như vậy, họ dùng mười cách mắng chửi để mắng chửi Phật. Nghe các câu mạ nhục, Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, dân cư nơi này chửi mắng chúng ta, xin hãy đi nơi khác.

- Chúng ta sẽ đi đâu, A-nan?

- Đi đến thành phố khác, bạch Thế Tôn.

- Nếu như dân ở thành phố đó cũng chửi mắng ta?

- Thì chúng ta lại đi đến thành phố khác, bạch Thế Tôn.

- Nếu như đến nơi kia cũng bị mắng chửi?

- Đi đến chỗ khác nữa, bạch Thế Tôn.

- Này A-nan! Chúng ta không nên làm như thế. Bất cứ nơi nào có rắc rối, phiền não nổi lên, chúng ta nên ở lại đó cho đến khi chúng lắng dịu hẳn, và chỉ khi đó chúng ta mới nên đi nơi khác. Nhưng ai đã chửi mắng chúng ta?

- Bạch Thế Tôn, những kẻ hạ tiện, nô tỳ, tất cả đều chửi mắng.

- Này A-nan! Ta như con voi đã ra trận. Và như con voi giữa trận hứng chịu tên bay từ bốn phía, bổn phận ta phải nhẫn nại nghe những lời ác độc thốt ra.

Và Ngài lấy mình làm tiêu đề giảng pháp với các câu:

(320) Ta như voi giữa trận, Hứng chịu cung tên rơi, Chịu đựng mọi phỉ báng, Ác giới rất nhiều người.

(321) Voi luyện, đưa dự hội,
Ngựa luyện, được vua cưỡi,
Người luyện, bậc tối thượng,
Chịu đựng mọi phỉ báng.
(322) Tốt thay, con la thuần, Thuần chủng loài ngựa Sindh

[*] Đại tượng, voi có ngà, Tự điều mới tối thượng.

[*] loài ngựa đẹp ở vùng sông Sindha, Ấn Độ

Nghe xong, quần chúng ở hai bên đường, ở ngã ba, ngã tư, những kẻ ăn tiền chửi mướn Phật đều chứng từ Sơ quả đến Tam quả.

2. Thầy Sa Môn Luyện Voi

Chẳng phải loài cưỡi ấy...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến một Tỳ-kheo từng là quản tượng.

Một ngày nọ, một vị Tỳ-kheo trước kia từng là quản tượng, đứng bên bờ sông Acirvatì thấy một người quản tượng đang cố gắng huấn luyện một con voi. Thấy người ấy không đạt kết quả, thầy muốn mách nước, bèn nói với các thầy Tỳ-kheo đứng gần:

- Nếu đánh con voi ở chỗ này, chỗ này... nó sẽ nghe lời ngay thôi.

Người quản tượng nghe được, làm theo lời, và chẳng bao lâu con voi tuân theo ý ông...

Các Tỳ-kheo bạch Phật câu chuyện. Phật cho gọi thầy Tỳ-kheo ấy lên hỏi:

- Có phải thật ông nói như thế?

- Bạch Thế Tôn, vâng!

Phật quở:

- Ngươi vô tích sự, ngươi thi thố tài nghệ với người luyện voi, luyện thú để làm gì? Không phải leo lên lưng những con thú đó là có thể đi đến nơi muốn đến mà chưa đến được. Chỉ có trong sự tự huấn luyện bản thân mới có thể đến được nơi khó đến. Từ đây ngươi hãy tự điều phục chính mình, đừng làm trò huấn luyện thú như thế nữa:

Ngài nói kệ:

(323) Chẳng phải loài cưỡi ấy, Đưa người đến Niết-bàn, Chỉ có người tự điều, Đến đích, nhờ điều phục.

3. Lão Bà La Môn Và Các Con

Con voi tên Tài Hộ...

Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở Xá-vệ, trong trường hợp một Bà-la-môn già bị các con hất hủi.

Tại thành Xá-vệ, một Bà-là-môn có bốn người con trai và gia tài tám trăm ngàn đồng tiền vàng. Khi các con đến tuổi trưởng thành, ông cưới vợ cho chúng và cho mỗi đứa một trăm ngàn tiền vàng. Sau đó, vợ ông chết, các người con họp nhau lại bàn tán:

- Nếu cha ta cưới vợ khác, gia tài sẽ bị chia cho mấy đứa con sau và không còn gì cả. Chi bằng chúng ta săn sóc ông già để hưởng gia tài của ông.

Chúng bu quanh hầu hạ ông chu đáo, lo thức ăn ngon, quần áo đẹp, tắm rửa cho ông, mọi bổn phận đều làm tròn.

Một ngày nọ, chúng đến hầu thấy ông vẫn còn ngủ. Ngay khi ông thức giấc, chúng rửa tay chân cho ông, và nói về sự bất lợi của một gia đình chia hai dòng con. Chúng hứa:

- Chúng con sẽ săn sóc cha cho tới khi cha chết, cha hãy chia cho chúng con số tiền còn lại.

Ông già chiều theo lời yêu cầu, chia luôn bốn trăm ngàn tiền còn lại làm bốn phần, cho mỗi đứa một phần, riêng ông chẳng còn gì, ngoài bộ quần áo dính da.

Vài ngày đầu, đứa con trưởng hầu hạ ông. Một hôm, khi ông đến nhà người

này như thường lệ, mụ con dâu đứng ở cửa vừa gặp ông liền nói:

- Ông có cho thêm con trai ông một trăm hay một ngàn đồng không? Rõ ràng ông cho mỗi con trai ông hai trăm ngàn đồng mà. Ông không biết đường đi tới nhà mấy ông con

kia à?

Ông Bà-la-môn giận dữ, mắng:

- Im đi, con đàn bà đê tiện.

Ông đến nhà đứa con thứ hai. Nhưng chỉ vài hôm, ông lại bị đuổi ra khỏi nhà theo cách của đứa thứ nhất, và cảnh ấy cũng diễn ra ở tại nhà đứa út. Rốt cuộc ông không có nhà để nương thân.

Do đó, ông từ bỏ đời thế gian, đi tu theo giáo đoàn Pandaranga, xin ăn từ nhà này

sang nhà khác. Theo thời gian, ông trở nên gầy ốm vì tuổi già, thân thể suy sụp vì thức ăn tồi tệ và chỗ ngủ không đủ ấm. Một ngày nọ, sau khi đi xin ăn về, ông nằm dài tại chỗ và ngủ thiếp đi. Mở mắt ra ông mệt mỏi nhìn quanh chẳng thấy có đứa con nào để nhờ cậy. Ông nghĩ thầm: "Họ nói rằng Sa-môn Cồ-đàm có một dáng dấp từ hòa, vẻ mặt chân thật cởi mở, rằng thái độ của Ngài hoan hỷ, rằng Ngài tiếp khách lạ với tất cả vẻ thân thiện. Có lẽ ta nên đến với Sa-môn Cồđàm, để được tiếp đãi ấm áp".

Ông khoác áo, ôm bát, chống gậy đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi ông ngồi qua một bên thật cung kính. Đức Thế Tôn chào đón ông vui vẻ và hỏi:

- Này Bà-la-môn, vì sao ông đến nơi này với vẻ tiều tụy, áo rách tả tơi thế kia?

- Thưa Cồ-đàm, tôi có bốn đứa con trai, nhưng chúng bị mê hoặc bởi mấy con vợ, rồi đuổi tôi ra khỏi nhà.

- Được rồi, ông hãy học thuộc bài kệ này. Và khi mọi người và các con ông đến nhà họp, ông đọc lên trước chúng.

Ngài dạy:

Chúng là những đứa con khi sanh ra tôi vui mừng, mong mỏi. Vậy mà chúng nghe lời vợ xúi giục, đuổi tôi như xua chó. Chúng gọi tôi "Cha thân yêu!..." thật ác độc và rỗng tuếch. Quỷ đội lốt con trai, chúng bỏ rơi tôi khi tuổi già, như bỏ đói con ngựa già vô dụng. Làm cha một lũ ngu, phải xin ăn lang thang từng

nhà. Một cây gậy còn tốt hơn lũ con bất hiếu. Gậy còn đuổi được bò rừng chó dữ. Gậy dẫn đường trong đêm tối, đỡ chân qua vũng nước bùn lầy. Ông Bàla-môn học thuộc lòng bài dạy trên.

Một ngày nọ, dòng Bà-la-môn họp mặt, các con trai ông cũng đến họp. Chúng ăn mặc sang trọng, trang sức quí giá và ngồi vào chỗ danh dự giữa những người Bàla-môn. Ông già nhủ thầm: "Đây là cơ hội tốt cho ta". Ông đi vào phòng họp, giữa mọi người ông đưa tay lên nói:

- Tôi muốn đọc một bài thơ, xin các ngài hãy nghe cho.

- Ông đọc đi, chúng tôi nghe.

Ông đứng giữa hội chúng, đọc lên bài kệ đức Phật dạy.

Luật pháp thời ấy ấn định rằng: "Nếu người nào hưởng gia tài của cha mẹ, mà không nuôi dưỡng cha mẹ, sẽ bị tử hình". Các con ông đã hoảng sợ, quỳ xuống dưới chân ông van xin:

- Cha ơi! Xin cứu chúng con.

Trái tim người cha mềm yếu, ông bèn bảo lãnh cho chúng.

- Xin các vị đừng xử tội chúng. Chúng sẽ nuôi nấng tôi.

Hội chúng hăm đám con ông:

- Từ nay, nếu các anh không săn sóc ông cụ tử tế, chúng tôi sẽ đưa ra pháp luật

đấy.

Bốn người con trai hoảng sợ, vội khiêng ông cụ về nhà, tắm rửa kỳ cọ, xoa dầu, bôi kem, ướp phấn... cho ông cụ, rồi gọi vợ đến bảo:

- Từ nay bổn phận của các bà phải săn sóc cha cho chu đáo. Nếu thiếu sót coi chừng ăn đòn.

Chúng dọn thức ăn thượng vị cho ông.

Từ đó được bồi dưỡng, nghỉ ngơi êm ấm tiện nghi, ông cụ phục hồi sức khỏe, thân thể tươi tốt. Ông tự nhủ: "Ta được như vầy là nhờ Sa-môn Cồ-đàm". Ông bèn chọn một cặp vải tốt, đi đến chỗ đức Phật, chào Ngài và lui ngồi một bên, đặt vải dưới chân Phật, thưa:

- Kính bạch Cồ-đàm, dòng Bà-la-môn chúng tôi mong ước rằng một vị thầy nhận lễ vật, xin đức Cồ-đàm tôn kính là thầy của tôi, nhận lễ vật này.

Phật nhận xấp vải, và giảng pháp cho ông cụ nghe. Nghe xong, ông quy y Phật và thưa:

- Bạch Cồ-đàm, các con tôi thường cung cấp cho tôi một ngày bốn bữa ăn, tôi xin cúng dường Ngài hai bữa.

- Rất tốt đó ông lão, nhưng chúng ta chỉ đi đến nhà nào được chọn.

Ông cụ về nhà bảo các con:

- Này các con, Sa-môn Cồ-đàm là bạn của ta, ta dâng Ngài hai bữa ăn. Khi Ngài đến hãy tiếp đãi đừng thiếu sót.

Các con đều hứa nghe lời. Ngày hôm sau, đức Phật đi khất thực, Ngài đứng trước cửa nhà của người con trưởng. Người này vội đỡ lấy bình bát của Ngài, mời vào nhà, soạn ghế nệm gấm thỉnh Phật ngồi, và cúng dường thức ăn thượng vị. Những ngày sau, đức Thế Tôn đến các người con kế, họ đều tiếp đón Ngài nồng hậu.

Ngày nọ sắp đến lễ hội, người con trưởng hỏi ông:

- Thưa cha, ai là ân nhân danh dự của chúng ta?

- Chỉ có Sa-môn Cồ-đàm thôi, không ai khác.

- Như thế, ngày mai xin mời Ngài và năm trăm vị Sa-môn.

Ông cụ thỉnh Phật và năm trăm Tăng chúng. Ngày hôm sau, Phật cùng chúng Tăng đến nhà ông. Ngôi nhà trang hoàng theo nghi thức lễ hội, ông Bà-la-môn dọn chỗ ngồi cho Phật và chúng Tăng, dâng cúng các thức ăn thượng vị loại cứng, loại mềm. Bốn người con ngồi trước Phật, bạch rằng:

- Thưa Ngài Cồ-đàm, chúng tôi săn sóc ông già chu đáo, không dám lơ là. Ngài hãy nhìn ông cụ xem.

Phật dạy:

- Các ngươi làm như thế tốt lắm. Người khôn ngoan bao giờ cũng nuôi dưỡng cha mẹ chu đáo.

Ngài nói kệ:

(324) Con voi tên Tài Hộ, Phát dục, khó điều phục, Trói buộc không ăn uống, Voi nhớ đến rừng voi.

Đức Phật kể chuyện con voi Tài Hộ (Dhanapàla) dù được vua săn sóc, cho ăn ngon, ở nơi đẹp, vẫn nhớ mẹ nơi rừng voi. Không chịu ăn uống vì nghĩ đến bổn phận làm con đối với cha mẹ. Nghe xong, mấy người con đều rơi lệ. Đức Phật biết rằng họ đã thấm nhuần bèn giảng pháp. Cuối cùng, cả ông cụ, các con trai, con dâu, đều chứng Sơ quả.

4. An Uống Điều Độ

Người ưa ngủ, ăn lớn...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến vua Ba-tư-nặc.

Có một lúc, vua Ba-tư-nặc thường ăn rất nhiều cơm nấu với cà ri, nước sốt gia vị. Ngày kia, sau bữa điểm tâm dồi dào quá độ, cơ thể và tâm tư ngầy ngật, nhà vua đến chỗ Phật, đi tới đi lui trước mặt Ngài với vẻ thật mệt mỏi. Nhà vua chỉ muốn nằm lăn ra ngủ mà không được nên đến ngồi xuống một bên Phật. Đức Phật thấy thế bèn hỏi:

- Đại vương, trước khi đến đây Ngài chưa được ngủ nghĩ chăng?

- Bạch Thế Tôn, không phải. Con luôn khó chịu sau khi ăn no.

- Này Đại vương! Ăn uống vô độ thường đưa đến sự mệt mỏi.

Ngài nói kệ:

(325) Người ưa ngủ, ăn lớn, Nằm lăn lóc qua lại, Chẳng khác heo no bụng, Kẻ ngu nhập thai mãi.

Muốn giúp nhà vua, Phật dạy thêm:

Người khôn ăn uống vừa chừng Thân tâm nhẹ nhỏm, lâu già, sống vui.

Phật bảo hoàng tử Uttara (Uất-đà):

- Con hãy học thuộc bài kệ này, và mỗi khi nhà vua ngự yến, con đọc lên theo cách sau và nhà vua sẽ tự ngừng.

Xong, đức Phật bày cho hoàng tử cách làm. Hoàng tử tuân theo lời Phật dạy. Và

sau một thời gian nhà vua ăn uống nhỏ nhẹ, giảm bớt trọng lượng và trở nên dễ chịu. Nhà vua thường xuyên đến thăm Phật, tổ chức lễ hội dâng cúng phẩm vật tối thắng trong bảy ngày. Khi đức Thế Tôn nói lên lời hồi hướng, cả hội chúng triều đình đều được ích lợi lớn.

5. Chú Tiểu Và Dạ Xoa

Trước tâm này buông lung...

Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan tới chú tiểu Sànu.

Sànu là con trai duy nhất của một gia đình mộ đạo, chú được nhận vào Tăng đoàn khi còn rất bé. Hồi ấy chú rất nhiệt tâm và đạo

hạnh. Chú làm tròn bổn phận một cách trung hậu với thầy Tế độ, với Giáo thọ và các khách tăng. Mỗi tháng, vào ngày mùng 8, chú dậy sớm, xách nước đổ đầy các chum vại, quét dọn giảng đường, lau chùi bàn ghế, thắp đèn, và dùng tiếng trong thanh kêu gọi thiện tín đến nghe pháp.

Các thầy Tỳ-kheo thấy chú ngoan ngoãn và cần mẫn, lại thích thú giọng chú đọc tụng kinh nên thường yêu cầu chú tụng đọc. Chú không bao giờ từ chối, nói rằng: "Con mệt tim..." hay "Con nhức mình..." hay tỏ ra miễn cưỡng tuân lời. Chú ngồi trên ghế, cao tiếng tụng đọc như dòng hải triều tuôn từ cõi chư thiên. Mỗi khi tụng đọc xong, chú tụt xuốnng

ghế và hồi hướng: "Tất cả phước báo do việc tụng đọc kinh này, xin hồi hướng cho cha mẹ tôi".

Song thân hiện tại chú không biết gì về sự hồi hướng ấy, nhưng bà mẹ kiếp trước của chú, tái sanh làm quỷ Dạ-xoa. Bà thường cùng đến nghe kinh với các vị thần. Và bà nói: "Con yêu quí, ta cảm tạ sự hồi hướng của con". Thường có câu: "Một vị Sa-môn giữ giới trong sạch được trời và người quý mến". Vì thế, chư thiên kính trọng chú Sa-di, xem ngang bằng trời Đại Phạm, hoặc như ngọn đuốc sáng. Cũng thế, họ tôn kính và ca ngợi bà Dạxoa, mẹ kiếp trước của chú. Khi các Dạxoa hợp đến nghe kinh, bà được ngồi ghế thứ nhất, uống nước trước nhất, có thức ăn trước nhất. Ngay cả các Dạ-xoa đầy uy lực, cũng nhường bước và nhường chỗ ngồi cho bà.

Khi Sànu đến tuổi trưởng thành, tâm sinh lý chú phát tiển, chú trở nên lười chán. Và không tự thắng được chính mình, ngày kia, chú không nói với ai, để râu tóc mọc dài, y áo nhớp nhúa, chú mang y bát trở về nhà. Bà nữ thí chủ thấy con trở về, bà chào chú:

- Ủa này con, lúc trước con thường về nhà với thầy con hoặc một sư huynh hay vài Sa-di nhỏ, sao hôm nay con về một mình?

Chú bày tỏ với mẹ nỗi khổ về sự bất mãn của mình. Nữ cư sĩ là người mộ đạo, giảng giải cho chú những bất lợi của cuộc sống thế tục, nhưng chú không nghe. Rốt cuộc, mẹ chú nghĩ thầm: "Có lẽ không cần sự khuyên bảo của ta, chú ấy sẽ nghĩ lại". Bà nói:

- Thôi con ngồi đây, đợi mẹ làm cơm cho con ăn. Ăn xong, mẹ đem áo quần tốt ra cho con mặc.

Bà lo sắp chỗ ngồi, đem bánh trái ra thết đãi chú, và dọn bánh xèo, rồi mới lo nấu cơm. Bà ngồi vo gạo cách đấy không xa.

Lúc ấy, bà Dạ-xoa tự hỏi: "Chú Sa-di đi đâu? Chú có khất thực được không?". Bà quan sát thấy chú muốn hoàn tục, đang trở về ngồi tại nhà mẹ ruột.

Bà nghĩ: "Nếu ta khuất phục được chú Sa-di, ta sẽ được chư thiên kính trọng. Ta sẽ ngăn cản chú ấy". Lập tức bà nhập vào chú, khống chế tay chân, vặn cổ chú và xô té xuống đất, chú Sa-di mắt trợn ngược, sùi bọt mép, giãy giụa. Bà mẹ đang vo gạo, thấy thế vội ẵm chú lên, mọi người chung quanh chạy đến, mang

đồ cấp cứu.

Bà mẹ khóc, đọc bài kệ:

Tôi nghe chư A-la-hán Dạy:
"Người mỗi nửa tháng Giữ giới
Bát quan trai Và giới bố-tát ngày Mồng tám, rằm, mười bốn Giữ phạm hạnh như thế
Dạ xoa không xâm hại" Nhưng hôm nay tôi lại Thấy họ phá
Sànu.
Quỷ Dạ xoa nghe bà đọc bài kệ, bèn đáp:

Chư A-la-hán nói trúng Ai cứ mỗi nửa tháng Giữ giới Bát quan trai Và giới Bố-tát ngày Mồng tám, rằm, mười bốn Giữ phạm hạnh như thế Dạ xoa

không xâm hại.

Rồi Dạ xoa đọc kệ khuyên Sànu:

Sànu, Hãy nghe Dạ xoa nói Đừng xa Phật, làm ác Lén lút hay công khai. Nếu làm ác đời nay Hoặc sau này, ngươi sẽ Chẳng bao giờ thoát khổ Dù có cánh để bay Lên trời tìm đường ẩn.

Nói xong, quỷ xuất ra. Sànu mở mắt, thấy mẹ mình tóc tai rối bù, khóc than kể lể, mọi người chung quanh. Không biết mình mới bị quỷ nhập, chú hỏi:

- Vừa mới đây con còn ngồi trên ghế, mẹ vo gạo gần con. Sao bây giờ con lại nằm dưới đất?

Và chú nói tiếp:

Người ta khóc kẻ chế Hoặc người đi không về Con ngồi đây sao mẹ Lại khóc con tỉ tê?

Bà mẹ muốn chỉ rõ cho chú thấy hậu quả xấu của việc đã xuất gia từ bỏ mọi thú vui thế gian, mọi lạc thú nhục dục, lại muốn hoàn tục. Bà đáp:

Con à, người ta khóc Người chết, hoặc người đi Đi mãi chẳng trở về. Họ cũng khóc nữa khi Người tu lại ra đời Những người như thế ấy Sống chết đâu khác gì.

Bà tiếp tục so sánh đời sống thế tục như lò than, như hỏa ngục, nhấn mạnh sự

nguy hại của đời sống tại gia.

Than hừng cả hai bên. Con có muốn ngã nào? Địa ngục từ bốn phía, Con có muốn rơi vào?

Bà nói thêm:

- Con ơi! Cầu con được may mắn! Con đã được mẹ cứu như giựt củi khỏi đống lửa, con đã từ bỏ thế gian đi theo Phật nay lại muốn trở lui thiêu đốt trong nhà thế gian. Con hãy mau ra khỏi và che chở cho chúng ta!

Nói xong, bà tự nhủ: "Không có cách nào để ta đánh thức sự chán ghét, ghê tởm của chú hơn nữa sao?"

Để chú rõ thêm, bà đọc kệ:

Hãy tinh tấn con ơi! Cầu con đi đường may Bằng cách nào mẹ khiến Con gớm đời được đây? Đã giựt ra khỏi lửa, Con là thanh củi say, Muốn cháy thiêu lần nữa, Làm sao, làm sao đây?

Chú Sànu nghe mẹ nói xong, tri giác tự tỉnh và nói:

- Con không hoàn tục.

- Tốt lắm! Con yêu quý!

Bà mẹ rất hoan hỷ, bà dọn đủ món ngon cho chú. Ăn xong, bà hỏi tuổi chú và được biết chú đủ tuổi để thọ Tỳ-kheo chánh thức gia nhập Tăng đoàn, bà cúng dường chú ba y. Với y và bát đầy đủ, chú được chính thức là vị Tỳ-kheo của Tăng

đoàn.

Đức Thế Tôn, ngay lúc ấy đã khuyên chú nên kiểm soát tư tưởng:

- Nếu một người để tư tưởng mình rong ruổi xa xôi, lâu dài, suy nghĩ đủ mọi chuyện mà không cố gắng kiểm soát, người ấy không thể đạt được Giải Thoát. Vì thế phải nỗ lực kiểm soát tư tưởng, như người nài voi kiềm thúc con voi trong thời phát dục bằng móc sắt.

Ngài nói kệ:

(326) Trước tâm này buông lung, Chạy theo ái, dục, lạc, Nay ta chánh chế ngự, Như cầm móc điều voi.

Nghe xong, chư thiên cùng đến nghe

pháp với Sànu, đã chứng Pháp nhãn. Sau này, Thượng toạ Sànu thông suốt Tam tạng, Ngài trở nên một vị giảng sư uyên bác, sống một trăm hai chục tuổi, giáo hóa toàn cõi Diêm-phù-đề, và sau cùng nhập Niết-bàn.

6. Con Voi Sa Lầy

Hãy vui không phóng dật...

Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến voi Pàveyyaka.

Vua Ba-tư-nặc có một con voi tên Pàveyyaka. Khi còn nhỏ nó rất mạnh, nhưng trở về già sức lực yếu đi. Một ngày nọ, nó lội ngang các hồ lớn, bị lún chân xuống bùn không bước được. Dân

chúng kháo nhau:

- Xem kìa! Con voi hồi nhỏ mạnh như thế, bây giờ yếu như thế.

Nhà vua nghe tin, lập tức ra lệnh cho người quản tượng:

- Hãy kéo con voi ra khỏi đám bùn,

Người quản tượng đi đến bờ hồ, giả cách để cho voi thấy như mình sắp ra trận, đầu đội mũ sắt, trống đánh vang lừng.

Kiêu khí của con voi trỗi dậy. Nó đứng lên mau mắn, và rút chân ra khỏi sình, bước liền lên đất khô. Các vị Tỳ-kheo chứng kiến sự việc, về bạch Phật, Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, con voi đã tự kéo

mình ra khỏi sình lầy. Nhưng các ông bị đắm nhiễm trong bãi lầy dục vọng, hãy cố gắng với tất cả sức lực của mình để thoát ra.

Ngài nói kệ:

(327) Hãy vui không phóng dật, Khéo phòng hộ tâm ý, Kéo mình khỏi ác đạo, Như voi bị sa lầy.

7. Voi Làm Thị Giả Phật

Nếu được bạn hiền trí...

Câu chuyện xảy ra khi Phật ở trong một khu rừng với voi Pàveyyaka, liên quan đến một nhóm Tỳ-kheo.

Khi Phật ở Kosambi, các thầy Tỳ-kheo ở đấy đã chia phe tranh cãi nhau không dứt. Phật dạy bảo cũng không ai nghe, Ngài bèn vào rừng nhập hạ một mình. Ở đấy, một con voi chúa đã hầu hạ Ngài chu đáo. Điều này mọi người tăng tục đều hay tin. Nơi thành Xá-vệ, ông Cấp Cô Độc, bà Tỳ-xá-khư, các nhà đại phú hộ khác đến thỉnh cầuTôn giả A-nan:

- Bạch Tôn giả, xin cho chúng con được gặp Phật.

Và năm trăm thầy Tỳ-kheo ở xứ khác, sau khi an cư, đã đến thỉnh cầu A-nan:

- Thưa Tôn giả, đã lâu chúng tôi không được nghe pháp âm của đức Thế Tôn. Xin Tôn giả vui lòng cho chúng tôi được gặp Thế Tôn và nghe Ngài giảng pháp.

Tôn giả A-nan liền dắt năm trăm Tỳkheo đi đến khu rừng nơi Phật ở. Đến cửa rừng, Ngài nghĩ thầm: "Đức Như Lai đã sống cô tịch trong ba tháng. Bây giờ thật không thích hợp, nếu ta đột ngột mang hết mấy trăm người này cùng vào với ta". Nghĩ thế, ngài bèn đi một mình đến chỗ Phật. Khi voi chúa Pàveyyaka thấy Tôn giả, bèn tung vòi tiến tới. Đức Phật bảo:

- Hãy lui, Pàveyyaka, đừng xua đuổi người ấy. Đó là thị giả của Như Lai.

Voi chúa bèn cuốn vòi lại, và ngỏ ý muốn đỡ y bát của Tôn giả, nhưng Ngài từ chối. Voi nghĩ: "Nếu người biết lễ phép, sẽ không đặt vật dụng của mình lên phiến đá của Như Lai ngồi". Tôn giả đặt y bát của mình xuống đất (Theo lễ nghi không được để vật dụng của mình nơi

giường hoặc ghế của thầy). Sau khi lễ Phật, Tôn giả lui ngồi một bên. Phật hỏi:

- Ông đến một mình?

A-nan thưa rằng mình đến với năm trăm Tỳ-kheo.

- Họ ở đâu?

- Con không biết ý của Thế Tôn nên để họ ở ngoài rừng.

- Hãy gọi họ vào.

Tôn giả trở ra gọi năm trăm Tỳ-kheo vào. Thế Tôn hoan hỷ tiếp đón các thầy. Và các Tỳ-kheo đã bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, Ngài là một vị Phật tôn quý, một ông hoàng quý phái. Vậy mà

Ngài phải ở một mình ba tháng tại nơi này, thật vất vả khi đứng, khi ngồi. Không có ai giúp đỡ Ngài trong các việc quan trọng cũng như lặt vặt, chẳng ai múc nước cho Ngài súc miệng...

Phật trả lời:

- Này các Tỳ-kheo, voi chúa Pàveyyaka đã làm giúp ta tất cả mọi việc. Được một người bạn như thế, sống độc cư cũng tốt. Và nếu không có bạn như thế, tốt hơn là nên sống một mình.

Ngài nói kệ:

(328) Nếu được bạn hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,
Nhiếp phục mọi hiểm nguy,
Hoan hỷ sống chánh niệm.
(329) Không gặp bạn hiền trí, Đáng sống chung, hạnh lành, Như vua bỏ nước bại, Hãy sống riêng cô độc, Như voi sống rừng voi.

(330) Tốt hơn sống một mình, Không người ngu kết bạn, Độc thân, không ác hạnh, Sống vô tư vô lự, Như voi sống rừng voi.

8. Ma Vương CámDỗ Phật

Vui thay, bạn lúc cần! ...

Khi đức Bồ-tát còn ở trong thời kỳ tu ẩn dật ở trong dãy núi Tuyết (Himàlaya),

chế độ cai trị của các quốc vương khắc nghiệt. Và đức Thế Tôn trông thấy dân chúng bị nhiều hình phạt độc ác, Ngài động lòng thương xót. Ngài tự nhủ: "Tại sao không thực hành một chế độ công bình, chính trực, không có giết chóc, chinh phạt và đau khổ".

Khi ấy Ma vương bắt gặp tư tưởng trên thoáng qua trong đầu đức Phật, hắn nghĩ: "Sa-môn Cồ-đàm vừa nghĩ đến việc cai trị. Có lẽ bây giờ ông ấy muốn làm vua, đó là một dịp cho ông ấy tán tâm. Nếu ông ấy ra nắm quyền cai trị, ta có thể cám dỗ ông ấy. ta sẽ đến để gợi lòng tham ấy."

Ma vương đến chỗ Phật và bảo:

- Thưa Ngài, hãy để đức Thế Tôn cai trị, hãy để bậc Tối Thắng cai trị, sẽ không có

giết chóc, chinh phạt và khổ đau, mà chỉ có công bằng và chính trực.

- Này Ma vương! Ông thấy ta thế nào mà nói như vậy?

- Thưa Ngài, một vị Phật có thể thi triển bốn phép mầu. Chỉ cần Ngài ra lệnh: "Ngọn núi Himàlaya hãy biến thành vàng", lập tức nó sẽ biến thành vàng. Tôi cũng sẽ lấy tài lực này để thực hiện tất cả những việc có thể thực hiện bằng tài lực. Như thế, Ngài sẽ cai trị công bằng chánh trực.

Phật bảo:

Lòng tham người không thỏa Dù có núi tử kim Biết vậy, người khôn tìm Đường thẳng ngay tiến bước. Người đã sớm vẽ trước

Người nhân của khổ đau, Đâu có thể nào giao Đời mình cho lạc thú? Hãy để người đã thấu Nhân sanh tử luân hồi Tự tu tập điều phục "Lưỡi ái" buộc bao đời

Phật cảnh cáo Ma vương:

- Này Ma vương, ta khuyên ông một lần nữa, Ta không giống ông. Đó là điều Ta muốn nói.

Ngài nói kệ:

(331) Vui thay, bạn lúc cần! Vui thay, sống biết đủ! Vui thay, chết có đức! Vui thay, mọi khổ đoạn!

(332) Vui thay, hiếu kính mẹ! Vui thay, hiếu kính cha! Vui thay, kính Sa-môn! Vui thay, kính Hiền Thánh!

(333) Vui thay, già có giới! Vui thay, tín an trú! Vui thay, được trú tuệ! Vui thay, ác không làm!

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.